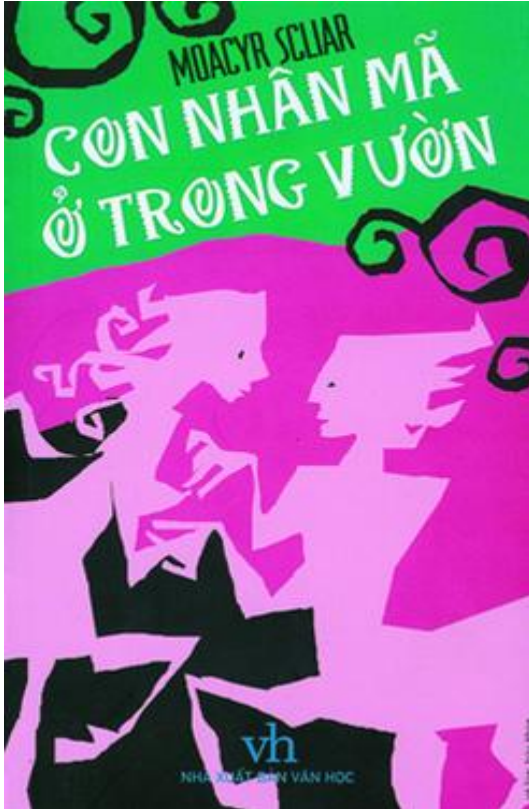


Moacyr Scliar

Con nhân mã ở trong vườn



LỜI GIỚI THIỆU

"Con Nhân mã trong vườn" trước hết là một câu chuyện rất hấp dẫn, lời kể chuyện giản dị, tình tiết lạ lùng, bất ngờ, và đọc xong rất sáng khoái. Ai đọc tiểu thuyết cũng cần được giải trí như vậy đã. Thứ đến, sau khi đã gập sách lại, đặt nó lên giá, bạn mới bắt đầu thấy vấn vương, mỗi lúc mỗi sâu xa, với những ý tưởng và cảm xúc mà câu chuyện ấy đã mang đến cho mình. Và đó mới thật là phẩm chất giải trí sâu xa của "Con Nhân mã ở trong vườn". Chủ đề của cuốn sách chính là câu chuyện muôn thừa về mối mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội, giữa bản ngã cá thể và luật chơi bầy đoàn. Cuốn sách này đã

được 48 dịch giả ở 48 nước khác nhau dịch ra tiếng của mình cho đồng bào của họ thưởng thức. Và Trịnh Lữ là người thứ 49, Việt Nam là nước thứ 49. Trong cuốn "Cuộc đời của Pi" (một cuốn sách thu hút đông đảo bạn đọc Việt Nam), tác giả Yann Martel viết: "Còn về cái tia lửa thổi được sự sống vào cuốn tiểu thuyết, tôi xin mắc nợ ông Moacyr Scliar". Dịch giả Trịnh Lữ liền tìm đọc một số tiểu thuyết của ông Scliar, và lập tức mong muốn bạn đọc Việt Nam cũng được thưởng thức tác giả này.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

SAO PAOLO

**QUÁN LẠC VIÊN, MỘT QUÁN ĂN TUNISIA
NGÀY 21 THÁNG 9, 1973**

Bây giờ ko còn phi nước đại nữa. Bây giờ, mọi thứ đã ổn cả rồi. Bây giờ chúng tôi cũng hết như mọi người; ko còn làm ai phải để ý đến mình nữa. Cái thời chúng tôi bị coi là kỳ quặc đã qua rồi, tại sao chúng tôi ko bao giờ ra bãi biển, và tại sao vợ tôi, Tita, lúc nào cũng mặc quần dài? Chúng tôi mà lạ ư? Làm gì có chuyện ấy. Tuần trước, Peri, thầy phù thủy người Indian, đến thăm Tita, và anh ấy mới là người kỳ quặc, một thân hình bé tí gầy gò với một bộ râu cằm lưa thưa, đầy những hoa tai và vòng cổ, tay cầm gậy và nói một thứ tiếng nghe rất tức cười. Việc một anh chàng bộ dạng lạ lùng như vậy đến thăm chúng tôi có vẻ ko bình thường; nhưng biết làm thế nào, ai chả có quyền rung chuông gọi cửa. Hơn nữa, anh chàng mới là kẻ ăn mặc lạ đời chứ đâu phải chúng tôi. Chúng tôi ấy à, ko đâu, bộ dạng chúng

tôi tuyệt đối bình thường.

Chúng tôi đang ở đây cùng con cái, bạn bè, và con cái của bạn bè, cùng nhau ăn tối trong cái nhà hàng Tunisia này. Đạo trước chúng tôi đến đây thường xuyên hơn. Từ ngày Tita và tôi dọn về Porto Alegre thì những bữa ăn tối như thế này hiếm hoi hơn, nhưng vẫn là dịp tốt để nhóm bạn cũ gặp gỡ nhau. Thực ra hôm nay chúng tôi có một lý do đặc biệt để ăn mừng, đó là sinh nhật tôi. Ba mươi tám tuổi. Ba mươi tám, cỡ nòng của khẩu súng lục vẫn được các nhân viên an ninh trong khu biệt thự của chúng tôi sử dụng, nếu tôi nhớ ko lầm. Một cái tuổi tuyệt vời. Tuổi trưởng thành, mà cũng là tuổi cường tráng, hiểu đời, cái tuổi biết đánh giá đúng những gì tốt đẹp, ví dụ như các món ăn tuyệt hảo ở đây trong quán Lạc Viên này, một nơi mà chúng tôi thú vị cảm thấy như ở nhà vậy. Đúng là chỉ một phút trước tôi đã có một cảm giác khó chịu khi liếc nhìn anh bồi bàn người Arab. Anh ta làm tôi nhớ lại chuyến đi đầu tiên của chúng tôi sang Morocco, cái mùi lộn mửa trên tàu thủy. Tôi đã rất khó chịu, thực sự đã rùng hết cả mình. Paulo, ngồi cạnh tôi bên chiếc bàn dài, đã thấy điều đó. Sao thế Guedali, mặt cậu tái mét đi thế ! Có gì đâu, tôi nói, tớ chỉ hơi đau bụng một tí, nhưng hết rồi, tớ ko sao mà. Paulo liền nhân dịp hỏi xem dạo này tôi có còn tập thể dục nữa ko, có còn chạy như thời chúng tôi còn hay chạy với nhau nữa ko. Tớ thường đi xem đá bóng với các con, chúng nó đều là cổ động viên cho đội Quốc tế của Porto Alegre, nhưng chỉ vậy thôi, chứ ko có tập tành gì khác. Á à..., Paulo đắc thắng, thảo nào mà cậu bắt đầu béo bụng rồi kìa, hèn gì mà ko đau. Nhìn tớ đây này, Guedali, tớ vẫn đâu vào đấy nhá. Tớ vẫn chạy, tớ nào cũng vậy, rất đều. Cậu ko nên bỏ tập, Guedali à. Chạy đi, anh bạn ạ. Cố gắng một chút. Không phải vì tuân thủ phương pháp đâu, mà để cho nó có thách thức, cậu hiểu ko. Đời mà ko có thách thức thì chẳng đáng sống nữa. Hãy nghe lời thằng bạn già Paulo này một cái xem nào.

Paulo nói đúng. Tôi nên chạy thường xuyên. Tôi đã định tiếp tục chạy trong trang trại mà tôi có ở gần Quatro Irmão, trong nội địa Rio Grande do Sul. Nhưng bây giờ đất ở đó trông trọt hết rồi, chẳng còn chỗ mà chạy nữa. Anh ruột tôi, Bernardo, cai quản cái trại ấy cho tôi. Ai cũng nói có điền mới đâm đầu vào việc trang trại, chưa nói đến việc lại còn làm việc đó với một cộng sự như Bernardo. Anh ấy thất thường, bắt đầu việc gì là bỏ dở việc ấy và đã lang bạt khắp xứ Brazil. Nhưng khi anh đến gõ cửa nhà tôi một ngày nọ và đề nghị được giúp đỡ, tôi đã quyết định chấp nhận rủi ro. Thế mà mọi việc lại thành tốt. Bernardo đã cho thấy anh là một quản lý trang trại hạng nhất. Anh cơ giới hóa công việc và học hỏi một nhà nông học về việc sử dụng phân bón và thuốc diệt cỏ. Anh quản người làm rất chặt, tóm lại, anh khiến cho mọi thứ vận hành thật tốt.

Anh bạn cũ tốt bụng Paulo. Một người bạn tốt, một cộng sự tốt. Nhờ có đầu óc tỉnh táo và nhìn xa trông rộng của anh, chúng tôi đã vào được đường dây xuất khẩu. Thật là một ý tưởng lớn. Đó là cái đã cứu chúng tôi khi việc làm ăn cứ bê bối dần trong thời gian tôi còn sống ở Sao paulo. Chúng tôi đã xuất khẩu hết tấn hàng này đến tấn hàng khác, đặc biệt là sang Morocco, nơi tôi có nhiều quan hệ tốt.

Đúng là một người bạn hay, Paulo. Paulo với Fernanda, Julio với Bela, Armando với Beatrice, Joel với Tânia... toàn là bạn hay. Hay biết bao khi được ở giữa bạn bè, uống rượu vang, nặng nhưng ngon làm sao - trong bầu không khí đẹp đẽ và đầm ấm. Đúng thế, thật sung sướng được ngồi ở đây, trong cái tiệm ăn Tunisia này.

Cái duy nhất hơi làm tôi khó chịu ngay lúc này là tiếng nhạc Arab - chói tai, mở âm lượng rất to. Nhưng chính cái đó cũng lại có cái lợi điểm của nó : nếu những đôi cánh có rung lên xao xác ở ngoài kia, phía trên ngọn cái cây cọ nhìn thấy được qua cái cửa sổ kia, tôi sẽ ko biết, ko nghe thấy chúng. Tôi

nghe cái tiếng xao xác mà tôi nghe thấy đó là tiếng gió, một thứ gió nóng đã nổi lên suốt buổi chiều. Có lẽ sắp mưa.

Tita mỉm cười. Nàng đang ngồi đối diện với tôi, xinh đẹp hơn bao giờ hết. Quãng đời gian khó mà nàng đã trải qua có để lại dấu ấn trong những đường nét trên gương mặt nàng, thì cũng chỉ khiến cho vẻ đẹp của nàng thêm chín, thêm sâu, thêm mềm mại. Tita yêu dấu, người vợ thương mến của tôi.

Bên trái tôi là cặp con trai sinh đôi của chúng tôi. Suốt nửa tiếng đồng hồ chúng đã ko ngừng thì thầm vào tai nhau, hai thằng quái con. Con lạ gì những chuyện khỉ của chúng. Hai thằng con trai tốt lành, thông minh và chịu khó. Mà chúng mới lớn nhanh làm sao! Chẳng mấy chốc chúng sẽ cao hơn cả tôi, mà tôi đã rất cao rồi. Chúng đã bắt đầu hỏi xin ô tô; một ngày gần đây chúng sẽ đem bạn gái về nhà. Rồi chúng sẽ lấy vợ, sẽ đến một ngày tôi thành ông nội. Mọi việc đều tốt đẹp.

Nghĩa là, mọi việc đều hầu như tốt đẹp cả. Vẫn còn những cái khiến tôi khó chịu. Chúng mất ngủ của tôi, những giấc ngủ vật vờ của tôi. Tôi rất hay thức tỉnh giữa đêm, tưởng như vừa nghe thấy một tiếng động gì quái lạ (có phải tiếng xao xác của những chiếc lông trên cặp cánh con ngựa bay?) nhưng đó chỉ là tưởng tượng mà thôi. Tita cực kỳ thính tai, chẳng bao giờ nghe thấy gì hết; nàng ngủ thật say. Và lại còn nằm mơ nữa. Chẳng cần phải kéo mi mắt nàng lên và nhìn trộm vào đồng tử như nhìn qua cửa sổ để xem nàng mơ thấy gì. Ngủ cạnh nhau boả nhiều lâu như thế đã làm cho những giấc mơ của chúng tôi hòa trộn vào nhau. Con ngựa mà vừa một lúc trước tôi đã thấy đang im lặngbay giữa những đám mây giờ đây đã phi nước đại trên những cánh đồng cỏ trong giấc mơ của nàng. Và nó ko làm phiền gì nàng. Những giấc mơ của tôi mới là cái tôi phải chỉnh sửa. Tôi phải bắt được con ngựa của mình và lột bỏ tất cả những thứ dư thừa lạ lùng của nó. Hoặc giả loại bỏ nó hoàn toàn ra khỏi các giấc mơ của tôi. Có những viên thuốc ngủ đặc hiệu

để làm việc này.

Một vài điều lạ lùng cũng xảy ra với tôi, làm cho những thông điệp khắc khoải kia cứ nhiều thêm mãi. Ví dụ : một vài phút trước, tôi đang nguệch ngoạc vài chữ lên tờ giấy ăn với cây bút bi bằng vàng mà các bạn tôi vừa tặng, một cây bút nhập khẩu tuyệt đẹp, thì tôi giật mình khi thấy mình viết ra câu: Bây giờ mọi việc đều ổn cả. Một câu tuyệt đối tầm thường, nhưng viết bằng những con chữ gãy góc trông rất kỳ quặc. Cái gì, sức mạnh nào, trường lực nào, đã đưa đẩy tay tôi viết ra những chữ ấy ? Tôi ko biết. Tôi phải thú nhận là mình ko biết, mặc dù cái tuổi 38 của tôi, mặc dù những trải nghiệm dị thường mà tôi đã có. Còn có nhiều thứ ko biết, nhiều cái bí ẩn trong con người tôi. Chẳng phải đã đến lúc mở hết các cửa đập, để cho các dòng thác được tuôn chảy hay sao ? Hôm qua tôi thấy những cảnh nước lụt trên TV. Các con vật bơi giữa dòng nước đục ngầu, tìm kiếm nơi trú ngụ trên những ngọn cây vẫn còn cao hơn mặt nước. Khuôn mặt ướt đầm của một con khi được quay cận cảnh đặc biệt làm tôi xúc động; đó là hình ảnh của sự thơ ngây bất lực. Chẳng phải đã đến lúc bộc bạch mọi chuyện với các bạn hay sao? Bây giờ, khi mọi thứ đã ổn cả rồi, tôi có nên nói cho họ biết ko? Không có gì phải sợ. Chẳng có cái đuôi nào sẽ vẫy lên nhặng xị để đuổi lũ ruồi đang vo ve quanh tôi nữa đâu mà.

Nói đến ruồi, quả thực ở đây lắm ruồi quá. Quán ăn nấu ngon, nhưng ko phải là một nơi sạch sẽ nhất. Họ phải biết đem rác đổ ra thật xa đằng sau nhà mới phải. Dù sao, phải nhắm mắt làm ngơ và đừng phàn nàn gì cả. Những người này rất dễ nổi giận, và sẽ trả thù. Vừa mới hôm qua họ còn cười lạc đà băng qua các đụn cát sa mạc, những dải khăn quấn trên đầu còn phấp phới bay trong gió. Nếu bị phản thù, họ sẽ thề phải trả thù, và sẽ dùng dao găm đâm chết ngay cả bạn bè khi có cơ hội đầu tiên. Họ là những người Berber (3). Tất nhiên họ ko còn cười lạc đà nữa. Khi đóng cửa quán ăn họ sẽ về nhà

bằng ô tô. Nhưng tôi vẫn thấy một tia hiềm độc trong mắt họ. Có thể đó chỉ là chứng tự kỉ ám thị kiểu Do Thái của tôi.

Vâng, tôi có thể kể tất cả mọi chuyện. Khiêm nhường nhưng cao giọng. Đàng hoàng, ko rơi vào hài hước rẻ tiền, cũng ko chơi chữ. Không ám chỉ gì đến Cavalleria Rusticana, hoặc đến con lừa của Buridan (4). Những người Indian có xuất hiện trong câu chuyện của tôi, mà đúng là vẫn có người Indian sống trong vùng Quatro Irmãos trong năm 1935, họ sẽ ko cưỡi ngựa như những người khai hoang dũng cảm, mà chỉ đi bộ, khiêm tốn cho dù vẫn mang một dáng vẻ bí ẩn, và tìm kiếm việc làm.

Tôi sẽ ko nói gì đến những con ngựa riêng tư đang phi nước đại trong mỗi chúng ta, tôi ko biết chúng có tồn tại hay ko. Toi cũng sẽ ko nói gì đến các đoàn người cưỡi ngựa, nghĩa là đến quá trình tiến hóa ko ngừng của lịch sử tới một định mệnh ko ai biết. Chẳng hiểu tại sao con người ta lại phải gọi cuộc hành quân ko ngừng ấy của lịch sử bằng một cái tên gì khác. Thì cứ gọi nó là cuộ hành quân ko ngừng của lịch sử thì đã sao, còn nếu có ai vẫn chưa hài lòng thì ta thêm vào rằng cuộc hành quân ấy ko bao giờ chậm lại hoặc đảo ngược chiều.

Thế thì tại sao tôi ko đứng dậy đi? Tại sao tôi ko lấy cây bút gõ gõ vào ly rượu vang để kêu gọi mọi người chú ý, và tuyên bố rằng một bí mật sắp được tiết lộ?

Tại sao? Tôi ko biết. Tôi cảm thấy ko an toàn. Tôi sợ phải đứng lên. Tôi sợ hai chân tôi sẽ ko mang nổi tôi; sự thật là tôi vẫn chưa tin tưởng hẳn ở chúng. Loài hai chân ko vững chắc như loài bốn chân. Hơn nữa, tôi say rồi. Hết lần nâng cốc này đến lần nâng cốc khác, vì người ta đang ăn mừng sinh nhật của mình, vì vợ anh ta, vì con trai anh ta, vì các bạn anh ta, vì cha mẹ

và anh chị em anh ta, vì công ty xuất khẩu của anh ta, vì trang trại của anh ta, vì đội bóng đá mà anh ta ủng hộ, và rượu vang đã ngấm vào đầu tôi. Ngồi đối diện tôi, Tita đã ra hiệu cho tôi ngừng uống. Nàng đang nói chuyện với một cô gái ngồi cạnh, thực sự là một cô gái rất xinh đẹp. vẻ đẹp của cô ta thuộc loại dị thường : tóc dài màu đồng đỏ, cặp kính râm đen (tại sao đeo kính râm buổi tối?) che gần kín khuôn mặt bí hiểm. Một chiếc áo sơ mi kẻ sọc kiểu đàn ông, khuy mở một nửa, phô bày những vòng đeo cổ và nét lượn của cặp vú đầy đặn thật đẹp. Tôi ko biết cô ta. Tôi chỉ biết cô ta là bạn của gia đình Tania và vừa mới ly hôn. Tôi nâng li về phía cô : chúc sức khỏe! Tita liếc nhanh cảnh cáo tôi. Nàng ko ghen đâu. Nàng biết tôi say, và sợ tôi sẽ nói lung tung, kể những chuyện vô lý. Nàng thường nói trước khi giải phẫu tôi có lý hơn nhiều.

Tita nghĩ cũng phải. Tốt hơn cả là im lặng. Thà viết nguệch ngoạc còn hơn. Bây giờ mọi thứ đều ổn cả. Mặc dù nét bút kỳ quặc này, mặc dù tiếng xao xác của những đôi cánh, mặc dù những cảnh trí mà tôi đang nhớ lại.

Chú Thích

(3) Berber : Tên một bộ lạc Bắc Phi, sống trong vùng Barbary và Sahara, thuộc chủng người Á-Phi.

(4) Cavalleria Rusticana là tên một vở ca kịch; Buridan là tên một triết gia thời trung cổ

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả : Trịnh Lữ

MỘT NÔNG TRẠI NHỎ TRONG NỘI ĐỊA,

**HẠT QUATRO IRMAOS,
TIỂU BANG RIO GRANDE DO SUL
21 THÁNG 9, 1935 - 23 THÁNG 9, 1947**

Những ký ức đầu tiên của ta, tất nhiên rồi, sẽ chẳng thể mô tả được bằng từ ngữ thông thường. Chúng ban sơ, không thể lí giải được. Những con ấu trùng trong trái cây, những con sâu còn đang oằn oại trong bùn. Những xúc cảm xa xôi, những nỗi đau vô định. Những nhỡn ảnh hỗn mang: một bầu trời giống bão trên một biển cả hung dữ; từ giữa những đám mây đen, một con ngựa có cánh đang đường bệ bay xuống. Nó nhanh chóng bay qua đại dương và lục địa, bỏ lại sau những bãi biển và thành phố, những khu rừng và núi non. Dần dần từng tí một nó giảm tốc độ, và bây giờ thì nó lượn thành những vòng tròn rộng lớn, lông bờm nó bay như sóng lượn.

Bên dưới, tắm trong ánh trắng, là một túp nhà gỗ thôn dã đơn sơ, im ắng và biệt lập. Từ những khuôn cửa sổ, ánh sáng yếu ớt vàng vọt từ trong nhà lọt ra ngoài và lẫn vào sương mù. Cách đó một quãng ngắn là chuồng ngựa. Xa hơn nữa là một đám rừng nhỏ, và sau đó là những cánh đồng rộng. Trong những đám cây rậm rạp, những con thú nhỏ bay, chạy, nhảy, bò, ẩn núp, săn đuổi và ăn thịt lẫn nhau. Ríu rít, chí chöhe, tru tréo.

Tiếng kêu thét chói tai của một người đàn bà vang vọng qua khắp thung lũng. Mọi vật bỗng nín lặng, không có gì chuyển động nữa. Con ngựa có cánh lượn trên không trung, đôi cánh dang rộng. Một tiếng kêu thét nữa, rồi

một tiếng nữa. Một chuỗi các tiếng kêu, rồi lại im lặng. Con ngựa có cánh lượn vòng trên túp nhà một lần nữa rồi biến dạng vào những đám mây, không một tiếng động.

Đó chính là mẹ tôi đang kêu thét; bà đang sinh nở. Hai đứa con gái của bà và một mẹ đỡ già trong vùng đang ở bên bà. Bà đã đau đớn nhiều tiếng đồng hồ, nhưng đứa bé vẫn chưa có dấu hiệu gì muốn ra. Bà đang kiệt sức; gần như ngất xỉu. Ta không thể chịu nổi nữa, bà thì thảo. Mẹ đỡ và hai cô con gái nhìn nhau lo lắng. Họ có nên gọi bác sỹ không? Nhưng bác sỹ ở cách đó hàng bốn chục cây số, liệu có kịp không?

Trong căn phòng kế bên là cha tôi và anh tôi. Cha tôi đi đi lại lại, còn anh tôi thì ngồi trên giường, ngó trần trần lên bức tường trước mặt. Những tiếng kêu thét ngày một nhiều hơn, nối đuôi nhau ngày một nhanh hơn, và giữa chúng là những câu rủa xả bằng tiếng Yiddish (5) khiến cha tôi phải rùng mình:

Thằng tội đồ kia! Nó mang chúng ta ra khỏi nhà và đem chúng ta đến chốn địa ngục này, đến cái xó tận cùng của trái đất này! Ta đang chết đây, chính vì nó mà ta chết, quân giết người! Ôi, lạy Chúa, con hư hoại mất rồi, hãy cứu vớt lấy con! Mẹ đỡ cố an ủi bà; thưa bà Rosa, xin bà đừng hoảng hốt, mọi việc đều ổn cả. Nhưng giọng nói của mẹ thật hốt hoảng. Dưới ánh sáng của ngọn đèn bão, mẹ sững sờ ngó cái bụng khổng lồ và cứng nhắc. Cái gì ở bên trong đó?

Cha tôi ngồi xuống, vùi đầu vào hai lòng bàn tay. Vợ ông nói đúng, ông là người có lỗi trong những gì xảy ra ở đây. Tất cả những người Do Thái đi khai hoang ở vùng này, những người đã từ nước Nga sang đây cùng với ông, đều đã về các thành phố cả rồi-Santa Maria, Passo Fundo, Erechim, hoặc Porto Alegre. Cuộc cách mạng năm 1923 đã xua đuổi những tàn dư cuối cùng của quá trình khai hoang thuộc địa.

Cha tôi đã nhất định ở lại. Tại sao vậy, Leon? mẹ tôi hỏi. Tại sao lại bướng

bình như thế? Bởi vì Nam tước Hirsch (6) đã đặt lòng tin của ngài vào chúng ta, ông đáp. Ngài Nam tước không vô cớ đưa chúng ta từ châu Âu sang đây. Ngài muốn chúng ta ở lại đây, khai khẩn đất đai, trồng trọt và gặt hái, để cho bọn dị giáo thấy người Do Thái cũng hết như tất cả mọi người.

Một người tốt, cái vị Nam tước ấy. Năm 1906, nước Nga đã thất bại trong cuộc chiến tranh với Nhật Bản, và những người Do Thái nghèo, thợ may, thợ mộc, tiểu thương sống trong những túp lều bần thiu ở những làng mạc nhỏ, kinh hoàng trong nỗi đe dọa của những trận pogroms (7).

(Pogrom là thế này: những người Cossack say rượu tấn công ngôi làng, thúc những con ngựa điên của họ xông thẳng vào người già và trẻ con, vung những lưỡi mã tấu của họ vào mọi phía. Họ sẽ giết đám dân sống ở đó, cướp phá và đốt trụi ngôi làng, rồi kéo nhau đi, để lại sau những tiếng gào thét than khóc còn vọng mãi trong đêm tối đón đau.)

Trong dinh thự của Ngài ở Paris, Nam tước Hirsch thường giật mình thức giấc giữa đêm thâu, hãi hùng tưởng như đang nghe thấy tiếng vó ngựa.

Người vợ ngái ngủ của Ngài sẽ bảo, có chuyện gì đâu, Hirsch, anh cứ yên trí ngủ đi, chỉ là một cơn ác mộng thôi mà. Nhưng giấc ngủ không đến với Ngài Nam tước. Hình ảnh những con ngựa ô dày xéo những tấm thân bất động không chịu biến đi. Hai triệu bảng, Ngài thì thảo một mình. Ta có thể giải quyết vấn đề này nếu có hai triệu bảng (Anh).

Ngài thấy cảnh người Do Thái Nga sống hạnh phúc tại những vùng đất xa xôi ở Nam Mỹ; thấy những cánh đồng được cày cấy, những ngôi nhà khiêm tốn nhưng tiện nghi, những trường dạy nghề nông. Ngài thấy trẻ con chơi đùa dưới bóng cây; thấy những thanh ray sắt của công ty hỏa xa (mà Ngài có rất nhiều cổ phần trong đó) tiến xa dần vào khu rừng nguyên khai.

Ngài Nam tước đã rất tốt với chúng ta, cha tôi luôn miệng nhắc lại điều đó.

Một người giàu có như Ngài không việc gì phải lo lắng như thế cho người

nghèo. Nhưng không, Ngài đã không quên đồng bào Do Thái của mình. Giờ đây chúng ta phải chịu khó làm việc để khỏi phụ lòng một con người thánh thiện và hào phóng như Ngài.

Quả thực cha mẹ tôi đã làm việc cật lực. Một cuộc sống không có đèn đáp: phát quang đất đai, trồng trọt mùa màng, chữa bệnh kí sinh cho gia súc, mang nước từ giếng đi các nơi, nấu nướng. Họ sống trong niềm sợ hãi đối với đủ mọi thứ: hạn hán, lụt lội, sương muối, mưa đá, dịch côn trùng. Cái gì cũng khó khăn, họ không có tiền, và sống biệt lập với mọi người. Hàng xóm gần nhất của họ sống cách đây năm cây số.

Nhưng con cái tôi sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn, cha tôi tự an ủi. Chúng sẽ học, sẽ được giáo dục tốt. Và một ngày nào đó chúng sẽ cảm ơn tôi vì những gì tôi đã phải hy sinh. Vì chúng, và cũng vì Nam tước Hirsch.

Những tiếng kêu thét chấm dứt. Một khoảng khắc im lặng, cha tôi ngẩng đầu lên, rồi có tiếng khóc của đứa trẻ mới ra đời. Mặt ông rạng rỡ. Con trai rồi! Chắc chắn là con trai rồi! Cứ nghe tiếng nó khóc thì biết!

Một tiếng kêu thét, lần này là một tiếng rú kinh hoàng. Cha tôi nhảy dựng lên, đứng lặng một giây không hiểu ra sao. Rồi ông chạy sang căn phòng bên cạnh.

Mụ đỡ gặp ông ở cửa phòng, mặt mụ lấm lem những máu, hai mắt lồi hẳn ra ngoài: Ôi, thưa ông Leon, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra, tôi chưa bao giờ thấy có cái gì như thế, không phải lỗi tại tôi! Tôi cam đoan với ông tôi đã làm tất cả mọi thứ theo khuôn phép!

Cha tôi nhìn quanh, chưa hiểu gì hết. Hai cô con gái đang chúi vào nhau trong một góc phòng, thốn thức vì sợ hãi. Mẹ tôi nằm trên giường, mê man bất tỉnh. Có chuyện gì ở đây thế này? Cha tôi hét âm lên, rồi ông nhìn thấy tôi.

Tôi đang nằm trên bàn. Một đứa bé hồng hào, khỏe mạnh, đang khóc và

động đập hai bàn tay nhỏ xíu một đứa trẻ bình thường từ thất lung trở lên. Từ thất lung trở xuống là lông ngựa. Những bàn chân của một con ngựa những bộ móng ngựa. Một cái đuôi ngựa, vẫn còn ẩm nước ối. Từ thất lung trở xuống, tôi là một con ngựa. Tôi là-và cha tôi thậm chí còn không biết có cái từ ấy trên đời-một con nhân mã. Một con nhân mã.

Cha tôi đến gần cái bàn.

Cha tôi, người khai hoang Leon Tartakowsky. Một người đàn ông cứng rắn, chai sạn, đã từng thấy nhiều chuyện trong đời, những chuyện khủng khiếp. Một lần có người nông dân bị đâm bằng dao găm trong một cuộc cãi lộn và cha tôi đã nhét hết cả ruột gan vào lại trong bụng cho anh ta. Một lần khác, ông thấy một con bọ cạp trong chiếc ủng của mình và đã dùng bàn tay trần giết chết nó. Lại một lần khác, ông đã cho hấn tay vào tận tử cung của một con bò cái để lôi ra con bê bị ngược thai. Nhưng cái mà ông nhìn thấy lần này là kinh khủng hơn cả. Ông co rúm người, phải dựa vào tường cho khỏi ngã. Ông nắm tay đưa lên miệng cắn, không, ông không được kêu thét lên như thế. Tiếng thét của ông sẽ làm vỡ hết các cửa sổ của căn nhà, sẽ vang xa qua hết các cánh đồng, đến tận những triền núi Serra do Mar, đến tận đại dương, đến tận cửa trời.

Ông không thể kêu thét, nhưng ông có thể nức nở. Những tiếng nức nở bóp gãy cả thân thể to lớn của ông. Một con người khốn khổ. Một gia đình khốn khổ.

Khi cú sốc ban đầu đã qua đi, mẹ đỡ lại làm chủ được tình hình. Mẹ cắt dây nhau, bọc tôi vào một tấm khăn tắm-cái to nhất trong nhà-rồi đặt tôi vào nôi. Đến đó thì mẹ gặp nỗi khó khăn đầu tiên: tôi to con quá. Những bàn chân của tôi-nghe là những cái móng ngựa của tôi-cứ thò ra khỏi nôi. Mẹ đỡ tìm được một cái thùng gỗ, lấy chăn lót vào đó (Mẹ có nghĩ đến rơm không hả mẹ đỡ? Nói thật đi, mẹ có thoáng nghĩ đến rơm rạ không nào?) rồi đặt tôi

vào. Trong những ngày sau đó người đàn bà can đảm ấy lo hết mọi việc trong nhà: lau chùi, giặt rũ, nấu nướng, lại còn đem thức ăn đến cho từng người nữa. Mụ ép họ phải ăn và giữ sức. Họ đã bị một cú sốc nghiêm trọng, những người Do Thái tội nghiệp, và họ cần phải hồi phục.

Quan trọng hơn cả, mụ chăm sóc tôi, con nhân mã. Mụ cho tôi bú bình, vì mẹ tôi chỉ khóc và không thể chịu đựng nổi khi nhìn thấy tôi, nói gì đến việc cho tôi bú. Mụ tắm tấp cho tôi và giữ tôi sạch sẽ-không dễ dàng gì, vì phân tôi là thứ phân ngựa có mùi thối rất khẳn. Rồi mụ hiểu ra rằng tôi cần các thứ rau cỏ xanh, thế là mụ bằm nhỏ lá bắp cải rồi trộn vào với sữa cho tôi. (Đã nhiều lần, nhiều năm sau này mụ đỡ đã thú nhận, mụ đã toan lấy gói đề cho tôi chết ngạt. Có thể mới chấm dứt được tai họa đau đớn này cho gia đình. Mà mụ đã từng làm rồi. Đã có lần mụ bóp chết một đứa hài nhi chỉ có một mắt và không có chân tay gì, mụ bóp cái cổ mảnh dẻ của nó cho đến khi con mắt duy nhất ấy dờ dãn kéo màng vào cái chết.)

Thằng bé thực chẳng đến nỗi xấu trai chút nào, mụ thở dài, mỗi lần đặt tôi vào thùng cho tôi ngủ. Nét nó được lắm, tóc và mắt đều nâu rất xinh. Nhưng từ thất lung trở xuống thì... thật là khủng khiếp! Mụ đã từng nghe chuyện quái vật, những con vật nửa gà nửa chuột, hoặc nửa lợn nửa bò; hoặc nửa chim nửa rắn; những con cừu năm chân, rồi người sói (8); mụ biết những thứ đó đều có thật cả, nhưng chưa khi nào tưởng đến việc sẽ có ngày phải chăm nuôi một con như thế. Ngủ đi con, mụ thì thầm. Gì thì gì, mụ ưa tôi thật, một người đàn bà cay đắng vì đã mất cả bốn đứa con cho thần chết. Các chị tôi khóc suốt. Anh tôi, vốn lúc nào cũng im lặng và lạ lùng, lại càng lạnh lẽo và lạ lùng hơn. Còn cha tôi, ông có việc phải làm, cho nên ông lao vào việc. Ông khai quang đất đai, dọn dọn cỏ rác. Trong khi chặt cây bằng diu, tấn công đất bằng cuộc, ông dần dần lấy lại được tự chủ. Ông đã có thể suy nghĩ mà không bị rơi vào những tầng sâu thẳm của tuyệt vọng. Trong

đau đớn, ông tìm kiếm những lời giải đáp, đặt ra những giả thuyết.

Cha tôi không phải là người có những suy tưởng sâu sắc. Mặc dù xuất thân trong một gia tộc toàn những thầy cả (9) và những người thông thái, ông lại là một người rất hạn chế. Ngay khi còn ở làng tại nước Nga, chỉ vì những sai lầm nghiêm trọng trong cách giải nghĩa kinh Talmud (10) mà ông đã phải chọn công việc đồng áng làm nghề nghiệp. Thượng Đế không ban cho ta một cái đầu thông thái, ông luôn nói vậy. Tuy thế, ông biết tin tưởng ở cái cảm thức bản năng lành mạnh của mình; ông biết cách lí giải những phản ứng của riêng mình, ví dụ như tại sao lông trên hai cánh tay ông lại dựng đứng hết cả lên, tại sao tim ông đập loạn xạ, tại sao mặt ông lại nóng bừng. Những thứ đó đều có thông điệp của nó cả. Đôi khi ông có cảm tưởng rằng Thượng Đế đang nói với ông từ bên trong, từ một chỗ ở quãng giữa rốn và đỉnh trên của dạ dày. Ông đang tìm kiếm một thứ gì đó chắc chắn như vậy. Ông muốn biết sự thật, cho dù nó có buồn thảm đến thế nào cũng mặc.

Tại sao chuyện này lại xảy ra với ông? Tại sao? Tại sao ông lại bị chọn để hứng chịu chuyện này mà lại không phải là một tên Cossack Nga? Tại sao lại là ông, mà không phải là một người nông dân hoặc trại chủ nào khác trong vùng? Ông đã phạm tội gì vậy? Ông đã làm điều gì sai trái đến nỗi Thượng Đế phải trừng phạt ông như thế? Có tự kiểm điểm kiểu gì đi nữa, ông cũng vẫn không thể xác định được mình có tội gì. Chắc chắn là không có những tội lỗi nghiêm trọng. Làm lỡ lặt vặt thì còn có thể. Đã có lần ông vắt sữa một con bò cái trong ngày Sabbath (11), ngày nghỉ linh thiêng, nhưng là vì con bò tức sữa quá, ông không thể để mặc nó đau đớn. Mà ông có uống sữa ấy đâu, ông đổ hết đi kia mà. Tội lỗi ư? Làm gì có.

Trong khi ông tin chắc là mình vô tội, một nỗi nghi ngờ lại nổi lên: liệu con nhân mã ấy có phải là con ông?

(Nhân mã. Một ngày nào đó tôi sẽ giảng cho ông ý nghĩa của từ này. Hiện

nay thì ông không được rành về các truyền thuyết và cổ tích cho lắm.)

Nhưng ngay lập tức ông lại thấy đau nhói vì ân hận. Làm sao ông có thể có ý nghĩ đó? Rosa tuyệt đối chung thủy với ông mà. Mà thậm chí có không phải như vậy thì ai, loại đàn ông nào có thể khiến cho nàng đẻ ra một đứa con kì lạ như thế? Trong vùng quả thật có những hạng lạ lùng, những con người sâu thẳm, tối tăm, cha căng chú kiết, trộm cướp, thậm chí có cả người Indian. Nhưng ông chưa bao giờ thấy ai có chân móng ngựa.

Trong vùng cũng có nhiều ngựa, thậm chí cả ngựa hoang, những con vật bất kham mà đôi khi những tiếng hí của chúng văng đến tận tai ông từ rất xa.

Nhưng có lẽ nào... lại là một con ngựa! Ông biết là có những hạng đàn bà bệnh hoạn có thể giao hoan với đủ loại súc vật, thậm chí cả với ngựa.

Nhưng... Rosa của ông không phải là người như thế. Nàng là một người đàn bà giản dị và phúc hậu, chỉ biết sống cho chồng cho con. Một người làm việc không biết mệt mỏi, một nội trợ tuyệt vời. Và chung thủy, rất chung thủy. Có hơi dễ cáu bẳn, đôi khi hơi khe khắt, nhưng thật lòng tử tế, sáng suốt. Và rất chân thật với ông.

Tội nghiệp mẹ tôi. Giờ đây bà nằm bất động trên giường, mắt mở to, và không thiết gì nữa. Mụ đỡ và hai cô con gái mang súp đến cho bà, những bát nước súp đặc và bổ. Bà không phản ứng gì, không nói năng gì, không chịu ăn uống gì. Họ cố lấy thìa cạy răng bà, nhưng bà không chịu, bướng bỉnh cắn chặt hai hàm răng. Dù sao, một vài giọt súp, một vài vụn trứng, một chút vụn thịt gà vẫn lọt được vào miệng bà, được bà nuốt một cách vô ý thức. Rõ ràng là nhờ vậy mà bà còn sống.

Còn sống, nhưng im lặng. Sự im lặng của bà là lời buộc tội chồng: Leon, tại anh tất cả. Anh đã đưa tôi đến cái xó tận cùng này của trái đất, nơi không có một bóng người, chỉ toàn thú vật. Con trai tôi ra đời như thế là vì tôi đã nhìn quá nhiều ngựa. (Bà có thể kể các ví dụ khác: đàn bà hay cười với khi sẽ đẻ

con có lông; đàn bà hay nhìn mèo thì con đẻ ra sẽ kêu meo meo trong nhiều tháng trời.) Hoặc giả bà sẽ nghi ngờ lí lịch gia đình: anh có rất nhiều họ hàng ốm đau dị tật, ông bác anh sinh ra đã sút môi, người anh họ cả hai bàn tay đều có sáu ngón, rồi bà chị mắc chứng tiểu đường. Tóm lại, là tại anh cả! Bà có thể kêu lên như thế. Nhưng bà không kêu. Bà không có sức để kêu.

Vả lại, ông là chồng bà. Bà đã chưa bao giờ bị một người đàn ông nào khác hấp dẫn, cũng chưa bao giờ tơ tưởng một ai khác. Ông thân sinh bà bảo: Con sẽ lấy con trai nhà Tartakowsky, nó là một thằng bé tốt lành. Và thế là số phận của bà được định đoạt. Bà là ai mà dám cãi lại kia chứ? Thực tế là việc chọn chàng trai trẻ Leon cũng không phật ý bà. Chàng là một trong những thanh niên đẹp trai nhất trong làng, khỏe mạnh và vui vẻ. Bà là người may mắn.

Họ lấy nhau. Lúc đầu cũng không tốt lắm... trong chuyện chăn gối, là nói vậy. Chàng vụng về và hơi thô bạo; chàng làm nàng đau. Nhưng chẳng mấy chốc nàng đã quen với chàng, và thực sự sung sướng trong chuyện chăn gối vợ chồng. Mọi thứ đều tốt đẹp—cho đến cái đêm ấy, khi họ bừng tỉnh vì tiếng vó ngựa và tiếng hò hét man rợ của bọn Cossack. Họ chạy trốn vào khu rừng gần sông và ẩn náu ở đó, run bắn lên vì sợ và lạnh, chỉ biết nhìn về phía ánh lửa đang đốt cháy rụi cả ngôi làng. Sáng hôm sau, họ quay về giữa những thân người bị băm vằm ngổn ngang khắp con phố chính và những đống đổ nát của những căn nhà đã bị đốt cháy vẫn còn nghi ngút khói.

Chúng ta hãy rời khỏi nơi này, Leon nói, giọng nghiêm nghị. Anh không thiết gì đến mảnh đất bị nguyên rủa này nữa.

Rosa không muốn rời nước Nga. Pogrom hay không pogrom, bà vẫn thích ngôi làng ấy. Đó là nơi thân thuộc của bà. Nhưng Leon đã quyết chí ra đi. Khi những sứ giả của Nam tước Hirsch đến địa phương mình, ông là người đầu tiên tình nguyện đi mở thuộc địa Do Thái ở Nam Mỹ! Rosa hãi hùng

tưởng tượng những con người dã man trần truồng, hổ báo và rắn rết khổng lồ. Bà thà chịu đựng bọn Cossack! Nhưng chồng bà không muốn bàn cãi gì hết. Gói ghém đồ đạc đi, ông ra lệnh. Bụng mang dạ chửa và hớn hển vì mệt mỏi, bà làm theo lời ông. Họ xuống tàu từ Odessa, một con tàu chở hàng.

(Nhiều năm sau bà vẫn kinh hoàng khi nhớ lại chuyến đi ấy: hết lạnh đến nóng, nóng đến ngạt thở; những cơn buồn nôn; mùi những bãi nôn cùng với mùi mồ hôi; sàn tàu đông nghẹt hàng trăm người Do Thái, đàn ông đội mũ bê-rê, đàn bà đội khăn che đầu, trẻ con không bao giờ ngớt khóc.)

Mẹ tôi đến Porto Alegre vừa ốm vừa sốt. Nhưng cuộc hành trình của bà chưa kết thúc. Họ phải đi vào tận vùng đất sâu trong nội địa, đầu tiên bằng tàu hỏa, rồi sang đến những toa xe ngựa kéo trên một con đường mòn cắt ngang những khu rừng rậm, để đến khu vực thuộc địa. Một đại diện của Ngài Nam tước chờ họ ở đó. Mỗi gia đình được nhận một khoảnh đất—khoảnh của cha tôi là xa nhất—một căn nhà, dụng cụ, và gia súc.

Hàng ngày, cha tôi tỉnh dậy, miệng hát vang. Ông rất hạnh phúc. Mẹ tôi thì không. Bà thấy cuộc sống ở thuộc địa tồi tệ hơn—ngàn lần tồi tệ hơn—so với cuộc sống trong ngôi làng nước Nga. Ngày lại ngày lao động đến gẫy lưng, đêm tối đầy những tiếng động bí hiểm: riu rít, chí chóc, sột soạt. Và nhất là sự có mặt vô hình của những người Indian đang quan sát căn nhà. Cha tôi chế giễu mẹ. Indian nào hả bà! Quanh đây không có một người Indian nào hết! Bà sẽ im lặng. Nhưng mỗi khi đêm đến, lúc họ ngồi cạnh bếp lò uống trà, bà lại thấy những cặp mắt Indian thao láo trong đồng than hồng. Trong những cơn ác mộng của mình, bà thấy những người Indian đột nhập vào nhà trên lưng những con ngựa ô giống như của bọn Cossack. Bà thường giật mình kêu thét lên, và cha tôi phải vỗ về dỗ dành cho bà ngủ lại.

Thế mà rồi dần dần bà cũng quen hơn với nơi này. Mặc dù sinh nở lần nào

cũng khó khăn, sự ra đời của những đứa con đã là một niềm an ủi cho bà. Và ý nghĩ rằng con cái mình sẽ được nuôi dạy trong một đất nước mới mẻ, thực sự có tương lai, đã là một nguồn khích lệ đối với bà. Bà bắt đầu thấy hạnh phúc. Nhưng Leon chẳng bao giờ thỏa mãn—ba con là chưa đủ với ông. Ông phải nài cho được một đứa thứ tư. Ông muốn một đứa con trai nữa. Bà kịch liệt phản đối ý đồ đó, nhưng cuối cùng cũng chịu thua. Đó là một kỳ thai nghén khó khăn; bà nôn ọe suốt ngày và hầu như không thể đi lại được vì bụng rất to và nặng. Có lẽ tôi sẽ đẻ sinh bốn hoặc sinh năm mất thôi, bà thường rên rảm vậy. Lại thêm chuyện bà cứ bị những ảo giác làm phiền: bà thường nghe thấy tiếng xao xác của những cặp cánh khổng lồ ngay trên nóc nhà. Cuối cùng, cơn đau đẻ khủng khiếp kéo dài—rồi thì con quái vật. Biết đâu lại chỉ là một hiện tượng nhất thời, cha tôi thầm hy vọng. Cũng như vợ, ông đã nghe chuyện trẻ con đẻ ra có lông như khỉ—nhưng sau ít ngày chúng lại mất hết chỗ lông ấy. Ai mà biết được, có thể đây cũng là cái gì đó tương tự thế. Điều họ phải làm chỉ là chờ đợi thêm một chút. Có thể những bộ móng ngựa ấy sẽ tự nó rụng đi, bộ da ngựa ấy sẽ long ra từng mảng, để lộ cái bụng và hai cái chân bình thường, cho dù có hơi teo một chút vì bị bọc kín lâu quá. Nhưng một khi chúng đã được giải phóng, chúng sẽ bắt đầu động đậy, những cái chân tí xiu và nhanh nhẹn ấy. Ông sẽ tắm cho đứa con trai của mình một trận ra trò rồi đốt hết những mảnh lông da kinh tởm kia trong lò. Khi ngọn lửa đã nuốt hết chúng rồi, mọi việc sẽ chìm vào quên lãng, như một giấc mơ xấu vậy thôi, và họ sẽ hạnh phúc trở lại.

Ngày lại ngày cứ trôi qua, những bộ móng ngựa của tôi chẳng rụng đi cho, phần da ngựa của tôi cũng chẳng thấy nứt nẻ ra tí nào. Cha tôi bèn nảy thêm một ý nghĩ khác: đây chỉ là một căn bệnh mà thôi. Và có thể chữa được. Mụ nghĩ thế nào? ông hỏi mụ đỡ. Có thể nó là một căn bệnh chẳng, cái thứ mà con tôi đang bị ấy?

Mụ đỡ không thể nói chắc. Mụ đã từng thấy những trường hợp lạ lùng: một đứa trẻ sinh ra có vẩy cá, một đứa khác có đuôi—chỉ dài mười phân tây, chỉ thể thôi, nhưng rõ ràng là một cái đuôi hẳn hoi. Có phương thuốc nào chữa trị không ư? A... cái đó thì mụ không biết. Phải là bác sỹ mới có thể nói được.

Một bác sỹ. Cha tôi biết Đốc-tờ Oliveira là một bác sỹ giỏi. Có thể ông ta sẽ có câu trả lời, có thể ông ta sẽ giải quyết được vấn đề của một đứa-trẻ-ngựa bằng một cuộc phẫu thuật, hoặc thậm chí chỉ cần một vài liều thuốc tiêm vào phần chân sau khiến cho bộ móng ấy khô đi rồi rụng như hai cành cây gãy, rồi phần da ngựa kia sẽ tróc hết đi và để lộ những mầm móng của hai cái chân bình thường sẽ mọc lại được. Hoặc giả chỉ cần những giọt thuốc uống, thuốc viên, vài loại nước thần được gì đó—Đốc-tờ Oliveira chắc chắn phải thành thạo nhiều loại thuốc men khác nhau, một trong những thứ đó chắc phải có tác dụng.

Nhưng có một điều khiến cha tôi rất lo lắng: liệu Đốc-tờ Oliveira có giữ kín được sự tồn tại của đứa trẻ này không? Bọn người bài Do Thái có thể dùng sự kiện này để chứng minh rằng dân Do Thái có quan hệ với Quỷ Satan được lắm. Cha tôi biết rằng ông cha mình đã bị thiêu trên lò lửa trong thời Trung Cổ chỉ vì những lí do vớ vẩn hơn thế này nhiều (12).

Nhưng ông không thể chần chừ lâu hơn nữa. Cuộc sống của một đứa con trai quan trọng hơn bất kì sự rủi ro nào có liên quan. Cha tôi thắng con ngựa cái vào chiếc xe có mui rồi đi vào thị trấn để thưa chuyện với ông bác sỹ.

Hai ngày sau đó Đốc-tờ Oliveira xuất hiện trên lưng con ngựa có bộ lông màu hạt dẻ lấm chấm trắng tuyệt đẹp. Cao lớn và lịch lãm với bộ râu cằm xén tỉa cẩn thận, ông bác sỹ khoác một tấm áo choàng dài để bảo vệ bộ comlê vải tuyết kiểu Anh khỏi bị bụi bẩn dọc đường.

“Xin chào cả nhà, rất vui được gặp các bạn!”

Thật là một gã vui tính nhanh nhẩu mồm miệng. Ông ta bước vào nhà, thân ái xua đầu các chị tôi, chào hỏi mẹ tôi mà không hề được bà đáp lại—bà vẫn còn chưa qua được cơn sốc. Đây là đứa trẻ tôi đã nói với ông, cha tôi nói, chỉ về phía cái thùng gỗ.

Nụ cười của Đốc-tờ Oliveira vụt biến mất, và ông ta thực sự lùi hẳn một bước về phía sau. Sự thực là ông bác sỹ đã không tin câu chuyện của cha tôi; ông ta đã chẳng vội vàng gì khi theo cha tôi về nhà. Nhưng bây giờ thì ông ta đang tận mắt nhìn thấy cái vật ấy, và thực sự choáng váng. Choáng váng và hoảng sợ. Là một nhà chuyên môn lão luyện, ông bác sỹ đã thấy nhiều chuyện dị thường, nhiều chứng bệnh xấu xa. Nhưng chưa bao giờ ông thấy một con nhân mã. Một con nhân mã đã khiến ông phải vượt qua mọi giới hạn tưởng tượng của mình. Nhân mã không được liệt kê trong các tài liệu y khoa. Đã có đồng nghiệp nào của ông thấy một con nhân mã bao giờ chưa? Không có ai hết. Kể cả các vị giáo sư của ông, cả những bậc danh tiếng trong giới y khoa Brazil cũng vậy. Không nghi ngờ gì nữa, đây thực sự là một trường hợp độc nhất vô nhị.

Ông bác sỹ ngồi phịch xuống chiếc ghế do cha tôi đưa ra cho ông, cởi bỏ găng tay, rồi lặng lẽ ngắm nghía con nhân mã nhỏ bé. Cha tôi nôn nả nhìn vào mặt ông ta, cố tìm xem ông ta đang nghĩ gì. Nhưng ông bác sỹ không nói một lời nào. Ông lấy từ túi áo một cái bút máy và một cuốn sổ ghi chép bìa da rồi bắt đầu viết:

"Một con vật kì lạ. Có khả năng là một dị dạng bẩm sinh. Các chi sau và dưới có sự tương tự đáng kinh ngạc với các bộ phận của loài ngựa. Cho đến tới vết sẹo dây nhau thì là một đứa trẻ khỏe mạnh đầy đủ và bình thường. Phía dưới đó, cơ thể giống như loài lừa ngựa. Mặt, cổ, và phần ngực có da nhẵn màu hồng, rồi đến một vùng chuyển tiếp dày và nhăn nhúm báo hiệu những gì tiếp theo ở phần dưới. Lớp lông màu vàng trên phần da của khu

vực này chuyển màu sẫm dần, và tàn nhẫn thay, cuối cùng trở thành một thứ lông da ngựa màu hạt dẻ. Tất cả các phần hông, đùi, cẳng chân, móng, đuôi, đều giống hệt ngựa. Đặc biệt đáng chú ý là bộ phận cần dái, to một cách quái lạ đối với một hài nhi. Một trường hợp phức tạp. Giải phẫu đặc biệt ư? Không thể được."

Cha tôi không thể nhìn được nữa. "Thế nào, thưa Bác sỹ?"

Ông bác sỹ giật mình, nhìn cha với vẻ hung dữ.

"Thế nào cái gì hả Tartakowsky?"

"Đó là cái gì vậy? Con trai tôi mắc bệnh gì vậy?"

Đây không phải là bệnh, ông bác sỹ vừa nói vừa cật cuốn sổ ghi chép đi.

Vậy thì là cái gì? cha tôi hỏi gặng. Nó không phải là một chứng bệnh, ông bác sỹ nhắc lại. Vậy phải làm gì? Cha tôi cố ghìm giọng.

"Chẳng làm được gì hết, thật không may," Đốc-tờ Oliveira đáp và đứng dậy.

"Trường hợp này không có cách chữa trị nào hết."

"Không có cách nào ư?" Cha tôi không thể tin được chuyện đó. "Không có thuốc men gì cho nó ư?"

"Đúng thế, không có thuốc men nào hết."

"Hoặc giả có cách giải phẫu nào chăng?" Người cha tội nghiệp của tôi càng thêm đau khổ.

"Không có. Không có cách giải phẫu nào hết."

Cha tôi im lặng một lúc, rồi lại cố thử một lần nữa. "Liệu chúng ta có thể đưa nó sang Argentina..."

Đốc-tờ Oliveira đặt tay lên vai cha tôi.

"Không được đâu, Tartakowsky. Tôi nghĩ ở Argentina họ cũng sẽ chẳng có cách điều trị nào đối với một trường hợp loại này. Sự thật là, tôi nghĩ thậm chí còn chưa có một bác sỹ nào từng nhìn thấy một thứ như thế này, một

sinh vật... lạ thường đến thế.” Ông ta nhìn con nhân mã nhỏ bé đang ngo nguậy trong cái thùng gỗ và hạ giọng, nói:

“Nói thật nhé, Tartakowsky. Chỉ có hai điều có thể làm được: để cho nó chết, hoặc chấp nhận nó như nguyên dạng. Anh phải lựa chọn thôi.”

“Tôi đã lựa chọn rồi, Bác sỹ ạ,” cha tôi thì thầm. “Ông biết tôi đã lựa chọn rồi mà.”

“Tôi khâm phục lòng can đảm của anh, Tartakowsky. Và tôi luôn sẵn sàng phục vụ anh. Tôi chẳng làm được gì nhiều đâu, nhưng anh có thể tin ở tôi.” Ông ta nhặt bộ đồ nghề bác sỹ của mình lên.

“Hết bao nhiêu tiền, thưa Bác sỹ?” cha tôi hỏi.

Ông bác sỹ mỉm cười, “Ô, thôi đi nào, không phải tiền nong gì cả.”

Ông ta bắt đầu bước ra cửa. Nhưng rồi bỗng nảy ra một ý tưởng, một ý tưởng khiến ông ta quay phắt trở lại.

“Tartakowsky này... Tôi chụp ảnh con trai anh có được không?”

“Để làm gì?” Cha tôi ngạc nhiên và nghi ngờ. “Để đăng báo ư?”

“Tất nhiên là không phải thế,” ông bác sỹ cam đoan, miệng mỉm cười. “Chỉ là để cho một tạp chí y khoa thôi. Tôi muốn viết một bài nghiên cứu về trường hợp này.”

“Viết bài ư?”

“Đúng thế. Khi một bác sỹ bắt gặp một trường hợp hiếm hoi như thế này, anh ta nên công bố những gì anh ta đã thấy.”

Cha tôi nhìn ông bác sỹ, rồi lại nhìn con nhân mã nhỏ bé. Tôi không tin đó là ý kiến hay, ông lầm bầm.

Ông bác sỹ nài nỉ: “Tôi sẽ đập mặt nó lại, sẽ không có ai biết nó là con anh.”

“Tôi không tin đó là ý kiến hay,” cha tôi nhắc lại.

Độc-tò Oliveira không chịu thua: “Tartakowsky này, đó là một tạp chí được đông đảo bác sỹ tìm đọc. Biết đâu chẳng có người sẽ có ý kiến về cách chữa

trị cho nó."

"Nhưng bản thân ông vừa nói không có cách chữa trị nào còn gì!" cha tôi hét tướng lên.

Đốc-tờ Oliveira biết là mình đã phạm sai lầm. Ông ta biện hộ: Tôi muốn nói rằng cho đến nay chưa thấy có các chữa trị nào cho một trường hợp loại này. Nhưng trong tương lai sắp tới biết đâu lại có một đồng nghiệp có thể phát hiện ra một loại thuốc mới nào đó, một phương pháp giải phẫu nào đó. Và rồi anh ta sẽ nhớ đến bài viết đã đọc được trong tạp chí ấy, sẽ liên lạc với tôi—biết đâu lại có thể làm được gì đó cho con trai anh?

Cuối cùng thì cha tôi bằng lòng. Làm sao có thể khác được? Nhưng ông đặt điều kiện: Đốc-tờ Oliveira phải mang các thiết bị chụp ảnh riêng của ông ta đến nhà chúng tôi—một chiếc máy ảnh to tướng cùng với chân đỡ—bởi lẽ cha tôi sẽ không chấp nhận đám thợ ảnh chuyên nghiệp. Cho người lạ đến đây ư, không bao giờ!

Việc chuẩn bị cho các bức ảnh thật phức tạp. Họ trói tay chân tôi vào với nhau, nhưng tôi vẫn quậy đuôi loạn xạ và thế là họ lại buộc nốt cả đuôi tôi lại. Lúc họ lấy vải đen trùm lên đầu tôi thì tôi bắt đầu khóc. Dừng lại, vì lòng yêu kính Thượng Đế, xin hãy dừng lại, một chị tôi hét âm lên. Im đi, ông bác sỹ vừa găm gù vừa loay hoay với cái máy ảnh cổ lỗ. Đã đến nước này, nhất định ta phải làm cho xong chứ. Lửa ma-nê sáng lóe, khiến cho hai chị tôi hoảng hốt khóc ré lên. Đưa chúng ra ngoài, Tartakowsky, Đốc-tờ Oliveira ra lệnh. Cha tôi bảo các chị tôi ra khỏi phòng, kể cả mụ đỡ cũng vậy. Ông bác sỹ tiếp tục chụp ảnh, hết kiểu này đến kiểu khác.

"Thôi đủ rồi!" cha tôi hét, không còn bình tĩnh được nữa. "Thế là đủ rồi!"

Ông bác sỹ biết cha tôi đã không thể chịu đựng được nữa. Không nói một lời, ông ta thu dọn máy ảnh các thứ linh kinh khác rồi téch thẳng.

(Ông ta gửi các tấm phim đến Porto Alegre để in trắng. Một thất bại hoàn

toàn. Chúng đều tối đen và mờ mịt, tồi tệ nhất là chúng không thể hiện được phần bên dưới của thân thể tôi. Người xem có thể phân biệt được là có một cái gì đó khác ở bên dưới thắt lưng, nhưng không thể nhận ra được là cái gì. Ông bác sỹ rất thất vọng vì không thể dùng được một bức ảnh nào. Chúng không nói được điều gì và không thể chứng minh được điều gì. Có xuất bản một bài viết minh họa bằng những bức ảnh như thế thì ông ta chỉ tổ bị đồng nghiệp coi là dối trá mà thôi. Cuối cùng, ông ta đành vứt hết những bức ảnh đó đi, nhưng vẫn giữ lại các âm bản.)

Dần dần cuộc sống gia đình tôi trở lại bình thường. Mọi người bắt đầu chấp nhận sự có mặt của con nhân mã.

Hai cô con gái—Deborah, mười hai tuổi, nhạy cảm và dịu dàng; và Mina, lên mười, hăng hái và thông minh—chăm sóc tôi. Họ thích nghịch với các ngón tay tôi và chọc cho tôi cười; thậm chí họ quên cả thân hình kì dị của tôi—tất nhiên là chẳng được bao lâu vì những cử động hoảng hốt của những bộ móng ngựa của tôi sẽ lại đem họ trở về thực tại. Tội nghiệp thằng bé, họ thờ dài, đâu có phải lỗi tại nó.

Bernardo cũng nhận tôi là em trai, nhưng vì các lí do khác. Anh ấy ghen; anh ấy cảm thấy tôi độc chiếm sự quan tâm chú ý của tất cả mọi người trong nhà mặc dù chỉ là một con quái vật. Anh thực sự tị với tôi: anh đã ước mình cũng có móng ngựa như tôi, nếu nhờ thế mà có được tình thương của hai chị gái.

Mẹ đỡ tiếp tục giúp chúng tôi, và cha tôi vẫn làm công việc của ông ngoài cánh đồng. Nhưng mẹ tôi vẫn nằm bẹp, không động cựa, chỉ suốt ngày nhìn lên trần nhà. Cha tôi lo sợ bà có thể phát điên. Nhưng ông không làm gì hết; ông không cho mời Đốc-tò Oliveira. Ông tránh làm bà khó chịu. Ông muốn bà có thời gian; đợi cho vết sẹo đáng sợ kia tự lành. Đêm đến, ông để một ngọn đèn trong phòng, vì ông biết rằng những ý nghĩ kinh hoàng luôn nhân

lên gấp bội trong bóng tối. Trong bóng đêm, những nhõn ảnh xấu xa cũng sinh sôi nảy nở như ròi bọ trong thịt thối vậy. Trong ánh sáng của cây đèn bão ấy, cha tôi cởi quần áo (nhưng không bỏ đồ lót; không ai nên trần truồng để người khác có thể nhìn thấy.) Ông nhẹ nhàng nằm lên giường. Ông không đụng đến bà, vì ông có thể cảm được nỗi đau của bà như thể nó nằm ngay trong da thịt của chính mình.

Hành vi thông minh và nhẫn nại của ông bắt đầu có kết quả. Mẹ tôi bắt đầu có những dấu hiệu bình phục: thỉnh thoảng một tiếng rên, thỉnh thoảng một tiếng thở dài.

Có một đêm, như thể mộng du, bà trở dậy và bước đến chỗ thùng gỗ nơi tôi nằm. Cha tôi lo lắng quan sát bà từ đằng sau cánh cửa—liệu bà sẽ làm gì đây? Bà chăm chú nhìn tôi trong vài giây. Rồi, với một tiếng kêu—“Con trai tôi!”—bà nhào xuống ôm lấy tôi. Giật mình trong giấc ngủ, tôi bắt đầu khóc. Nhưng cha tôi mỉm cười, miệng thâm thì, “Con xin tạ ơn Thượng Đế! Con xin tạ ơn Thượng Đế”, vừa nói vừa lau nước mắt.

Bây giờ, khi cả nhà đã quay quần trở lại quanh bàn ăn, mọi chuyện đã ổn, cha tôi quyết định đã đến lúc phải cắt da quy đầu cho đứa trẻ. Một con người thành tín, ông phải hoàn tất các bổn phận của mình. Cần phải cho đứa bé ra nhập tín ngưỡng cổ truyền của tổ tiên.

Thận trọng, sợ bà phản ứng, ông trình bày vấn đề đó với mẹ tôi. Bà chỉ biết thở dài (từ đó trở đi bà rất hay thở dài) rồi bảo, “Thôi được, Leon. Đi mời thầy Mohel (13) đi, hãy làm những gì phải làm.”

Cha tôi thắng con ngựa cái vào chiếc xe có mui vốn chỉ dùng đến trong những dịp đặc biệt như thế này, rồi vào thị trấn tìm thầy Mohel. Ông bảo thầy này rằng ông có một đứa con trai, rồi không đi vào chi tiết (tức là không nói thẳng bé là một con nhân mã), đề nghị thầy Mohel đến làm lễ cắt da quy đầu cho đứa bé ngay hôm đó vì thời hạn do luật định bắt buộc đã qua mất

rồi. Mà phải làm lễ này ở nông trại nhà, vì mẹ đứa bé ốm không thể đi đâu được.

Thầy Mohel, một người đàn ông nhỏ bé có bướu trên lưng và tật nháy mắt liên hồi, càng nghe cha tôi nói càng thấy nghi ngờ. Câu chuyện có vẻ sặc mùi bê bối chi đây. Cha tôi khẩn khoản: thầy ơi, chúng mình phải đi ngay thôi, đường xa đấy. Thế còn người làm chứng thì sao? thầy Mohel hỏi. Thật không may là tôi chưa tìm được ai làm chứng, cha tôi nói, nhưng phải làm lễ này cho thằng bé không cần người làm chứng thôi. Không có ai làm chứng ư? Thầy Mohel càng lúc càng không ưa vụ việc này. Nhưng ông ta đã quen với cha tôi khá lâu, và biết cha tôi là một người đứng đắn đáng tin. Hơn nữa, ông ta cũng đã quen với những thói kì quặc của dân quê. Ông ta lấy túi dụng cụ, cuốn kinh và tấm khăn lễ, rồi trèo lên xe ngựa.

Trên đường đi, cha tôi bắt đầu chuẩn bị tư tưởng cho ông ta. Thằng bé sinh ra có dị tật, ông nói, cố làm ra vẻ thản nhiên. Thầy Mohel lại lo lắng: có tệ lắm không? Tôi không muốn có đứa trẻ nào chết vì lễ cắt bì đâu nhé!Ồ không, không có gì phải lo cả, cha tôi an ủi, thằng bé dị tật nhưng rất khỏe, rồi thầy sẽ thấy.

Họ về đến nhà lúc mặt trời lặn. Thầy Mohel phàn nàn vì nỗi khó khăn của việc làm lễ cắt bì dưới ánh đèn. Vừa ra khỏi xe, ông ta vừa lăm bầm vừa vắng tục.

Cả nhà đã đông đủ cả trong phòng ăn. Thầy Mohel chào hỏi mẹ tôi, khen các chị tôi, nhắc lại chuyện ông đã làm lễ cắt bì cho Bernardo: cái anh chàng kia đã làm cho ta phải loay hoay mãi đấy nhá! Ông ta choàng tấm khăn lễ lên người, rồi hỏi nào đứa bé đâu rồi.

Cha tôi nhắc tôi ra khỏi thùng rồi đặt tôi lên bàn.

“Xin Thượng Đế hãy thương lấy chúng con!” thầy Mohel kêu lên, đánh rơi túi đồ và co rúm lại. Ông ta quay người chạy ra cửa. Cha tôi đuổi theo túm

chặt lấy ông. Đừng chạy thế, thầy Mohel! Hãy làm việc phải làm đi chứ!
Nhưng nó là một con ngựa! thầy Mohel kêu thét lên, cố thoát khỏi tay cha
tôi, ta không có nghĩa vụ phải cắt bì cho ngựa! Nó không phải ngựa, cha tôi
hét tướng lên, nó là một đứa trẻ tật nguyền, một thằng con trai Do Thái!
Mẹ và hai chị tôi thút thít khóc. Thấy ông Mohel đã thôi dẫy dựa, cha tôi
buông ông ta, khóa cửa lại. Con người nhỏ bé ấy loạng choạng dựa vào
tường, hai mắt nhắm nghiền, toàn thân lẩy bẩy. Cha tôi nhặt túi đồ mang đến
cho ông ta, nào, thầy Mohel. Tôi không làm được đâu, ông ta rên rỉ, tôi hãi
lắm. Cha tôi vào bếp rồi mang ra một cốc rượu mạnh (14).

“Thầy uống cái này đi. Sẽ thấy khá hơn đấy.”

“Nhưng tôi không có lệ...”

“Uống đi!”

Thầy Mohel uống một hơi cạn cốc rượu. Ông ta nghẹn, ho sặc sụa. “Khá hơn
chứ?” cha tôi hỏi. Có khá hơn, ông hỏn hển. Ông hướng dẫn cha tôi cách
thức giữ tôi trên lòng, rồi lấy lưỡi dao nghi lễ từ trong túi đồ ra. Nhưng ông
lại chần chừ. Ông đã giữ nó thật chặt chưa? ông ta hỏi, ngược mắt qua cặp
kính gọng. Rồi, cha tôi đáp, thầy cứ làm đi, đừng sợ gì hết. Nó có đá tôi
không? ông Mohel lại hỏi. Không có nguy hiểm gì đâu, cha tôi cam đoan,
thầy cứ làm đi.

Thầy Mohel đến gần. Cha tôi kéo hai chân sau tôi dặng ra. Và thế là họ đối
mặt nhau: cái cần dái tôi và thầy Mohel, cái cần dái khổng lồ và thầy Mohel
tí hon, thầy Mohel nhỏ bé đầy kinh hoàng. Thầy Mohel Rachmiel chưa hề
bao giờ thấy một cái cần dái như thế, phải, chính ông, người đã từng cử hành
không biết bao nhiêu lễ cắt bì trong đời. Ông ta cảm thấy đây sẽ là một trải
nghiệm bao trùm hết mọi thứ trong cuộc đời chuyên môn của mình, một lễ
cắt bì vĩ đại nhất, kí ức của nó sẽ theo ông xuống tận năm mồ của chính
mình. Ngựa hay không không thành vấn đề mấy nữa. Có một lớp da qui đầu

đây kia, và ông sẽ làm những gì mà luật định đòi hỏi đối với những lớp da qui đầu Do Thái ấy. Ông lấy lưỡi dao, hít vào một hơi thật dài...

Thầy Mohel ấy là một bậc lành nghề. Chỉ trong vài phút công việc đã xong xuôi, và ông ta kiệt sức ngồi phịch xuống chiếc ghế dựa trong khi cha tôi cố đỡ dành nựng nịu tôi đang khóc rống lên từng hồi, hết bọc tôi vào khăn lại bế tôi đi đi lại lại. Cuối cùng thì tôi cũng nín, và cha tôi lại đặt tôi vào trong thùng. Mẹ tôi xỉu hẳn; Deborah và Mina diu bà vào giường nằm.

Cho xin thêm rượu mạnh đây, thầy Mohel thì thảo, hầu như không nghe thấy tiếng. Cha tôi rót cho ông ta một cốc, cho mình một cốc. Gì thì gì, cha tôi cũng thấy hài lòng; Luật định đã được thực hiện. Cha tôi mời thầy Mohel ngủ lại qua đêm: chúng tôi có giường cho thầy. Thầy Mohel nhẩy dựng lên. Không đâu! Tôi không muốn thế! Cho tôi về nhà! Xin theo ý thầy, cha tôi đáp, vừa ngạc nhiên vừa băn khoăn—mọi việc đã xong xuôi tốt đẹp cả, sao phải nặng xị lên như thế nhỉ? Cha tôi khoác áo choàng lên rồi nói: nào, tôi xin hầu thầy. Thầy Mohel thu nhặt dụng cụ nhét cả vào cái túi, rồi chẳng chào hỏi gì ai, cứ thế mở cửa đi ra xe ngựa.

Chuyến về của họ im như tờ. Họ tới cửa nhà ông Mohel vào lúc tờ mờ sáng, gà đã bắt đầu gáy. Tôi nợ ông bao nhiêu? cha tôi hỏi lúc đỡ ông Mohel xuống xe. Không tiền nong gì cả, ông ta lẩm bẩm, ông không phải nợ nần gì tôi sắt, tôi không muốn ở ông cái gì sắt. Thôi được rồi, cha tôi nói, tay giữ chặt lấy ông ta, nhưng có một việc này. Chuyện này chỉ có ông với tôi biết với nhau thôi đấy, ông nghe chưa? Thầy Mohel nhìn cha tôi đầy căm ghét, giằng mạnh người ra khỏi tay cha tôi, bước vào nhà và đập cửa đánh sầm. Cha tôi lại trèo lên xe, chặc lưỡi ra lệnh cho con ngựa cái. Con vật mệt nhọc lại bắt đầu cất bước. Cha tôi đang trở lại với nông trại của mình, với gia đình của mình, với thằng Guedali bé bỏng.

Vài tuần lễ sau, tôi đã bắt đầu tập đi. Cái phần ngựa của cơ thể tôi phát triển

nhANH hơn phần người. (Liệu nó có già đi trước không? Có chết đi trước không? Những năm sau này đã cho thấy là không phải thế.) Hai bàn tay tôi vẫn động đậy không theo chủ đích gì, không có phối hợp gì với nhau; hai mắt tôi chưa nhận ra được các hình ảnh rõ rệt, và hai tai tôi cũng chưa phân biệt được các tiếng động khác nhau. Vậy mà hai cặp chân có móng ngựa của tôi đã không ngừng chạy quanh, mang trên nó một tấm thân còn chưa đủ sức thăng người lên, cứ oặt ẹo bên này bên kia như một con búp-bê bằng giẻ. Họ không nhìn được cười, cha mẹ và hai chị tôi (nhưng anh tôi thì không) khi thấy tôi vừa mới đang nằm trong thùng mà chỉ nhoáng cái đã chạy rông ngoài sân—làm cho họ lại phải vội vội vàng vàng đem tôi vào trong nhà. Có một điều cha tôi lập tức quyết định ngay: Guedali không được ra khỏi phạm vi nông trại. Nó có thể chạy quanh trên các cánh đồng gần nhà, nhặt dâu dại, tắm dưới suối. Nhưng không được để ai khác nhìn thấy nó. Là một người từng trải, Leon Tartakowsky biết cái tàn nhẫn của thiên hạ. Cần phải bảo vệ đứa con trai của mình, vì dù sao thì nó cũng là một sinh linh mỏng manh. Mỗi khi có người lạ đến trại, tôi ẩn nấp trong tầng hầm hoặc trong vựa lúa. Nép chặt mình giữa đồng dụng cụ mòn vẹt hoặc đồng đồ chơi cũ rích (búp-bê mất đầu, ô tô gãy) hoặc giữa đám bò cái đang im lặng nhai lại, tôi đau đớn với ý thức ngày càng rõ về những cẳng chân và móng ngựa của mình. Tôi buộc lòng phải nghĩ đến việc mà người ta gọi là đóng cá sắt cho những bộ móng ấy. Càng ngày tôi càng có ý thức về cái đuôi dày và đẹp của mình, về cái dương vật khổng lồ đã mang dấu cắt bì. Tôi cũng nhận ra cái bụng mình (to tướng, làm sao đôi bàn tay bé bỏng của tôi có thể gãi hết cái bụng này?) và bộ ruột dài dằng dặc giúp tiêu hóa và đồng hóa những thức ăn của tôi, thường là rất ngon đối với khẩu vị của người, đặc biệt là người Do Thái, những thứ như súp bò, cá rán, và bánh mì không có bột nở trong dịp lễ Vượt Qua (15), nhưng lại không thể đủ no đối với cơ thể ngựa của tôi.

(Tất nhiên, trước đây tôi cũng đã hình thành một cảm nhận lờ mờ về tấm thân quái dị của mình. Hãy tượng tượng ví dụ này. Đang nằm trong cái thùng của mình lúc mới vài tháng tuổi, chắc là tôi đã đưa một bàn chân lên miệng như những đứa hài nhi vẫn thường làm; và chắc là cái móng ngựa đã cứa đứt môi tôi, và chắc là cái cảm giác đau nhói nhức nhối ấy đã để lại trong tôi một cảm nhận về sự đối chọi giữa cứng và mềm, giữa cái dữ dằn và cái tinh tế, giữa chất ngựa và chất người. Đêm đó tôi đã nôn mửa. Cũng chẳng lạ gì.)

Dần dà, cái ý thức về thân phận quái dị của chính mình cứ sinh sôi nảy nở mãi ra trong tôi, trở thành một phần của bản ngã tôi, thậm chí trước khi tôi biết mở miệng hỏi cha mẹ tôi cái câu hỏi không thể lẩn tránh: Tại sao con lại như thế này? Cái gì đã khiến cho con sinh ra đời như thế này?

Với câu hỏi ấy, cha mẹ tôi chỉ biết trả lời quanh co. Những câu quanh co ấy chỉ làm tăng nỗi dằn vặt ngày càng thấm sâu vào toàn bộ con người tôi—một nỗi dằn vặt bắt nguồn từ những khởi đầu xa xôi nhất của tôi; đến tận, tôi nghĩ vậy, cái hình ảnh của con ngựa có cánh ấy. Nỗi dằn vặt ấy rồi sẽ kết tinh, đọng lại mãi mãi trong lõi tủy của xương cốt tôi, trong những mầm răng tôi, trong tế bào của bộ gan tôi. Nhưng tình yêu thương trong gia đình có tác dụng như một thứ dầu xoa thấm dần; những vết thương lành lại, những bộ phận dị biệt hòa hợp được với nhau, nỗi đau khổ trở thành có ý nghĩa. Tôi là một con nhân mã, một con vật huyền thoại, nhưng tôi cũng là Guedali Tartakowsky, con trai của Leon và Rosa, em trai của Bernardo, Deborah, và Mina. Tôi là một thằng bé Do Thái. Nhờ những hiện thực ấy, tôi không mất trí. Tôi đối mặt với cơn gió lốc khủng khiếp, đi qua bóng tối của nhiều đêm trường, và tới được phía bên kia vừa chóng mặt vừa mệt lả. Chỉ là một nụ cười nhợt nhạt mà Mina nhìn thấy trên mặt tôi buổi sáng ấy, nhưng thế cũng đã đủ để chị ấy vui sướng vỗ tay.

“Nào, Guedali! Lại đây chơi nào!”

Mina yêu thích cây cỏ và súc vật. Chị ấy biết tên của mỗi cái cây, biết phân biệt tiếng hót của những loài chim trong vùng, và có thể đoán được thời tiết qua cách chúng bay lượn. Chị câu cá giỏi hơn tất cả mọi người, dám tay không bắt rắn và nhện, chạy chân đất qua những cánh đồng mà không bị gai đâm, và trèo cây thoăn thoắt đến lạ lùng. Sờ nó chỗ này nọ, chị ấy bảo Deborah, xem da nó có mềm không này. Deborah nhú nhát đến gần hơn. Những ngón tay chị vuốt ve tôi, nghịch đuôi tôi. (Cái cảm giác ấy sống động trong tôi trong nhiều năm; mỗi lần nhớ lại, da tôi lại căng lên và rúng động như có một làn sóng sâu tràn qua trên khắp người.) Nếu tôi nằm xuống đất, các chị cũng nằm theo, dựa đầu vào hông tôi. Ở đây mới thích làm sao, Deborah nói, mắt ngược nhìn trời. (Một bầu trời không có mây, không có những hình thù có cánh.) Mina nhảy lên: mình chơi đuổi bắt đi nào! Tôi cố tình chạy chậm thôi để các chị bắt được, và mọi người cười ngặt nghẽo thật vui vẻ.

Bernardo quan sát chúng tôi từ xa. Càng ngày anh ấy càng thu mình lại nhiều hơn. Cha tôi rất ưa anh, một thằng bé cần cù, rất được việc ngoài đồng. Anh ấy còn rất có khả năng về cơ khí. Anh cải tiến các dụng cụ đồng áng, làm lấy những đồ làm bếp mà mẹ tôi rất tự hào khoe với mọi người, và làm cả các cái bẫy bắt chuột và thỏ. Nhưng anh ấy hầu như không nói với tôi một lời, mặc cho Deborah và Mina nài nỉ thế nào cũng mặc. Anh ấy thà làm như không biết có tôi trên đời này. Nhẽ ra tôi phải ở chung phòng với anh, nhưng cha tôi, cảm thấy thái độ thù nghịch của anh, quyết định xây một thêm một phòng khác cho tôi. Chỗ ở của tôi thật rộng, có một cái cửa riêng tha hồ đi khóa về mở. Mà thực là tôi cũng không nên quanh quẩn trong nhà nhiều quá. Chân tôi đi làm rung cả các bức tường, và những chiếc cốc pha-lê dùng để uống rượu vang mà mẹ tôi đã đem từ tận châu Âu sang, kho báu

duy nhất của mẹ, cứ lanh canh rất đáng sợ trong tủ bát đĩa. Dù sao thì mọi người vẫn phải tề tựu đầy đủ trong bữa ăn cho đúng nếp gia đình. Tôi đứng gần bàn, hai tay giữ đĩa thức ăn; cha tôi kể các câu chuyện trong Kinh Thánh và mẹ tôi canh chừng rất kĩ để yên trí là tôi được ăn no. Dần dần mọi người cũng phát hiện ra những cái đặc biệt trong khẩu phần của tôi: tức là tôi ăn rất nhiều (tôi nặng bằng nhiều đứa trẻ cùng lứa cộng lại) và hơn thế nữa là phải có rất nhiều rau cỏ lá lầu, như mù ỡ đã nhận ra từ rất sớm. Kết quả là cha tôi trồng cả một khu vườn lớn cung cấp bắp cải, xà-lách và rau cần cho tôi. Tôi lớn lên khỏe mạnh và phát triển đầy đủ.

Còn những vấn đề khác nữa, ví dụ như quần áo. Mẹ tôi đan những áo len chui đầu vừa với cơ thể tôi. Chúng có phần dưới giống như một thứ chăn bọc kín lưng và hai chân, vì miền Nam Brazil vào mùa đông cũng lạnh. Những việc ấy cũng an ủi mẹ được phần nào, mặc dù mẹ không bao giờ có thể hoàn toàn bình phục sau cú sốc từ bữa tôi ra đời. Nhiều lần mẹ nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên đau đớn, như thể đang tự hỏi, Đây là cái gì vậy? Làm sao một con vật như thế lại có thể chui ra từ bào thai của ta? Nhưng mẹ không nói gì, chỉ ôm tôi thật chặt, mà vẫn tránh không chạm vào bộ da của tôi vì bà có chứng dị ứng với lông ngựa.

Trong thời kỳ Cách mạng năm 1892, có nhiều câu chuyện lưu truyền về một con vật bí hiểm, nửa người nửa ngựa, thường xâm nhập các trại lính Bảo hoàng vào ban đêm, bắt một tân binh tội nghiệp rồi đem anh ta ra bờ sông chặt đầu. Đó không phải là tôi. Mãi sau này tôi mới ra đời kia mà.

Deborah dạy tôi đọc từ một cuốn sách về các huyền thoại của vùng Nam Brazil. Tôi học cực kì dễ dàng. Negrinho do Pastoreio và Salamanca do Jarau (16) đã thành bạn bè, thành một phần trong cuộc sống thường nhật của tôi. Tôi thích nghe Deborah đọc sách. Tôi thích ngắm nhìn chị viết hoặc vẽ. Và hơn hết cả, tôi thích nghe chị chơi vĩ cầm.

Cây vĩ cầm đã ở trong gia đình tôi qua nhiều thế hệ. Ông nội tôi, Abraham Tartakowsky, đã trao nó cho cha tôi với hy vọng biến ông thành một nhạc công vĩ đại như nhiều tên tuổi khác đã xuất hiện ở nước Nga trong thời kỳ ấy: Mischa Elman, Gabrilovitch, Zimbalist—tất cả đều là những thần đồng Do Thái. Nhưng cha tôi không thích âm nhạc. Ông miễn cưỡng học cách chơi cây đàn ấy, và ngay khi sang đến Brazil, ông cất nó vào hộp và không nhớ gì đến nó nữa. Deborah đã phát hiện ra cây vĩ cầm và đòi cha tôi dạy cách chơi. Chị có tai nhạc tuyệt vời và học được ngay lập tức. Từ bấy giờ, chị vẫn tập đàn mỗi ngày.

Một cảnh tượng đẹp:

Đứng trong căn phòng tràn ngập nắng của mình một buổi sáng, Deborah chơi đàn. Say sưa, hai mắt lim dim mơ màng, chị chơi những bản nhạc đã thuộc lòng, bản “Giấc mơ Tình yêu số 5” và nhiều bản khác. Tôi ngắm nhìn chị qua cửa sổ. Chị mở mắt và để ý thấy tôi, hơi giật mình, rồi mỉm cười.

Chị chợt có một ý tưởng: Guedali, em có muốn học chơi đàn không?

Tôi có muốn không ư? Hơn tất cả mọi thứ là đàn khác. Chị em tôi xuống tầng hầm—nơi từ bữa đó đã thành phòng học đàn của chúng tôi—và Deborah chỉ cho tôi các tư thế ngón tay, các chuyển động của cung vĩ. Tôi học rất nhanh.

Tôi lang thang trên những cánh đồng, vừa đi vừa chơi đàn. Giai điệu nhạc hòa trộn với tiếng gió thổi dài, với tiếng chim hót và âm thanh rung động của những bầy châu chấu; tất cả đẹp đến nỗi mắt tôi dừng lại. Tôi quên mọi thứ, quên cả chuyện tôi có móng ngựa và một cái đuôi. Tôi là một nhạc sỹ vĩ cầm, một nghệ sỹ.

“Guedali!” mẹ tôi gọi từ xa. “Về ăn đi con!”

Ăn ư? Tôi không muốn ăn. Tôi muốn chơi vĩ cầm. Tôi kéo đàn trên những sườn đồi, trong những đầm lầy với bộ móng ngựa trong nước lạnh giá, trong

những bụi rậm nơi lá cây rụng xuống hông và dính vào bộ da ướt át của tôi. Một chiều mưa tháng 9. Trên một bờ suối cao, tôi chơi một giai điệu tự mình nghĩ ra. Đột nhiên nghe một tiếng “póp”: một giây đàn bị đứt. Tôi ngừng chơi và trăn trăn ngó cây đàn. Rồi không nghĩ ngợi gì, không ngập ngừng gì hết, tôi cứ thế ném nó xuống con suối bên dưới. Giòng nước ngầu bùn từ từ cuốn nó đi. Chạy dọc bờ suối, tôi đi theo chuyển động của cây đàn. Tôi thấy nó vướng vào một thân cây ngập dưới suối, tôi thấy nó chìm. Rồi tôi đi về nhà.

Trên đường đi tôi mới vỡ lẽ việc mình vừa làm. Bây giờ thì sao đây? Tôi luống cuống. Biết nói với mọi người thế nào? Tôi chạy nước đại, hết tới lại lui, không đủ can đảm về nhà. Cuối cùng tôi mở cửa. Deborah đang ngồi trong phòng ăn, đọc sách dưới ánh đèn lồng. Em đánh mất cây vĩ cầm rồi, tôi nói ngay từ ngưỡng cửa. Chị nhìn tôi, không thể tin được: “Em đánh mất đàn hã Guedali? Như thế nào mới được chứ?”

Em đánh mất nó rồi, tôi nhắc lại, giọng run rẩy và lo lắng. Cha tôi vào: Có chuyện gì vậy, Guedali? Con đánh mất cái đàn ư? Con mất nó rồi, tôi nói lại, con để quên nó ở đâu đó, con không thể nhớ là ở chỗ nào.

Mọi người đổ đi tìm cây đàn, mang theo đèn bão. Họ đi khắp các cánh đồng trong nhiều giờ đồng hồ. Cuối cùng thì họ cũng tin rằng cây đàn đã mất thật rồi. Và với mưa đang rơi như trút thế này thì nó sẽ hỏng hết mất thôi. Mọi người quay về nhà. Deborah khóa cửa phòng lại rồi khóc, còn Mina thì mắng tôi vì tội cầu thả đến thế.

Khuya đêm hôm đó, tôi cố tự tử bằng được.

Một mình trong tầng hầm, tôi loay hoay nhổ một cái đinh thật to từ một tấm ván mục. Tôi đâm cái đinh ấy vào lưng, vào bụng, vào chân, cắn răng để khỏi khóc. Máu chảy; tôi không ngừng tay, mà tiếp tục gây thương tích cho

chính mình. Đúng lúc ấy thì Bernardo xuất hiện, vào tìm một dụng cụ gì đó. Anh ấy thấy tôi: Mày làm cái gì vậy hả? anh hốt hoảng. Rồi anh hiểu ra, tiến lại phía tôi, cổ tước võ khí của tôi. Tôi chống lại. Chúng tôi đánh nhau, rồi thì anh giằng được cái đinh trong tay tôi. Anh chạy đi gọi Deborah và Mina. Các chị tôi chạy đến. Họ băng bó cho tôi. Và suốt đêm đó họ ở lại bên tôi, kể chuyện cho tôi nghe. Những câu chuyện về các con rồng và những chàng hoàng tử, bọn tí hon và những người khổng lồ, phù thủy và thầy cúng. Chẳng ra gì, các chị ơi, tôi nói, em ước gì mình được là người, là người như cha, như Bernardo. Các chị tôi chẳng biết nói gì, họ hoang mang, chỉ biết khuyên tôi hãy cầu nguyện thật nhiều. Và thế là tôi cầu nguyện, tâm trí hướng cả về Thượng Đế cho đến lúc ngủ thiếp đi. Nhưng cái hình hài hiện đến với tôi trong giấc mơ không phải là của Đức Jehovah (17), mà là của con ngựa có cánh bí hiểm.

Những tuần lễ sau đó tôi tránh mặt mọi người trong nhà. Tôi không muốn nói chuyện với ai. Tôi chạy nước đại khắp các cánh đồng, mỗi ngày một xa hơn. Vì thế mà tôi gặp cậu bé người Indian (18).

Cậu bé từ trong rừng bước ra khi tôi đang bước dọc con đường mòn. Cuộc chạm chán tình linh làm cả hai chúng tôi đứng sững lại. Vừa ngạc nhiên vừa nghi ngại, chúng tôi ngó nhau chăm chăm. Tôi thấy một thằng bé trần truồng màu đồng đỏ tay cầm cung tên—một người đi săn. Tôi biết về cuộc sống của người Indian từ các câu chuyện kể của hai chị tôi. Nhưng nó đang nghĩ gì về tôi? Nó có thấy tôi lạ lùng không? Không thể biết được. Nó nhìn tôi hoàn toàn không tỏ một thái độ gì hết.

Tôi chân chờ. Nhẽ ra tôi phải chạy trốn, phải về nhà ngay, như lời cha tôi đã dặn, nhưng tôi không muốn bỏ chạy một tí nào. Tôi đến gần cậu bé Indian, bàn tay phải đưa lên làm dấu hiệu hòa bình, miệng nhắc đi nhắc lại, “Bạn, bạn,” giống như các nhân vật da trắng trong những câu chuyện của chị tôi

kể. Nó đứng im, không rời mắt khỏi tôi. Tôi nên có quà cho nó, nhưng cái gì mới được nhỉ? Tôi chẳng có gì trong người. Thế rồi tôi chợt nghĩ ra. Tôi cởi chiếc áo len chui đầu và đưa nó cho cậu bé, “Quà tặng, bạn!” Nó không nói gì, nhưng nó mỉm cười. Tôi nài: “Cầm lấy, anh bạn! Áo tốt đấy! Mẹ đan đấy!” Bây giờ thì chúng tôi đứng rất gần nhau. Cậu bé cầm lấy cái áo len, tò mò xem xét nó, ngửi nó. Rồi cậu buộc cái áo quanh thắt lưng. Cậu đưa cho tôi một mũi tên, từ từ bước lùi lại chừng hai mươi bước. Rồi cậu quay lưng, biến mất vào rừng.

Tôi về nhà và khóa cửa phòng. Cha tôi đến gọi tôi ra ăn tối; tôi bảo cha con không ra đâu, con không đói. Tôi không muốn nói chuyện với ai hết. Tôi đi nằm, nhưng không thể ngủ được, tôi quá phấn khích. Đời tôi đã thay đổi rồi, vì tôi đã tìm được một người bạn. Nắm chặt mũi tên trên ngực, tôi nghĩ ra các kế hoạch. Tôi sẽ dạy thằng bé Indian (thậm chí tôi đã đoán tên nó là Peri) ngôn ngữ của tôi, còn nó sẽ dạy tôi ngôn ngữ của nó. Chúng tôi sẽ là những người bạn đồng hành vĩ đại, Peri và tôi. Chúng tôi sẽ cùng nhau thám hiểm khu rừng. Chúng tôi sẽ có những chỗ ẩn náu bí mật, những thỏa ước, những nghi lễ. Và chúng tôi sẽ không bao giờ rời nhau.

Không đợi được đến sáng, tôi chạy ù ra chỗ tôi đã gặp cậu bé, mang theo một vài món quà quý giá: những món đồ chơi tôi đã có trong các dịp sinh nhật, trái cây đang mùa, và một cái vòng cổ của mẹ tôi mà tôi đã nhón được qua cửa sổ. Mẹ tôi thích cái vòng cổ ấy lắm, tôi biết. Nhưng mà vì bạn, người ta có thể làm mọi chuyện, kể cả ăn cắp.

Thằng bé Indian không có đó. Mà tại sao nó lại phải ở đó chứ? Tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng nhất định tôi sẽ gặp nó ở đó, rằng nó không thể không có mặt ở đó được. Tôi dạo một vòng ngắn quanh chỗ ấy; tôi trèo lên một trái đồi và nhìn ra khắp nơi. Không có ai cả. Tôi lại vào rừng:

“Peri! Tớ đây mà!”

Nó không xuất hiện. Tôi đợi nó nhiều tiếng đồng hồ. Chẳng có gì hết. Thất vọng, tôi trở về nhà, giam mình trong phòng, lại không chịu ăn. (Bụng tôi, cái bụng ngựa của tôi, sôi òng ọc, nhưng mồm miệng tôi khô đắng, không muốn đụng đến thứ gì hết.)

Hôm sau tôi lại đến chỗ gặp nhau. Và hôm sau nữa, Peri vẫn không đến. Cuối cùng, tôi buộc lòng phải kết luận rằng thằng bé đã bỏ rơi tôi. Ngay cả bọn Indian cũng không muốn dây đến tôi rồi, tôi cay đắng trong lòng.

Lại một lần nữa tình thương của hai chị tôi đã cứu sống tôi. Họ chơi đùa với tôi và xua tan mọi ưu phiền ra khỏi trí óc tôi. Nhờ có hai chị, tôi lại bắt đầu biết cười.

Nhưng tôi không quên được Peri. Có thể nó đã gặp chuyện gì đó, có thể nó ốm; có thể nó sẽ còn tìm cách gặp lại tôi. Tôi biết người Indian rất giỏi lẩn dấu vết. Đôi khi tôi tỉnh giấc giữa đêm khuya và tưởng tượng như có ai đang gõ cửa phòng mình.

“Peri đấy ư?”

Không phải Peri. Chỉ là gió, hoặc con chó Pharaoh của chúng tôi. Tôi thờ dài, lẩn tìm mũi tên vẫn dẫu ở dưới nệm, rồi lại ngủ thiếp đi.

Có vớt đàn vĩ cầm xuống suối hay không, có cố tự tử hay không, có tìm thấy bạn rồi lại mất bạn hay không, tôi vẫn tiếp tục sống.

Cuộc sống nông trại rất yên bình. Những ngày trong tuần đều đầy ắp những công việc nặng nhọc. Và tôi cũng bắt đầu góp sức mình. Cha tôi giận dữ phản đối việc tôi kéo cây, nhưng bây giờ tôi đã trồng được cả một mảnh vườn riêng của mình, và còn trồng cả ngô nữa. Những bắp ngô chín với hạt mẩy như vàng ròng thẹn thò sau làn vỏ bẹ cho tôi một khoái cảm sâu xa.

Vào những tối Thứ Sáu, mọi người mặc những bộ quần áo đẹp nhất. Chúng tôi quây quần quanh bàn ăn. Bộ cốc pha lê mang từ châu Âu sang sáng lấp lánh trên nền khăn trải bàn trắng muốt. Mẹ tôi thấp nển, cha tôi ban phước

lành cho rượu vang, và chúng tôi cùng đón mừng ngày Sabbath đang đến. Chúng tôi cũng kỉ niệm lễ Vượt Qua và Năm Mới Do Thái. Chúng tôi nhịn ăn trong dịp lễ Yom Kippur (19)—mọi người (trừ tôi) đều đến nhà nguyện trong thị trấn ngày hôm đó. Trong những dịp ấy cha tôi và thầy Mohel thường đưa mắt liếc xéo nhau mà không nói một lời.

Lúa mỳ trồng theo vụ; gà ấp, đẻ trứng, rồi bị giết để hiến tế. Bò cái đẻ con. Một lần (thật khủng khiếp) một đám mây châu chấu bay qua trại, may mà không gây quá nhiều thiệt hại. Mùa màng nối tiếp nhau. Theo lời cha thì đó là những năm tháng tốt lành, không bị quá khô hạn, cũng không quá nhiều mưa. Nhờ ở cha mà tôi hiểu được các tuần trăng, và ông còn dạy tôi cả những bài hát bằng tiếng Yiddish. Chúng tôi cùng nhau hát quanh chiếc lò sưởi đốt củi nơi ngọn lửa cháy lung linh thật dễ chịu. Chúng tôi uống trà với bánh ngọt, nhiều lần còn có ngô rang, hạt dẻ nóng, khoai lang nướng. Hình ảnh một gia đình đoàn tụ thật hấp dẫn, đến nỗi có thể che khuất cả hình ảnh một con vật nửa ngựa (đang nằm dưới sàn nhà và đắp chăn gòn kín) vốn là nửa kia của một con vật nửa người. Nhìn mặt tôi thì hầu như có thể được—ở tuổi 11, tôi là một thằng bé dễ coi, với bộ tóc nâu, cặp mắt linh lợi, một cái miệng khỏe mạnh—cũng như có thể nhìn cả phần trên của cơ thể tôi, còn phần dưới thì quên đi. Tôi có thể thư giãn hầu như hoàn toàn trong hơi ấm của lửa sưởi và mặc cho thời gian trôi đi, không nghĩ đến bất cứ chuyện gì. Nhưng cha mẹ tôi không quên, cũng không thể thư giãn, hoặc ngừng nghĩ ngợi, đặc biệt là cha tôi. Nhiều lần ông trở dậy trong đêm để quan sát tôi trong giấc ngủ. Ông nhìn tôi sợ hãi, đầy lo âu: tôi ngủ không yên, mồm lúng búng, hai chân ngo nguậy. Ông nhìn chăm chú cái cần dái khổng lồ của tôi, một cái cần dái đã cắt bì, nhưng vẫn cứ là một cái dái ngựa. Đàn bà nào (Đàn bà: cha tôi thậm chí không thể tưởng đến có một giống cái nào khác. Một con ngựa cái chẳng hạn, không bao giờ lọt vào ý nghĩ của ông. Với cha,

tôi là một thằng con trai đang lớn, một thằng con trai với những bộ phận thừa thừa di thường, có thể thế, nhưng vẫn cứ là một thằng con trai.) có thể chấp nhận nó, cha tự hỏi, đàn bà nào có thể chịu ngủ với nó? Một gái điếm, có thể, một đàn bà điên khùng say rượu, một đồ mạt hạng. Còn một đứa con gái Do Thái nhà lành ư, như bọn con gái nhà Erechim chẳng hạn? Không bao giờ! Chỉ cần nhìn thấy nó thôi là chúng sẽ ngất xỉu hết.

Dù sao, cha tôi biết, sẽ đến ngày đứa con trai Guedali của ông sẽ thấy thèm muốn một đàn bà. Một thèm muốn không thể cưỡng lại được. Rồi sẽ xảy ra chuyện gì? Cha tôi thậm chí không muốn nghĩ đến chuyện gì có thể sẽ xảy ra vào một đêm xuân tháng 9.

Buổi tối sinh nhật lần thứ 12 của Guedali.

Một đêm nóng bức, ngay cả với tháng 9. Nóng không chịu nổi.

Đêm ấy, thằng con trai không thể ngủ được. Bứt rứt, mặt nóng bừng, nó sẽ lăn từ phía này sang phía kia trên chiếc nệm rơm. (Một cơn cương cứng: ống dái vĩ đại của nó dựng đứng, rắn rết. Làm gì bây giờ? Thủ dâm chăng?

Không thể được, những ngón tay nó không chịu sờ vào dái ngựa.) Không thể chịu đựng nổi nữa, Guedali sẽ đi ra khỏi cửa và thẳng ra phía cánh đồng. Nó sẽ cọ vào cây cối, nhảy xuống sông, nhưng không có gì làm cho nó bình tĩnh lại được. Nó sẽ phi nước đại mà không biết phóng đi đâu, khiến cho bọn chim ăn đêm phải giật mình.

Trong một nông trại láng giềng, gần một hàng rào làm bằng thân cây, nó sẽ gặp một đàn ngựa. Ngựa cái và ngựa đực, im lìm dưới ánh trăng, đều nhìn nó chằm chằm.

Con nhân mã sẽ nhẹ nhàng lên đến. Con nhân mã sẽ thấy một con ngựa cái, một con ngựa cái màu trắng tuyệt đẹp với bộ bờm dài. Con nhân mã sẽ vuốt ve cái cổ lụa là bằng đôi bàn tay run rẩy, con nhân mã sẽ thì thầm những lời vô nghĩa ngọt ngào vào đôi tai cô nàng. Con nhân mã: miệng khô, mắt thao

láo, con nhân mã sẽ thành linh trèo lên nàg. Và nơi ấy bỗng hoang dại hẳn đi, cả bầy súc vật cuống cuống chạy lên chạy xuống, ném mình vào hàng rào, trong khi con nhân mã hét lên, “Ta sẽ ấy nó! Mẹ kiếp, ta đéch cần gì hết, ta sẽ ấy nó bằng được!”

Bất cần đời, nó sẽ thỏa mãn rất nhanh, như thể một kẻ muốn chết. Rồi nó sẽ chạy ra sông và cử hành một cuộc tắm tẩy trần.

(Móng nó sẽ đâm phải cái gì đó dưới lớp bùn đáy sông. Có phải cây vĩ cầm chăng?) Nó sẽ trở về nhà và im lặng lén vào phòng mình như một tên kẻ trộm.

Nhưng câu chuyện chưa kết thúc ở đó. Đến thế thì cha tôi còn có thể chịu được, ít nhất là trong những tưởng tượng nửa mơ nửa tỉnh của ông. Nhưng đâu phải chỉ có thế.

Con ngựa cái bắt đầu theo chân Guedali khắp nơi.

Đang đêm, con nhân mã tỉnh giấc, bồn chồn, và nghe tiếng ư ử van vãn: con ngựa cái đang ở ngay bên ngoài cửa sổ phòng nó.

Guedali vùi đầu xuống dưới gối. Không ăn thua gì. Nó vẫn thấy con kia. Nó trở dậy, cố xua con ấy đi: “Đi khỏi đây ngay! Biến đi!” nó hạ giọng gầm gào, rất sợ sẽ làm cha mẹ nó thức giấc. Nhưng con ngựa cái không đi.

Guedali ném đá vào nó, lấy cán chổi đánh nó. Không ăn thua gì.

Cô nàg còn theo nó giữa thanh thiên bạch nhật. Người chủ cô nàg buộc phải đến tìm. Đầy nghi ngờ, ông ta nói với Leon, “Chẳng biết con Magnolia nhà tôi có chuyện gì mà lúc nào nó cũng xông chuồng chạy sang đây như thế.” Ông ta đóng yên cương cho nó, nó chồm lên, kêu nhặng xị, không chịu đi. Ông ta quát nó bằng roi, thúc sâu bộ đỉnh thúc ngựa ở gót giày vào hai sườn nó, và cuối cùng họ chạy đi và biến mất vào một đám mây bụi. Từ trong chỗ ẩn náu của mình dưới hầm nhà, Guedali thở dài nhẹ nhõm. Nhưng khi đêm đến—lại những tiếng ư ử nài nỉ ấy. Đến gần sáng thì nó chợt nghĩ:

liệu con ngựa cái có đang mang thai hay chẳng? Khả năng ấy làm nó hãi hùng. Hình ảnh một con nhân mã nữa, một con ngựa, hoặc tồi tệ hơn nữa là một con quái vật mình ngựa đầu người, hoặc một con ngựa với cặp môi người, hoặc cặp tai người, hoặc một con ngựa cái non với cặp vú người, hoặc một con ngựa với cặp chân người—những hình ảnh ấy không dễ cho Guedali yên.

Mà Pasha cũng không thể yên. Pasha, con ngựa đực to lớn màu hạt dẻ, bạn tình nghiêm chỉnh của con ngựa cái mà giờ đây bị nó khinh bỉ. Pasha sẽ tìm đến nó và đòi hỏi trả thù. Và Guedali sẽ không thể tránh được trận tử chiến cuối cùng.

Một đêm Pasha sẽ đập cửa Guedali với bộ móng của nó. Guedali sẽ hét lên, “Thế là đủ rồi!” và xông ra đối mặt với địch thủ của mình dưới tia nhìn đầy khích lệ của con ngựa bạch cái.

Sẽ là một trận móng chọi móng, và đôi bàn tay trai trẻ chọi với bộ răng ngựa đực, một trận đấu khủng khiếp. Về mặt sức vóc cơ thể, con ngựa đực sẽ có lợi thế; nếu Guedali có cản nó cũng khó lòng làm da nó bị xây xước. Những cú đâm của Guedali có thể mạnh mẽ, nhưng hàm răng Pasha còn mạnh mẽ hơn. Còn trí thông minh của Guedali thì sao? Liệu nó có áp đảo được bản năng và cơn giận dữ của một con thú đang chiến đấu vì cuộc sống và bạn tình của nó? Liệu Guedali có đủ nhanh trí để trang bị cho mình một con dao chặt thịt, và sử dụng được nó đúng vào giây phút may mắn nhất?

Cha tôi thổ lộ những lo sợ của ông với mẹ tôi. Bà không để lỡ thời cơ ấy: vậy thì chúng ta hãy rời khỏi nơi này, Leon à. Tôi vẫn luôn bảo ông rằng mình nên đến một nơi nào có ít thú vật thôi, nhất là ngựa. Mình về thành phố đi, Leon. Ở đó có bác sỹ giỏi, có bệnh viện—có khi họ sẽ biết cách chữa trị thể nào đó cho con trai. Mình có tiền tiết kiệm, ông có thể mở một doanh nghiệp. Và mình sẽ sống ở một chỗ hẻo lánh, nơi sẽ không có ai phát hiện ra

Guedali.

Rời bỏ nông trại ư? Cha tôi tự hỏi trong khi dạo bước trên những cánh đồng. Ý tưởng ấy làm phiền ông, bởi lẽ ông rất gắn bó với nơi này. Ông thích được cày bừa, gieo hạt, được cảm thấy những bông lúa chín trĩu chội giữa các ngón tay mình. Hơn nữa, chẳng phải việc rời bỏ mảnh đất này sẽ là một hành động phản bội lại những kí ức thiêng liêng về Nam tước Hirsch hay sao? Cha tôi không biết quyết bề nào.

Rồi thì những sự kiện xảy đến thỉnh thoảng đã buộc ông phải quyết định.

Tôi bị phát hiện.

Không phải do ai mà lại chính là thằng Pedro Bento, con trai của ông chủ trại hàng xóm, một thằng tính tình rất đáng ghét. Cưỡi con Pasha để đuổi theo một con bê xổng chuồng, nó bất ngờ lạc vào đất của chúng tôi.

Cha tôi và tôi ở rất xa nhà, đang trồng lúa mỳ trên một cánh đồng. Cha nổi giận: tôi đã cứ khăng khăng đi theo trái với ý ông. Và đúng lúc ông đang nói với tôi rằng ông không thích tôi cứ lộ diện nhiều như thế thì Pedro Bento xuất hiện. Chạy đi, Guedali! cha tôi hét lên, nhưng đã quá muộn; trước khi tôi kịp trở tay, Pedro Bento đã ở ngay bên chúng tôi. Nó xuống ngựa và đến gần hơn, kinh ngạc xem xét tôi. Nó định chạm vào tôi, nhưng tôi sợ hãi lùi lại, trong khi cha tôi, mặt đau đớn, chỉ biết đứng nhìn một cách bất lực.

“Ông Leon, đây là con vật gì vậy?” Pedro Bento hỏi. “Nói đi nào, nó là cái gì vậy? Ông tìm đâu ra một con vật buồn cười đến thế?”

Cha tôi lắp bắp giải thích chẳng ra đâu vào đâu, cuối cùng đề nghị Pedro Bento giữ bí mật chuyện này. Cha cho nó tiền. Thằng ranh cầm tiền, hứa sẽ không nói với ai, nhưng đặt một điều kiện: nó muốn hàng ngày quay lại để nhìn tôi. Cha tôi chẳng có cách nào khác, phải đồng ý vậy.

Thế là ngày nào Pedro cũng quay lại. Nó bắt đầu hỏi chuyện tôi, còn tôi thì trả lời nhất gừng. Nhưng tôi bắt đầu thích nó. Nó thân thiện, kể những

chuyện thú vị. Liệu nó có thành người bạn đầu tiên của tôi? Liệu nó có thay thế được Peri?

Một hôm nó mời tôi đi dạo với nó trong cánh đồng. Như thường lệ, nó cười con Pasha, và chúng tôi lên đường nước đại. Nó có vẻ khang khác; phần khích, mắt long lanh, và không trả lời các câu hỏi của tôi. Thỉnh thoảng nó lại huýt một tiếng sáo thật dài. Rồi bất thành linh, khi chúng tôi đang băng qua một quãng rừng, nó nhảy ra khỏi con ngựa và phóc lên lưng tôi.

“Mày làm cái gì thế hả?” tôi kêu lên, vừa giật mình vừa tức giận.

Nó cười phá rồi rú lên những tiếng kêu đặc thủng, và lập tức tôi hiểu ra vấn đề: ba thằng to con, đều là anh em với Pedro, từ trong rừng bước ra.

“Thấy chưa?” nó tru lên. “Thấy chưa nào? Tao có nói dối không nào?”

Bật khóc vì sợ hãi, tôi đứng dựng lên và quay xung quanh, cố hất nó ra khỏi lưng. Nhưng không thể được. Đã quen với việc luyện thuần những con ngựa hoang, Pedro Bento xiết chặt hai cánh tay quanh cổ tôi, xuýt nữa làm tôi chết nghẹt. Cuối cùng, tôi vùng phóng chạy về nhà. Lúc ấy thì nó sợ.

“Dừng lại, Guedali! Dừng lại! Cho tao xuống! Tao chỉ đùa thôi mà!”

Tôi mặc kệ. Tôi không nghe. Tôi phóng chân chạy miết cho đến khi về đến nhà. Giật mình vì tiếng ầm ĩ, cha tôi từ trong vựa lúa chạy ra. “A, thằng chó đẻ!” ông hét lên, mất hết lý trí. Ông giật Pedro Bento ra khỏi lưng tôi, giáng một cú đấm làm nó ngã lộn nhào, và cứ thế đấm đá nó cho đến khi thằng khốn ngất xỉu trên đất, mặt mũi đầm đìa máu.

Đêm đó có một trận bão. Rồi trời mưa không ngớt trong suốt hai tuần lễ liên. Vụ lúa mỳ hỏng hết. Nước lũ xói những khe rãnh lớn trên mặt đất đỏ, làm lộ ra những hòn cuội hình thù kì dị, những mũi tên, những bình bát bằng đất sét. Và cả một bộ xương ngựa, một bộ xương nguyên vẹn, nằm nghiêng, đầu vươn lên trước với bộ hàm há hốc, hai hố mắt lấp đầy đất sét.

Chúng ta phải đi khỏi đây thôi, cha tôi nói. Phải về thành phố thôi.

Thật đau đớn cho tôi phải rời cái nông trại đó. Bộ móng ngựa của tôi đã biết quá rõ những vạt đồng cỏ và đất đai ở đây, liệu chúng có chấp nhận mặt bê-tông của chốn thị thành? Tôi phóng qua những cánh đồng ấy một lần cuối, chào biệt cây cối, chim chóc, và con suối. Tôi thì thầm giã biệt đám bò cái và bê nghé. Ở chỗ tôi đã gặp Peri, tôi để lại một món quà, một chiếc áo sơ-mi gói trong một tờ báo.

Tôi trở lại phòng mình, nhìn quanh, và thở dài. Mặc dù mọi chuyện, cuộc sống ở nơi này đã thực sự tốt lành.

Không có xe tải và cũng không biết lái xe, cha tôi thuê hai cỗ xe ngựa có mui khổng lồ để dọn nhà. Trên một xe, do anh tôi cầm cương, là vài thứ gia dụng: đồ đạc, quần áo, bộ cốc pha lê mang từ châu Âu sang, bức ảnh chụp Nam tước Hirsch. Trên cỗ xe kia, do cha tôi cầm cương, có tôi, ẩn nấp kĩ dưới một tấm vải bạt. Mẹ tôi và hai chị đi bằng xe buýt.

Mụ đỡ đến chào từ biệt. Vừa khóc, mụ vừa ôm chầm lấy tôi, nước mắt ướt đầm bộ da tôi. Cầu xin Thượng Đế phù hộ cho con, con trai của ta! Mụ đưa cho tôi một gói bưu phẩm của Đốc-tờ Oliveira gửi đến. Trong gói là những tấm phim âm bản mà ông đã chụp tôi, và một mảnh giấy viết rằng tôi nên tự mình hủy những tấm phim ấy, hoặc giữ chúng làm kỉ niệm phòng khi có ngày, nhờ một cách điều trị nào đó, tôi lại thành một con người bình thường. Ngay trước lúc chúng tôi lên đường, thầy Mohel xuất hiện. Ông ta không nói gì, chỉ đưa cho tôi một cuốn kinh cầu nguyện bằng tiếng Hebrew và một tấm khăn lễ thêu rất cầu kỳ, rồi bỏ đi.

Và thế là chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình.

Tôi chỉ còn nhớ được những kỉ niệm lẫn lộn về chuyến đi ấy: hình ảnh cha tôi ngồi trên chỗ xà ích, người quán trong một tấm chăn của nông dân, nước mưa rùng rùng từ mép chiếc mũ rộng vành. Những cái lưng ướt đầm của cặp ngựa kéo xe ánh lên dưới ánh sáng nhợt nhạt của buổi rạng ngày. Con đường

nhỏ hẹp lầy lội. Cây cối với những cành gãy gục. Cái sọ trắng trắng của một con bò đực cắm trên một cây cọc rào. Những con chim sáo màu đen đậu vắt vẻo trên lớp giấy thép gai.

Chúng tôi chậm chạp tiến, dừng lại nghỉ nhiều lần. Chúng tôi tự nấu nướng và ngủ ngay bên vệ đường. Ban đêm, tôi duỗi chân, tê dại vì suốt ngày không động cựa. Tôi phi qua những cánh đồng bên đường, chạy lên một quả đồi nhỏ, chồm lên trên hai chân sau, đấm hai nắm tay lên ngực, hí lên một tiếng man dại. Bernardo nhìn tôi trách móc, còn cha tôi thì kêu lên, đồ ngốc kia, quay lại đây ngay! Mày muốn chúng nó phát hiện ra mình à? Tôi chạy nước đại trở lại, dừng trước mặt cha rồi ôm chặt lấy ông. Cha tôi cao, nhưng tôi còn cao hơn vì cặp chân dài, và tôi phải cúi xuống để thì thầm vào tai ông: “Cha ơi, con đang hạnh phúc.” (Thật thế, tôi đang hạnh phúc.)

Chúng tôi trở lại chỗ lửa trại của mình. Anh tôi lẳng lặng nấu cơm, gương mặt răn dạy của anh ấy sáng bừng lên vì ánh lửa.

Cuối cùng, chúng tôi đến Porto Alegre. Cha tôi thở dài nhẹ nhõm: ở đây con sẽ được yên bình, con trai của ta. Sẽ không có ai soi mói con. Người thành phố không quan tâm đến cái gì hết.

Chú Thích

(5) *Yiddish là ngôn ngữ của các cộng đồng Do Thái sống ở Đông và Trung Âu. Nó là một thứ ngôn ngữ Đức có pha trộn từ vựng Hebrew (tiếng Do Thái) và Slavic.*

(6) *Một nhân vật có thật trong lịch sử: Nam tước Maurice de Hirsch (1831 - 1896), một nhà công nghệ rất giàu có ở Pháp. Ông đó cùng với vợ là Clara Hirsch làm rất nhiều việc từ thiện, đặc biệt là giúp đỡ người Do Thái ở khắp thế giới. Năm 1909, ông giúp Hiệp hội Khai hoang Do Thái mua 94.000 âycơ đất trong hạt Quatro Irmaos để những người Do Thái ở Đông Âu có*

thể lánh nạn sang đó lập nghiệp. Gia đình Tartanovsky trong truyện này chính là một trong những gia đình Do Thái ấy.

(7) Progom là thế này: những người Cốt đắc say rượu tấn công ngôi làng, thúc những con ngựa điên của họ xông thẳng vào người già và trẻ con, vung những lưỡi mã tấu của họ vào mọi phía. Họ sẽ giết đám dân sống ở đó, cướp phá và đốt trụi ngôi làng, rồi kéo nhau đi, để lại sau những tiếng gào thét than khóc còn vọng mãi trong đêm tối.

(8) Nguyên văn: werewolf - một quái vật rất hay gặp trong các truyền thuyết phương Tây, là người, nhưng trong những đêm sáng trăng lại biến thành chó sói.

(9) Rabbi (đọc là ra-bai) là trưởng quan tôn giáo trong một nhà nguyện (đền thờ) Do Thái, đồng thời cũng được coi là thủ lĩnh tinh thần của cộng đồng đó. Khi dịch Kinh Thánh, ông Phan Khôi dịch chữ này thành "thầy cả tế lễ". Tôi thường dùng chữ "thầy cả", và có vẻ đó thực sự là ý nghĩa của chữ này trong cách xưng hô của người Do Thái với Rabbi của mình.

(10) Tiếng Hebrew (Do Thái), Talmud có nghĩa là "răn dạy, hướng dẫn, chỉ bảo". Kinh Talmud là tập hợp các luật lệ và truyền thống của người Do Thái, viết thành hai tập là Mishna và Gemara. Hiện có hai bản Talmud, một bản có từ năm 400 và viết ở đất Palestine, một bản khác, quan trọng hơn và lớn hơn, có từ năm 500 và được viết ở đất Babylone.

(11) Trong tín ngưỡng Do Thái, ngày thứ bảy trong tuần là ngày Sabbath, trong ngày đó, người ta chỉ hoàn toàn làm việc tín ngưỡng và nghỉ ngơi, không được làm bất kì việc gì có tính chất vụ lợi. Cả đạo Cơ Đốc và đạo Hồi cũng có ngày Sabbath của mình. Sabbath rơi vào ngày thứ Bảy (Chủ Nhật là ngày đầu tiên của tuần lễ). Sabbatic Year là năm thứ bảy trong mỗi chu kỳ 7 năm, trong năm đó, người Do Thái không cấy cây ruộng đất, để mặc cho đất nghỉ. Trong các trường đại học phương Tây, cứ bảy năm một lần, các giáo

su được có hẳn một năm không dạy học, chỉ làm việc nghiên cứu riêng của mình, và năm đó cũng gọi là Sabbathic Year. (ND)

(12) Hàm ý về thời kỳ Giáo hội Thiên chúa giáo đàn áp dã man người Do Thái và những người không tin theo những giáo điều của mình. Nhà thiên văn học Galileo cũng đã bị đàn áp trong thời kì này. (ND)

(13) Mohel là người chuyên làm lễ cắt da quy đầu cho các trẻ trai Do Thái khi đứa bé đã ra đời được 8 ngày. (ND)

(14) Nguyên văn là cognac, một thứ rượu nho có độ cồn cao và rất thơm, thường uống sau bữa ăn (ND).

(15) Tiếng Anh là Passover, lễ kỷ niệm ngày người Do Thái thoát khỏi thân phận nô lệ của mình khi được Moses dẫn đường vượt thoát ra khỏi đất Ai-cập. (ND)

(16) Có lẽ là tên của hai nhân vật chính trong các truyền thuyết Nam Brazil. (ND)

(17) Cùng một Thượng Đế sáng tạo ra thế giới, nhưng người Do Thái gọi là Đức Jehovah, người Hồi Giáo gọi là Allah, người Công giáo gọi là Đức Chúa Cha... (ND)

(18) Thổ dân da đỏ ở châu Mỹ. (ND)

(19) Còn gọi là Lễ Sám Hối, tổ chức vào ngày thứ 10 của tháng Tishri trong lịch tế lễ của người Do Thái. (ND)

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

NGÔI NHÀ TRONG KHU TERESOPOLIS, THÀNH PHỐ PORTO ALEGRE 1947 - 1953

Cha mẹ và các chị tôi ở tạm một khách sạn rẻ tiền. Trong khi họ đi tìm một căn nhà, Tôi phải ở trên xe ngựa, ẩn trong một khu rừng bên ngoài thành phố. Bernardo dựng lều cạnh xe, giữ không cho bọn người tò mò đến gần, và nấu nướng thức ăn cho cả hai anh em. Anh ấy vẫn làm lì như mọi khi. Nhưng một đêm anh uống hết cả một chai rượu vang và bắt đầu mở miệng. Anh nói đủ chuyện: anh ganh tị với tôi, cục cựa của cả nhà; nỗi oán hận của anh đối với cha.

“Tao muốn được cái đồng hồ Patek Philippe của ông nội để lại. Nhưng ôi chao, không đâu, ông ấy không thể cho tao cái đó. Thế mà con Deborah, nó chỉ vừa mở mồm đòi cái vĩ cầm là được ngay lập tức—nó với mày. Với tao ấy à, không được cái gì hết. Còn với chúng mày thì muốn gì được nấy.”

Anh nói về những dự định của mình: “Tao muốn có thật nhiều tiền. Tao muốn đến hộp đêm và chơi hai, ba con đàn bà trong cùng một đêm. Mày có tin là chưa bao giờ tao được ngủ với đàn bà không hả Guedali?” Giọng anh đầy oán hận. “Tao đã mười tám tuổi đầu mà ông già chưa bao giờ cho tao tiền đến nhà thổ cả.” Giọng anh nhỏ dần thành một tiếng lầm bầm, rồi im hẳn. Rồi anh bắt đầu ngáy.

Tôi sốc anh vào lều. Hôm sau anh không nhớ một tí gì hết và lại tiếp tục

nhìn tôi với vẻ kinh tởm.

Cha mẹ tôi muốn một ngôi nhà trong một khu vực ra hẻm bên ngoài thành phố; chúng tôi không thể sống ở Bon Fim, nơi toàn các gia đình Do Thái và ai cũng biết ai rất rõ, cũng không thể ở trung tâm thành phố, hoặc khu Petropolis. Phải là một nơi xa hẻm các đường xe buýt, một nơi nhiều chất nông thôn hơn là thành thị.

Họ mua một ngôi nhà ở Teresopolis. Một ngôi nhà cổ, có những gian phòng rộng và một khu vườn mênh mông đầy những cây to. Nằm trên đỉnh một quả đồi, đó là ngôi nhà duy nhất trong vòng một phần tư dặm quanh đó. Bên rìa mảnh đất của chúng tôi có một con lạch sâu chảy quanh ngôi nhà, tạo thành một vật cản tự nhiên đối với sự xâm nhập của người lạ, và còn có cả một bức tường cao. Tôi sẽ được che chắn khỏi những cặp mắt tò mò.

Người chủ nhà trước, một nhà phân phối các đồ uống đóng chai, đã xây một cái nhà kho rộng rãi ở phía sau. Ở đó, nơi ông ta đã từng chứa các thùng và hộp, sẽ là phòng ngủ của tôi. Một khi nó được dọn dẹp sạch sẽ và các bức tường được sơn một màu xanh lá cây nhạt, cái nhà kho cũ kỹ ấy sẽ trở thành rất ấm cúng. Nó dài khoảng mười thước, đủ cho tôi phóng chân được một tí trước khi đụng đến bức tường cuối phòng. Tuy nhiên, bề kia lại rất hẹp, không thể chạy ngang phòng được. Hầu hết số tiền dành dụm được của cha tôi đã tiêu vào ngôi nhà đó. Còn lại tí nào, ông bèn dồn vào mua một cửa hiệu bán rau quả ngay gần một trạm đỗ tàu điện. Người đến mua cũng nhiều, chủ yếu vì có hai cô chị xinh đẹp của tôi đứng sau quầy bán hàng. Mẹ tôi ở nhà, nấu nướng; còn Bernardo thì quyết định sẽ tự đi làm riêng, bán những thứ lặt vặt theo một chương trình vay mượn trả dần mặc dù cha tôi rất phản đối. Cha muốn anh ấy đứng làm thu ngân và giữ tiền cho cửa hàng.

Tối đến là cả nhà lại quây quần. Nếu trời đẹp, chúng tôi sẽ ăn tối ngoài trời,

dưới dàn hồng leo, và tôi sẽ chạy quanh vườn được một lát. Thật là thích!

Tôi thường sung sướng lăn lộn trên thảm cỏ dày ẩm sương, hít thở thật sâu làn không khí mát mẻ của trời đêm. Ngồi trên những chiếc ghế mây, cha mẹ và hai chị nhìn tôi âu yếm. Anh tôi, cứ vừa ăn xong là làm bầm cái gì đó rồi ra khỏi nhà. (Khuya lắm anh mới về, sắc mùi rượu và đầy những vết môi son trên tấm áo khoác diện màu trắng, khiến cha mẹ tôi lại phải rầy la một hồi.)

Rồi chúng tôi nói chuyện. Cha tôi sẽ kể về những ngôi làng nước Nga, và về những năm đầu tiên mới đến Brazil. Giọng ông luôn luôn thành kính mỗi khi nhắc đến Nam Tước Hirsch thánh thiện. Các chị tôi nói đến các khách hàng ở cửa hiệu, đến những buổi vũ hội mà họ đã được mời tham dự. Cả hai chị đều đã có nhiều người dạm hỏi. Chọn cho cẩn thận vào, cha tôi thường nói, để xem rồi các con sẽ vác về cho ta những loại con rể như thế nào. Chúng tôi cùng phá lên cười, rồi lại im lặng.

Chúng tôi sẽ im lặng, và rồi mẹ tôi bắt đầu hát. Mẹ có giọng hát thật hay, hơi run và yếu một chút, nhưng khiến ai nghe cũng phải xúc động khi mẹ hát những giai điệu Do Thái ngày xưa. Mất tôi sẽ lại đắm lệt. “Nào,” rồi cha tôi sẽ lên tiếng lúc lấy chiếc đồng hồ to tướng có giây xích từ trong túi áo gi-lê ra, “đến giờ đi ngủ rồi. Lại một ngày mai sắp đến, các con ơi.”

Suốt ngày, tôi phải ở tịt trong phòng mình—thậm chí cha tôi cấm tôi không được ra đến ngoài hiên nữa kia—và tôi không có việc gì để làm hết. Tôi chỉ còn biết đọc sách. Dần dần, phòng tôi chất đầy sách. Tôi đọc đủ thứ, từ những truyện của Moneiro Lobato(20) đến kinh Talmud. Từ năm 1947 đến 1953, tôi đọc tiểu thuyết, thơ, triết học, lịch sử, khoa học—đủ mọi thứ. Nói đến sách thì cha mẹ tôi không tiết kiệm. “Cứ đọc đi, con trai ạ, cứ đọc đi,” mẹ tôi nói, “Những gì mà con học được vào người, sẽ không có ai lấy đi được của con. Tật nguyên không thành vấn đề, điều quan trọng là con phải tự giáo dục lấy mình.” Được cha mẹ khuyến khích, tôi theo học các chương

trình hàm thụ gửi thư: kiểm toán, soạn thảo văn bản luật pháp, vẽ kỹ thuật, điện tử, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức. Tôi tìm ra được tên của người đã soạn ra vở *Cavalleria Rusticana*(21), và sung sướng phát hiện ra cái ẩn dụ đầy triết lý của Buridan mô tả sự liên hợp của các điều kiện trong một tam đoạn luận(22), rằng: một cây cầu có số phận phải để cho những con lừa chạy qua nó. (Con lừa: chữ này không làm phiền gì tôi; thậm chí tôi còn thích thú những con lừa trong ngụ ngôn. Nhưng chữ ngựa thì khác. Hai tai tôi sẽ đỡ ửng lên mỗi khi đọc thấy nó trong văn bản. Còn nếu gặp phải một cái tranh minh họa thì còn tệ nữa.)

Tôi học sử dụng các bảng lôgarit. Tôi làm các bài tập ngôn ngữ. Đầu đề là: Hãy đặt một câu với từ “hoàng hôn”; tôi viết Khi hoàng hôn buông xuống là lúc con nhân mã khốn khổ qua đời. Đã có một thời việc học tập đã trở thành một thói xấu cô quạnh của tôi như vậy đấy.

Dãy những tấm bằng chứng nhận được đóng khung cứ kéo dài mãi ra trên tường, cho đến một hôm người đưa thư thắc mắc hỏi cha tôi xem Guedali là ai, khiến cho cha phát hoảng. Thế là tôi quyết định ngưng các khóa học hàm thụ. Nhưng không ngừng việc đọc sách của mình.

Trong những cuốn sách, tôi bắt đầu tìm kiếm giải đáp cho những thắc mắc vẫn thường trực trong lòng. Tôi ngẫu nhiên hết tập sách này đến tập sách khác, đọc cho đến tận khuya (khi Bernardo về tôi vẫn còn thức, và chỉ đứng dậy khi bày gà trống trong khu Teresopolis bắt đầu đua nhau gáy sáng.) Mất tôi lướt trên các trang sách một cách nôn nả. Tôi thường bỏ qua hàng đoạn sách không có ý nghĩa gì; nhưng những chữ như đuôi, phi nước đại, và nhất là chữ nhân mã lúc nào cũng khiến tôi nín thở, và sẽ phải đọc đi đọc lại những đoạn ấy. Không thấy gì cả. Cái cội nguồn bí hiểm của chàng trai Guedali không được lí giải ở đâu hết.

Thất vọng với các văn bản đương đại, tôi bèn đi ngược thời gian. Tôi quay

sang nghiên cứu lịch sử của người Do Thái.

Người Do Thái, một dân tộc đã có nhiều nghìn năm lịch sử. Họ là con cháu của Abraham; chính vì vậy đã có một tác giả nói rằng thành ngữ “bộ ngực Abraham” có nghĩa là thiên đường. (Hình ảnh mà tôi mừng tượng là một ông già khổng lồ lơ lửng giữa các vì tinh tú với bộ râu trắng rất dài, tấm áo choàng của ông cụ phanh ra, để lộ hai núm vú mênh mang, và ở giữa hai núm vú ấy chen chúc hàng ngàn hàng triệu các sinh vật nhỏ bé trong suốt, chính là những linh hồn người. Còn nhân mã thì sao? Có nhân mã trong bộ ngực ấy của Abraham không nhỉ?) Abraham tí nữa thì hiến sinh cả con trai của mình là Issac. Issac có hai con trai là Esau (một anh chàng vô dụng) và Jacob. Jacob thì vì có cuộc chiến đấu với một thiên sứ của Thượng Đế mà trở thành Israel. Người Do Thái bị bắt làm nô lệ ở Ai-cập. Được Moses dẫn đường, họ bỏ trốn, vượt qua Hồng Hải và đi lang thang trong xa mạc. (Thế còn nhân mã thì sao?) Tôi mừng tượng ra những con người ấy, những người Do Thái, một đám đông nhưng nhúc nhậm chậm chạp chuyển động qua hoang mạc Sinai. Nhờ có sức mạnh tưởng tượng, tôi có thể thấy rõ được chi tiết của hai con người trong đám đông ấy: một người cha và một con trai, hoặc có thể là hai anh em trai. Một người, mặt mũi bụi bặm, môi khô nứt nẻ, đi đằng trước, mắt dõi nhìn về phía chân trời; còn người kia, một bàn tay đặt trên vai người thứ nhất, bước theo với đôi vai thông thọt và cái đầu cúi gục. Những bàn chân của cả hai đều buộc dép thô, từng bước ngập trong cát. Tôi nheo mắt thêm tí nữa, và hình ảnh hai người ấy chập làm một. Cố gắng thêm một chút và tôi có thể biến họ thành một thứ có bốn chân—nhưng kết quả cuối cùng là một con lừa, một con ngựa gầy còm, hoặc hiếm lạ nhất thì cũng chỉ thành một con lạc đà. Chứ một con nhân mã thì không.

Tôi sẽ lại thử một lần nữa, lần này thì bắt đầu bằng con ngựa mà tôi đã hóa phép dựng nên đó: tôi sẽ cố tạo ra những ngón tay tí xíu, rồi đến cả bàn tay

và cánh tay, mọc từ hai hố mắt ra. Tôi sẽ cố làm cho cái sọ ngựa kia nứt toác ra làm hai và để lộ một cái đầu trẻ con, xé rách cái cần cổ ngựa để thấy được phần thân của một đứa trẻ mà tôi nghĩ rằng đang nằm bên trong. Tóm lại, tôi đã cố gắng hủy diệt hình ảnh cổ xưa của con ngựa và bố cục lại cho nó thành ra—dù chỉ là ở dạng đường viền—một con nhân mã còn non. Nhưng kết quả chẳng ra sao hết. Ngựa, ngay cả những con ngựa trong kinh thánh, vẫn cứ là ngựa; không thể biến chúng thành nhân mã.

Thôi được rồi, thì có dân Do Thái trong hoang mạc, có Moses nhận được Pháp Điển, đúng như những câu chuyện của cha tôi kể. Rồi thì việc phá hủy, cũng bởi tay Moses, những tấm bảng đá có khắc Pháp Điển ấy, chỉ vì ngài đã quá giận dữ trước sự thờ ơ, ngu dại và tham lam của đám Dân Được Chọn. Rồi thì việc phá hủy Con Bê Vàng.(23)

Rồi đến lúc tới được đất Canaan. Việc chiếm giữ đất đai. Những viên Phán Quan, những Vua, những Tiên Tri. (Còn bọn nhân mã ở đâu?) Vụ sập đổ của ngôi đền thờ đầu tiên, rồi đến ngôi đền thứ hai, đến việc phát tán dân cư đi khắp nơi, việc bị người Công Giáo giết hại, việc bị người Cossack giết hại. (Còn bọn nhân mã thì sao?) Rồi thì Nam tước Hirsch, châu Mỹ, Brazil, Quatro Irmaos. Còn bọn nhân mã thì sao mới được chứ? Trong suốt lịch sử Do Thái, không ai nói đến chúng; không một tác giả nào mà tôi đã nôn nả tra cứu. Có một nhóm dân được ghi nhận, đó là một vị Nga Hoàng sống ở miền Nam nước Nga đã cải đạo thành người Do Thái vào khoảng cuối thiên niên kỷ Công Giáo thứ nhất. Cha mẹ tôi, vốn từ vùng ấy mà ra, có thể là hậu duệ của giòng Nga Hoàng này, nhưng các Nga Hoàng ấy có phải là nhân mã không? Đến chi tiết ấy là không có gì hết, im lặng hoàn toàn.

Tôi nghiên cứu thần thoại học và lập tức thấy có nhân mã. Con cháu của Ixion và Nephele, chúng sống trên các vùng núi Thessaly và Arcadia. Chúng đã định bắt cóc Didymeia vào đúng ngày đám cưới của cô với Pirithous, vua

của người Lapith và là con trai của Ixion; chúng đánh nhau dữ dội với người Lapith.

Nhưng sách nói rằng không có nhân mã thật. Chỉ là những đám mây hình thù giống như thế, những bộ tộc man di trông giống như thế lúc cưỡi ngựa, còn thì không có nhân mã thật.

Lòng đầy thất vọng, tôi nhìn hình vẽ con nhân mã trong cuốn sách của mình. Người họa sỹ đã mô tả một con vật tàn bạo, râu ria và lông lá, với cặp mắt dữ tợn. Tôi đâu có thế. Tôi chẳng dính gì đến Ixion, Nephele, Thessaly, Arcadia. Những đám mây ư? Phải, tôi thích mây trời, mặc dù tôi sợ những hình hài ẩn náu trong những đám mây ấy. Nhưng chỉ là mây thôi ư? Tôi phải tìm cái gì cụ thể hơn mới đúng.

Tôi đọc Marx(24) và vỡ ra rằng đấu tranh giai cấp là một hằng số của lịch sử. Nhưng tôi chẳng thấy nhân mã có vai trò gì trong đó. Tôi đứng về phía những kẻ nô lệ và chống lại vương quyền, tôi về phe với vô sản để chống lại tư bản. Nhưng thế rồi sao? Tôi phải làm gì? Đá bọn phản động bằng cặp móng ngựa của mình chẳng?

Tôi đọc Freud(25). Sự tồn tại của vô thức, cơ chế tự bảo vệ, tính mâu thuẫn của các xúc cảm, tất cả trở nên rất rõ ràng với tôi. Tôi hoàn toàn hiểu được tình trạng nhân tính bị phân chia. Nhưng còn móng ngựa thì sao? Và cái đuôi nữa? Chúng ở đâu ra?

Về văn chương hư cấu, tôi đọc các chuyện ngắn của Sholem Aleichem. Tôi trở thành quen thuộc với các nhân vật kì quặc trong các ngôi làng Do Thái ở nước Nga. Nhân vật Tevia, một người đưa sữa, có một con ngựa—nhưng về nhân mã thì Sholem Aleichem không nói một tí gì cả.

Một đêm đã rất khuya, các con chữ cứ quay tròn trước mắt tôi và cuốn sách cứ chực tuột khỏi tay tôi, nhưng tôi chưa thực sự buồn ngủ, chưa hẳn thế.

Tôi đang cố định thần giữa một cơn rối trí đang thống trị đầu óc mình;

những tên tuổi, ngày tháng, địa danh cứ trộn lẫn với nhau, và tôi không thể kịp biết xem ai đang nói gì và tại làm sao nữa. Freud trao đổi ý tưởng với Marx, Nam tước Hirsch thì thuyết giảng cho Sholem Aleichem. "Nam tước Hirsch này, tại sao ông lại hỗ trợ tài chính cho tôi?" Marx hỏi, có vẻ rất thất vọng. Nam tước Hirsch đáp: "Ai mà biết được sẽ có chuyện gì trong tương lai. Tôi không thể cứ ngồi yên mà hy vọng các lực lượng thị trường sẽ thương mình mãi được; nhờ của chúng mà tôi đã giàu, nhưng có khi cũng vì chúng mà phá sản được. Tôi phải đa dạng hoá những đầu tư của mình, và chủ nghĩa xã hội có vẻ là một lựa chọn hợp lý đối với tôi." Từ Nam tước Hirsch, Freud học được cách tính tiền các bệnh nhân của mình; trước đó ông đã coi tiền chỉ là một biểu tượng, một cái gì đó trong số các toà tháp nhà thờ Gothic. Marx khinh miệt các truyện ngắn của Sholem Aleichem, loại chúng vào hạng thuốc phiện của nhân dân, nhưng đó chỉ là bề ngoài. Thật sự thì ông rất khâm phục văn chương hư cấu, và bí mật ngồi hàng nhiều buổi liền trong Bảo tàng Anh, ngắm nhìn nhóm tượng cẩm thạch Hy Lạp lấy từ đền thờ Parthenon(26) về để tìm hứng khởi cho những câu chuyện ngoa ngôn của mình (về những con nhân mã chẳng?) "Do Thái giáo là gánh nặng trĩu của cuộc đời ta," Nam tước Hirsch than thở. Ông ta đang nghĩ đến chuyện mua Bức tường than khóc(27) của người Thổ đang thống trị đất Palestine lúc bấy giờ. Ông sẽ cho dỡ nó ra và mang sang Brazil, từng hòn đá một, đến tận thị trấn Quatro Irmaos nhỏ bé xa xôi. Cũng ở chỗ ấy, ông sẽ cho làm một vườn thú chứa đầy những con vật trong Kinh Thánh, như lạc đà chẳng hạn (Còn nhân mã thì sao?) Sholem Aleichem thì đang tính viết một vở nhạc kịch hài có các nhân vật là chính ông ta, Freud, Nam tước Hirsch, và Marx. Ông sẽ xây dựng cốt truyện dựa trên một truyện ngắn của Marx có nhan đề là "Người Do Thái bị nhốt trong lòng của Nga hoàng." Một câu chuyện ẩn tượng: vừa gù, vừa mù, vừa câm (Nga hoàng đã ra lệnh cắt lưỡi anh ta,) anh

chàng Do Thái ngủ gà ngủ gật trong cái lồng của mình suốt ngày này sang ngày khác, chẳng thèm động đến thức ăn người ta mang cho mình. Thế mà rồi vừa nghe thấy một làn sóng biến động đang tràn qua đám dân chúng ngoài đường phố, anh ta đứng phắt ngay dậy, hít ngửi không khí, mặt đầy vẻ đau khổ. Rồi anh ta nắm lấy những chấn song của chiếc lồng và lắc dữ dội, vật mình vật mảy như một kẻ bị quỷ ám. Nga hoàng biết đã đến lúc ra lệnh cho quân Côđắc đi làm một trận pogrom. Trên lưng những con ngựa đen, bọn vô lại xông vào các làng Do Thái, chém giết, cướp bóc, đốt phá. Ai có thể đánh lại được chúng? Những con nhân mã chẳng? Nhưng bọn nhân mã ở đâu trong những đêm pogrom ấy? Chúng ở đâu?

Phân tâm học, duy vật biện chứng, chẳng là cái gì hết; luật cung cầu, cũng chẳng là gì hết, chẳng là gì hết; văn chương hư cấu, cũng chẳng là gì hết. Hình như chẳng có gì áp dụng được vào trường hợp của tôi. Tôi là một con nhân mã, một con nhân mã không phương cứu chữa. Và không một lời giải thích nào khả dĩ.

"May mà chúng ta sống ở Brazil", cha tôi thường nói sau khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai chấm dứt. "Ở châu Âu chúng nó giết chết hàng triệu người Do Thái."

Cha kể cho chúng tôi nghe về những cuộc thí nghiệm mà bọn bác sỹ Quốc xã Đức làm trên sinh mạng của các tù nhân.

Chúng cắt lấy đầu họ và làm teo lại, tương tự như cách làm của những người Indian thuộc bộ tộc Jivaro chuyên săn đầu người mà sau này tôi mới biết nhờ đọc sách. Chúng cưa cắt tay chân họ. Chúng làm những gán ghép lạ lùng, lấy thân trên đàn ông ghép với thân dưới đàn bà, hoặc với phần thân và chi sau của một con dê. May mà những cuộc giải phẫu man rợ đó đều gây tử vong cho đối tượng thí nghiệm, thà chết như những con người chứ ko chịu phải sống như những quái vật. (Nghe đến đây mắt tôi thường đầm lệ và cha

tôi thì chỉ nghĩ rằng tôi bị xúc động vì những sự hãi hùng mà bọn Đức Quốc xã gây ra mà thôi.)

Năm 1948 Israel tuyên bố trở thành một quốc gia. Cha tôi mở một chai rượu vang, chai ngon nhất trong kho, và chúng tôi cùng uống mừng sự kiện đó. Chúng tôi quây quần quanh chiếc máy thu thanh, theo dõi tin tức chiến sự ở Trung Đông. Cha tôi rất phấn khích vì cái quốc gia mới đó : Israel, ông giải thích, sẽ là đất sống cho người Do Thái từ khắp nơi trên thế giới đổ về, Do Thái trắng từ Châu Âu, Do Thái đen từ Châu Phi, Do Thái từ Ấn Độ, đó là chưa kể đến người Bedouin với những con lạc đà của họ - đủ các loại người lạ lùng, Guedali ạ.

Những loại lạ lùng ư ? Câu nói ấy làm tôi nảy ra một ý tưởng.

Tại sao không về Israel? Trong một đất nước bị chiến tranh tàn phá và đầy những loại người lạ lùng, chắc chắn là tôi sẽ không làm cho ai chú ý đến mình. Càng như vậy nếu như tôi là một chiến sĩ, giữa đám bụi và khói súng. Tôi thấy mình chạy qua các con phố nhỏ của một ngôi làng, tay cầm một khẩu súng lục 38 li, không ngừng nhả đạn. Tôi thấy mình ngã xuống, bị những viên đạn của kẻ địch bắn hạ. Đó, vâng, đó chính là cái chết mà linh hồn tôi ao ước, một cái chết anh hùng, một biện minh hoành tráng cho cuộc đời khốn khổ của một con quái vật luôn bị nhốt chuồng. Còn nếu tôi không chết, tôi có thể sống trong một khu kibbutz sau này. Tôi sẽ rất đặc dụng ở đó, tôi là người biết đời sống nông trang rõ đến thế kia mà. Tôi sẽ là một người lao động toàn tâm toàn ý, và cuối cùng các thành viên khác trong kibbutz (28) sẽ chấp nhận tôi; một xã hội mới sẽ có chỗ cho tất cả mọi người, kể cả những người có móng ngựa.

Vấn đề là làm sao đến được Israel. Tôi thảo ra một kế hoạch. Cha tôi sẽ để tôi vào một cái thùng gỗ to và đóng đinh thật kỹ các tấm ván, sau khi đã dự trữ đủ đồ ăn thức uống cho tôi ở trong thùng. Sau đó cha sẽ gửi chiếc thùng

đó đến Haifa bằng tàu thủy. Thế nào rồi tôi cũng thoát ra khỏi nhà kho hải cảng và chạy thẳng về Jerusalem, nơi chiến sự đang diễn ra ác liệt nhất. Nhưng cha mẹ tôi không chịu nghe ý kiến đó. “Con điên rồi”, họ nói, “Con không bao giờ được rời khỏi bố mẹ! Ai sẽ chăm sóc con? Hãy quên những ý nghĩ điên rồ ấy đi!”

Tôi cố thuyết phục, tranh cãi, khóc lóc. Tôi bỏ ăn. Chẳng ăn thua gì. Họ không chịu nhượng bộ. Thế rồi đến cái ngày có tin người Do Thái và người Ả-rập đã thỏa thuận được một cuộc ngừng bắn. Cha tôi sướng rơn: kế hoạch của tôi thế là mất giá trị. Và chúng tôi không nói đến Israel nữa.

Đến tuổi 13 - sắp đến sinh nhật tôi, tôi chuẩn bị chịu lễ bar mitzvah (29). Không thể được. Mẹ tôi nói khi cha tôi đề cập đến chuyện đó. Hoàn toàn có thể được chứ, cha tôi nói. Chẳng phải tôi đã tìm được cách cho nó chịu lễ cắt bì đó sao. Còn bây giờ thì chúng ta sẽ làm lễ bar mitzvah cho nó. Nhưng mà - mẹ tôi nói, đã bắt đầu thấy khó thở và có vẻ sắp lên cơn hoảng hốt - làm sao ông có thể đem thằng Guedali đến nhà nguyện được? Ai nói phải làm ở nhà nguyện? Cha tôi vặn lại. Chúng ta sẽ làm lễ cho nó ngay ở nhà, chỉ trong nội bộ nhà mình thôi mà. Điều đó nghe thật có lí, và mẹ tôi bằng lòng ngay. Deborah và Mina rất phấn khởi vì ý định này. Bernardo không nói gì.

Ròng rã nhiều tuần lễ tôi học theo lời chỉ bảo của cha những đoạn Kinh Thánh mà tôi sẽ phải đọc bằng tiếng Hebrew trong buổi lễ. Hai ngày trước khi làm lễ, mẹ và hai chị tôi bắt đầu làm những loại bánh kẹo điển hình. Cha cho đi đặt may một bộ lễ phục mới, và hai chị tôi cứ chốc chốc lại chạy sang nhà mấy cô khâu đầm.

Đêm trước ngày làm lễ, tôi không sao ngủ được vì phấn khích. Sáng sớm hôm sau, Deborah và Mina vui vẻ nhảy chân sáo vào phòng tôi. Họ lấy vải bịt mắt tôi lại, bảo để giữ bí mật. Hơn một tiếng đồng hồ, tôi chỉ biết ngồi chờ, nghe những tiếng thì thào và tiếng lanh canh của cốc chén thìa đĩa.

Cuối cùng họ cũng tháo khăn bịt mắt tôi ra.

Chao ôi, cảnh tượng thật là đẹp mắt. Bàn ăn trải khăn trắng muốt; có những chai vang, những chiếc cốc pha lê, và những đĩa thức ăn bốc khói nghi ngút, toàn những món ăn Do Thái truyền thống. Trên giường tôi chất đầy quà: sách, một chiếc máy quay đĩa và những bộ đĩa hát (có cả đĩa Cavalleria Rusticana), những phiên bản các bức tranh nổi tiếng, một chiếc máy đánh chữ, và một cây vĩ cầm, gần giống hệt với cái đàn tôi đã ném xuống sông. Tôi ôm chầm lấy mọi người, khóc òa lên, và mọi người cũng khóc theo, nhưng rồi lại cố ghìm lại: thôi nào, Guedali, chúng ta hãy bắt đầu liên hoan. Cha tôi bước vào, đem theo bộ quần áo ông đã mua cho tôi nhân dịp này: một áo khoác lễ phục màu sẫm, somi trắng, cà vạt, một cái mũ che thóp. Tôi đóng bộ, rồi choàng dải khăn lễ mà thầy Mohel đã tặng qua vai. Mẹ tôi bước vào trong một bộ áo váy ngày hội và một kiểu tóc mới. Mẹ ôm ghì lấy tôi, sụt sùi và không muốn rời tôi ra. Bà làm nhàu hết áo mới của nó rồi, cha tôi bảo. Bernardo bước vào và chua chát chào hỏi tôi.

Tôi đọc các đoạn Kinh Thánh không sai một chỗ nào, giọng tôi nghiêm trang, hèm chiếc khăn lễ buông chạm tới tận hông và hai chân sau, một móng chân trước của tôi cứ cào cào xuống đất - hể lúc nào tôi căng thẳng là nó như vậy.

“Bây giờ”, cha tôi lên tiếng khi tôi đã đọc xong, “con đã thực sự là một người Do Thái.”

Mẹ tôi dọn món chả cá viên với rượu vang. Chúng tôi nâng cốc. Lúc quay người cái đuôi của tôi vướng phải và làm đổ một chai rượu, lênh láng bắn cả khăn bàn và quần Bernardo. Không có gì cả, mẹ vội nói. Nhưng có đấy. Có một thứ thật to. Là cái đuôi tôi, những bộ móng ngựa của tôi; có hẳn một con thú to tướng ở ngay đấy. Khóc nức nở, tôi phủ phục xuống sàn nhà: Ôi, mẹ ơi. Ôi, cha ơi. Con chỉ mong được à một người bình thường. Nào, nào

bình tĩnh lại đi con, cha tôi nói, đừng tuyệt vọng, Thượng Đế sẽ cứu giúp con. Hai chị tôi vặn máy quay đĩa và chơi một bản nhạc nhảy Nga. Giai điệu vui vẻ khiến tôi mỉm cười. Chẳng mấy chốc mọi người đã nhảy xung quanh tôi và tôi lại vỗ tay, quên đi cái nhỡ nhàng không may vừa nãy.

Nhưng Bernardo thì không quên. Anh ngày càng ít nhường nhịn chịu đựng tôi hơn. Chỉ nghĩ đến có con quái vật kia ở trong nhà kho, anh nói với cha mẹ tôi, đã đủ làm cho con buồn nôn rồi. Đáng lẽ phải quăng nó đi, ném nó đến một nơi thật xa, thì mọi người lại còn làm liên hoan với lễ lạt cho nó. Thật là điên hấn rồi.

Anh âm thầm ước cho tôi chết; cho tôi mắc một chứng bệnh kinh khủng nào đó, như bệnh sốt ngựa đang tàn sát các chuồng ngựa ở Rio Grande do Sul. Đó là hi vọng của anh. Mỗi lần tôi bị sốt hoặc cảm lạnh là 2 mắt anh lại sáng lên; lúc tôi khỏi anh lại giam mình trong nỗi đắng cay riêng tư của mình một lần nữa. Anh phàn nàn không được dùng nhà kho để chứa hàng của anh. Hơn nữa, anh chẳng bao giờ có thể mời một thân chủ đến nhà, đừng nói gì đến một cô nhân tình hoặc thậm chí một người bạn, tất cả chỉ vì con vật hải hùng này. “Im mồm đi!” mẹ tôi quát. “Đừng làm cho em con phải khổ thêm nữa!”.

“Em con ư!” Bernardo bĩu môi. “Em con! Nó không phải là em con, cái ngữ ấy! Nó không phải con mẹ. Nó là một con quái vật! Mẹ nghe chưa!”

Một hôm họ tranh cãi đặc biệt dữ dội và cha tôi không giữ nổi bình tĩnh nữa.

“Guedali là con trai tao, cũng hết như mày là con trai tao!” Cha tôi quát.

“Tao sẽ chăm sóc nó chừng nào tao còn làm được việc đó. Còn nếu mày không thích thế thì cứ việc lấy đồ của mày và xéo khỏi đây ngay!”

Thế là Barbardo bỏ đi. Anh thuê một căn hộ ở trung tâm thành phố, cắt đứt mọi quan hệ với gia đình. Nhưng anh vẫn cố tình đi qua cửa hiệu trên chiếc ô tô của anh, bên cạnh là một ả đàn bà bụi son bụi phấn – một kẻ ngoại đạo,

không nghi ngờ gì nữa.

Sau chuyện đó ít lâu, Deborah đi dự một vũ hội của câu lạc bộ Do Thái và gặp một luật sư ở vùng Curitiba, một người đàn ông đã góa vợ. Họ phải lòng nhau và quyết định cưới ngay. Sợ tôi phản ứng, chị mãi không dám báo tin cho tôi, và khi nói thì thật là khỗ sở, cứ lắp bắp mãi không ra lời, rồi cuối cùng thì khóc lóc rất đáng cay. Thế là thế nào, chị Deborah, tôi nói, chị đừng khóc, em rất mừng cho chị mà. “Nhưng em không thể đến dự đám cưới của chị được, Guedali ơi!” chị rên rỉ. “Anh ấy không biết nhà mình có em; chị không đủ can đảm nói với anh ấy.” Chị nói chỉ vì tôi mà chị chưa dám đem anh ấy về nhà; chị không muốn xúc phạm tôi nếu bảo tôi phải lánh mặt. Thật vô lí, tôi nói, chị biết em đã quen rồi mà, chị đưa anh ấy về nhà đi. Thật chứ? Chị hỏi, hai mắt sáng ngời. Em không phiền chứ, Guedali? Tất nhiên rồi, tôi nói, gương mỉm cười. Tôi yêu chị tôi biết bao nhiêu.

Ông luật sư đến và ăn tối với gia đình. Ông ta là một người trưởng thành, thân thiện, một vị khách nói chuyện rất hay. Ông uống rất nhiều vang và cuối cùng ngủ thiếp đi ngay trên chiếc ghế bành.

Deborah nảy ra một ý tưởng. Chị chạy ù đến phòng tôi. Guedali, em có muốn thấy mặt vị hôn phu của chị không? Tôi không hiểu ý chị, nhưng chị nài, nào, nhanh lên, anh ấy đang ngủ đấy.

Tôi theo chân chị đến cửa sổ buông ăn và thận trọng ghé mắt nhìn. Ông luật sư đang ngáy, miệng há ra. Anh ấy trông ra người tử tế đấy, tôi thì thảo.

Đúng vậy, có phải không nào? Chị tôi rạng rỡ. Tuyệt quá, Guedali, thật tuyệt vì em thích anh ấy.

Ông luật sư cựa quậy trên ghế rồi mở mắt. Tôi chạy ù về phòng và khóa chặt cửa, tim đập thình thịch. Tôi nghe tiếng ông nói, “Deborah này, anh tin là mình vừa nhìn thấy một người cưới ngựa!”

“Vô lý,” chị tôi đáp, “anh uống nhiều rượu quá mất rồi”

Một người cười ngửa! Tôi không thể nhìn được nữa, ngã lăn xuống nệm và cười phá lên. Một người cười ngửa, thật quá quẩn! Tôi cười phát rú lên.

Mina nghe thấy tiếng tôi, và vì lo lắng nên chạy đến bảo tôi thôi đi, nhưng chị ấy cũng lại bắt đầu cười theo tôi. Tôi không còn là mình nữa; bụng tôi, cái bụng khổng lồ của tôi, đau thắt lại vì cười. Tôi lăn xuống sàn, nghẹn đến cả thở, còn Mina thì cố nhớ lại một câu chuyện gì trong các trại tập trung để làm cho hai chị em phải nghiêm chỉnh lại. Nhưng chẳng ăn thua gì. Tôi chỉ thôi cười khi đã hoàn toàn hết hơi. Lúc ấy, Deborah và ông luật sư đã đi rồi, và chị ấy không bao giờ đưa ông ta về nhà nữa. Tuần lễ sau đó, hai người cưới nhau và dọn về Curitiba.

Ngôi nhà thành ra quá rộng, mẹ tôi than thở, nhớ con gái. Bây giờ thì bà trách móc cha tôi đã đuổi anh Bernardo đi. Bà ngày càng u sầu, và bắt đầu những hầu đồng thường xuyên để chuyện trò với những người hàng xóm đã chết từ lâu trong những trận pogrom từ hồi còn ở Nga. Nhưng mẹ vẫn tiếp tục nấu nướng và chăm nom nhà cửa, và tôi đến vẫn ngồi dưới giàn hồng và nói năng như thường. Ngày tháng trôi qua. Hình như sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra nữa, hình như cuộc sống sẽ mãi mãi như thế, một chuỗi ngày đêm giống hệt nhau, thỉnh thoảng lắm mới có một vài biến cố lật vật phá vỡ cái thông lệ tưởng chừng như không thể thay đổi được ấy. Tôi thành ra cáu bẳn với chính mình vì đã có ý chờ đợi mong muốn một cái gì đó khác mà tôi đâu có biết. Tôi có thể mong cái gì khác mới được chứ, tôi tự hỏi, hi vọng cái gì khác mới được chứ, khi chính việc tôi đang sống ở đây tự nó đã là một điều lớn lao ?

Ấy, chính vào khoảng thời gian đó, tôi mắc vào tình ái.

Đã nhiều năm tôi tự ép mình không nghĩ đến tình dục. Tôi thèm muốn, tất nhiên rồi, nhưng theo lời khuyên của sách vở, tôi cố gắng thăng hoa nó.

Đêm đến, trước khi đi ngủ, tôi làm hàng chục bài luyện tập vùng thắt lưng, chân và tay. Tôi nâng tạ rất nặng, quất toàn thân mình bằng lông ước. Tôi đi nằm khi đã kiệt sức, mà vẫn không thể ngủ được; trong tai hình như nghe văng vẳng những tiếng thở dài đầy khoái cảm, những tiếng cười đĩ thõa. Tôi xin cho tôi mua cho những viên thuốc ngủ ở cửa hàng dược phẩm. Nuốt năm viên đó, tôi có thể thiếp đi, nhưng rồi những cơn mơ lại hành hạ tôi, những cơn mơ đầy những đàn bà hoặc ngựa cái, trong đó lúc thì tôi là một đàn ông bình thường, lúc lại hoàn toàn là một con ngựa, và kết cục thì không phải lúc nào cũng thấy một đàn ông ngủ với một đàn bà, hoặc một con ngựa đực nhảy một con ngựa cái. Tôi tỉnh giấc, mệt nhoài. Ghê tởm, nhưng nhẹ người, tôi thấy mình đã phóng tinh. Tạo hóa đã làm việc nó phải làm, và tôi chỉ biết thuận theo.

Nhưng cuối cùng thì tôi yêu, hoàn toàn tình cờ như thông lệ của tình yêu. Khi vào tuổi hai mốt, cha tôi hỏi tôi thích gì cho sinh nhật của mình. Lúc ấy, tôi đang thích thiên văn học, nên hỏi xin một bộ kính viễn vọng. Tôi đang hi vọng quan sát vài vì sao và hành tinh nào đó.

Bộ kính viễn vọng được gửi đến tận nhà, một dụng cụ tuyệt đẹp với những thấu kính rất tốt. Tôi đọc hướng dẫn và lập tức bắt đầu khám phá bầu trời. Ban đêm, tôi đi từ sao Kim đến sao Thổ, nghiên cứu các chòm sao (trong đó có chòm Nhân Mã, tất nhiên rồi) với đôi chút thất vọng vì chẳng thấy chúng có gì hấp dẫn. (Tôi muốn thấy gì kia chứ? Abraham và bộ ngực của cụ chẳng? Hay là ngựa con có cánh?) Ban ngày, giấu ống kính sau rèm cửa sổ phòng ngủ, tôi xem xét những quả đồi xung quanh. Vì thế mà tôi phát hiện ra cô gái ở khu nhà kiểu thuộc địa ấy.

Khu nhà đó, một bất động sản rất đẹp, ở cách nhà chúng tôi khoảng một dặm rưỡi, nhưng tôi có thể quan sát nó dễ dàng. Lúc đầu tôi kinh ngạc thấy có rất

nhiều gia nhân ở đó, ai cũng đội mũ và mặc tạp dề trắng. Sau vài ngày thì tôi để ý thấy nàng, cô gái có mái tóc màu đồng đỏ.

Sáng nào nàng cũng thường ra chỗ sân trời, cởi bỏ tấm áo choàng và nằm khỏa thân ở đó, hoàn toàn trần truồng, phơi nắng. Nàng thường với tay lấy cái ống nhòm để trên một cái bàn bên cạnh khắp nơi vắng vẻ chung quanh. Nàng nhìn qua cái ống nhòm, tôi nhìn qua ống kính viễn vọng. Tôi không thể thấy rõ gương mặt nàng, nhưng tôi tưởng tượng nàng có cái mũi thanh tú, cặp môi đầy đặn, và hai hàm răng tuyệt hảo. Cặp mắt nàng, phải rồi, tôi thấy cặp mắt nàng rất rõ, qua bao nhiêu lần thấu kính của cả cái viễn vọng của tôi lẫn cái ống nhòm của nàng, và chúng làm tôi nghẹt thở. Con mắt bên phải long lanh một màu da trời xanh ngắt, con mắt bên trái lại còn xanh hơn thế nữa. Tim tôi đập điên loạn. Móng tôi cào cào xuống sàn nhà, bồn chồn hơn bao giờ hết. Chưa có cuốn sách nào (mà tôi đã đọc rất nhiều sách) và cũng chưa có tờ tạp chí nào tôi từng xem có được một cô gái đẹp đến thế. Nàng làm tôi mê mẩn. Tôi không thể rời mắt được khỏi nàng.

Nàng có thấy tôi không? Từ cái sân trời ấy? Nàng có ưa cái bộ mặt của tôi sau lần màn cửa này không? Tôi chạy ù ra chỗ cái gương soi. Không, tôi đâu có xấu xí gì. Mái tóc bờm xờm dễ coi, đôi mắt đẹp, mũi thẳng, cái miệng đầy đặn rõ nét. Chỉ có vài nốt trứng cá trên trán. Tôi thực sự là một chàng trẻ tuổi đẹp trai. Nhưng bên dưới, nhân mã, nhân mã, nhân mã không thể cứu vãn được.

Chỉ là một con nhân mã, tôi phải đành lòng chỉ biết nó nàng mà thôi. Mơ đến nàng, than thở vì nàng. Nhưng không: tôi không thể chịu chỉ có ngắm nàng từ xa như thế được. Tôi muốn được nói chuyện với nàng, chạm tay vào mặt nàng, vào hai bàn tay nàng.

(Trong những giấc mơ, tôi còn đi xa hơn nữa. Tôi mơ thấy mình phi nước đại trên khu nhà, qua đường cửa trước rộng thênh thang mà vào, rồi qua

những bậc tam cấp ấy mà ra cái sân trời ấy. Tôi sẽ ôm nàng trong tay – “Tình yêu của em”, nàng sẽ thì thầm, “cuối cùng thì anh đã đến”, và tôi sẽ mang nàng đi thật xa vào trong núi, nơi chúng tôi cùng sống ẩn dật trong một cái hang đá, ăn quả dại, làm lấy những bình lọ bằng đất sét, sánh vai nhau đi dạo. Nàng sẽ cưỡi trên lưng tôi, đôi cánh tay mềm nại của nàng ôm chặt lấy ngực tôi. Trong những giấc mơ ấy, nàng trần truồng nằm dưới đất, đưa hai cánh tay về phía tôi: Lại đây, tình yêu của em. Hãy lại đây, con nhân mã yêu dấu của em.)

Đã đành là tha hồ mơ. Nhưng tôi muốn gặp nàng, ít nhất một lần. Biết làm sao đây? Làm sao cho nàng không để ý thấy những bộ móng ngựa của tôi, bộ chân ngựa của tôi, và cái đuôi? Làm sao giáp mặt mà nàng không hoảng sợ bỏ chạy và kêu lên quái vật, quái vật?

Hay tôi viết thư cho nàng, có sao không nhỉ?

Tại sao lại không? Tôi viết rất hay, chữ lại đẹp, hoàn toàn có thể gây ấn tượng với đàn bà. Nhưng tôi không có địa chỉ nàng, thậm chí không biết tên nàng. (Tôi tưởng tượng tên nàng là Magali, tên nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết Kỳ nghỉ hè ở vùng biển Caribbean.) Không, tôi không thể gửi thư cho nàng qua đường bưu điện bình thường. Tôi nghĩ đến mục Những trái tim cô đơn trên tờ tạp chí dành cho bọn mới lớn mà Mina vẫn sưu tầm. Những dòng thư tình nóng bỏng vẫn đăng trên đó, ký bằng những biệt danh như:

“Con chim Cô độc”, “Con hổ Tuyệt vọng”, “Nhân dương Buồn (30)”. Trong đám những cái tên như thế, một “Nhân mã đang yêu” sẽ chẳng làm ai chú ý.

Nhưng tôi sẽ xưng hô với nàng ra sao đây? Là “Cô gái Xa lạ trong khu nhà lớn ở Teresópolis, thành phố Porto Alegre, thân mến” hay sao? Liệu nàng có nhận ra mình trong cái danh hiệu thân thương ấy không? Và ác nhất là nỗi nghi ngại liệu nàng có thèm đọc những tạp chí cho bọn mới lớn ấy không?

Những gì tôi quan sát được khiến tôi cho rằng nàng chẳng đọc gì hết. Nàng

chỉ tắm nắng và nhìn qua ống nhòm. Có vậy thôi.

Dù sao, ý tưởng gửi thư cho nàng có vẻ vẫn là một ý tưởng hay. Vấn đề là làm sao cho bức thư đến được tay nàng.

Thế rồi tôi chợt nghĩ ra việc dùng chim câu để đưa thư. Một ý tưởng thiên tài, chỉ hiềm là tôi không có một con chim câu đưa thư. Nhưng chuyện đó không phải là bất khả dĩ.

"Con thích có một cái chuồng chim câu" tôi nói với cha tôi ngay đêm hôm đó. Ông không nghe ra, con muốn một cái gì cơ? Một cái chuồng chim câu, tôi nhắc lại, một cái nhà nho nhỏ để nuôi chim bồ câu ấy ạ. Cha tôi lấy làm lạ: Một cái chuồng chim câu? Để làm gì hả Guedali? Con chẳng có việc gì làm, tôi nói, con nghĩ nuôi chim câu sẽ vui cha ạ. Cha tôi ngần ngại, vẫn sợ một cái chuồng chim câu sẽ hấp dẫn bọn mất dạy như thằng Pedro Bento.

Mẹ tôi liền xuất hiện: Leon à, mình cứ chiều ý Guedali đi!

Hôm sau, cha tôi mua gỗ và dụng cụ. Chúng tôi làm một cái chuồng chim câu, theo mẫu trong một cuốn sách hướng dẫn nuôi chim. Xong cái chuồng, cha tôi mua về sáu con chim bồ câu nòi nguyên chủng.

Tôi lựa một con có vẻ thông minh nhất, đặt tên cho nó là Columbo, và bắt đầu huấn luyện nó. Đầu tiên, tôi dạy cho nó biết bay từ chỗ này sang chỗ kia ở trong vườn. Việc đó không khó, chỉ cần rắc ít ngô ở chỗ xuất phát, và ít nữa ở chỗ nó phải đến. Bước tiếp theo là dạy cho Columbo biết liên hệ cái hiên của tôi là điểm xuất phát và khu nhà lớn kia là đích phải đến. Để làm việc này, đêm nào tôi cũng cầm con chim và hướng nó về phía khu nhà rất nhiều lần (việc huấn luyện tôi toàn làm vào ban đêm). Sau đó thưởng cho nó ít ngô.

Việc huấn luyện diễn ra trong nhiều tuần lễ, và trong những buổi tập dượt cùng nhau ấy, một thứ tình cảm ấm áp đã nảy sinh trong lòng tôi đối với con chim Columbo lông trắng. Giữ nó trong hai bàn tay mình, tôi cảm thấy tim

nó đang đập; mày hiểu ta chứ, tôi thì thâm, hời chim câu nhỏ bé, mày có cảm thấy tấm tình nóng hổi của ta chẳng? Cặp mắt nhỏ như hạt huyền của nó chẳng biểu lộ một tình cảm gì, vẫn rắn đanh như đá, nhưng tôi chắc hẳn nó đã hiểu tôi rồi, và nó sẽ thực hiện được sứ mệnh của tôi.

Cuối cùng thì giây phút ấy cũng đến. Tràn ngập xúc động, tôi viết một bức thông điệp nhỏ rồi buộc nó vào chân Columbo. Tôi đã đề như sau: "Gửi cô gái tôi Ngưỡng mộ mà Chưa được quen biết ở Khu nhà lớn". Tôi viết về lòng mến mộ của tôi đối với cô, và thỉnh cầu rằng hai bên sẽ trao đổi thư từ để có dịp hiểu nhau hơn. Tôi cũng viết rằng có những lý do bắt buộc tôi chưa được tiết lộ danh tính của mình, nhưng rồi tôi sẽ làm việc đó khi đã đến lúc của nó. Tôi kết thúc bức thư bằng một lời đề nghị rằng nàng dùng chính con chim câu này để gửi đáp từ của nàng lại cho tôi.

Tôi hôn lên trái đầu nho nhỏ của Columbo, rồi tung nó lên không trung. Nó lượn tròn trên hiên ba bốn vòng rồi bay đi. Ngược với hướng về khu nhà lớn, con vật ngu ngốc, quân vô ơn bạc nghĩa.

Tôi ném hết những con chim câu còn lại ra khỏi chuồng, phá đổ cái chuồng, rồi châm lửa đốt sạch. Cha tôi kinh ngạc: Chẳng phải đó là cái con đã muốn có mãi sao hả Guedali? Tôi không trả lời, chỉ nín lặng nhìn ngọn lửa thiêu đốt dần những miếng ván sơn trắng ấy.

Không bao giờ nữa, tôi nghĩ bụng. Tôi sẽ không bao giờ yêu đương gì nữa, không bao giờ, không bao giờ.

Tôi tưởng thế là hết, nhưng không phải thế. Vài ngày trôi qua, tôi lại bị một con lạc quan bất thành linh xâm chiếm. Tôi sẽ thử lại lần nữa, và lần này thì Thượng Đế sẽ giúp tôi, tôi sẽ thành công. Tôi sẽ dùng một cái máy bắn đá để gửi bức thông điệp của mình. Tất nhiên, tôi sẽ phải thử nhiều lần để cho bức thư ấy, bọc ra ngoài một hòn đá, rơi trúng xuống chỗ cái sân trời. Thì có làm sao, tôi có khối thời gian mà.

Nhưng thậm chí tôi đã không lắp cả cái máy bắn đá. Không cần làm việc ấy nữa.

Sáng hôm sau cô gái lại ra sân, vẫn trần truồng như mọi lần, nhìn qua cặp ống nhòm, trong lúc một người đàn ông xuất hiện, một người đàn ông cao lớn, rám nắng, với mái tóc trắng và cặp kính râm đen. Chắc là cha nàng, lúc đầu tôi nghĩ bụng thế. Nhưng người ấy đến sau lưng nàng, ôm lấy nàng và nắn bóp cặp vú nàng bằng cả hai bàn tay, không phải rồi, không phải cha nàng. Rồi ông ta hôn lên cổ nàng, thật là lâu. Nàng thả cho cái ống nhòm rơi xuống đất. Nàng không đặt nó xuống cái bàn ngay cạnh đó, mà cứ thế buông tay cho nó rơi thẳng xuống đất. Cái ống nhòm ấy có vỡ hết kính cũng chẳng sao, vì nàng đã nhắm nghiền mắt lại rồi, hai lỗ mũi nàng mở rộng. Nàng, tôi thấy rõ tất cả qua ống viễn vọng, đang nằm xuống và kéo người đàn ông kia nằm đè lên mình.

Tôi ngã bệnh. Không biết có tí quan hệ nhân quả nào không, chỉ biết rằng sự thực là tôi mắc một chứng bệnh sốt nóng bí hiểm. Sáu ngày liền tôi nằm liệt trên nệm, hầu như không ăn gì, chỉ nhấp nháp tí nước.

Cha mẹ tôi không rời tôi một phút nào. Cho đến lúc ấy tôi chưa bao giờ cần đến bác sĩ, nhưng lần này thì họ hỏi nhau liệu có phải đưa tôi đi nhà thương hay không, mặc dù làm vậy có thể sẽ phải tiết lộ sự tồn tại của tôi cho bàn dân thiên hạ biết. Thà là tôi sống, mặc kệ cho bọn phóng viên và nhiếp ảnh muốn bày trò gì cũng được, còn hơn là để mặc cho tôi chết vì không được chăm sóc tận tình. Hai người thì thăm bàn bạc việc ấy bên giường tôi. Khi mở mắt, tôi thấy họ đều đang nhìn tôi lo lắng. Guedali, con làm sao thế? Mẹ tôi hỏi. Không có gì đâu mẹ ạ, tôi thì thảo, chắc là con ăn phải cái gì đó, con hơi đau bụng. Mẹ tôi ngập ngừng đưa một bàn tay ra, rồi chạm xuống bụng tôi: bàn tay nhỏ bé khốn khổ như biến mất trên cái bụng khổng lồ của tôi, giữa một khoang đốm màu và một khoang đốm trắng. Tôi thuộc vào loài

ngựa gì vậy? Tôi tự hỏi, nửa thức nửa ngủ. Loài Palomino chẳng? Ngựa Ả-rập chẳng? Ngựa Ba-tư chẳng? Hay là lai tạp?

Đến ngày thứ Bảy thì cơn sốt lui dần.

Nằm bẹp trên giường trong khi bình phục dần dần, tôi đã nghĩ ngợi rất nhiều. Tôi sẽ làm gì đây? Tôi tự hỏi. Tôi sẽ phải làm gì?

Và tôi quyết định sẽ ra đi.

Tôi sẽ đi một nơi nào thật xa, vào trong rừng sống với chim cú và bọn ăn kiến, với bọn nhân dương phóng dật và bọn quỷ sứ, với những người Indian và những con chim đơn côi.

Tôi đau đớn phải rời xa gia đình. Nhưng tôi không thể tiếp tục cuộc sống này, làm một tù nhân ở ngay trong căn phòng của mình, dần dần trở thành một con nhân mã già nua móm mém đầu bạc, để cuối cùng chết đi mà không hề cố gắng thoát khỏi số phận của mình. May sao, trong rừng bạt ngàn, tôi sẽ tìm được một cách sống khiến mình hạnh phúc.

Buổi tối trước hôm ra đi, tôi không ngủ. Tôi thức, đi đi lại lại. Đến lúc rạng ngày, tôi viết một bức thư cho gia đình. Tôi nói tôi ra đi, nhưng xin mọi người đừng lo buồn, tôi sẽ tìm được con đường của mình. Rồi tôi đi, rón rén ghé mắt nhìn qua cửa sổ phòng ngủ của cha mẹ tôi. Họ đang nằm trong tay nhau. Tôi ước gì mình được nằm vào giữa hai người, và mãi mãi ở trong hơi ấm của cha mẹ. Nhưng một con nhân mã...?

Tôi vào bếp, lấy một ít tiền mẹ tôi vẫn dành dụm trong một cái hộp sắt. Tôi sẽ dùng tiền làm gì đây? Vừa tự hỏi, tôi vừa nhìn những đồng tiền cuộn tròn trong tay. Nhưng rồi tôi vẫn nhét chúng vào gói đồ của mình và bước ra hiên.

Trời lạnh, và một màn sương dày che khuất hết khu nhà lớn (thật dễ chịu cho tôi), đảm bảo an toàn cho tôi ra đi. Tôi thở thật sâu, nghiền chặt răng, và

bắt đầu một nước đại nhảy, chuẩn bị cho bước nhảy phi thường của đời mình. Trong một khoảnh khắc trước bước nhảy mà tôi còn chần chừ ấy, tôi nhận ra tất cả những gì mình đang bỏ lại đằng sau: một mái nhà trên đầu, những bữa ăn đúng giờ, và hơn hết là tấm lòng của những người thân yêu quý của tôi. Nhưng đã đến thời khắc mà tôi không còn là người quyết định nữa, bộ vó ngựa của tôi cứ thế mang tôi đi, và tôi đã đang bay trên không trung, nhảy qua bức tường, vừa sợ hãi vừa vui sướng kích động, tôi tự do rồi! Tôi tiếp tục phi nước đại, bị một con chó đuổi theo và sữa nhặng xị không ngừng. Tôi nhảy qua một hàng rào và thấy mình đứng giữa một vườn cây ăn quả. Một hàng rào nữa, một sân nuôi gà, với lũ mái ghe quang quác sợ hãi đập cánh chạy loạn xung quanh. Lại một hàng rào nữa, một người đàn bà đang giặt quần áo kêu rú lên và bỏ chạy. Qua một hàng rào nữa thì tôi đến một con đường đất nhỏ, và đến cuối đường là rừng, chốn xa lạ. Phi nước đại ban đêm và ả núp ban ngày, tôi đi những chặng rất dài. Tôi không biết mình đang đi đâu; có thể là về phía biên giới Uruguay chẳng? Argentina chẳng? Tôi cứ đi. Thì đến Nam Cực là cùng.

Chú thích

(20) *Một nhà văn Brazil chuyên viết chuyện cho trẻ em (ND)*

(21) *Tên một vở ca kịch (opera) của Pietro Mascagni, viết năm 1890. (ND)*

(22) *Tam đoạn luận (syllogism) là một hình thức lí luận theo logic trong đó có một tiên đề chính chứa đựng điều kiện vị ngữ của kết luận, một tiên đề phụ chứa đựng điều kiện chủ ngữ của kết luận, và chung cho cả hai tiên đề này là một điều kiện sẽ bị loại trừ khỏi kết luận. Hình thức điển hình của một tam đoạn luận là: “Tất cả A là C; tất cả B là A; cho nên tất cả B là C.” Aristotle là người đưa ra lý thuyết Tam đoạn luận, nhưng hơn 2000 năm sau, vào đầu thế kỷ 14 của thời kỳ Trung Cổ, triết gia người Pháp Jean*

Buridan đã phát triển Tam đoạn luận trong ngữ cảnh của logic hậu quả và khiến cho lý thuyết này trở thành thông dụng hơn. (ND)

(23) Đoạn này nhắc đến những sự kiện nổi bật trong lịch sử người Do Thái như đã được ghi lại trong Kinh Cựu Ước. Người Do Thái tự cho mình là dân tộc được Thượng Đế chọn ra để gánh vác những trách nhiệm đặc biệt, nên mới có cái tên “Dân Được Chọn”. (ND)

(24) Karl (Heirich) Marx (1818 - 1883) - nhà kinh tế học, triết gia và xã hội học người Đức, được coi là người lập ra nền tảng của chủ nghĩa cộng sản hiện đại. (ND)

(25) Sigmund Freud (1856-1939) - nhà tâm thần học người Áo, sáng lập ra ngành phân tâm học. (ND)

(26) Nguyên văn là Elgin Marbles – tên gọi một nhóm tượng bằng cẩm thạch, tương truyền là do nhà điêu khắc vĩ đại Phidias chỉ đạo thực hiện trong thế kỷ 5 cho đền thờ Parthenon ở Athen (Hy Lạp). Sau này, vị Bá tước thứ 7 của giòng họ Elgin là Thomas Bruce (1766-1841) của nước Anh đã ra lệnh chở hết những tượng này về trưng bày trong nhà Bảo tàng Anh tại Luân-đôn, vì vậy mà những tượng ấy được gọi là Elgin Marbles (Cẩm thạch Elgin). (ND)

(27) Wailing Wall - một bức tường ở Jerusalem, nơi người Do Thái tụ tập để cầu nguyện và than khóc trong những dịp nhất định. Còn gọi là Western Wall (Bức tường phía Tây) vì tương truyền nó chính là bức tường phía Tây của đền thờ Herod, đã bị quân La Mã phá hủy vào năm 70

(28) Một hình thức cộng đồng ở Israel, thường là ở nông thôn, tổ chức theo kiểu nông trang tập thể.

(29) Một nghi lễ long trọng của người Do Thái để công nhận một đứa trẻ trai đã thành người lớn trong cộng đồng mình khi đến tuổi 13 và đã học xong những giáo lý cơ bản của Do Thái giáo. Nghi lễ này thường được cử hành

vào sáng thứ bảy tại nhà nguyên chung của cộng đồng.

(30) Nguyên văn là Faun – một thần đồng ruộng trong thần thoại La Mã, hình người nhưng có sừng và hai chân dê

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

GÁNH XIẾC

1953-1954

(Tôi tưởng tượng mình đang lang thang, không phải trong hoang mạc như những người Do Thái, mà là trên một cao nguyên ngập tuyết. Những bộ móng ngựa của tôi ngập trong tuyết và những cẳng chân tôi tê buốt, hầu như không đủ sức làm theo ý tôi nữa, nhưng tôi vẫn đi tới, đầu ngẩng cao, bất chấp tất cả. Tôi đã chiến thắng: đột nhiên, toàn bộ phần sau của thân thể tôi tuột ra và nằm lại đó, những bộ móng ngựa vùi trong tuyết, còn phần trước của tôi, không còn vướng víu gì nữa, tiếp tục tiến lên về phía chân trời và biến mất.)

Tôi phi nước đại ban đêm và ần nấu ban ngày. Khi chỗ thức ăn mang theo đã hết, tôi bắt đầu ăn trộm. Tôi lén vào các khu vườn và chạy ra với hàng ôm xà-lách. Tôi nhón trứng trong các bu gà; khi đêm đen nín lặng, tôi vắt sữa những con bò sống chuồng. Có không ít những lần tôi chạm trán những con chó giữ nhà dữ tợn và phải đá chúng với bộ móng ngựa của mình. Có đôi ba lần người ta nổ súng bắn tôi; phúc đức cho tôi là họ đều là những người bắn rất kém. Có một hôm tôi phải dầm mình suốt ngày dưới đầm, chỉ thò đầu lên

thở, trong khi những người chủ trại sẵn lòng để xử tôi theo kiểu tàn bạo không xét xử với những nô lệ da đen ngày xưa. Một lần, tôi đã trèo lên một toa tàu hỏa chở trâu bò để chạy trốn. Tôi náu mình giữa đám gia súc, gập hai chân trước và cúi người thật thấp để chỉ có phần sau của tôi lộ ra ngoài, làm như mình là một trong số những trâu bò ấy. Lúc đoàn tàu ấy xuất phát, tôi giật thót mình, đã tưởng tượng cảnh mình bị đem vào lò mổ. Tuy nhiên, tôi đã nhảy xuống được đúng lúc. Nhìn sao trời, tôi biết chắc mình đang đi về phương nam, đúng như mong muốn. Tôi qua rất nhiều nơi, thấy nhiều loại người. Ví dụ người da đen. Đọc sách biết là có họ trên đời, xong tôi không thể biết người đen thật trông sẽ ra sao, đi đứng cười nói thế nào. Tôi đã thỏa mãn được cái tò mò ấy: một đêm tôi đã thấy bốn người đen đi trên đường, cười nói đàng hoàng. (Còn nhân mã đen thì sao? Có chúng không nhỉ?) Tôi thấy đà điểu ngoài cánh đồng. Thấy một cái nhà cháy. Thấy một đám rước ban đêm: người ta đi cầu đảo xin mưa.

Những bước phi nước đại mạnh mẽ đầy quyết tâm và tự do đã có tác dụng tốt. Tôi đang bỏ lại sau mình những kí ức đón đau, kể cả mối tình không thành ấy. Nhưng tôi cũng nhớ nhiều thứ: mọi người trong nhà, gian phòng của tôi, sách vở, đĩa hát, và cả ống kính viễn vọng của tôi nữa. Trong thời gian đó tôi cầu nguyện rất nhiều; khi đêm tới tôi thường hướng về phía đông, về phía thành Jerusalem xa xôi, và thì thầm đọc những bài kinh cầu nguyện mà cha tôi đã dạy. Tôi không thực sự cầu khẩn đức Jehovah; không phải tôi đang thực sự thực hành tôn giáo, mà chỉ là một hành động tình cảm hoài niệm. Tôi đang bái vọng chính thời thơ ấu của mình.

Tôi cầu nguyện, và tôi tiếp tục đi về phương nam.

Một sáng khi trời còn rất sớm, tôi bỗng thấy mệt mỏi lắm. Lúc ấy tôi đang ở gần một thị trấn nhỏ, nghỉ lại chỗ đó sẽ rất nguy hiểm, nhưng tôi không thể bước tiếp được nữa. Người tôi đầm đìa mồ hôi và chân tôi lầy bầy dưới sức

nặng thân thể của chính mình. Tệ nhất là vùng ấy toàn đất bằng, phẳng phiu hoàn toàn, không cây cối gì cả. Tôi tìm được một cái rãnh sâu, liền nằm xuống đó, phủ mình bằng ít cỏ lác, rồi ngủ thiếp đi.

Tôi giật mình thức giấc giữa một cảnh náo loạn khủng khiếp. Trống đổ dồn, âm thanh chói tai của một cái kèn đi sấn, tiếng người ầm ĩ và tiếng búa đập vang dội. Tôi nhảy bật dậy, toàn thân run bắn. Khắp xung quanh tôi là một mớ hỗn độn không thể tưởng tượng nổi: những cái chuồng thú, những chiếc xe tải, thùng gỗ to, và nhiều người đang dựng một cái lều khổng lồ.

Một gánh xiếc.

Hai anh lùn mặc quần áo ngủ đang ngậy người nhìn tôi rất chăm chú. Nó là tiết mục mới đây à? Một anh hỏi, giọng nghe như tiếng chuột chí chóc. Có lẽ thế, anh kia đáp. Rồi hỏi tôi: Này, bồ là tiết mục mới đây hả? À, còn phải xem sao đã, tôi thận trọng lựa lời, và vừa sợ vừa buồn cười, tôi thấy mình bụng bảo dạ, ừ nhỉ, sao lại không chứ? Tôi nhìn một con lạc đà đi ngang.

Sao lại không nhỉ? Con voi đang bị xích vào một cây cọc. Sao lại không nhỉ? Tôi muốn nói chuyện với ông chủ đã, tôi nói thêm. Anh lùn nhún vai. Ông chủ đã phải nằm nhà thương rồi, còn vợ ông ta, người thường thay quyền ông, thì đã chuồn cùng với một chàng diễn viên đi trên dây. Có vẻ nhân vật duy nhất có trách nhiệm bây giờ là người dạy sư tử, một người đàn bà.

Tôi gặp bà ta ở cạnh chuồng sư tử. Với bộ mặt đau buồn, bà đang nhìn con mèo khổng lồ nằm bẹp rúm, trông đúng là đang ốm. Tôi nói, tôi là tiết mục mới đây.

Bà quay người lại nhìn tôi, kinh ngạc và ngờ vực. Ngờ vực hơn là kinh ngạc; có lẽ bà đã quen với nhiều loại sinh vật lạ lùng.

"Á à... cái quái quỷ gì thế này nhỉ?" Bà hỏi.

Bà là một người đàn bà cao lớn, khỏe mạnh, đã vào độ trung tuần. Vẫn còn xinh: một gương mặt với những nét rõ ràng, giống như những bức hình của

Greta Garbo trong một cuốn sách của tôi. Bà đeo kính đen, cái áo sơ-mi có cầu vai, một cái gi-lê chèn lấy người, và đi ủng, khiến cho vẻ uy quyền của bà nổi bật hẳn lên. Tôi là tiết mục mới, tôi nhắc lại, tôi diễn màn nhân mã. Bà chau mày: Màn gì thế? Một con nhân mã, tôi nói, một loài huyền thoại, nửa người nửa ngựa. À phải rồi, đúng thế, bà nói, tôi có nghe về chúng. Bà bỏ kính ra, cặp mắt bà lạnh lùng, nhợt nhạt, và chăm chú dò xét tôi. Bà ra lệnh cho tôi đi vòng quanh. Làm giỏi lắm, bộ giả trang của anh ấy, bà nhận xét. Làm bằng da thật à? Da ngựa chính cống, tôi đáp, lòng phấn khởi vì thấy bà có vẻ thích thú. Bà tiếp tục xét đoán tôi.

"Thế ai ở trong đó?" Bà hỏi đột ngột.

"Em trai tôi," tôi đáp, rồi vội nói thêm, "nó không muốn ai thấy nó. Nó vừa cảm vừa điếc, mắt nó còn bị bóng hết cả vì một người đàn bà đã hất axit vào nó." "Cậu ấy có rắc rối gì với cảnh sát không?" Bà tra hỏi, đầy nghi ngờ.

"Tôi không muốn có chuyện rắc rối gì ở đây hết." "Ồ không, làm gì có thế," tôi nói, "chẳng dính gì đến cảnh sát cả. Nó không muốn ai nhìn thấy nó, thế thôi."

Bà chăm chú nhìn tôi. Câu chuyện có vẻ không ổn với bà, rõ ràng là thế. Nhưng tôi vẫn mặc kệ, bình thản trước cái nhìn soi mói kia của bà.

"Thế anh với em trai anh làm được trò gì?" Bà hỏi.

"Chúng tôi chạy quanh sân khấu," tôi đáp, "nhảy qua các vật chướng ngại; và tôi còn đọc được thơ, kể được chuyện, chơi được vĩ cầm. Nhưng tôi nghĩ cũng chẳng phải dùng đến những cái đó. Chúng tôi cứ ra sân khấu là mọi người đã cười đến chết rồi." "Tôi cũng nghĩ thế," bà nói. "Bộ cánh hóa trang của anh thực là tuyệt."

Bà lấy trong túi áo sơ-mi ra một bao thuốc lá.

"Hút thuốc không?"

Tôi chưa bao giờ hút thuốc lá trong đời, nhưng tôi nhận lời mời ấy. Suýt nữa

thì tôi chết ngạt ngay ở hơi thuốc đầu tiên, và tôi ho rũ rượi. "Có lẽ nhân mã không nên hút thuốc lá," tôi nói. Bà cười phá lên.

"Ok," bà nói. "Nhưng có một vấn đề này. Nghiêm trọng đấy. Tôi không biết thỏa thuận với chủ trước của anh thế nào, nhưng gánh xiếc này đang phá sản. Tôi không thể trả công cho anh được."

"Không sao," tôi nói ngay. "Tôi có thể làm việc để được ăn uống thôi, ít nhất là trong một thời gian. Sau này ta có thể giải quyết với nhau được mà."

"Tốt. Nếu vậy thì anh có thể bắt đầu ngay từ hôm nay. Tên anh là gì ấy nhỉ?"

"Silva," tôi nói. "Cả tôi và em tôi đều mang cái tên đó."

Bà đưa tay cho tôi.

"Anh hay lắm, Silva." Khi chúng tôi bắt tay, bàn tay bà chần chừ trong bàn tay tôi. "Tôi nghĩ chúng ta sẽ hợp nhau." Bà liếc nhìn đồng hồ đeo tay - một cái đồng hồ to tướng kiểu đàn ông. "Thế nhé, tôi phải đi xem mọi việc thế nào. Đêm nay là đêm mở màn. Tiết mục của anh là thứ hai."

Qua một lỗ thủng trên tấm màn sân khấu rách tả tơi, tôi lén nhìn đám đông đang ngồi chật khán đài. Những con người nghèo khổ: tá điền trong những nông trại quanh vùng, thợ nhà máy, lính tráng, gia nhân. Đám đàn bà vú sệ, trẻ con sún răng. (Còn Pedro Bento? Liệu nó có tình cờ ở trong đám này không?) Những người nông dân cục cằn. (Có Peri không nhỉ?)

Toàn những kẻ xa lạ, ngoại đạo. Một số trông rất dữ dằn, như những quân kẻ cướp. Tôi những muốn bỏ chạy; ước gì được ở nhà với cha với mẹ. Ý nghĩ đó làm tôi tức giận với chính mình. Hãy ở nguyên đấy, tôi tự nhủ, cứng rắn lên, đồ hèn nhát.

Mấy anh lùn từ sàn diễn chạy vào. "Đến lượt anh đây," một giọng nói ngay đằng sau tôi. Tôi quay lại: đó là người dạy sư tử, đã đóng bộ từ đầu đến chân thành nhân vật điều khiển chương trình. Ngực áo hồ cứng, áo khoác đuôi tôm, một cây roi trong tay này và một cái ba-toong trong tay kia. Bà mỉm

cười và nháy mắt với tôi. "Cố hết sức vào, Silva, tôi sẽ cổ vũ cho anh."

Trống đổ dồn, cái kèn đi sẵn văng lên một hồi mời chào lạc điệu. "May mắn nhé," bà nói, tay sửa lại cái mảnh vải thêu vàng phủ trên thân sau của tôi.

Nào thì ra, tôi lảo bẫm, rồi chập chững chạy nước đại vào vòng diễn.

Ánh sáng của những cái đèn làm tôi chói lòa; tiếng ầm ĩ nổi lên điếc hết cả tai. Một nỗi hãi hùng xâm chiếm tôi, và tôi tưởng như mình sắp ngã đến nơi, nhưng tôi vẫn tiếp tục chạy nước đại, bộ giò của tôi kéo tôi đi như thuở tôi còn là đứa hài nhi, ba, bốn, năm vòng quanh sàn diễn. Cuối cùng, theo như dự định, tôi vào giữa vòng diễn, chồm thẳng người lên hai chân sau, và ngỏ lời chào khán giả.

"Xin chào các quý bà, quý ông!" Giọng tôi nghe nhỏ xíu, rất lạ, nhưng họ đáp lại bằng một loạt pháo tay. Thế rồi tôi ngạc nhiên nghe thấy mình nói bằng một giọng rất tự tin và bén tiếng: "Tôi chưa nghe thấy gì! Xin nói to nữa lên! Tôi xin chào mừng các quý bà, quý ông!"

"Xin chào!" Họ nhất loạt gào lên, và tôi đứng đó mỉm cười trong lúc bà chủ sàn diễn nói lời giới thiệu tôi là ai, một con nhân mã từ những đỉnh núi xứ Tunisia, mẫu vật còn sống sót cuối cùng của một loài đã gần như tuyệt chủng. Rồi bà quay sang phía tôi:

"Nhân mã hỡi, người bạn của ta! Hãy cho mọi người thấy bạn làm được những gì!"

Tôi chạy vài vòng nữa quanh sàn diễn, nhảy qua các vật chướng ngại. Và khi tôi nhảy một điệu polka theo tiếng nhạc đệm của một cây phong cầm, móng chân đập lẫn vào nhau, thì cả rạp xiếc như sụp đổ vì tiếng hoan hô và vỗ tay. Khán giả reo hò như điên. Tôi phải diễn lại tiết mục của mình hai, ba lần.

Cuối cùng, tôi chạy khỏi sàn diễn, mồ hôi sũng người và mệt lử. Bà dạy sư tử đang đợi tôi, miệng mỉm cười. Tôi đã bảo mà, Silva, tiết mục của anh sẽ thành công lớn mà, có đúng không nào? Những người trong gánh xiếc vây

lấy tôi, khen ngợi tôi. Cuối cùng thì mọi việc sẽ tốt đẹp hơn, chúng ta sẽ lại có miếng ăn, hai anh lùn nói. Họ đề nghị được quay lại sàn diễn nhưng cười trên lưng tôi; người nghệ sĩ nhào lộn cũng muốn có một tiết mục chung với tôi: "Nhân mã Bay". Tất cả những lời khen ngợi ấy đều rất hay, nhưng ngần ấy tay chân đung vào tôi, vỗ về tôi, đã bắt đầu làm tôi hoảng. Nhỡ mà họ nhận ra ngay trong không khí vui mừng ấy rằng bên trong bộ da này không phải là một tay Silva cầm điếu có bộ mặt bóng rộp, mà là phủ tạng, gan, thận, ruột của một con ngựa thì sao? Tôi quay người nói với lại đằng sau: Thôi nào, người anh em, ta hãy đi tắm một cái đã nào. Họ cười ồ cả lên. Tắm ư? Nhân mã có biết tắm hương sen không hả? Nhưng tôi đã nhanh chóng lẩn đi rồi.

Gánh xiếc bắt đầu thu hút đông người đến xem. Khán đài luôn chật ních, và màn trình diễn của tôi là hấp dẫn chính của chương trình. Không bằng lòng với thành công đã đạt được, tôi thêm các biến tấu vào tiết mục của mình. Tôi chạy đua với một chú lạc đà, khiến cho khán giả sướng phát rồ lên. Tôi lại học cả tung hứng. Rồi tôi nhảy qua vòng lửa: hoan hô, hoan hô.

Tất nhiên, không phải lúc nào mọi việc cũng ổn cả. Bọn gốc thường thích kéo đuôi tôi; nhiều lần bọn say rượu còn cố nhảy lên lưng tôi. Phải cố nhịn lắm tôi mới không đá cho chúng một trận. Đừng nổi cáu làm gì, hai anh lùn nói, cả lũ họ chỉ là đồ quê mùa cục mịch ý mà.

Anh em trong gánh xiếc thích tôi lắm, nhất là hai anh lùn, ít khi rời mắt khỏi tôi. Điều đó khiến tôi lo lắng; tôi phải càng được một mình càng tốt. Tôi hỏi xin một toa rơ-moóc cho riêng mình, và bà dạy sư tử nhanh chóng đáp ứng ngay. Anh không phải xin, cứ việc ra lệnh cho tôi, bà ta nói với một cái nháy mắt đầy ẩn ý.

Cái rơ-moóc rất sang trọng, thật là một sự cải thiện lớn lao, nhưng nó được thu xếp cho người ở chứ không phải cho nhân mã. Tôi không thể đứng thẳng

người lên trong đó; ngoài ra, không có một cái nệm rộng rãi cho tôi như hồi còn ở nhà, mà là hai cái giường cá nhân hẹp cho tôi và em trai tôi, chắc thế. Dù sao, tôi vẫn ở trong đó và đọc sách hầu hết thời gian của mình. Khi ra ngoài, tôi phủ kín phần thân sau bằng một tấm vải diềm bầu lớn chạm xuống đến tận đất. Tôi giải thích rằng không muốn bị dây bản vào bộ quần áo hoá trang rất đắt tiền của tôi, và rằng tôi không muốn bị ai sờ xẹt vào nó.

Họ để mặc tôi theo ý mình. Họ thấy tôi là lạ, những chắc chắn là không lạ bằng một vài nhân vật khác trong đoàn: anh chàng ném dao găm lúc nào cũng nói chuyện một mình, anh hề không thể chơi được với ai, và anh nhào lộn lúc nào cũng nhăm nhăm rình nhét nhện và gián vào túi quần túi áo của hai anh lùn.

Con khoẻ, tôi viết về cho cha mẹ. Con ăn uống tốt, và vui vẻ, không còn bị sốt nữa. Lúc này con hứa sẽ nói mình đang sống ở đâu, nhưng cha mẹ đứng lo, mọi chuyện đang ổn cả.

Nói cho đúng ra, mọi việc đã ổn cả. Thậm chí tôi đã thấy hạnh phúc. Tôi bắt đầu nghĩ rằng mình đã có chỗ đứng trong xã hội loài người. Có móng ngựa hay không móng ngựa, có đuôi hay không có đuôi cũng vậy thôi. Tiếng cười của khán giả và tình bạn của đồng nghiệp an ủi tôi. Nhưng chỉ có cái nhìn của bà dạy sư tử dành cho tôi là có vẻ không ổn.

Hai anh lùn nói về bà ta với một tình cảm lẫn lộn, vừa khâm phục vừa sợ hãi: một nhà độc tài, họ nói, cai trị gánh xiếc với hai bàn tay sắt. Và rất máu nữa: không có đàn ông nào thoả mãn được bà. Anh nhào lộn, anh ném dao, anh hề, tất cả đều đã ngủ với bà và bị bà khinh miệt đuổi đi vì làm ăn chẳng ra sao. Bà bảo họ đều không đủ chất đàn ông đối với bà. Lúc này thì bà chưa có nhân tình nào cả, và điều đó làm cho cả gánh xiếc lo lắng, vì trong những thời kỳ như vậy bà sẽ thành rất vô lý và không ai có thể chịu nổi bà.

Bà theo dõi tôi. Bà ngắm nghía tôi rất nhiều. Bà thường nhìn tôi từ bên trong

chuồng sư tử, trong lúc đang nằm cạnh con mèo vĩ đại ấy, vừa nhìn tôi, bà sẽ vừa âu yếm ôm chonàng lấy nó, rồi hôn cả vào miệng nó. Chao ôi, bà sẽ kêu lên, ước gì tôi gặp được một người đàn ông như con mãnh sư này! Rồi bà nháy mắt với tôi. Tôi sẽ mỉm cười và đi ra chỗ khác, trong lòng bối rối. Nhưng sự thật là suốt ngày tôi chỉ nghĩ đến bà. Tôi không ngủ nổi; cái dãi ngựa khổng lồ của tôi dựng đứng, tôi chỉ biết lăn lộn dưới sàn, không thể nằm yên. Nếu bà thích sư tử đến thế, thì thích nhân mã cũng được chứ sao? Các cô gái đến xem xiếc nhìn tôi khâm phục. Anh ấy mới đẹp trai làm sao! Họ sẽ xin được sờ tay vào tôi, và điều đó làm bà dạy sử tử nổi giận, còn tôi thì lo lắng hơn bao giờ hết.

Tôi đã dự cảm được điều gì sẽ xảy ra rồi.

Một đêm, tôi không thể ngủ được, bên trong cái rơ-môóc rất nóng bức, ngột ngạt khó chịu. Tôi vục mặt vào chậu nước, lăn mình trên khăn ướt, mà chẳng ăn thua gì. Cuối cùng tôi đi ra ngoài.

Tôi bước nhẹ nhàng giữa những chuồng thú. Chúng im lặng nhìn tôi, mắt sáng ngời trong bóng tối. Con voi, đang đứng, cứ thế lắc lư bên này bên kia. Những con vật tội nghiệp, tôi rất hiểu chúng. Nội tạng của tôi là nội tạng của các bạn, mặc dù số phận của tôi không phải là số phận của các bạn.

"Đi đâu thế anh bạn thân mến?"

Giật nảy mình, tôi quay phắt lại và chạm ngay mặt bà dạy sư tử. Đang đứng dựa chuồng sư tử, bà nhìn tôi ngây dại, miệng mỉm cười.

"Ra ngoài đi dạo đây à?"

"Cho nó có không khí một tí," tôi nói, giọng nghe rất lạ.

Bà nhìn quanh. Không có ai, mọi người đều đang ngủ cả. Lại đây, bà thì thâm. Tôi đến gần bà. Tôi thấy sự thèm muốn trong mắt bà, trong cặp môi mở hé của bà. Còn tôi, cổ tôi khô ra và lòng tôi sợ hãi, nhưng tôi không thể

nhìn được nữa, tôi ôm choàng lấy bà.

"Guộm đã," bà nói, "không phải ở đây."

Tôi ôm bà trong tay. Chúng tôi cùng vào trong chiếc rơ-moóc. Rồi tôi hôn bà mãnh liệt, miệng bà, mắt bà, cổ bà. Nhẹ thôi nào, anh yêu, bà nói, để em cởi quần áo đã. Tôi buông bà ra. Run lẩy bẩy vì thèm muốn, tôi ngắm nhìn bà cởi cúc áo, tháo bỏ ủng.

Còn cậu em thì sao? Bà hỏi, cậu ấy không giận chứ? Một ý nghĩ chợt đến với bà. Nếu anh muốn, cả hai anh em đều yêu em cùng một lúc cũng được.

Không! tôi đáp, gần như hét lên, "Ừ, nó... chú em tôi... không tham gia những việc thế này. Nhưng chú ấy chẳng để tâm... đến việc tôi làm đâu."

"Ô thế à, ô kê," bà nói. Bà cởi xong quần áo trong bóng tối nửa vờ, tôi thể thấy bà có một thân hình đẹp, rồi bà nằm xuống giường.

"Nào, lại đây anh yêu." bà thì thầm, "Lại đây, con nhân mã yêu quý của em."

Chân tôi gập lại. Tôi cúi xuống và hôn bà, hôn bà như điên như dại, miệng bà, đôi vú bà, cặp đùi bà. Ôi anh làm em phát điên lên mất, bà rên rỉ, điên đi, điên đi! Nào, anh yêu, nào, bỏ hoá trang ra đi anh, nhanh lên!

Thế rồi, một trận núi lở ào xuống, một dòng thác phá vỡ tất cả những cửa đập, tôi quăng mình lên bà và không còn nhìn thấy gì hết. Bối rồi, tôi nghe tiếng bà kêu cứu. "Cứu tôi với, nó đang tấn công tôi, nó là một con quái vật!" Tôi ngăn bà lại, bịt lấp miệng bà, cố xâm nhập vào bà mà không được, phụt hết lên đùi bà. Rồi tôi kiệt sức ngã sang một bên. Bà nhảy vọt ra khỏi giường, chạy một mạch, miệng la hét, "Nó là ngựa! Một con ngựa thật sự!"

Tôi đứng dậy, chóng mặt, bước ra ngoài. Tiếng người hỏi hã vọng qua đêm tối, những ánh đèn sáng bừng lên. Bọn sư tử gầm gào, lũ khỉ chí chóe.

Không thể chân chừ được nữa. Tôi vùng chạy và lấy ngay nước đại.

(Cái nước đại đó. Cái nước đại giữa đêm hôm đó, qua những cánh đồng rộng, qua những đầm lầy in vàng trắng nhợt nhạt, cái nước đại ấy in sâu vào

kí ức tôi trong nhiều năm trời. Bây giờ tôi vẫn thèm nhớ lại những lần tôi có thể phi nước địa thật phóng túng như thế, như cái đêm đó, mặc dù lúc ấy tôi hoảng sợ biết bao, móng tôi giẫm chết nhoét những con ếch nhái và thân thể tôi bị những cành cây thấp trên đồng cỏ cào xước khắp nơi.

Hay biết mấy khi được chạy như thế. Bạn bè tôi vẫn chạy đều hàng sáng. Họ chạy ít nhất là sáu vòng quanh công viên, tin rằng làm thế sẽ tránh được những cơn đau tim. Họ cũng bảo rằng chạy giúp cho đầu óc minh mẫn, rằng bộ óc lúc chạy được kích thích bên trong hộp sọ sẽ vứt bỏ hết những lo lắng và ám ảnh, ta có thể nhìn thấy một đám hơi nhỏ bốc lên từ đỉnh đầu của những người chạy giỏi.

Nhưng tôi biết đó không phải là những lý do duy nhất. Họ chạy để mà chạy, vì chạy là tốt. Nếu không vì những hạn chế về thời gian, không gian và trách nhiệm gia đình, vân vân và vân vân, họ sẽ chạy thật xa, thành một hàng thẳng tắp cho mãi đến tận thiên đàng của những người chạy vui cười, một nơi không bao giờ hạn hẹp cho dù ta có chạy xe đến mấy, một nơi mà tất cả mọi người lúc nào cũng chạy, người thì mặc áo chèn xanh nước biển, người thì mặc quần soóc trắng, có người đi giày đánh tennis, có người chân không, có người chạy một mình, có người chạy thành nhóm, vừa chạy vừa nói chuyện, vừa chạy vừa ăn bánh kẹp, vừa chạy vừa ỉa đá, chạy không ngừng như tôi đã chạy đêm hôm đó, nhưng mà hạnh phúc, không sợ hãi như tôi đã bị đêm hôm đó.)

Đến sáng thì tôi đã ở xa lắm rồi. Từ vị trí của mặt trời tôi có thể khẳng định mình vẫn đang đi về phương nam, như tôi vẫn luôn dự định. Mặc dù tôi đang đi ngược hướng tới Thessaly và Arcadia, tôi phải tìm cho ra xứ sở truyền kỳ của loài nhân mã. Những vị vua nhân mã, thần dân nhân mã, trại chủ nhân mã, văn sỹ nhân mã và những con nhân mã cái.

Hoặc giả tôi sẽ đi đến Nam Cực, đến khối băng vĩnh cửu có thể lưu giữ

nguyên vẹn những thân xác của tổ tiên bốn chân của chúng tôi.

Tôi phi nước đại vào ban đêm, như tôi vẫn làm trước đó. Tôi hái trộm hoa quả và rau tươi, như trước, và trộm thức ăn từ những chiếc xe tải đỗ ven đường. Cũng như trước, tôi ngủ vào ban ngày, nhưng giờ chỉ chọn những chỗ rất an toàn và kín đáo mà thôi.

Tôi đã đi xa lắm.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

TRẠI GIA SÚC Ở RIO GRANDE DO SUL

1954-1959

Tôi đi về hướng biên giới với Argentina.

(Chắc hẳn tôi đã qua vùng Sao Borja đúng vào lúc người ta mai táng tổng thống Getúlio Vargas. Tất nhiên là lúc bấy giờ tôi không biết tí gì về những chuyện như thế. Tôi chỉ biết phi nước đại mà thôi.)

Một đêm mưa, tôi trú lại trong một túp lều bỏ hoang, một nơi lụp xụp giữa một cánh đồng mênh mông. Tiếng mưa rơi và tiếng ếch nhái ộp ộp đưa tôi vào giấc ngủ, một giấc ngủ súc vật có nguyên nhân, tôi nghĩ thế, từ những bắp thịt mỏi nhừ những mối gân đau nhức. Một giấc ngủ lừa ngựa.

Sáng hôm sau...

Tôi giật mình tỉnh giấc, lòng đầy những dự cảm lạ lùng. Tôi đứng dậy và ghé mắt nhìn qua khuôn cửa sổ bé xiu của túp lều.

Trời vẫn sầm sì mặc dầu mưa đã tạnh. Mấy con cừu đang hiền lành gặm cỏ;

không một bóng người. Tại sao tôi lại giết mình?

Nhưng có một cái gì đó. Tôi cảm thấy nó tận đáy lòng. Trong người tôi vang vang tiếng móng ngựa từ xa mỗi lúc một gần. Tôi nheo mắt và bắt đầu nhận ra một cái gì đó ở phía chân trời.

Một người cưỡi ngựa. Không, hai người cưỡi ngựa. Phóng thả sức, họ đang nhanh chóng đến gần.

Người đang trước có vẻ là đàn bà... đúng là một người đàn bà có thể thấy rõ mái tóc dài tung bay tả tơi trong gió. Con ngựa trông rất lạ. Cái đầu nó ở đâu? Cái đầu con ngựa ở đâu?

Không có đầu, không phải ngựa. Người đang đuổi theo sau thì đúng là đang cưỡi ngựa, nhưng ở phía trước là một người đàn bà và ngựa nhập làm một, là nửa đàn bà, nửa ngựa, là... có thể là tôi đang nhìn thấy thế không? Đó là một con nhân mã cái.

Một nhân mã cái! (Vây là tôi không phải chỉ có một mình, chúng tôi đông hơn, có khi đông lắm chưa biết chừng!) Nhưng mà cô ta là một cô gái trẻ, có vẻ rất đẹp, cô ta ở đâu ra mới được chứ? Có phải cũng từ quần Quatro Irmãos như tôi không? (Chao ôi, nếu cha mẹ tôi...) Hay là từ Argentina, từ Nam Cực? (Thử tưởng tượng xem giá Deborah và Mina mà biết được chuyện này!) Nhưng không có thời gian thắc mắc nữa, cô gái, con nhân mã cái, rõ ràng đang rất lo lắng; nó đang kiệt sức và hãi hùng, kẻ đuổi theo nó là một lão già, đã đến rất gần. Phải làm cái gì đó, con xin kính lạy Đức Jehovah, con phải là gì? Giá mà tôi là con ngựa có cánh...

"Dừng lại, con quỷ sứ kia! Dừng lại!" Lão già hét, rất hách dịch.

... Tôi sẽ đón lấy cô và nhắc cô lên tận những đám mây. Nhưng tôi không phải là con ngựa có cánh, tôi chỉ làm cho một con nhân mã bất lực sợ hãi, bực bội, và tôi phải làm gì đây? Ra khỏi nơi ẩn nấp, tấn công lão già ư?

"Dừng lại không tao bắn!"

Lão có một khẩu súng lục trong tay và chỉ còn cách con nhân mã cái chưa đầy một trăm bước, đang giơ súng lên ngắm, cả hai đều phóng thực mạng. Họ sẽ phi qua ngay trước cửa túp lều, ngay bây giờ, đây này.

Tôi lao thẳng vào cánh cửa ọp ẹp, xô đổ nó, phóng thẳng ra ngoài về phía lão già. Lão ghì cương, hai mắt trợn trừng, rú lên một tiếng kêu khiếp đảm. Con ngựa chồm dựng lên đúng lúc lão bóp cò súng, và lão ngã văng xuống đất. Con ngựa lồng chạy đi.

Tôi thận trọng đến gần. Lão già đã ngã sấp mặt xuống đất và đang nằm bất động. Tôi quỳ xuống cạnh lão, lật lão lên. Tránh không nhìn vào hai con mắt trợn trừng đờ đẫn của lão, tôi đặt tay lên ngực lão. Tim lão đã ngừng đập.

"Hắn đã chết chưa?" Đó là cô gái, con nhân mã cái ở gần ngay bên tôi.

Chúng tôi nhìn nhau.

Cô ta xinh. Không xinh bằng cô gái ở khu nhà lớn, nhưng rất xinh; khuôn mặt thanh tú với đôi mắt đen mang nhiều dấu vết của huyết thống Indian.

"Chết hẳn rồi, " tôi vừa nói vừa đứng dậy.

Cô bắt đầu khóc. Cô vẫn còn sợ hãi, có thể thấy rõ điều đó. Tôi muốn an ủi cô, muốn vuốt ve cô và nói rằng không có gì phải sợ nữa, mọi chuyện đều ổn cả rồi. Và tôi đã làm đúng như thế: tôi vuốt ve mái tóc nàng, tôi nói có chuyện gì đâu, mọi thứ đều tốt đẹp cả rồi. Tôi nhận nàng là đồng loại; nàng cũng nhận tôi là đồng loại. Chúng tôi đều cùng một chủng, thậm chí da nàng còn hơi giống da tôi, đều có màu hạt dẻ.

(Đã có lần, lúc một mình ngắm nghía chính mình, tôi đã cay đắng nghĩ rằng chẳng những đã phải mang thân phận nhân mã, tôi lại còn phải mang bộ da màu hạt dẻ của ngựa điên hình nữa! Nhưng bây giờ, bây giờ thì tôi hạnh phúc vì đã có bộ da hạt dẻ này. Nó thêm được một thứ chung nhau giữa đôi chúng tôi.)

Nàng lau nước mắt bằng cánh tay của bộ áo choàng bó sát người màu trắng

và nhìn tôi. Chỉ lúc này, khi nỗi hoảng sợ đã qua rồi, nàng mới có vẻ như nhận ra rằng tôi cũng có móng ngựa, rằng tôi cũng một nửa là ngựa như nàng. Kinh ngạc lộ rõ trên mặt nàng, kinh ngạc và sợ hãi.

Tên tôi là Guedali, tôi nói để trấn an nàng. Nàng không hiểu. Cái gì cơ?

Nàng hỏi, chau mày với một vẻ gần như khò hời. Guedali, tôi nhắc lại. À, nàng nói, mọi người gọi tôi là Tita.

Đột nhiên tôi nhớ ra rằng cả hai chúng tôi đều đang ở giữa chốn đồng không mông quạnh, hoàn toàn lộ liễu. Tôi giấu xác lão già vào chỗ mấy bụi cây, cầm tay nàng dắt vào bên trong lều, rồi ép nàng ngồi xuống cạnh tôi. Giọng nức nở, nàng kể cho tôi nghe câu chuyện của lão già đã chết, người chủ trại gia súc có cái tên Zeca Fagundes.

Zeca Fagundes là người sở hữu tất cả đất đai xung quanh vùng này. Lão đã chuyển sang nghề nuôi cừu đúng vào lúc giá len trên thị trường quốc tế đang lên đến đỉnh điểm, và trở nên giàu có.

Lão sống với vợ, Dona Cotinha, trong một ngôi nhà khổng lồ, phiên bản của một toà lâu đài trung cổ, với hào nước và cầu rút, tường bao, tháp canh, đủ thứ. Hành lang dẫn vào phòng ngủ và những sảnh rộng thênh thang được trang hoàng với những bộ giáp trụ trung cổ nguyên bản, mua của một nhà chuyên sưu tầm và buôn bán có danh tiếng ở mãi tận Pelotas. Sảnh nhà toàn bằng đá; những cửa sổ nhỏ đều có chấn song sắt rất lớn bảo vệ. Trong nhà thấp sáng bằng đuốc. Dưới tầng hầm có một ngục tối và phòng tra tấn có treo lòng thòng từ trên trần xuống một cái cũi sắt trong có một bộ xương người không có đầu lâu. Đó là hình phạt dành cho những nông dân nào ương bướng, Zeca Fagundes nói vậy, nhưng mọi người đều biết đây chỉ là nói đùa; bộ xương ấy là của một người tiểu phu, một gia nhân đã qua đời khi đã trọn tuổi đời.

Dona Cotinha, một người đàn bà nhỏ bé, gầy gò và im lặng, luôn luôn vận

đồ đen, không bao giờ bước ra khỏi nhà. Bà hiến mình cho nghệ thuật dệt thảm. Bà làm việc với những khung cửi cổ xưa đã từng là sở hữu của bà nội bà, cũng là vợ một trại chủ, bà dệt những sợi len xe từ lông cừu chồng bà nuôi thành những tấm tranh thảm có những hình vẽ đẹp: những biểu tượng gia huy của các dòng họ, những thú vật sống quanh vùng (lúc nào cũng thấy có đà điểu) hoặc những con vật huyền thoại như ngựa một sừng, sư tử đầu chim. Còn có cả những nhân vật trong các truyền thuyết ở vùng nam Brazil, như Salamanca do Jarau. Những bức tranh thảm ấy được treo trên tường đá, cách mặt tường ẩm ướt nhờ những cái móc sắt; chúng là niềm vui của Dona Cotinha, một người đàn bà u sầu cô quạnh. Người con trai duy nhất của bà không hợp với ông bố, anh ta sống ở Porto Alegre và học luật ở đó, anh ta học đã nhiều năm, chẳng bao giờ tốt nghiệp. Thỉnh thoảng họ lại nhận được những bức thư nặc danh nói những chuyện khủng khiếp về anh chàng trai trẻ này, tố cáo anh ta là một kẻ nghiện rượu và đồi bại, càng làm cho bà mẹ thêm sầu não.

Zeca Fagundas, một con người rất dễ nổi nóng, rất ghét những con cừu của mình mặc dù chúng đã làm cho lão giàu có, coi lũ cừu là những con vật ngu xuẩn và hèn nhát. Lão cũng căm ghét những người nông dân làm việc trong trại của mình. Chúng bay tưởng tao không biết là chúng bay đi tơ cả với lũ cừu của tao chẳng? Lão thường nói, giọng vừa nhẹ nhàng vừa giễu cợt, vừa thông cảm vừa cáu bẳn. Sao vậy ngài Zeca! Đám nông dân đáp, với cả lũ cừu ư! Ai mà nghe chuyện ấy bao giờ!

Cái mà lão Zeca Fagundas thực sự ưa thích là những con ngựa của lão. Lão có không nhiều, hàng xóm lão có nhiều hơn lão đến hàng tá, nhưng chúng được lão lựa chọn cẩn thận: những con thuần chủng, những con chạy nhanh. Zeca Fagundes rất âu yếm chúng, và không cho phép một nông dân nào được bén mảng gần chuồng ngựa của lão. Lão tự cho ngựa ăn và chải chuốt

cho chúng, từng con một.

Sultan, con ngựa lang có bộ lông hạt dẻ và những đốm trắng, được lão yêu nhất. Zeca Fagundas cười nó phi qua những cánh đồng, phanh ngực áo đón gió, mái tóc trắng tung bay. Hễ thấy một bầy cừu là lão sẽ thúc ngựa xua đuổi chúng. Lão xua lũ cừu mới khiếp làm sao! Lão sung sướng thấy lũ cừu chạy bán sống bán chết, kêu rống lên vì sợ hãi.

Ngựa. Ngựa và đàn bà. Không phải Dona Cotinha xấu xí tẻ nhạt, cho dù là một người bạn đời trung thành, mà là đàn bà khác kia. Lão thường đem họ từ Bage và Alegrete về nhà: những cô gái bán hàng nhỏ nhắn sáng sủa, các bà các cô đã bỏ chồng, và cả gái điếm. Lão có cách thu xếp công việc cho họ trong trại nhà, người thì nấu nướng, kẻ dọn dẹp nhà cửa, người khác chuyên trả lời thư từ hoặc giũa sổ sách kế toán. Tất cả họ sống chung trong một gian phòng rộng có mái vòm dưới tầng hầm của toà lâu đài. Lão sẽ vào đó, bất kể giờ nào, ngày hay đêm, chỉ tay vào một người: Lại đây, thị kia! Rồi đem cô ta vào một căn phòng bí mật, một phòng ngủ mà chỉ một mình lão có chìa khoá, nằm biệt lập bên trong một toàn tháp của khu nhà.

Đám đàn bà không phải tù nhân. Họ có thể đi nếu họ muốn. Nhưng họ không dám. Họ biết Zeca Fagundes sẽ tìm ra họ, cho dù có ẩn náu ở đâu, và sự trừng phạt sẽ rất ghê gớm, cái ngục tối ở ngay đó, cạnh nơi họ ở, trong đó có một phòng tra tấn (mọi người đều thậm thụt nói về những cái roi và than hồng ở trong ấy, chưa kể bộ xương trong cái cũi.) Họ thà ở lại. Ngoài ra, họ được ăn ngon, mặc đẹp, son phấn thơm tho, vì Zeca Fagundes không tiếc tiền cho những thứ ấy chút nào. Ta muốn thấy đám ngựa cái của ta xinh đẹp và thơm tho, lão thường nói vậy. Và trên giường thì lão luôn làm cho họ thoả mãn, dù tuổi tác.

(Một lần, một cô gái không biết quê quán ở đâu xuất hiện tại trại. Cô còn trẻ, xinh đẹp, và tóc vàng, một cửa hiếm ở vùng này, với giọng nói mang thổ âm

Sao Paolo. Cô ta tự nhận là người rất ham thích ngựa và đến chỉ để mong được tham quan tàu ngựa của Zeca Fagundes. Lão vừa tiếp cô ta vừa thấy sờ sợ; cô ta khiến cho lão thấy nghi ngờ, cái con đàn bà mặc bộ váy hở hang phần son đậm và đầy người trang sức ấy. Trong câu chuyện, cô ta nói đã li thân với chồng và hoàn toàn thất vọng với đám đàn ông thành phố, đám người mà cô ta cho là rất một phường oặt ẹo.

Zeca Fagundes im lặng quan sát cô ta trong vài giây, rồi mời cô lên căn phòng ngủ trong toà tháp. Cô đi liền. Trên giường thì cô ta cũng không có gì đặc biệt, nhưng lão vẫn đề nghị cô ở lại trại, có lẽ về cô ta rất khác với đám đàn bà của lão. Cô nhận lời ở lại, "nhưng chỉ chốc nhát thôi", theo đúng lời cô nói, song Zeca Fagundes lạnh lùng bảo rằng trong cái trại này lão mới là người quyết định lịch trình và ngày giờ của mọi người.

Lập tức mọi người thấy cô gái này không giống các cô gái khác, cái cô tóc vàng ấy. Cô ta không chịu ở trong gian phòng lớn dưới tầng hầm, mà đi khắp các nơi trong nhà, chỗ vào đủ mọi việc, hỏi những câu hỏi khó chịu, lại còn ghi chép vào một cuốn sổ. Và cô ta định thuyết phục đám đàn bà nổi loạn chống lại Zeca Fagundes: Các bạn là nô lệ rồi, cô ta hét toáng lên, người đàn ông này thống trị tất cả các bạn! Trong một lần đến thăm bất ngờ, lão bắt gặp cô đang ghi chép. Lão tịch thu cuốn sổ tay, và khi cô định chống lại: Trả lại ta ngay, lão già bẩn thỉu kia! Lão đánh cô ngã gục ngay tại chỗ. Những điều ghi trong cuốn sổ còn làm lão phát khùng hơn nữa: đây là báo chí đây mà! Báo chí! Con này là nhà báo, đồ đĩ!

Để trừng phạt, lão lột trần truồng cô gái, trói cô vào một cái cột trong buồng tra tấn, và lấy roi quất cô trước mặt cả đám đàn bà. Rồi lão ném cô lên lưng một con ngựa và đuổi cô về thành phố. "Chớ có quay lại đây nữa!", lão hét, "Mày có thể giữ lấy con ngựa ấy, đồ đĩ!")

Con nhân mã cái nhỏ bé ra đời trong toà lâu đài của Zeca Fagundes. Mẹ

nàng là Chica, một người đàn bà Indian âm thầm và không được lão ưa chuộng tí nào. Sự có mặt của bà trong hậu cung của lão là cả một sự bí ẩn. Không ai biết lão thấy gì trong người đàn bà ấy.

Người đàn bà Indian có mang và không nói cho ai biết. Hoặc giả bà che giấu rất khéo tình trạng của mình, hoặc vì chẳng có ai thực sự chú ý đến bà, nên đến ngày bà sinh nở cũng chẳng ai biết bà bụng to.

Nửa đêm, bà đi vào phòng tắm. Ở đó, ngồi xồm trong tư thế cổ truyền của đàn bà Indian khi sinh nở, bà rên rỉ rặn. Một người đàn bà khác nghe thấy tiếng động, phát hiện ra bà, và tất cả họ bắt đầu nháo nhào rồi kêu la ầm ĩ. Cuối cùng thì đứa bé cũng bắt đầu chui ra, mọi người xúm lại cố hết sức nâng đỡ bà; và rồi một cái chân ngựa thò ra, những tiếng rú hãi hùng, đến cái chân nữa, cái nữa, rồi cái nữa, và con nhân mã cái ra đời, mấy người đàn bà kêu rú lên, những người khác ngất lịm đi, còn bản thân người mẹ Indian thì hình như không còn biết chuyện gì đã xảy ra.

Khi đã trấn tĩnh được một chút, đám đàn bà xem xét con vật đang ngo nguậy và ư ử trên một tấm khăn trải giường. Sao lại có thể có một thứ lạ lùng đến thế được? Họ hỏi nhau, và có người chợt nhớ rằng Chica rất say mê những con ngựa của ông chủ. Chị định làm cái trò quái quỷ gì thế hả? Họ xúm vào hỏi bà. Người đàn bà Indian nằm phủ phục, hai mắt nhắm nghiền, không trả lời. Bà cứ nằm yên như thế cho đến lúc lên cơn sốt dữ dội, rõ ràng đây là hậu quả của cuộc sinh nở, rồi bắt đầu rơi vào tình trạng điên điên khùng khùng trong nhiều ngày liền. Ngẫu nhiên, trong những ngày đó Zeca Fagundes và bà vợ đều đang vắng nhà. Họ đi chơi suối nước nóng. Đám đàn bà không biết phải làm gì; họ không dám gọi bác sỹ, vì ông chủ không cho phép người lạ đến nhà. Họ cho người đàn bà Indian uống trà thảo mộc, mà bà chẳng uống được là mấy. Cuối cùng thì bà qua đời, mặc cho họ phải đối mặt với một thực tế là họ phải chăm nom con nhân mã cái nhỏ bé ấy. Họ

không nghĩ đến chuyện kết quả ngay cho cuộc đời con vật, như mụ đỡ ở Quatro Irmãos đã từng nghĩ. Họ sẽ chăm nom nó. Cũng giống cha mẹ tôi, họ quyết định giữ bí mật chuyện này. Nhưng họ cần có hỗ trợ, và vì vậy quyết định phải nói cho Dona Cotinha hay. Bà chủ vẫn luôn thù nghịch với họ, nhưng bây giờ họ tin thế, bà sẽ mềm lòng khi nhìn thấy con vật bé bỏng đáng thương. Và họ đã nghĩ đúng. Lúc đầu, Dona Cotinha không muốn dính dáng gì đến họ và không chịu bàn khác gì hết: Các người đã phạm những tội lỗi vô liêm sỉ, đã sinh ra quái vật, mà lại còn đến đòi được giúp đỡ ư, ta sẽ không dính dáng gì hết, vì các người đều mang bệnh giang mai hết cả rồi! Nhưng khi họ đem đứa bé đến cho bà coi, bà thay đổi hoàn toàn; lúc đầu nó làm bà sợ hãi, nhưng chẳng mấy chốc nó đã làm cho bà xúc động đến chảy nước mắt, bà cũng là một người mẹ. Từ đó trở đi, một tấm tình ấm áp, một thái độ đoàn kết ngấm ngấm, đã nảy sinh giữa người vợ chính thức và đám nàng hầu kia.

Theo lời khuyên của Dona Cotinha, đám đàn bà giấu con nhân mã cái nhỏ bé (họ đặt tên cho nó là Marta-Marta, Martita, Tita) trong một cái trái bằng gỗ bỏ không ngay cạnh gian phòng nơi họ ngủ. Họ cho đứa bé bú bình, và họ phát hiện cái mếu thêm xà-lách băm vào sữa cho nó, con nhân mã cái lớn lên khoẻ mạnh. Lúc nào cũng phải lẫn trốn nhưng được bao bọc giữa tấm lòng thương mến của những người đàn bà. Rất thông minh, nó học nói rất sớm, và cũng rất sớm biết đặt những câu hỏi. “Các mẹ ơi” (họ đều là mẹ của nó,) “tại sao con lại thế này? Sao con lại có những móng này, cái đuôi này? Sao con lại không giống như tất cả các mẹ?” Nó không hỏi gì đến cha, cũng không biết một người đàn ông là gì, chứ đừng nói đến việc tưởng tượng ra một thứ như thế.

Nó không chịu sống như một tù nhân, chỉ biết đi quanh trong trái nhà ấy hoặc cùng lắm là chạy tung tăng trong gian phòng ngủ rộng lớn ấy (mà ấy là

chỉ khi nào Zeca Fagundes không có nhà.) Nó thềm mặt trời, không khí tươi mát; nó thềm được biết tất cả về thế giới bên ngoài. Không được, những người đàn bà nói đi nói lại với nó, con không thể ra ngoài được, như thế quá nguy hiểm, họ sẽ giết con. Tuy nhiên, ngày lại ngày, nó càng lúc càng thêm bứt rứt không yên. Đám đàn bà bắt đầu hiểu rằng, họ không thể giữ nó mãi được.

Quả nhiên: vào lúc sáng sớm, đúng ngày sinh lần thứ mười Sáu của nó, con nhân mã cái mở cửa và lên ra ngoài; không ai biết. Trời vẫn tối, vì đang là mùa đông; nó không nhìn thấy gì mấy, nhưng cái cảm giác tự do đã khiến nó sung sướng đến chóng mặt. Nó quyết định chạy tung tăng một lúc khắp xung quanh, làm thế thì có hại gì cơ chứ? Còn rất sớm, mọi người đều vẫn đang ngủ cả.

Nhưng không phải thế. Không phải mọi người đều đang ngủ: Zeca Fagundes đã dậy rồi, và đang đóng yên cương một con ngựa. Lão nhìn thấy con nhân mã cái đi qua, và dụi mắt vì kinh ngạc: có phải nằm mơ không đây? Có phải lão vừa thấy một cái gì nửa đàn bà nửa ngựa đó chẳng? Nếu quả thật có một thứ như thế, nó phải là của ta! Chúa đem nó đến cho ta! Lão lên yên và quát ngựa đuổi theo cái nhõn ảnh kì lạ ấy.

Sau đó ra sao thì anh biết rồi, nàng vừa nói vừa lau nước mắt.

Tôi nhìn nàng, nàng nhìn tôi.

Tôi kéo nàng lại, ôm lấy nàng. Tôi cảm thấy cặp vú nắn sát bộ ngực trần của mình; chúng căng lắn dưới làn vải áo của nàng. Tôi hôn nàng, chúng tôi hôn nhau, vụng về nhưng háo hức. “Thế này là thế nào hả Guedali?” Nàng hỏi trong một tiếng thì thào. “Anh đang làm gì vậy?” “Em đừng lo, Tita à,” tôi nói. “Sẽ là một việc rất tốt, rất hay.”

Tôi muốn yêu nàng theo kiểu của mọi người, như vẫn được minh họa trong các cuốn sách tôi đã đọc, nhưng không thể được, vì có quá nhiều vướng víu,

quá nhiều công kênh, quá nhiều móng ngựa. Cuối cùng tôi nhảy lên nàg theo kiểu ngựa, lúc làm như vậy tôi bị đập cả đầu vào mái lều, thật sự là chộc thùng cả một lỗ qua làn tranh lớp, tôi cúi về phía trước, hai cánh tay ôm lấy nàg từ đằng sau, hai bàn tay nâng chặt cặp vú nàg, thì thầm những lời âu yếm vào tai nàg, và nhẹ nhàng luồn vào nàg. “Thích quá,” nàg rên lên khi hai cơ thể rộng lớn của chúng tôi đều lấy bẫy vì khoái cảm, “em thích lắm...”

Khi đêm đến, chúng tôi ra khỏi lều, tôi đặt thì thể của Zeca Fagundes lên lưng mình. (Nếu lão còn sống, lão sẽ bắt tôi làm nô lệ; tôi sẽ thành một tay lừa gia súc tuyệt luân; vô địch trong các cuộc chạy đua, và lúc về già, tôi có thể kéo một xe mà không cần xà ịch. Chỗ ngồi của xà ịch sẽ để trống, giống như những cỗ xe ma im lìm lướt đi trong sương mù.)

Chúng tôi đi về phía trại. Khi đám đàn bà nhìn thấy chúng tôi về đến nhà, họ như phát cuồng lên. Một con nhân mã đực! Tita đã về rồi! Ông chủ chết rồi! Thật là quá sức chịu đựng của họ. Họ gào thét và ngất xỉu. Mãi rồi Tita cũng trấn tĩnh được họ và kể cho họ nghe câu chuyện đã xảy ra như thế nào.

Với cái chết của ông chủ, họ có những phản ứng lẫn lộn: buồn thương, có, mà vui mừng cũng có. Họ đã chán ngấy tính cách độc tài của lão, phát mệt vì những thói cuồng dâm và quái dâm của lão, việc làm tình mà vẫn mang đình thúc ngựa chỉ là một thói hiền lành nhất của lão. Họ an ủi Dona Cotinha. Bà khóc lóc khi ôm lấy thì thể chồng: Chúng con biết làm sao đây, mọi việc đều là ý muốn của Thượng Đế! Cảm ơn các em, người quả phụ nước nở, các em đều rất tử tế với tôi, tôi sẽ không quên các em, xin các em nhớ cho điều ấy.

Thế rồi họ quay sang tôi. Họ xúm xít quanh tôi, tò mò xem xét tôi từng li từng tí. Nhìn xem, một người nói, thế mà em cứ tưởng Tita là trường hợp độc nhất vô nhị. May mắn quá, thằng bé trông thật đẹp trai, một người khác

lên tiếng, nó với con Tita nhà mình sẽ thành một đôi cực đẹp đấy. Mọi người đều đồng ý với ý kiến đó. Một con nhân mã đực với một con nhân mã cái mà tình cờ gặp nhau thì chúng còn làm gì khác nữa ngoài việc sống với nhau? (Linh tính đã mách họ rằng đã có chuyện gì đó giữa Tita và tôi rồi; vẻ mặt của con nhân mã cái đã khác rồi, dáng đi của nó cũng thế, và nụ cười của nó đã mang vẻ bí hiểm rồi; đứa con cưng bé bỏng của họ đã thành một người đàn bà. Một đàn bà-nhân mã.) Nhưng hai đứa chúng bay phải cưới nhau đi, một bà lên tiếng, chúng ta không thể để ai sống trong tội lỗi được, hai con phải làm lễ cưới ở nhà thờ. Họ cười phá lên, tưởng tượng đến vẻ mặt của cha cô. Tita cũng cười, tôi cũng vậy. Con không thể làm lễ cưới ở nhà thờ Công giáo, tôi nói, con sinh ra là người Do Thái.

Họ thôi cười, nhìn nhau, nghi ngại. Một người Do Thái ư? Nghe không ổn rồi. Bọn Do Thái đã giết chết đáng Christ, bọn Do Thái tham lam, chẳng nhẽ họ lại trao Tita của họ cho một thằng trong bọn ấy sao? Nhưng trong số họ có một người đã từng yêu một anh Do Thái, một người chào hàng, và bà này cam đoan rằng người Do Thái không hề xấu xa, chỉ là vấn đề biết cách cư xử với họ thôi, thì cũng như với bất kì ai chứ có gì khác. Thế là họ yên tâm, và lại cười, lần này thì vì cái tên của tôi. Guedali, thật đó là một cái tên à?

Chúng tôi chuyện trò suốt ngày hôm đó, cho đến tận đêm khuya.

Sáng ra, đám đàn bà sức nhớ ra việc làm ma cho ông chủ. Đám ma chắc phải mời các trại chủ lân bang, và họ không thể ở đó để mọi người biết được.

Người chết thuộc về bà quả phụ, và chỉ một mình bà mà thôi. Họ gói ghém đồ đạc, thậm chí còn tranh giành váy áo và son phấn, rồi khóc lóc chia tay chúng tôi. Họ ép tôi phải hứa sẽ chăm sóc Tita và Dona Cotinha cho chu đáo (tôi đã thành người đàn ông trong nhà,) rồi ra đi.

Một tuần lễ liền, bà quả phụ giam mình trong phòng riêng với nỗi buồn của mình. (Bà chỉ có một mình, anh con trai không thấy xuất hiện.)

Toà nhà thuộc về chúng tôi, Tita và tôi. Chúng tôi đi khắp các gian phòng lớn, xuống dưới tầng hầm, lên ngọn tháp cao (hơi khó một chút vì cầu thang hẹp.) Chúng tôi yêu nhau ở đó, trong gian phòng đầy gương, dưới ánh đuốc trong gian ngực tối, và trong trái nhà gỗ, trên tấm nệm của Tita, rất giống với cái nệm mà tôi vẫn dùng hồi còn ở nhà.

Dona Cotinha lại xuất hiện, bình tĩnh một cách đáng kinh ngạc, và chỉ huy mọi việc hăng hái một cách không ngờ. Việc đầu tiên của bà là xoá sạch những gì có thể nhắc nhở đến sự có mặt của chồng: đốt hết giấy tờ của ông ta, mang hết quần áo của ông chia cho nông dân. Bà ra lệnh cho niêm kín gian phòng của hai vợ chồng, và dọn sang một phòng khác nhỏ hơn.

Còn với chúng tôi, Tita và tôi, liệu bà định thế nào đây? Bà không nói gì cả, và tôi bắt đầu thấy bồn chồn: có thể bà không chịu nổi tôi, có thể bà nghĩ tôi là một thằng sa đoạ. Tôi quyết tâm phải có một cuộc nói chuyện riêng với bà. Tita và con yêu nhua, tôi nói, chúng con muốn sống với nhau, và nếu bà không phản đối thì chúng con sẽ xin được ở lại đây. Còn nếu không được vậy thì xin bà cho chúng con biết sớm, chúng con sẽ liệu đi tìm nơi khác. Sao lại thế, bà nói, rất ngạc nhiên. Tita cũng đã thành như con gái bà, và bà cũng đã ngày càng thấy ưa tôi hơn. Ta có thể không biểu lộ ra ngoài, bà nói thêm, nhưng đó chỉ là vì tính ta nó vậy mà thôi, bao nhiêu năm trường phải sống với đồ súc sinh ấy...

Bà lấy một chiếc khăn từ trong tay áo ra lau mắt. Các con có thể dùng gian phòng ngủ mà chị em vẫn ở trước đây, bà nói, rồi thêm: Đừng bận tâm về chuyện cưới xin vô lí làm gì. Ta đã cưới chồng với một tấm chàng mạng và đầy đủ lệ bộ đất, ấy thế mà đời ta rồi có ra cái gì đâu. Cứ ở lại đây, các con thân yêu của ta, ở lại và yêu thương nhau theo ý các con. Có các con bên cạnh là đủ cho ta rồi.

Thế là từ 1954 đến 1959, chúng tôi sống ở cái trại gia súc ấy với Dona

Cotinha. Chỉ có bà và người đốc công của bà, một người đàn ông lạ lẫm nhưng hoàn toàn tin cậy, biết là có chúng tôi.

Ấy là một cuộc sống thoải mái và hạnh phúc.

Tất nhiên là ban ngày chúng tôi phải ẩn mình bên trong nhà, nhưng có rất nhiều việc khiến chúng tôi bận bịu. Tita giúp Dona Cotinha các việc trong nhà hoặc việc dệt thảm; tôi đọc sách và học (lúc ấy tôi rất quan tâm đến môn quản trị kinh doanh) hoặc chơi vĩ cầm. (Cây đàn này, tôi tìm cớ thấy nó trong một tủ đựng quần áo, ngày xưa là của ông nội Dona Cotinha. Nó cũng chỉ là một cái vĩ cầm thường thôi, rất thô sơ, nhưng mà những giai điệu mà tôi kéo ra được từ nó thì quả thật làm Tita và Dona Cotinha xúc động đến rơi nước mắt.)

Đêm đến, rất khuya, cho đến tận nửa đêm, chúng tôi đi dạo trên cánh đồng, Tita và tôi. Sánh vai, tay nắm tay, chúng tôi phi nước đại, gió thổi vi vu trong tai. Chúng tôi dừng lại, nhìn nhau, cười phá lên và hực cả hơi. Dần dà, nụ cười biến đi trên gương mặt nàng. Em muốn anh, nàng thì thầm. Anh cũng muốn em, tôi đáp.

Tita và Guedali, Guedali và Tita, cặp tình nhân của đồng cỏ. Chúng bị hút vào nhau bằng da, bằng tóc, bằng chính những đường gân thớ thịt của mình. Khi chúng yêu nhau, nó giống như một điệu balê, hai thân thể lớn lao của chúng như thể được nâng lên không trung, tay chân hoà quyện lấy nhau khi chúng cùng ngã xuống cỏ ướt không một tiếng động.

Nàng chỉ hơn một đứa trẻ một chút xíu, Tita. Vừa mới một tí đó thôi nàng còn đang chơi những con búp bê mà đám đàn bà đưa cho nàng. Nhưng nàng thông minh, và muốn biết tất cả về tôi và gia đình tôi. Tôi kể cho nàng với biết bao khoái cảm, về cái trại gia súc ở vùng nội địa Quatro Irmãos, về cha mẹ và các anh chị em của tôi, về cây vĩ cầm, thằng bé Indian Peri, Pedro Bento. Tôi kể cho nàng cả về ngôi nhà ở Teresópolis, về niềm say mê của tôi

đối với cô gái trong khu nhà lớn (chuyện này làm nàng ghen, trở nên u uẩn và tôi phải an ủi nàng, nói rằng tất cả chuyện ấy thật vô nghĩa.), về những cuộc du hành của tôi trên đồng cỏ. Nhưng có những chuyện tôi không kể với nàng, con ngựa có cánh chẳng hạn, mà tiếng đôi cánh sột soạt của nó tôi đã không nghe thấy nữa trong một thời gian dài. Tôi không kể cho nàng chuyện ấy, không thể kể được. Có những thứ nàng thực sự không hiểu: một người Do Thái, làm một người Do Thái nghĩa là thế nào? Tôi cố giải thích, tôi kể cho nàng nghe về Abraham và bộ ngực của cụ, về Moses, về Nam tước Hirsch. Tôi thuật lại những chuyện ngắn của Sholem Aleichem, tôi nói đến Israel, Jerusalem, những nông trang tập thể, Marx và Freud cũng xuất hiện trong câu chuyện của chúng tôi.

Thế rồi tôi ngừng lời. Đột nhiên tôi thấy nhớ nhà. Tôi nhớ cha nhớ mẹ, nhớ Deborah, Mina, thậm chí cả Bernado. Tôi vẫn viết cho gia đình những bức thư dài mà người đốc công đích thân mang gửi tận bưu điện thành phố cho tôi. Tôi nói tôi vẫn khỏe, rằng mọi người không phải lo cho tôi. Nhưng tôi có nên thổ lộ về Tita không đây? Và tôi quyết định rằng vẫn chưa đến lúc làm việc đó.

Dona Cotinha ngày càng ưa mến chúng tôi hơn. Bà nói chúng tôi là tất cả những gì bà có trên đời (“Những con thú cảnh thương mến của ta” là câu đầu lười bà vẫn dùng để gọi chúng tôi,) chúng tôi còn quan trọng hơn cả đứa con trai ruột của bà, kể chưa thèm viết cho bà đến một dòng thư. Chuyện chúng tôi là bạn tình của nhau có làm bà hơi lúng túng một chút. Mặc dù bà không nói gì, chúng tôi biết tận đáy lòng bà coi quan hệ của chúng tôi là cái gì đó có vẻ nực cười, thậm chí tội lỗi. Nếu chúng tôi lỡ ôm lấy nhau trước mặt bà, bà sẽ bối rối quay đi chỗ khác. Nhưng ngoài những việc ấy ra thì bà rất âu yếm chúng tôi, thường cho chúng tôi quà – áo len chui đầu cho tôi, vòng cổ cho Tita – khiến chúng tôi rất sung sướng.

Tita và tôi thực sự rất hạnh phúc trong khoảng thời gian ấy, từ 1954 đến 1959.

Ngày nào chúng tôi cũng ở bên nhau, không rời nhau một phút, Người này học được ở người kia ý nghĩa của mỗi cử chỉ, mỗi cái nhìn. Chúng tôi bắt đầu nhiễm những thói quen giống nhau và có một hệ thống tín hiệu riêng với nhau: bây giờ thì tôi là Gue và nàng là Ti. Gue và Ti, Ti và Gue, không bao giờ rời nhau. Tôi biết nàng thích tôi hôn nàng vào tai, chỗ thùy châu. Nàng biết tôi thích nàng đặt đầu lên ngực tôi. Nhưng trên hết mọi thứ, chúng tôi biết chúng tôi thêm làm tình với nhau. Nỗi thèm muốn ấy lúc nào cũng tràn đầy trong chúng tôi, đêm, ngày, sáng sớm, bất kể khi chúng tôi đang làm việc, ăn uống hay ngủ nghỉ. Chúng tôi sẽ ôm lấy nhau, run lên vì thèm muốn. Và việc tình ái của chúng tôi lúc nào cũng tuyệt vời.

Hạnh phúc, từ 1954 đến 1959. Đến 1959 ư? Gượm đã, có thể không phải thế. Có thể là từ 1954 đến 1958, thậm chí chỉ đến cuối 1957. Điều chắc chắn là những ngày hạnh phúc đã bắt đầu sắp hết rồi. Một cảm giác bất an nào đó đã bắt đầu kín đáo lên men trong Tita. Có lẽ nó xuất phát từ những tờ tạp chí phụ nữ mà nàng vẫn xem hoặc từ những chương trình mà nàng vẫn nghe trên đài phát thanh. Tại sao chúng ta không thể cưới nhau và sống ở thành phố? Nàng hỏi. Tại sao em không được đến siêu thị như tất cả những phụ nữ khác? Tại sao em không thể đi mua rau quả, phó-mát, trứng, khăn trải bàn, những thứ như thế? Tại sao em không thể gặp mặt những người trong gia đình anh và ăn trưa với họ vào những ngày Chủ nhật? Tại sao anh không cho phép em có con?

(Tôi dùng phương pháp phóng tinh ra ngoài để ngăn nàng có thai, chẳng may lại rất thành công. Tôi còn làm được gì khác? Đặt một viên sỏi vào tử cung theo lối của người Indian chẳng? Thô thiển quá. Tôi không biết tí gì về các viên thuốc tránh thai, và có biết đi nữa thì liệu có loại nào họ làm cho

nhân mã không? Bao cao su có thể dùng được, nhưng tôi có thể kiểm loại có kích cỡ khổng lồ ở đâu?)

Những câu hỏi của nàng bộc lộ một tính cách độc đáo sâu sắc, thậm chí hơi lạ lùng. (Nàng kế thừa của mẹ nàng chăng?) Việc nàng định làm là muốn phù phép cho cái phần ngựa của mình mà nàng vẫn tưởng tượng là chẳng có dính gì đến người đàn bà Tita và có thể làm cho nó phi nước đại đi thật xa và đừng bao giờ trở lại.

Nàng quên rằng mình là một nhân mã cái. Tại sao em không thể như những cô gái khác? Nàng thường khẳng khẳng thế. Bởi vì đơn giản là em không thể, tôi sẽ phải trả lời, bởi vì em có một cái đuôi, đôi hông ngựa, bộ móng ngựa, và cả một ít bờm ngựa nữa. Nhưng tôi không nỡ nói thế với nàng, không muốn làm cho nàng bị choáng và tuyệt vọng. Hơn nữa, những câu hỏi của nàng làm tôi xúc động, thậm chí còn làm tôi lén lút khóc thầm. Bản thân tôi cũng muốn có một cuộc đời bình thường. Chính tôi cũng mong được sống ở Pôrto Alegre, trong một căn hộ ba phòng ngủ, có một phòng khách rộng, có nhà để xe. Chính tôi cũng muốn có một gia đình. Và một công việc làm ăn riêng của mình, thế mà ngay đến việc học thêm cái gì đó ở một trường đại học cũng là bất khả thi đối với tôi. Tôi mong có bạn bè, đến chiều Chủ nhật có thể cùng chơi đá bóng với họ. Nhưng làm sao một con thú bốn chân chơi đá bóng được? Không thể được. Khúc côn cầu thì còn có thể. Chứ bóng đá thì không bao giờ.

Liệu có thể thử cái gì đó không nhỉ? Có cách chữa trị gì không nhỉ? Khoa học đã có những bước tiến dài trong những năm vừa qua. Tita cho tôi xem một bài tường trình trong một tờ tạp chí, nói đến một bác sỹ phẫu thuật người Morocco đã có những ca mổ thần kỳ, biến đàn bà thành đàn ông và ngược lại, vậy thì tại sao lại không nhỉ, nàng hỏi, tại sao lại không biến được nhân mã thành người bình thường?

Với tôi, việc đó có vẻ không thể thực hiện được. Tôi không tin mình có thể sống qua được một phẫu thuật như thế. Và ngay cả nếu ông bác sỹ ấy có thể mổ cho chúng tôi, thì chúng tôi sẽ đến Morocco bằng cách nào? Làm sao chúng tôi có thể chi trả cho một phẫu thuật như thế, chắc chắn là phải cực kỳ đắt tiền?

Những ý nghĩ ấy khiến tôi mất ngủ. Biết có thể có giải pháp cho trường hợp của cả hai chúng tôi, mà lại không thể làm gì để thực hiện nó.

Một đêm, Dona Cotinha gọi tôi đến chỗ bà.

“Guedali, ta muốn nói chuyện riêng với anh.”

Tôi nhìn Tita. Nàng có vẻ hoàn toàn chăm chú vào một tấm khăn đang thêu. Tôi đi theo Dona Cotinha vào phòng làm việc của bà. Bà đóng cửa và quay lại phía tôi.

“Tita đã nói với ta rằng có một vị bác sỹ ở Morocco có khả năng giải quyết được vấn đề của hai con. Nó bảo vấn đề chỉ là tiền nong thôi.”

Dạ, thực ra cũng không phải đơn giản như vậy,” tôi nói, nhưng bà ngắt lời:

“Ta muốn anh biết rằng ta sẽ lo toàn bộ các chi phí.” Tôi cố ngăn bà, nhưng bà xua tay ngăn tôi lại. “Ta già rồi, ta không cần tiền làm gì nữa, kể cả cái trại này, hoặc bất kì cái gì. Hai con còn trẻ, cuộc đời vẫn còn ở trước mặt. Hãy đi đi, các con, đi đến Morocco. Hãy giải phẫu, rồi trở về, bình thường.”

Tấm lòng hào hiệp của bà làm tôi xúc động sâu xa. “Mẹ thực sự là mẹ của chúng con,” tôi nói. Tôi rời văn phòng bà, cảm xúc chứa chan, và đêm đó tôi khóc rất nhiều. Không phải chỉ vì tự nhiên tôi thấy nhớ cha mẹ anh chị tôi đã chết, mà còn vì cử chỉ nhân từ vô hạn của Dona Cotinha.

Thế mà rồi tôi vẫn không thể quyết được bề nào.

Không phải chỉ là chuyện tôi sợ phải mổ. Tôi cảm thấy hình như việc ấy sẽ vi phạm một tạo tác của thiên nhiên, vốn có thể là kết quả của một ý định siêu đẳng, một ý chí thần thánh, biết đâu đấy. Tita nhận biết cuộc giằng co

trong tư tưởng của tôi. Nàng không đề cập đến chuyện ấy nữa và chờ đợi tôi sẽ lên tiếng trước. Tôi đi qua khắp các cánh đồng. Tôi nghĩ, nghĩ mãi, chod đến lúc không còn biết liệu cuộc giải phẫu có phải là điều tốt đẹp nhất cho chúng tôi hay không.

Có lẽ vì quá căng thẳng trong đầu óc, tôi ngã bệnh.

Bắt đầu chỉ là một cơn nhức đầu nhẹ nhàng, rồi cứ tăng dần, cho đến lúc trở thành những trận đau lộng óc kéo dài vật vã, tưởng chừng như bộ não của tôi như đang nứt toác ra thành nhiều mảnh. Tôi không còn thấy gì, nghe gì được nữa, cảm giác đau đớn thật khủng khiếp. Tita và Dona Cotinha giữ tôi nằm một chỗ và làm đủ mọi thứ có thể: họ chườm lạnh cho tôi, đắp những lát khoai tây tươi sống lên trán tôi.

Trong bốn ngày liền tôi không còn biết gì đến xung quanh, bị những ảo giác kì lạ xâm chiếm. Có lúc hình như bộ móng ngựa của tôi đã biến thành những bàn chân người; có lúc chúng lại mọc thêm ra một cách kì lạ, khiến cho thân tôi cứ bị kéo dài mãi ra, thành như một con nhân mã hình sâu róm. Tôi đi lại trong căn phòng rất dài, luôn mồm đếm một-hai, một – hai, cố giữ đều nhịp cho hơn một tá chân bước đi không bị chệch choạng. Chẳng ăn thua gì, vì những cái chân mới vẫn tiếp tục mọc thêm ra, càng lúc càng thêm dị dạng và vụng về. Cuối cùng thì những cái chân ấy đá vào người tôi, gây thương tích thảm hại cho tôi. Thân thể tôi đau như, máu chảy ròng ròng từ hàng chục vết thương, và tôi hoảng hốt nhìn, hay bộ móng của chính mình đang đâm đá nhau như trong một cuộc tử chiến. Về sau những ảo ảnh ấy trộn lẫn với nhau, rồi dần biến đi. Bây giờ thì hình như tôi đang ở trên một con thuyền hoặc cái gì đó tương tự trên biển khơi, ngửi thấy mùi sóng mặn, lắc lư nhẹ nhàng, ngắm nhìn một phong cảnh yên tĩnh và thanh bình. Đó là bờ biển của một xứ sở xa lạ, với những cây cọ và một thành phố toàn những ngôi nhà trắng.

Khi đỡ hơn, dù vẫn còn rất yếu, tôi đã quyết chí được cho mình.

“Chúng ta sẽ đi Morocco,” tôi nói.

Tita và Dona Cotinha ôm chầm lấy tôi, khóc oà lên. “Ta đã biết mà,” Dona Cotinha vừa khóc vừa nói “ta đã biết Thượng Đế sẽ khích lệ con, Guedali ạ!”

Hai tuần sau, chúng tôi lên đường đi Bắc Phi.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

MOROCCO

THÁNG 6 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 1959 THẬT LÀ KINH KHỦNG CÁI CHUYẾN ĐI MOROCCO ẤY.

Chúng tôi không thể đi bằng máy bay, rõ ràng rồi, mà thậm chí đi bằng tàu thuỷ cũng không xong. Dona Cotinha liền đi Rio Grande và nói chuyện với một người họ hàng xa vốn là thuyền trưởng một tàu chở hàng. Ông này là một thuỷ thủ già đời mà ai cũng không thể tin được câu chuyện của bà, cứ tưởng là chuyện đùa. Dona Cotinha cho ông ta xem một bức ảnh chụp chúng tôi (họ đã chụp mặc dù tôi rất ngần ngại) chỉ cốt để thuyết phục ông ta. Bị ấn tượng rất mạnh, ông đồng ý cho chúng tôi đi với điều kiện phải ẩn náu dưới một khoang tàu mà ông ta sẽ cho làm riêng ra thành một chỗ ở đặc biệt và không được bước ra đến ngoài. Dona Cotinha đưa cho ông ta rất nhiều tiền và ông đồng ý cho thêm vài thứ tiện nghi như nệm mút cao-su, quạt gió, một cái tủ lạnh, một cái cầu tiêu sử dụng hoá chất. Chỗ ẩn náu của chúng tôi chẳng nhờ vậy mà đáng hoàng được bao nhiêu. Nhưng chúng tôi muốn đến

Morocco ngay lập tức, vì đã có hẹn với người bác sỹ giải phẫu. Chúng tôi đã thu xếp mọi việc với ông ta qua thư từ.

Đầu tiên, chúng tôi cần đến được Rio Grande, cách gần hai trăm dặm. Dona Cotinha thuê một chiếc xe tải dùng để chở súc vật; ông đốc công sẽ là lái xe. Để tránh gây chú ý, chiếc xe sẽ chở cả mấy con ngựa của Zeca Fagundes trước đây. Như thế ta cũng tổng táng được chúng đi, Dona Cotinha nói, trong bụng bà rất ghét những con vật tội nghiệp kia. Mọi việc sẽ đều làm vào ban đêm.

Chúng tôi chào tạm biệt Dona Cotinha, bà rất xúc động, và Tita khóc. Chúng tôi trèo lên thùng xe. Bọn ngựa đã ở trên đó. Ông đốc công nổ máy và chúng tôi lên đường.

Thật căng thẳng. Đó là lần đầu tiên Tita rời khu trại, nhưng không phải như một chuyến đi chơi, và nàng không thấy vui thú gì trong lòng. Thực sự là nàng gần như hoảng hốt, phải gắng hết sức để bình tĩnh. Luồng đèn pha của những xe cộ chạy ngược chiều chiều lọt qua khe rào thùng xe, rọi lên gương mặt tái nhợt và cặp mắt mở to của nàng.

Bầy ngựa đứng im lặng. Tôi rất sợ chúng lồng lộn lên, quăng quật mình mẩy và giẫm đạp lên chúng tôi. Tôi sợ là có lý do: một trong mấy con ngựa ấy là con Sultan, một con nữa cứ nhìn tôi như con Pasha ngày trước, con này già hơn Pasha, nhưng vẫn còn sung sức lắm. Sultan và Pasha, một cặp đáng sợ, liệu chúng tôi có địch lại được không? Hai con ấy và cả những con khác trong bầy? Không thể được. May sao, lũ ngựa không giở trò gì.

Chúng tôi đến Rio Grande vào tảng sáng và được lén lút đưa lên tàu. Chỉ có thuyền trưởng, viên sỹ quan chỉ huy, và một người thủy thủ chịu trách nhiệm chăm sóc chúng tôi biết sự có mặt của chúng tôi ở trên tàu. Chúng tôi vừa ổn định chỗ ăn náu là chiếc tàu nhỏ neo và lên đường.

Chao ôi là một chuyến đi! Nóng đến ngạt thở, khoang tàu hôi hám, biển

động liên hồi. Tàu vừa rời bến là Tita đã bắt đầu say sóng. Nàng có những cơn ác mộng và thấy những thủy quái lao mình đập vào thành tàu. Tôi tỉnh thức, đánh đuổi bọn chuột cứ xông vào định gặm đuôi chúng tôi. Một cuộc chiến không cân sức: chúng đông quá, lại nhanh nhẹn, không biết sợ là gì, và rất khôn ngoan sau hàng chục năm sống đời chuột dưới khoang tàu. Chúng thoăn thoắt chạy quanh khoang tàu, trèo lên những sợi dây chằng giữa các xà thép, hễ chúng tôi nhặng đi một cái hoặc ngủ thiếp đi là chúng lập tức nhảy ào xuống đầu xuống cổ. Những cái móng ngựa của chúng tôi chẳng làm gì được chúng; ấy vậy mà thỉnh thoảng tôi cũng giẫm bết được một con dưới chân, và thấy rất hài lòng: Mày có chạy đằng trời, đồ chuột bỏ!

Tôi cố giữ tinh thần cho Tita. Lần sau đi lại con đường này, tôi nói, chúng mình sẽ đi bằng máy bay. Hoặc lấy vé hạng nhất trên một con tàu khách sang trọng, có bể bơi và đủ các thứ khác. Nàng mỉm cười yếu ớt: Bể bơi hả Guedali? Nhân mã trong bể bơi ư? Chẳng mấy chốc mình sẽ không còn là nhân mã nữa, tôi nói, cố tin vào lời nói của chính mình.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đến nơi. Qua lỗ cửa sổ khoang tàu, chúng tôi có thể thấy bờ biển châu Phi: một thành phố với những ngôi nhà trắng chói chang dưới nắng mặt trời. Điều gì đang chờ đợi chúng tôi ở đó?

Đêm đến, chúng tôi được đưa xuống tàu. Một trợ lý của ông bác sỹ đón chúng tôi, một người đàn ông cao lớn choàng một tấm áo chùng rất dài. Ông ta dẫn chúng tôi tới một chiếc xe thùng kín mít màu đen, tương tự một cách khó chịu với một cỗ xe tang. Phải thế để không ai để ý, ông ta nói tiếng Tây Ban Nha rất dõ, rồi chỉ cho chúng tôi lên xe từ phía sau. Hai cánh cửa kim loại đóng sầm lại và chiếc xe thùng lao đi, phóng hết tốc lực. Tita túm chặt lấy cổ tôi. Nửa tiếng sau, chúng tôi đến phòng mạch của ông bác sỹ ở ngoại ô thành phố: một cụm những toà nhà trắng sau một vòng tường bao quanh có người gác cửa mang vũ khí.

Ông bác sỹ người Morocco không gây được mấy tin cậy: một người nhỏ bé, da nâu, không thể đoán tuổi và quần áo đom đàng, có mái tóc chải rất kỹ lật hết về phía sau. Ông đeo kính râm, móng tay mài giữa cẩn thận, và phảng phất một nụ cười giấu cợt trên cặp môi dày. Ông nói tiếng Tây Ban Nha và tiếng Pháp. Xin chào các vị đã đến bệnh viện của tôi, ông nói, nhìn chúng tôi với vẻ đầy thú vị. Đúng như tôi tưởng tượng, ông nói thêm, đúng vậy, quý vị quả là... một trường hợp rất... rất đặc biệt.

Lúc đó đã muộn và chúng tôi rất mệt, nhưng ông ta vẫn khăng khăng đòi khám chúng tôi ngay: ban đêm tôi làm việc tốt hơn, ông ta giải thích. Ông dẫn chúng tôi vào một nơi giống như một phòng nghiên cứu, bật hết các đèn rọi lên, lấy một cái máy ảnh và chụp tôi trong nhiều tư thế khác nhau. Đến lượt Tita, ông ta đề nghị nàng cởi bỏ áo chùng; nàng từ chối vì ngượng, nhưng ông bác sỹ cương quyết đề nghị, bảo là cần cho hồ sơ bệnh án. Cứ làm theo lời bác sỹ, Tita à, tôi nói.

Xong phần chụp ảnh, ông đưa chúng tôi vào khu tạm trú, một gian nhà biệt lập với các toà nhà khác, Ở đây sẽ không có ai làm phiền anh chị, ông ta cam đoan, rồi mở cửa. Đó là một gian phòng rộng rãi, hầu như không có gì bên trong. Có nệm trải dưới đất và hai tủ quần áo nhỏ. Ở đó, ông ta làm nốt việc khám chúng tôi, nghe ngóng và bắt mạch. Lạ thật, ông ta luôn mồm nhắc đi nhắc lại, cực kỳ là lạ; tôi đã thấy nhiều trường hợp dị thường, nhưng anh chị là ca dị thường nhất từ trước tới nay. Ông nói gì đó với người trợ lý, rồi quay lại phía chúng tôi. Tôi sẽ cho chụp một loạt phim quang tuyến, chúng sẽ rất quan trọng trong việc quyết định sẽ phải giải phẫu theo cách nào.

Ông ta đang bước ra cửa thì tôi túm lấy tay ông giữ lại. Liệu có thành công không, bác sỹ, cuộc giải phẫu ấy mà? Ông mỉm cười: Ôi dào, chắc chắn là thành công chứ lại, tất cả các cuộc giải phẫu của tôi đều thành công hết. Ông vỗ nhẹ lên hông sau của tôi. Một ca rất, rất thú vị đây. Nhất định rồi, sẽ

đầu vào đó cả thôi.

Khi chúng tôi còn lại một mình, Tita bảo, em không thích con người này tí nào. Em rất sợ cuộc giải phẫu này, anh Guedali. Tôi cố trấn an nàng, những thực sự là tôi cũng thấy sợ. Tôi quyết định tôi sẽ mổ trước. Nếu tôi chết, Tita sẽ trở về trại, vẫn là nhân mã thôi, nhưng mà còn sống.

Chết. Ý nghĩ ấy nhẽ ra không nên xa lạ với tôi. Nửa ngựa với nửa người thì có gì khác nhau? Nhưng sự thật là: tôi muốn sống. Đời tôi lạ lẫm và khó khổ, nhưng nó là của tôi. Và bây giờ tôi còn có thêm Tita. Nhìn nàng nằm ngủ trên nệm, tôi chợt nghĩ: Không, tôi không muốn chết. Đột nhiên một làn sóng lạc quan xâm chiếm tôi: Chết ư? Làm gì có chuyện vô lý ấy, tại sao lại nghĩ đến cái chết? Chúng tôi sẽ không thể chết được. Ca mổ sẽ thành công, ông bác sỹ sẽ cắt bỏ những phần thừa ấy, nào đuôi, nào móng, như thế chúng là những cái mụn com, những cái mụn com không lờ nhưng hoàn toàn có thể cắt bỏ được.

Thế rồi tôi lại có một cảm giác là lạ, bí hiểm, giống như một cảm hoài êm ái, một thứ luyến tiếc cho những gì sắp mất đi. Không, đó không phải là những mụn com trên thân thể chúng tôi. Chúng là những phần ngoài phát của bản thể chúng tôi, tự bên trong, chúng tôi đã là nhân mã rồi, tôi ngẫm nghĩ, tay mân mê đuôi mình, mặc cho những sợi dài tuột giữa những ngón tay. Một cái đuôi dày, thật đẹp. Dầu dưỡng tóc tôi dùng cho nó đã khiến nó mềm mại và óng mượt như lụa. Còn bộ giò của tôi, chúng chưa bao giờ trực trặc, chưa một lần phản lại tôi trong những lần nước đại đường dài. Thì đúng là chúng kết thúc bằng những móng ngựa, nhưng còn anh chàng ném dao găm trong gánh xiếc thì sao, anh ta để móng ngón tay út mọc dài loằng ngoằng đến phát sợ. Đuôi tôi, móng tôi, chúng là tôi, cũng như bản ngã thể chất và tâm linh của tôi vậy. Nhưng dù sao, tôi cũng đã quyết không trở lại với chúng nữa rồi. Xin giã biệt nhé, móng ơi, tôi thờ dài. Xin giã biệt, bộ giò mạnh mẽ

của tôi. Xin giã biệt, chiếc đuôi đẹp đẽ của tôi. Bộ da bụng của tôi ơi, màu sắc mảy đáng yêu làm sao, xin giã biệt. Chẳng mấy lúc những cái đó sẽ không còn là một phần của tôi nữa. Ông bác sỹ Morocco đã chụp ảnh tôi; lần chụp sau, tôi sẽ xuất hiện với một chiếc quần dài, miệng mỉm cười. Trước và sau, cũng hết như trong quảng cáo vậy.

Đêm đó tôi đã nghĩ đến biết bao nhiêu thứ, buồn có, vui có. Nhưng cuối cùng tôi thấy mình chẳng buồn chẳng vui, chẳng tuyệt vọng cũng chẳng vui sướng, không khóc không cười, chẳng gì cả. Kết quả cuối cùng là một giấc ngủ - một giấc ngủ sâu, nặng và mạnh mẽ đến độ nuốt chửng toàn bộ thân thể tôi như một đầm lầy lồi tôi chìm ngấm với toàn bộ chân cẳng, móng, đuôi, mắt mũi, mồm miệng, tất cả.

Theo lời khuyến nghị của ông bác sỹ, chúng tôi suốt ngày ở trong phòng. Không nên để cho các bệnh nhân khác nhìn thấy anh chị, ông ta nói vậy. Mà chúng tôi cũng không nhìn thấy các bệnh nhân khác. Nhìn qua khuôn cửa sổ nhỏ bé ra phía sau những mảnh vườn, những mảnh vườn đáng yêu với những bụi hoa hồng trồng thành từng dãy và một cái bể phun nước tí tách rì rào rất êm ái. Chúng tôi chỉ thấy những lối đi vắng vẻ, thỉnh thoảng lắm mới có một gia nhân khác tạp dề trắng rào bước qua lại. Toàn những nhân vật quan trọng ở đó, người trợ lý của ông bác sỹ nói ngáp ngư bằng tiếng Tây Ban Nha, tay chỉ về phía các gian nhà khác. Những người rất quan trọng, họ không thể để ai nhìn thấy mình. Mà quả có thể.

Những cuộc khám nghiệm nối đuôi nhau diễn ra mãi. Thử máu và nước tiểu, những cuộc điện tâm đồ, và nhất là những lần chụp quang tuyến X. Cơ sở của ông bác sỹ được trang bị thật hoàn hảo. Họ bắt chúng tôi qua đủ các kiểu chụp quang tuyến X. Tôi cần biết rõ sẽ gặp phải những gì ở bên trong cơ thể của anh chị, ông bác sỹ nói, ví dụ anh chị có bộ gan người hay là gan ngựa? Ông ta tiết lộ rằng khi mổ ông sẽ có sự trợ giúp của hai bác sỹ thú y. Toàn

người Pháp cả, ông tự hào nói, đội cộng sự của tôi toàn các nhân vật đầu bảng.

Đêm đến, mệt lả sau những khám nghiệm, chúng tôi trở về phòng mình. Chúng tôi đi nằm, tắt đèn, nhưng giấc ngủ không đến. Chúng tôi nghe thấy, mặc dù hầu như bị chìm đi trong tiếng nước chảy của bể phun ngoài hiên, những âm thanh vang vọng của tiếng trống xa: Châu Phi đấy. Bên ngoài bức tường trắng kia là hoang mạc đá sỏi: những con người đen đui choàng áo thụng ngồi trên lưng lạc đà; những con khỉ trên tàu cọ, những con nhân sư. Sông Zamberi. Núi Kilimanjaro. Những người Zulu. Những thầy lang đeo mặt nạ của bộ lạc. Đêm tối đầy nhóc những quái vật cứ thi nhau nhảy ra từ trí tưởng tượng của hai con nhân mã mất ngủ tội nghiệp

Tôi không nhớ rõ lắm cái đêm trước ca mổ. Tôi biết rằng một trong những trợ tá của ông bác sỹ đến tiêm cho tôi một mũi để ngủ, anh ta giải thích. Sau đó tôi lơ mơ nhận thấy có người khiêng tôi ra khỏi tấm nệm và đặt tôi vào một thứ toa xe: đã đến lúc rồi. Tita đứng cạnh tôi. Tôi muốn chào tạm biệt nàng, bảo nàng đừng lo, rằng mọi việc rồi sẽ tốt đẹp, nhưng không thể cất giọng được. Nàng cúi xuống và hôn tôi. Trong một giây ngắn ngủi tôi đã thấy cặp mắt nàng, màu trắng đờ đẫn trong mắt nàng, và rồi cánh cửa mở ra vào một bầu trời rạng ngày xám xám, một hành lang dài, rồi phòng mổ. Họ đặt tôi lên một cái bàn lớn, và buộc chặt tay chân với đuôi tôi xuống bàn. Ánh sáng của một bóng đèn lớn chói loà mắt tôi. Ông bác sỹ Morocco đến gần, đã mặc áo choàng, đội mũ chụp, và đeo khẩu trang. Ông ta nói nhỏ điều gì đó. Tôi cảm thấy một mũi kim chích vào cánh tay, rồi không thấy gì nữa. Rồi tôi nằm trong phòng hồi sức, thực sự vẫn chưa tỉnh hẳn. Những nhãn ảnh lẫn lộn: những bộ mặt cúi xuống trên tôi, những đám mây xáo động, và giữa chúng, một con ngựa bay đang vỗ cánh.

Đau. Đau khủng khiếp, không thể tưởng tượng được, xé da cắt thịt. Ôi cha

oi, ối mẹ oi, cứu con với, tôi rên rỉ.

Vì tôi nằm nghiêng, cánh tay phải của tôi bị đè vắn dưới người, lại cũng đau chẳng kém gì những phần thân thể đã phải mổ. Tôi cố gọi ai đó, nhưng cổ họng mất hết tiếng. Tôi với cánh tay trái, mãi mới nắm được vào thanh ngang đầu giường. Cố hết sức bình sinh, tôi lật lại mình. Hàng ngàn mũi nhọn đâm nhoi nhói dưới lưng, nhưng ngay lúc ấy tôi chợt nhận ra rằng lần đầu tiên trong đời tôi đang nằm ngửa trên lưng mình. Nằm ngửa! Giống như cha mẹ tôi trên chiếc giường đôi của họ vào những sáng thứ Bảy. Giống như Deborah, Mina, Bernardo, Pedro Bento, và cô gái trong khu nhà lớn nọ. Giống như hai anh lùn, bà dạy sư tử, và Dona Cotinha, như tất cả mọi người. Nằm ngửa. Tôi nhìn mãi lên trần nhà, tuyệt vời biết bao cái việc nằm ngửa nhìn lên trần nhà như thế. Chẳng có gì đặc biệt, chỉ là một cái trần nhà màu trắng, song tôi nghiên cứu nó với một tình cảm âu yếm cực kỳ. Tôi muốn cười phá lên; tất nhiên là không thể được vì tôi còn rất đau, nhưng tôi thực sự muốn được cười thật to cho thoả nỗi vui sướng thấy mình vẫn sống, đã qua được cuộc giải phẫu, và thực ra, nhất là vì tôi đang có thể nằm ngửa được trên lưng mình. Tôi thận trọng đưa tay ra sờ chính mình. Thật khó chịu khi tôi vẫn sờ thấy lớp lông ngựa quen thuộc ở hai chân, nhưng trên đó, bắt đầu từ đùi, tôi chỉ sờ thấy bông băng. Từ hai đùi trở lên, tôi bị băng kín mít, rất nhiều băng gạc. Băng gạc, nhưng không thấy hai chân sau đâu nữa; băng gạc, nhưng không thấy đuôi nữa; băng gạc, nhưng không còn cái bụng khổng lồ nữa. Được cuốn trong băng gạc mới thích làm sao, hết lớp này đến lớp khác. Chắc hẳn trông tôi giống một cái xác ướp Ai Cập, tôi nghĩ bụng và lại muốn phá lên cười.

"Buenos Dias!" (31) Ấy là ông bác sỹ Morocco, mặt cười tươi. Ông nhắc bỏ tấm vải phủ trên người tôi, kiểm tra mọi thứ, và rất hài lòng. Ông mô tả cuộc phẫu thuật cho tôi nghe, khi không tìm được chữ thì làm điệu bộ bắt chước

những gì đã xảy ra, và cứ hăng hái loay hoay như thế suốt. Từ những gì tôi hiểu được thì trong khi mổ ông đã phát hiện tôi có hai bộ phủ tạng, một của ngựa và một của người, cho nên ông mới có thể cắt bỏ hoàn toàn phần ngựa, chỉ trừ hai chân trước, mà không bị rủi ro gì.

"Thế phần cắt bỏ ấy ra sao rồi?" Tôi hỏi.

Câu hỏi ấy khiến ông lúng túng. Đầu tiên ông nói đã cho ném tất cả, móng, đuôi, da, ruột gan, xuống biển; rồi thì ông lại tự mâu thuẫn với mình:

không, ông đã không cho ném chúng xuống biển, mà cho đốt đi cả rồi.

Cuối cùng thì ông thú thực là ông đã bán hết những phần ngựa ấy cho dân bản địa. Thịt ngựa ở đây rất hiếm, ông nói, mà anh thì dinh dưỡng đầy đủ.

Thực tế là, ông nói tiếp, dân địa phương chẳng bỏ đi một thứ ngựa gì của tôi: da thì họ dùng căng mặt trống lễ hội, xương thì họ làm phân bón. Móng thì họ làm thành những cái gạt tàn thuốc lá và những đồ mỹ nghệ khác, còn cái đuôi thì họ làm thành một thứ phát trần đuôi ruồi hạng sang bán cho quan chức cao cấp. Tôi thực tâm hy vọng anh không phản đối, ông nói thêm.

Không, tôi thì thăm, không sao đâu.

Một chút im lặng. Tôi lại nhìn lên trần nhà, chỗ có một con ruồi to tướng đang đậu trên mặt vôi trắng. Có phải loài ruồi đốt ai sẽ làm cho người đó mắc chứng ngủ không dậy được đó chăng? (32) À, ông bác sỹ đột ngột lên tiếng, tôi quên chưa nói với anh phần quan trọng nhất!

Mặt ông sáng bừng lên, và ông bắt đầu mô tả việc chuyển vị trí cái dái ngựa của tôi vào chỗ bình thường của người, tức là vào giữa hai chân trước. Kết quả tuyệt đẹp, ông kêu lên, rồi cười khúc khích: thật là một cái dái, có phải không nào? Một cái dái kỳ diệu! Rồi ông nháy mắt: tôi phát ghen với anh đấy, anh bạn ạ, tôi thực sự ghen với anh đấy.

Rồi vừa đứng lên, ông vừa nói, "Tôi sẽ báo tin kết quả ca mổ này cho... a, vợ anh biết. Tất nhiên cô ấy chưa thể vào thăm anh, nhưng tôi sẽ nói cho cô ấy

biết mọi việc đều đã tốt đẹp cả rồi."

Đêm đó tôi không sao ngủ được. Tôi nghe mãi tiếng trống vắng vắng ngoài hoang mạc xa xôi. Những bàn tay to lớn đang vỗ trên mặt da căng thẳng của tôi đấy; âm thanh trống rỗng vang dội mãi trong đầu tôi, không thể nào ngăn lại được. Mãi đến lúc rạng ngày tôi mới mệt nhọc thiếp đi.

Ca mổ của Tita vài ngày sau đó cũng diễn ra rất tốt đẹp. Lúc ấy tôi đã có thể ngồi trong một chiếc xe lăn, vẫn còn đau, nhưng đã khá hơn nhiều. Đêm hôm sau ca mổ của Tita, ông bác sĩ Morocco vào phòng tôi. Tôi muốn cho anh xem mấy thứ, ông nói. Rồi ông đưa tôi vào nhà bếp của bệnh viện, vào giờ ấy không có một ai, và mở cửa gian phòng đông lạnh.

"Tôi buộc lòng phải để ở đây, chẳng còn chỗ nào khác."

Đó là phần thân sau đẫm máu của Tita, treo trên một cái móc. Trên một cái móc khác là những bộ phận phủ tạng.

"Tôi phải làm gì với chúng đây?" Ông hỏi, giọng chẳng lịch sự chút nào. Có thể thấy ông đã chẳng vui tí nào khi tôi có vẻ không đồng tình với cách ông xử trí cái phần ngựa của tôi, nhưng dù sao thì ông vẫn công nhận cái quyền của tôi đối với những di hài đang lủng lẳng trong gian phòng đông lạnh này. Tôi đề nghị cho hoả táng chúng rồi rắc hết tro ra ngoài đại dương. Chính tôi đã đích thân trông coi việc ấy, phớt lờ những vẻ ác cảm của tay trợ lý, là người phải im lặng thừa hành việc này trong đêm tối.

Ông bác sĩ tuyên bố chúng tôi sẽ được chuyển khỏi gian nhà lẻ để vào những phòng bên trong bệnh viện, chúng tôi không còn phải ăn náu nữa.

Ngay hôm đó chúng tôi chuyển phòng, ngồi trên xe đẩy. Thứ đầu tiên chúng tôi để ý trong căn phòng mới của mình là cái giường - một cái giường đôi rộng rãi. Nó được phủ bằng một tấm chăn thêu với những hình trang trí vui mắt, tương tự như những tấm thảm tranh của Dona Cotinha. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, Tita và tôi, rồi cùng mỉm cười: đó là chiếc giường đầu tiên

chúng tôi được nằm trong đời.

Với sự giúp đỡ của hộ lý, chúng tôi cởi quần áo và nằm xuống giường, đối diện nhau, nhìn mãi vào mắt nhau và không ngừng mỉm cười. Tita nói nàng thấy buồn ngủ, rồi trở mình sang bên kia. Tôi ôm nàng từ sau lưng, hai bàn tay nâng hai bầu vú nà, và hôn lên gáy nàng.

(Ở dưới, chúng tôi vẫn còn cặp móng nhân mã, nhưng phần có da người như tay, ngực, cổ... bây giờ đã nhiều hơn phần có da ngựa. Liệu sẽ có ngày da người lan ra thay thế hết da ngựa hay chẳng?)

Tôi thở dài. Mọi việc đều ổn cả, thực sự là mọi việc đều ổn cả. Duy có một thứ vẫn quấy nhiễu tôi: ấy là âm thanh của tiếng trống đồ dòn, nhưng rồi cả cái đó nữa cũng mỗi lúc mỗi xa xôi dần. Còn tiếng đập cánh thì không còn một tí gì nữa.

Khi những sẹo mổ đã lành, chúng tôi được giao cho một đội các nhà vật lý trị liệu phụ trách việc huấn luyện chúng tôi cách đi đứng như người bình thường.

Việc đó không phải dễ. Đầu tiên, họ làm những đôi giày đặc biệt cho chúng tôi: những đôi ủng cao cổ có đế rộng, có thể giúp chúng tôi đi đứng rất vững chãi ổn định. Bên trong ủng có những lót đặc biệt để ôm thật vừa quanh móng ngựa của chúng tôi.

Chúng tôi luyện tập trong nhiều tuần, lúc đầu đi bám trên hai xà ngang, rồi chống nạng, rồi chống gậy. Chúng tôi ngã lên ngã xuống, có lúc thật nản lòng, còn Tita thì khóc. Tuy nhiên, ông bác sĩ Morocco luôn động viên tinh thần chúng tôi, và cuối cùng cũng đến ngày chúng tôi tự mình đi những bước đầu tiên, tay nắm tay. Thật là một giây phút sung sướng! Nó chỉ thua có giây phút chúng tôi nhảy điệu vaxơ đầu tiên với nhau, được tất cả mọi người trong bệnh viện nhiệt liệt hoan hô.

Thấy tôi đi mỗi ngày một chắc chắn tự tin, ông bác sĩ nói: chẳng mấy chốc

anh sẽ là một cầu thủ bóng đá vô địch ở quê nhà. Ông ta rất tò mò về nước Brazil: họ bảo có thể kiếm tiền rất nhanh ở đó có phải không? Tôi trả lời qua quýt, cố tránh chủ đề ấy, và chỉ khiến cho ông ta thêm tò mò (và thêm muốn hơn, có thể thấy rõ điều ấy). Một hôm ông đưa tôi đến văn phòng của ông trong thành phố và giới thiệu tôi với những người đàn ông ăn vận rất lịch sự, có người Morocco, có người Châu Âu, ai cũng đeo kính đen. Đây là một số thương nhân rất quan tâm đến Brazil, ông nói.

Họ muốn đầu tư vào xuất nhập khẩu, và cần có thông tin. Tôi nói những gì mình biết cho họ nghe, chẳng được là bao. Tuy nhiên, vì những lý do gì đó, họ đều có ấn tượng tốt về tôi. Họ đưa danh thiếp cho tôi, đề nghị tôi viết thư liên lạc với họ.

Tháng 12 năm 1959, chúng tôi đã sẵn sàng trở về Brazil. Đúng lúc đó chúng tôi nhận được một lá thư của người đốc công ở trại nhà, báo tin Dona Cotinha đã đột ngột qua đời. Chúng tôi buồn rầu vô hạn. Dù sao, chúng tôi cũng đã liên lạc thường xuyên và thông báo liên tục cho bà về tình hình của chúng tôi, gửi cả ảnh chụp chúng tôi, đứng trong vườn bệnh viện, trong một khu chợ Ả rập, cùng với ông bác sĩ. Tội nghiệp Dona Cotinha, bà không còn được thấy chúng tôi đi đứng như những con người bình thường nữa, mà đó đã là mong ước lớn nhất của bà. (Sau này chúng tôi cực kỳ xúc động được biết bà đã để lại cho chúng tôi một phần lớn gia sản của bà, phần còn lại chia cho người con trai, ông đốc công, những tá điền trong trại và cả đám đàn bà xưa kia của chồng bà.)

Kế hoạch của chúng tôi phải thay đổi. Sống ở trại mà không có Dona Cotinha chẳng có gì hấp dẫn nữa; hơn nữa, người con trai bà đã dọn về sống ở trại nhà. Liệu chúng tôi có nên chuyển về sống ở Porto Alegre?

Tôi viết bức thư đầu tiên cho cha mẹ sau nhiều năm im lặng. Tôi kể về cuộc giải phẫu, về Tita, và cho họ biết ý định muốn về sống ở Porto Alegre. Về đi

các con, cha mẹ tôi viết trả lời, về sớm đi, chúng ta đang nóng lòng chờ mong các con.

Thế là, vào đúng đêm Giáng sinh năm 1959, chúng tôi lên máy bay trở về Brazil. Ở sân bay mọi người đều để ý đến vóc dáng cao ráo và điệu bộ trang nhã của chúng tôi. Tôi mặc quần nhung kẻ và áo sơ-mi có in hoa, Tita thì vận một chiếc áo cánh lụa và quần jean, từ đó trở đi sẽ là bộ trang phục điển hình của nàng. Và tất nhiên chúng tôi đều đi ủng, những đôi ủng mà chúng tôi sẽ phải đi lâu dài, có thể là mãi mãi. Thì đã làm sao! Tita nói, gương mặt rạng rỡ, lúc nàng đang nhìn qua cửa sổ khi máy bay cất cánh.

Tôi ngả người vào lưng ghế và nhắm mắt lại. Máy bay lướt qua những đám mây; tôi cảm thấy thật tuyệt vời. Không bao giờ chúng tôi còn phải để người ta chuyên chở mình trên xe tải và rơ-moóc nữa. Không bao giờ chúng tôi còn phải ẩn náu, trong một khoang tàu thủy hoặc bất kỳ nơi nào nữa. Không bao giờ chúng tôi còn phải phi nước đại nữa.

Đột nhiên tôi giật nảy mình vì một cảm giác lạ lùng. Tôi mở mắt và nhìn qua cửa sổ. Mây, đúng thế, có những đám mây hình dáng lạ lẫm có vẻ giống con vật này con vật nọ. Nhưng một con ngựa bay có cánh thì không.

Chú thích

(31) *"Chúc một ngày tốt lành" - câu chào khi gặp nhau trong tiếng Tây Ban Nha. (ND)*

(32) *Nguyên văn là "tsetse", một loài ruồi mạng bệnh gây ngủ. (ND)*

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

SAO PAULO

15 THÁNG 9, 1960 - 15 THÁNG 7, 1968

Ở Sao Paulo, tôi quyết định tiến hành mọi việc một cách thận trọng và từ tốn. Món tiền thừa kế đủ để khởi sự công ty và cho phép chúng tôi sống thoải mái được một thời gian, nhưng tôi muốn đề phòng bất trắc, nên chúng tôi rất cẩn thận khi phải động đến tiền.

Tôi mua một ngôi nhà tốt, nhỏ nhưng tiện nghi, ở gần mạn Ibirapuera (Tôi không muốn dấn vào cuộc sống căn hộ chung cư, với những bậc thang và một bầy ong hàng xóm.) Tôi cũng sắm một chiếc ô tô, một cái Simca. Tôi đã học lái xe từ lúc còn ở Porto Alegre, và bây giờ là lúc phải cần đến xe để đi lại, rất quan trọng trong việc tiếp xúc làm ăn.

Tita đảm nhận việc trang trí ngôi nhà, và nàng làm việc đó với một thị hiếu rất hay, một điều đáng ngạc nhiên vì nàng chưa từng sống ở nơi nào khác ngoài nông trại. Chúng tôi cùng nhau đi tìm mua đồ dùng trong nhà, các đồ trang hoàng, và nàng là người lựa chọn mọi thứ.

"Em muốn ngôi nhà của chúng mình thật đẹp," nàng nói, "giống như những ngôi nhà trên các tạp chí ấy. Nó là nhà của chúng mình, Guedali à."

Nàng thấy hạnh phúc, và tinh thần phấn chấn của nàng thật dễ lây. Chúng tôi ân ái nhau rất nhiều. Có lẽ nhiều hơn hầu hết mọi người khác. Tại sao ư? Vì bản chất dữ dội của chúng tôi chẳng? Vì dương vật khổng lồ và âm hộ sâu

thăm ư? Có thể lắm. Hành động ái ân khiến chúng tôi kiệt sức, hầu như có quá nhiều khoái cảm đối với hai tấm thân giờ đây đã gần như là người của chúng tôi. Nhưng thật sung sướng đến nỗi tôi thấy mỗi lần phải rời khỏi nàng thật mới khó khăn làm sao. Trong những tuần lễ đầu tiên ở Sao Paulo tôi hầu như không đi đâu ra ngoài. Tôi chỉ chạy vội vào phố làm vài việc cần thiết, tôi đang đăng ký công ty và tìm thuê một văn phòng, rồi lại về ngay nhà để gần gũi Tita. Chúng tôi sẽ nằm ôm nhau trên tấm thảm mềm trong phòng khách, đơn giản chỉ là để tận hưởng cảm giác thoải mái được cùng nhau ở đó. Khi đêm xuống, nàng sẽ dọn bữa tối trong lúc tôi đọc báo và hút tẩu. Sau bữa tối (lúc nào cũng như tiệc; nàng nấu nướng rất giỏi) chúng tôi sẽ xem TV cho đến lúc đi ngủ. Cuộc sống ấy thật sung sướng, một cuộc sống bình yên cho những kẻ đã từng phải cùng nhau phi nước đại hàng nhiều giờ liền trên đồng cỏ giữa đêm khuya. Có vẻ như không có gì có thể khuấy nhiễu cảnh bình yên ấy của chúng tôi.

Thế rồi một đêm bọn trộm đột nhập vào nhà chúng tôi.

Chỉ vì Tita sơ ý: nàng đã rất đáng trí hôm đó và quên không khoá cửa sau nhà. Khi thức dậy sáng hôm sau, chúng tôi phát hiện bọn trộm đã lấy tất cả đồng hồ, máy thu thanh, máy quay đĩa, máy chụp ảnh, và hầu hết quần áo của chúng tôi.

Tôi quyết định đi trình cảnh sát. Tôi mặc áo sơ-mi và chiếc quần độc nhất còn lại, nhưng không thể tìm thấy đôi ủng. Ủng đâu rồi? Tôi hỏi Tita. Nàng không biết. Hoảng hốt, chúng tôi lục lọi khắp phòng ngủ, rồi lật tung hết mọi thứ trong nhà, bò lê kéo càng, để cuối cùng phải chấp nhận một thực tế là bọn trộm đã lấy cả hai đôi ủng của chúng tôi.

"Nhưng tại sao chứ?" Tita hét lên, tuyệt vọng. "Chúng lấy ủng của mình làm cái gì mới được chứ! Có ai đi được ủng đó đâu cơ chứ! Chúng làm gì có móng ngựa hả Guedali! Không ai có móng ngựa như chúng ta hết!"

Nàng ngã vật xuống giường, khóc nức nở. Tôi ôm lấy nàng, cố trấn an nàng. "Tại sao chúng mình phải chịu đựng mãi thế, Guedali?" Nàng hỏi. "Tại sao Thượng Đế không thương đến chúng ta?"

"Bình tĩnh lại đã, Tita à," tôi nói. "Chúng ta sẽ tìm ra giải pháp, đừng có bé xé ra to quá như thế." Nhưng quả tình cái khó thật là to. Không có những đôi ủng đặc biệt ấy, chúng tôi thành bất lực, yếu ớt như hai đứa hài nhi. Tita khóc nức nở trong khi tôi tuyệt vọng cố tìm một giải pháp. Không thể thế được, tôi nói đi nói lại với chính mình, mọi việc không thể bỗng dưng tan tành như thế được khi cuộc đời chúng tôi vừa mới đang yên lành là vậy. Rồi thỉnh linh tôi nảy ra một ý tưởng.

Tôi vớ lấy điện thoại và xin gọi đường dài sang Morocco, đến bệnh viện. Tôi may mắn chính ông bác sĩ nhắc máy trả lời. Tôi cho ông hay chuyện vừa xảy ra, và khẩn khoản xin ông cho gửi ủng mới ngay lập tức sang cho chúng tôi. Tôi sẽ lo mọi chuyện, ông ta nói, và cho tôi biết rằng vì đặt hàng gấp như vậy nên phí tổn sẽ rất cao. Không sao hết, tôi kêu ầm lên, tôi sẽ trả bất kì giá nào. Ôkê, ông nói, khi nào xong tôi sẽ gửi máy bay sang ngay cho anh chị. Ba ngày liền chúng tôi ở tịt trong nhà, gần như lúc nào cũng ngồi hoặc nằm, muốn đi phải bám vào những đồ đạc hoặc vịn vào tường. Ăn uống thì tôi gọi đặt một cửa hàng đưa đến tận nhà; lúc người giao hàng đến tôi chỉ hé cửa đón lấy cái khay thức ăn, không để họ nhìn vào trong nhà.

Đến ngày thứ ba thì Tita đột nhiên thấy người như ốm nặng, kêu đau đầu, đau dữ dội đến mức khiến nàng phát điên. Anh phải làm cái gì chứ, nàng rên rỉ, đi gọi bác sĩ cho em.

Bác sĩ ư? Không thể được. Chỉ có thể nghĩ đến chuyện mời bác sĩ một khi chúng tôi đã có thể tìm được một người thật tin cậy, một bác sĩ mà chúng tôi có thể nói thật về tình trạng của mình. Đi gọi bác sĩ ư, không thể được.

Tôi nghĩ ra một giải pháp. Tôi tháo cái giường, lấy những thanh dát giường

làm thành một đôi nạng, đơn giản thôi nhưng chắc chắn. Sau đó tôi lấy băng gạc quấn vào hai bộ móng ngựa của mình, hết cuộn này đến cuộn khác, sao cho cuối cùng trông giống như hai bàn chân người, nhỏ thôi, nhưng là hình bàn chân người.

Quãng mười giờ đêm hôm đó, tôi chống nạng ra đường, đến cửa hàng dược phẩm gần nhất. Tôi mô tả tình trạng đau đầu của Tita. Cứ yên tâm, ông ta nói, tôi có một thứ rất hiệu nghiệm để trị chứng đau đầu ấy.

"Chân anh làm sao vậy?" Ông ta hỏi khi đang gói thuốc cho tôi.

Tai nạn tí thôi, tôi đáp. Tôi định ngâm chân nước nóng, nhưng vô ý không pha cho vừa độ nên nhúng vào là bỏng hết cả. Ngâm chân nước nóng à, ông ta nói, bây giờ không ai ngâm chân nước nóng làm gì nữa. Thì bây giờ tôi mới biết, tôi nói, và hai chúng tôi cùng cười phá lên. Chúng tôi cứ thế cười. Ngâm chân nước nóng, ông ta nói, chỉ tay vào tôi, và cứ ôm bụng cười.

Ngâm chân nước nóng, tôi cũng nói, và cũng không nhịn được cười. Cuối cùng, vừa lau mắt, tôi vừa chào ông ta và khập khiễng chống nạng ra về.

Tita uống thuốc, thấy đỡ, và đi ngủ.

Hôm sau, còn rất sớm đã thấy có ai gõ cửa. Tôi linh cảm là ửng đã tới và vội vàng chống nạng lò dò ra mở cửa. Đúng là thế, một cậu bé với một cái thùng buro phẩm to tướng. Tita lập tức rạch thùng. Chúng tôi nhận được mỗi người ba đôi ủng. Tạ ơn Chúa, Tita hôn hên. Tạ ơn Chúa.

Những đôi ủng ấy. Chúng có phần trên làm rất cao, không đến nỗi cao như kiểu ủng của nông dân đi làm đồng, nhưng đủ để che hết phần khuỷu trên móng ngựa của chúng tôi. Da ủng mềm, nhưng không quá mềm như giày của người; chúng tôi cần chỗ dựa vững chắc chứ không chỉ mềm mại. Màu da trung tính, một thứ màu nâu vàng kín đáo. Gót ủng làm nhỏ, trông rất lịch sự, nhưng không quá cao để đỡ có những sự cố mất thăng bằng. (Gót ủng

của Tita thì cao hơn một chút, người thợ giày vẫn chiều cổ đến cái phù hoa của phụ nữ.) Mũi ủng nhọn có nhồi đầy cao su xốp. Ai có cổ tình giẫm lên chân chúng tôi chắc sẽ phải ngạc nhiên: họ sẽ chỉ cảm thấy cái gì mềm mềm và sẽ chẳng thấy chúng tôi kêu đau hoặc phàn nàn gì hết.

Nhìn bề ngoài, những chiếc ủng của chúng tôi hoàn toàn bình thường.

Nhưng bên trong thì khác hẳn! Bên trong, chúng quả là cả một chiến tích sáng tạo độc đáo: những bộ phận chống đỡ bằng kim loại, những lò xo, những cái kẹp nhỏ bằng thép điều chỉnh được lực kẹp nhờ những cái vít nhỏ tí xiu, tóm lại là một công trình có thể sánh với một cây cầu treo hoặc một khoang tàu vũ trụ về mức độ hoàn hảo trong công nghệ chế tạo. Tất cả đã được bình thường nhờ tài của một người thợ thủ công Morocco.

Với những chiếc ủng ấy, tôi đã sẵn sàng đối mặt với đường phố đô thị. Với những chiếc ủng ấy, tôi đã sẵn sàng chiến đấu cho cuộc đời mình.

Một bầu không khí lạc quan phấn khởi chung đang ngự trị thế giới thương mại và công nghệ ở Sao Paulo khi tôi bắt đầu lập nghiệp. Nền kinh tế đang trong tình trạng gần như là siêu tích cực; cũng phải công nhận rằng lạm phát có gia tăng như phi nước đại, tôi không thể cưỡng lại được hình ảnh này, nhưng đó lại không phải là một vấn đề đối với những ai có móng ngựa như tôi.

Tôi mở một văn phòng trong nội thành, trên một cao ốc kiểu truyền thống, nhưng không đến nỗi cổ giả. Hơi xấu một tí, song rất chắc chắn. Cũng bị thiếu một số tiện nghi nhất định, ví dụ như nó không có một bàn tiếp tân ở sảnh vào. Thang máy trông giống như những cái lồng to sù, và chạy quá chậm đối với những ai đang nóng lòng ngoi lên như tôi. Nhưng các hãng có mặt trong cao ốc đó đều có uy tín và tiếng tăm tốt trong giới của mình. Quả thực vẫn còn một vài văn phòng trông... trong những góc tối... và không khí sặc mùi ẩm mốc. Và có lần tôi còn phải dùng gót ủng dẫm nát bét một con

chuột kéch xù. Gì thì gì, để bắt đầu công việc, cao ốc ấy vẫn có vẻ rất tốt đối với tôi. Văn phòng tôi nhỏ, nhưng có điện thoại. Mà thực ra, tôi đâu có định ở tít suốt ngày trong đó để đợi khách hàng. Tôi đã tính phải tìm kiếm thân chủ ở ngoài phố, ở trên đường phố và trong những văn phòng tốt hơn hoặc tồi hơn văn phòng của tôi. Rồi trong quán cafe, trong các câu lạc bộ. Bất kỳ nơi nào đám doanh nhân lui tới là tôi phải đến, tiếp xúc, chào hàng.

Tôi phải đi bộ nhiều, nhưng đi bộ qua các phố của Sao Paulo thì có là cái gì đối với một người đã từng phi nước đại qua những đồng cỏ mênh mông của cả vùng Rio Grande bát ngát? Có là gì với một người mà ngoài tham vọng thành công lớn lao ra còn có cả một cái ô tô và một cái điện thoại để giúp tăng cường các cơ hội của mình? Tuy nhiên, chẳng mấy chốc tôi đã phát hiện ra rằng kiếm tiền không giống như phi nước đại nhảy qua hàng rào. Tôi vấp phải những trở ngại chưa hề biết đến: thái độ thiếu cảm tình của người làm công, tính gian lận của đám chủ sự, tính cách ngạo mạn của bọn chủ hãng trẻ tuổi - những hố bùn và đầm lầy làm chậm bước tiến và gây khó khăn cho công việc hàng ngày. Tôi cứng đầu và chưa thuần trong môi trường đó. Mỗi khi phải đối phó với thói quan liêu giấy tờ tôi vẫn thường mất bình tĩnh, cho đến khi, lấy một hình ảnh ngựa để minh họa, tôi học được cách làm dịu hàm thiếc bằng một chút đường ngọt. Tôi chỉ lo tiến cho nhanh. Tôi cần phải bù lại những thời gian đã mất, những thời gian trong một nông trại nhỏ ở Quatro Irmaos, trong một gánh xiếc, tại một trại gia súc gần biên giới phía Nam, trong một bệnh viện ở Morocco; tất cả chúng đều là những kinh nghiệm có ích, nhưng chẳng có can hệ trực tiếp gì đến cái mà giờ đây tôi đang muốn làm.

Bất thành linh, giữa những xuôi ngược hàng ngày của mình, tôi gặp một nguy hiểm không lường trước được.

Đêm đó tôi đi taxi về nhà. Tôi nói địa chỉ cho lái xe, ngả người ra sau ghế,

và đọc lướt qua những tiêu đề lớn trên tờ báo trong tay.

Một lúc sau, tôi cảm thấy một cái gì rất lạ. Tôi nhìn bộ mặt của người lái xe trên tấm gương chiếu hậu; nó có vẻ quen quen. Cái vẻ mặt ấy, rất khó chịu; cái cười mỉm ấy, thật thô lỗ. Còn gì nữa, chính là Pedro Bento! Chính là hắn! Sao hắn lại lái taxi ở đất Sao Paulo này? Sao hắn có thể sống xa con ngựa đực Pasha và đồng cỏ Rio Grande do Sul? Khó khăn lắm tôi mới giấu nỗi sợ hoảng hốt của mình. Che mặt sau tờ báo, tôi tự hỏi nếu hắn nhận ra tôi thì sẽ ra sao? Hắn sẽ không bao giờ để tôi yên. Hắn sẽ tống tiền tôi, sẽ hăm dọa tiết lộ câu chuyện của tôi cho báo chí. Hắn sẽ biến cuộc sống của tôi thành địa ngục.

Nhìn gáy hắn nhô lên khỏi cái cổ áo cẩu bản, tôi bỗng có ý định phải giết hắn. Tôi có vũ khí trong ca-táp: một cái kéo dài rất sắc mà Tita nhờ tôi mua hôm đó. Cơ hội đây rồi: chúng tôi đang đi qua một quãng phố tối om vắng ngắt. Chỉ một nhát đâm vào cái gáy ấy...

"Anh có thể cho tôi xuống đây," tôi nói, giọng đều đều như không phải của mình.

"Nhưng thưa ngài," hắn nói, có vẻ ngờ ngác, "đây chưa phai là địa chỉ ngài muốn đến."

Tôi mặc kệ, cứ trả tiền hắn và bước ra khỏi xe. Tôi lẩn vào một ngõ nhỏ và đứng dựa vào một bức tường, trong lòng cay đắng khôn nguôi. Hỡi Thượng Đế, Người hành hạ con còn chưa đủ hay sao? Còn có gì sẽ đến với con nữa đây?

Tôi về đến nhà trong tâm trạng sầu não bức bối, tôi không thể ăn uống gì, và đi nằm luôn. Tita lo lắng, hỏi tôi có chuyện gì. Chẳng có gì, tôi đáp, chẳng có gì xảy ra hết, mọi chuyện đều ổn ca.

Sáng hôm sau tôi cảm thấy không muốn đi đâu. Tuy nhiên, trong nhiều ngày sau đó, tôi dần dần tiêu hoá hết sự kiện ấy. Thậm chí tôi còn thấy tự nghi

ngờ mình: Liệu có đúng là tôi đã thấy Pedro Bento hay không? Rất có thể là không phải hẳn, tôi kết luận. Rồi tôi quên hẳn chuyện đó. Chủ yếu là vì tôi có nhiều vấn đề khác, nhưng chính xác là vì mãi chẳng có tiền vào gì cả. Lúc đầu, tôi có nhiều thân chủ quan tâm đến những hợp đồng nhập khẩu. Nhưng chẳng có gì cụ thể hơn thế, và tôi ngày càng nản. Đến cuối ngày, tôi thấy mệt rũ người, mồm miệng đắng ngắt. Bộ móng dưới chân, vốn dĩ rất nhạy cảm, bấy giờ thành đau đớn khủng khiếp. Từ tận bên trong, tận cốt tuỷ, cái lõi trong cùng của chúng, có một nỗi đau đớn sâu thẳm lục đục phát ra, như thể những gì bên trong không còn vừa với bộ vỏ móng bên ngoài nữa, mà bộ vỏ ngoài ấy lại bị kèm toả bởi những gá đỡ kìm kẹp bằng kim loại của đôi ủng. Tôi bắt đầu thấy đau đầu dữ dội, hết như Tita đã bị. Tôi có cảm giác như tiếng trống xa châu Phi đang đổ dồn từng hồi trong đầu mình. Cùng với cả những hồi trống của các bộ tộc Charrua, Tape và Tapuira người Indian. Chính vào khoảng thời gian ấy, tôi bán được chuyến hàng đầu tiên: một tàu nhỏ chở đầy phân phốt-phát của Morocco. Người đại lý đã mua lô hàng ấy là một người Đức rất thận trọng; ông ta nhận hàng và thanh toán cho tôi bằng tiền mặt.

Đó chính là niềm khích lệ tôi đang cần lúc bấy giờ! Tôi thấy như mình sống lại. Tôi sướng đến nỗi cho đóng khung một tờ giấy bạc nhận được của ông người Đức kia, và mời Tita đi ăn tiệm. Đó là lần chúng tôi phát hiện cái quán ăn Tunisia, quán Lạc Viên. Vẫn chưa phải Morocco, Tita nói, nhưng cũng gần đó rồi.

Quán đó nằm tại một nơi hẻo lánh, trang trí theo lối văn minh da đen Bắc Phi, có một chỗ ăn ngoài hiên, những cây cọ, và một đài phun nước, một địa điểm hoàn hảo. Người hầu bàn, mặc áo choàng có trùm đầu kiểu Ả rập, dẫn chúng tôi tới một bàn để ngoài trời và đem thực đơn tới. Chúng tôi chọn món ăn, cười với nhau vì những cái tên lạ lẫm trong thực đơn, và khi người

hầu bàn đã đi, tôi nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn và mảnh dẻ của Tita bằng cả hai bàn tay mình rồi nhẹ nhàng hỏi nàng có đồng ý lấy tôi không. Nàng mỉm cười: Thôi nào, Guedali, tất cả những thứ này là cái gì vậy? Thế rồi tôi lấy chiếc nhẫn vừa mua chiều hôm đó ra lồng vào ngón tay nàng. Mắt nàng rung lên.

"Không cần phải thế, Guedali," nàng thì thầm, "điều quan trọng là chúng mình được ở bên nhau."

Nhưng cử chỉ của tôi đã làm nàng hạnh phúc. Nàng không rời mắt khỏi chiếc nhẫn. Nàng nhớ đến Dona Cotinha: em ước gì bà ấy có mặt ở đây với chúng ta, nàng nói. Và cả những cô gái trong trại, mẹ em...

Nàng lại im lặng. Tôi biết rằng nhắc đến mẹ sẽ làm nàng đau đớn. Mẹ ư? Cái con người vô tình tàn bạo ấy mà Dona Cotinha đã nói với tôi, lẽ nào lại có thể là hình ảnh của một người mẹ? Nhưng thế đấy, Tita vẫn thường ú ớ gọi "Mẹ" trong những giấc mơ của nàng. Có những lần nàng còn gọi cả "Cha ơi!" Phải, nhưng ai có thể là cha nàng? Zeca Fagundes chẳng? Hoặc người đốc công chẳng? Hoặc cái người tá điền to khỏe và lẫm lĩ vẫn thường lớn vồn quanh nhà trại kia chẳng?

Nàng lau nước mắt và gượng nở một nụ cười can đảm. Càng ngày em càng đẹp ra, tôi nói, và đó là sự thật. Nàng đã mất cái vẻ trẻ con con gái và đã biến thành một người đàn bà, một người đàn bà đáng yêu có một sắc đẹp hiếm lạ. Về mặt thể chất, chúng tôi rất khác nhau.

Nàng sửa lại một chút tư thế ngồi, và mũi ửng nàng động vào đầu gối tôi. Đó giống như một thông điệp, một lời cảnh báo của cặp chân và bộ móng ngựa: chớ có quên chúng tôi, chúng tôi bị che đây, bị nguy trang, nhưng chúng tôi vẫn ở đây.

Trên bàn, Guedali và Tita đang ăn tối tại một quán ăn đáng yêu; họ chuyện

trò, được người hầu bàn phục vụ tận tình. Nhưng gầm bàn là thuộc quyền của những bộ móng ngựa, những bộ móng bồn chồn, thèm khát được phi nước đại, thậm chí ngay trong hiên quán Lạc Viên ấy, nhưng phải kìm mình nằm yên trong một thước vuông chật hẹp dành cho chúng lúc đó.

Trên đường về chúng tôi bàn chuyện đám cưới. Nghi lễ dân sự thì chẳng có vấn đề gì. Tất nhiên, chúng tôi sẽ kiếm cho nàng giấy tờ tùy thân; của tôi thì đã làm rồi vì tôi phải dùng chúng để thành lập công ty. Tita vẫn chỉ có cái hộ chiếu giả mà ông bác sĩ Morocco đã kiếm cho nàng để ra khỏi biên giới.

Nhưng còn nghi lễ tôn giáo, tôi nói (thận trọng từng lời) thì sẽ khó khăn hơn một chút đấy, vì em sẽ phải cải đạo. Nàng phản đối, nói nàng không muốn thành người Do Thái, rằng nàng chẳng theo đạo nào bao giờ, thậm chí đã quên sạch những bài kinh cầu nguyện mà Dona Cotinha đã dạy nàng. Nhưng tôi lý luận rằng cha mẹ tôi sẽ chỉ thực sự chấp nhận nàng nếu nàng nhập đạo Do Thái. Việc đó sẽ làm đơn giản tất cả mọi chuyện, tôi nói. Hơn nữa, nó có khó gì đâu.

Thôi được, nàng nói lúc đang cởi quần áo. Thế em phải làm gì? Tôi bắt đầu giải thích quá trình cải đạo cho nàng nghe, nhưng lại ngừng bật. Tôi đã sắp nói đến buổi tắm nghi lễ thì nhìn thấy nàng khoả thân và lập tức nghĩ đến chuyện làm cách nào để nàng thụ buổi lễ tắm rửa này mà không để cho đám phụ nữ có mặt ở đó nhìn thấy. Làm cách nào để nàng vào tắm mà họ không thấy cặp móng ngựa của nàng?

Cứ để anh lo việc ấy, tôi nói, thế nào anh cũng có cách giải quyết việc này. Và tôi làm được: tôi nói chuyện với một thầy cả đang sắp rời Brazil sau khi li khai với cộng đồng Do Thái. Ông ta dạy Tita một vài bài, lấy rất nhiều tiền, và trước khi đi, ông ta cấp cho nàng một cái giấy chứng chỉ cải đạo. Chúng tôi cưới ở Porto Alegre. Chỉ có người trong nhà và một vài bạn bè của cha mẹ tôi có mặt, nhưng thực sự là một ngày hội. Tita thật đẹp, mặc bộ

đồ cô dâu của Deborah trước đây, dài lướt thướt quét đất và che hết được cả đôi ủng. Mẹ tôi và hai chị tôi muốn giúp nàng mặc áo và trang điểm, nhưng nàng ngượng ngịu từ chối. Nàng không muốn ai thấy cặp móng ngựa của mình. Ở quê nhà con, nàng nói, tục lệ là cô dâu phải tự mặc áo một mình. Mẹ tôi lắc đầu vẻ không bằng lòng, nhưng rồi cũng bảo thôi được rồi, con cứ làm theo ý con, và họ để nàng được tự ý. Tuy nhiên, sau đám cưới, mẹ tôi đã ôm nàng, hôn nàng, và thú thực rằng ngày trước bà đã từng không thích cho Tita cặp đôi với con trai bà.

"Nhưng bây giờ mọi việc ổn cả rồi," bà nói. "Mẹ tin rằng các con sẽ hạnh phúc."

Trở lại Sao Paulo, tôi tiếp tục việc làm ăn, và có tiến triển rất tốt đẹp. Còn Tita, nàng ở nhà cả ngày. Nàng lo liệu mọi việc trong nhà. Chúng tôi không muốn có người giúp việc thọc mạch khắp nơi trong nhà, nhưng Tita vẫn có rất nhiều thì giờ rảnh rỗi. Nàng xem TV, ngồi trong ghế bành, gác hai chân lên một cái ghế đầu, bên cạnh có một hộp bánh kẹo (kết quả là nàng bắt đầu béo ra.) Nàng khó ngủ; ban đêm nàng thường đi đi lại lại, không quần áo gì trừ đôi ủng trên người. Tôi không thích thấy nàng như thế; cặp chân ngựa với vết sẹo mổ khổng lồ. "Có chuyện gì thế, Guedali?" Nàng sẽ hỏi, giọng đầy cay đắng và giễu cợt. "Anh đã quên rằng mình đã từng là nhân mã hay sao? Chỉ vừa mới đây, mình còn thường phi nước đại bên nhau."

Nàng sẽ ngồi xuống, thở dài. "Chao ôi, Guedali, em nhớ khu trại biết bao. Ở đó, ít nhất thì chúng ta cũng có chỗ để chạy và vui với những tấm thảm tranh của Dona Cotinha."

Tôi thuê một thầy giáo cho nàng. Nàng chưa biết đọc biết viết, và tôi muốn nàng có chút ít giáo dục; biết đâu sau này chúng tôi lại chẳng cùng vào một trường đại học với nhau. Hơn nữa, tôi đã phải buộc lòng từ chối nhiều cuộc rượu và ăn tối vì Tita chẳng biết nói chuyện gì với ai: nói thẳng ra thì nàng

vẫn chỉ là một cô gái quê thô thiển. Thô thiển, nhưng thông minh. Nàng tiến bộ rõ rệt trong học tập. Thầy giáo của nàng, một mệnh phụ kín đáo ít lời, đã phải ngạc nhiên. Vợ ông rất có khả năng, thừa ông Guedali.

Chúng tôi bắt đầu đến nhà hát và hộp đêm, bấy giờ chúng tôi đã có bạn: những doanh nhân trẻ và vợ họ, phần lớn là Do Thái. Đúng như tôi nghĩ, họ chấp nhận chúng tôi không khó khăn gì. Có thể họ cũng lấy làm lạ thấy chúng tôi không bao giờ ra bãi biển hoặc đến bể bơi, thấy Tita lúc nào cũng mặc quần dài. Nhưng trong nhóm bạn ấy có một kĩ sư người Argentina hay viết những bài thơ quái dị và một giám đốc từ Rio tới sống chung với hai người đàn bà cùng một lúc. Như vậy rõ ràng là chúng tôi không phải là lạ lùng nhất.

Nhưng Tita vẫn không thấy hạnh phúc, tôi có thể thấy điều đó. Có lẽ em nên tham vấn một bác sĩ tâm lý, tôi gợi ý. Nhưng ý tưởng ấy chỉ làm nàng nổi cáu: Một bác sĩ tâm lý! Bác sĩ tâm lý nào có thể hiểu nổi câu chuyện của chúng ta? Đừng có khó chịu thế, Guedali! Tôi ngồi im và lặng lẽ đọc báo.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

SAO PAULO (Tiếp theo)

15 THÁNG 9, 1960 - 15 THÁNG 7, 1968

Năm 1962 thật lắm sự kiện: những cuộc đình công, những bài thuyết giáo chính trị, rồi đồng đôla lên giá vùn vụt. Tình hình này không thể kéo dài

được, Paulo thường nói, miệng nhai một trái ôliu. Là giám đốc tại một công ty lớn, Paulo là bạn tốt nhất của tôi. (Peri thì sao?) Chúng tôi có thói quen gặp nhau sau giờ làm việc tại một quầy bar yên tĩnh trong nội thành. Chúng tôi sẽ uống bia và nói chuyện đông dài về công việc làm ăn và tình hình đất nước lúc bấy giờ, tất nhiên rồi, nhưng cũng còn về nhiều chủ đề khác nữa. Paulo sẽ bộc bạch hết với tôi: những rắc rối của anh với vợ, một người đàn bà rất phức tạp, thông minh và xinh đẹp, nhưng đầy những bức xúc tình dục; và những khó khăn của hai vợ chồng trong việc nuôi dạy đứa con gái chậm phát triển trí tuệ của họ. Khi anh hỏi về cuộc sống của tôi, tôi chỉ trả lời chung chung, một chút về gia đình tôi, cái trại ở Quatro Irmaos, ngôi nhà ở Teresopolis. Nếu kể thêm nữa, thế nào tôi cũng bị rơi vào tâm trạng thảng thốt nhớ lại thời còn là nhân mã. Quả thật là quan hệ thân mật ở mức ấy của chúng tôi cũng đã nguy hiểm rồi, vì Paulo có thói cứ nhớ đến chuyện gì buồn cười là lại vừa cười phá lên vừa lấy tay vỗ vào đùi tôi. Có thể anh không cảm thấy được lớp da ngựa bên dưới làn vải quần của tôi, nhưng vẫn cứ có một nguy cơ trong việc đó. Mà đó chỉ là một trong nhiều nguy cơ khác mà thôi. Ngộ có ngày tôi phải mở cấp cứu thì sao? Hay là bị xe cán phải trên đường phố? Hoặc giả có người dùng ống nhòm nhìn trộm vào trong nhà chúng tôi? (Về chuyện đó, tôi đã cẩn thận dùng toàn màn cửa vải rất dày.) Thế ngộ nhớ quần tôi bị rách toạc thì sao? Nhiều nguy cơ lắm. Không tránh được, nếu tôi chấp nhận sống một cuộc sống bình thường với mọi người. Em bé này sắp nổ tung rồi, Paulo đang lảm bảm, đã nửa say nửa tỉnh. "Em bé này" có nghĩa là nước Brazil. Paulo tin rằng sắp sửa có một cuộc cách mạng bạo lực với những thay đổi dữ dội trong chính quyền. Thằng cha ở Rio Grande, cái thằng Brizola ấy, quả là điên, đất nước này chưa thể trở thành một nước xã hội chủ nghĩa được. Sẽ có đánh nhau, và chỉ có bọn Do Thái chúng ta là ăn đòn đủ thôi. Nhẽ ra tớ phải về Israel, Guedali ạ. Được thế thì

bây giờ tớ đã đang ở một nông trang tập thể, yên trí vắt sữa bò. Nhưng mà không, tớ lại phải làm một thằng khôn ngoan kia, phải quyết chí làm tiền và khi giàu rồi mới về Israel được.

Anh nốc cạn cốc bia. Guedali, đó là cái ngốc của tớ. Tớ sẽ không bao giờ về Israel được đâu. Cậu thấy đấy, vợ tớ rất khó, một mụ tư sản mắc bệnh tâm thần. Nó chỉ muốn sống thật đất tiền và khiêu khích lòng kiên nhẫn của tớ. Anh ngừng lời một lúc, rồi lại hăng hái trở lại chủ đề của mình. Guedali, mọi việc tớ làm đều hỏng hết. Tớ đi tin vào chủ nghĩa xã hội trong khi tất cả bọn bạn bè cùng lớp đều đang kiếm tiền rất ác. Còn bây giờ, tớ vừa mới quyết định phải làm giàu thì lại sắp có một chính phủ xã hội chủ nghĩa lên nắm quyền. Và tớ lấy nhầm vợ, rồi lại có một đứa con tật nguyền... Tớ biết quá rồi, Guedali.

Tôi cố an ủi anh: tình hình làm gì đến nỗi ấy, Paulo. Tôi viện ra những người bạn khác để làm chứng: Joel, chủ sự một dãy các cửa hiệu; Armando, giám đốc một văn phòng chi nhánh của một công ty Mỹ; Julio, một nhà tài chính xây dựng cơ bự, tất cả đều đang kiếm được nhiều tiền, chẳng lo gì cho tương lai, sống thoải mái.

Trong thực tế thì không phải mọi chuyện đều mỹ mãn như thế. Joel có u xơ trong người và bị huyết áp cao; Armando thì lo cuống cuống mỗi lần công ty mẹ cho người xuống kiểm tra công việc, cái bọn bói lông tìm vết ấy lại xuống đây làm gì không biết, tháng trước vừa mới có hai thằng rồi! Julio thì đang bị kiện vì cho xây một khu nhà cao tầng trên một lô đất không chính thức là của mình. Nhưng với Paulo đang vừa say vừa chán nản, tôi không thể nhắc đến những chuyện không vui. Tôi cố lái câu chuyện sang hướng khác. Chúng tôi nói đến môn thể thao ưa thích nhất của anh: môn chạy.

Paulo tự coi mình là một vận động viên chạy đường dài xuất sắc, có khả năng giật giải trong những cuộc thi đường trường. Anh đã tình cờ tìm ra thú

tiêu khiển ấy của mình.

"Tớ chưa bao giờ thích bóng đá, bóng chuyền, những môn đại loại thế."

Ngược lại, anh thuộc loại người hay để ý đến nội tâm, và đã quyết định đi vào khoa học xã hội.

"Cảm giác không thấy thoải mái, cậu biết rồi đấy. Mình có vấn đề, cả riêng cả không riêng. Mình không ngủ được, nghĩ có lẽ mọi chuyện là do ở xã hội mà ra, thế là mình quyết định phải nghiên cứu xã hội, tưởng sẽ giải toả được nỗi bất an của mình bằng cách ấy. Nhưng mà có giải toả cái con khi! Học làm bác sĩ có tránh cho mình không mắc bệnh không? Tất nhiên là không! Rồi thì tớ lại còn khổ sở vì Fernanda nữa chứ, tớ đã nói với cậu rồi... nhưng cuối cùng tớ cũng lấy xong mảnh bằng và tìm được việc làm hầu như ngay lập tức, tại một cơ sở nhà nước lập ra nhằm phát triển nhà ở cho dân chúng. Lúc đó họ vừa chẩn đoán và khẳng định bệnh tật của con gái tớ, và tớ lao vào công việc như thể đó là cách điều trị cho chính mình. Cậu có hiểu không, Guedali?"

Những cộng sự của anh tại cơ quan, hầu hết thuộc phái tả và còn trẻ tuổi, coi chương trình nhà ở ấy là một bước tiến thật sự đến chủ nghĩa xã hội. Đầu tiên hãy cứ là một ngôi nhà cho tất cả mọi người, họ nói vậy, rồi đến thực phẩm cho tất cả mọi người. Việc những ngôi nhà ấy được xây cất bởi những chủ thầu tư nhân không làm họ khó chịu lắm; chân lý sẽ chiến thắng trong cơn sóc biện chứng giữa cá nhân và tập thể, giữa vị kỷ và vị tha, giữa phí tổn xây nhà và giá thành yêu cầu của chủ thầu, giữa lời cam đoan về chất lượng hàng đầu của vôi vữa và những vết nứt rạn chẳng chóng thì chầy sẽ xuất hiện trên các bức tường (những vết nứt khổng lồ, vươn ra khắp phía thành những bức vẽ chi tiết: những bộ gạc hươu, những sơ đồ quản lý, hoặc thậm chí còn giống những chữ viết mà nhà tiên tri Daniel đã phải giải nghĩa cho vua nghe.) Hơn nữa, kế hoạch phát triển nhà ở còn bao gồm cả một ý tưởng

của triết gia xã hội Pháp Louis Blanc (1811-1882). Trong thành phần công cộng của nền kinh tế, người ta sẽ tạo ra những "đơn vị sản xuất xã hội" theo mô hình công ty nhưng lại do chính công nhân điều khiển. Một phần lãi từ những đơn vị này sẽ được chia cho công nhân, một phần nữa dành cho các quỹ y tế và hưu trí, và một phần thì dùng để tái đầu tư. Công nhân đầu tư, đó là một việc vĩ đại: vũ khí của tư bản lại được dùng để chống lại chính tư bản!

Còn đối với những vết nứt kia thì không một ai trong nhóm, bao gồm cả kiến trúc sư, những nhà xã hội học và kinh tế học ngờ vực gì về việc thể nào rồi chúng cũng xuất hiện, và cũng không ai thắc mắc về vai trò của chúng như những dấu hiệu sơ cấp của quá trình tiến lên xã hội chủ nghĩa; vấn đề còn tranh cãi chỉ là khi nào thì chúng sẽ xuất hiện. Một số người nghĩ chúng sẽ xuất hiện ngay lập tức, những người khác thì nhắc nhở rằng có thể công trình đối diện sẽ có tác dụng đối lực không biết trước được. Gì thì gì, thời hạn tối đa được họ thảo luận là khoảng một năm, một năm rưỡi. Những ấn phẩm nội bộ của cơ quan đầy rẫy những bài viết về việc này. Người ta thấy có nhiều tranh biếm họa và hình vẽ các biểu ngữ với nhiều khẩu hiệu như "Nhà, Bánh mì, và không còn các ông chủ nữa!"

Paulo thường xúc động vì tất cả những trò nhiệt tâm kiểu ấy. Có khi anh còn nổi cả da gà nữa là đằng khác.

"Còn các nông trang tập thể thì sao?" Anh sẽ hét tướng lên. "Tại sao chúng ta không thành lập một hệ thống các nông trang như vậy?"

Một số đồng sự của anh cho đó là một ý tưởng hay, một số khác lại nghi ngờ. Họ thật sự thận trọng với Israel và ngại rằng người Do Thái nào cũng có âm mưu bành trướng tư tưởng Do Thái giáo.

Cha mẹ của cả Paulo lẫn Fernanda lại cảnh cáo anh theo kiểu khác. "Đừng có dính vào cái trò đó," họ nói, "rồi sẽ chẳng ra gì đâu. Con không thể liều

lĩnh thế được, Paulo, con còn phải lo cho gia đình, cho đứa con bệnh tật."

"Nhưng con không muốn nghe lời chúng. Con nghĩ đó chỉ là tư tưởng bài Do Thái mà thôi. Chúng nó nhìn đâu cũng thấy những phiên toà của giáo hội công giáo (33) và các lò thiêu người cả."

Tuy nhiên, cha mẹ họ đã nói đúng. Chính phủ thay đổi, và cơ quan phát triển nhà ở ấy được đặt dưới chế độ độc tài của một người có tên là Honorio, một nhân vật bí hiểm và đáng sợ. Lạnh lùng, một bộ mặt khắc vào đá trên đó không có một vết rạn nào, chỉ có những lỗ sẹo trứng cá. Ông ta luôn vận một bộ com-lê xám, thắt cà-vạt đen, đeo một đôi kính gọng sắt kiểu cổ với cặp mắt kính màu đen. Không ai biết ông ta đang đưa mắt vào đâu. Không ai biết rõ về con người ấy ngoài việc ông ta là một kĩ sư và là một kẻ độc thân. Và người ta còn kháo nhau rằng ông có chân trong một tổ chức chống Cộng. Trong lời phát biểu nhậm chức ở cơ quan (ngăn ngủi và khô khan) ông ta nói từ nay trở đi tất cả nhân viên phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, và ông sẽ thi hành những biện pháp cứng rắn nhất để trừng phạt những ai có ý chống đối cơ quan. Tuy nhiên, ông nói, mọi người dưới quyền ông không có gì phải lo sợ, ông cũng giống như cha đẻ của họ, đúng như thế, nhưng không ác như thế. Hễ ai có lý lịch trong sạch thì không có gì phải sợ hết.

"Vấn đề là ai sạch và ai không sạch? Không ai cảm thấy mình hoàn toàn sạch cả. Ngay cả người sạch nhất cũng vẫn có cái gì đó, một tí tí vết, trong quá khứ - một câu phát biểu bất cẩn, một cái nắm tay, một lần to tiếng. Chẳng hạn tớ đã có lần viết một bài cho tờ báo của cơ quan. Bây giờ thì họ nhìn nhận bài báo ấy ra sao đây? Một vết nhỏ? Hay là bùn bẩn ngập đến bụng? Tớ không thể biết được."

Biện pháp đầu tiên của vị thủ trưởng mới là cho dỡ bỏ toàn bộ các bức vách ngăn chia văn phòng, biến tầng nhà của cơ quan thành một gian phòng lớn, trong đó bàn làm việc của nhân viên được xếp lại thành hàng như kiểu một

lớp học. Phần mình, ông ta cho dựng một khoan nhỏ có vách toàn bằng kính ở ngay cạnh chiếc cửa ra vào độc nhất. Từ đó, ông có thể kiểm soát toàn bộ những người dưới quyền.

Tiếp đó ông ra một loạt các nghị quyết quy định chi tiết những gì được phép và những gì bị cấm.

"Thử nghĩ xem, những việc đó diễn ra ngay trong chính thể tương đối thoải mái của tổng thống Janio Quadro. Quả thật, chỉ toàn những thông cáo và nghị quyết, chẳng có thể chế gì rõ ràng."

Paulo chẳng có mấy việc để làm nữa. Các dự án xây dựng nhà cho dân chúng đã bị đình chỉ. Chỉ thỉnh thoảng anh mới nhận được vài tài liệu này nọ của cơ quan và có nhiệm vụ phải có ý kiến đánh giá vào đó, toàn những thứ cũ rích vẫn được phổ biến mãi rồi. Những việc ấy làm anh rất lo lắng. Anh nháp đi nháp lại những ý kiến của mình, chọn lọc từng câu chữ rất cẩn thận, tra đi tra lại từng chữ trong từ điển và hỏi dò ý kiến của đồng nghiệp, mặc dù chẳng mấy khi có ai giúp được gì anh.

Vị thủ trưởng luôn luôn có mặt, mặc dù không phải lúc nào cũng nhìn thấy ông ta. Có những lúc ông ta kéo màn che kín căn phòng kính của mình. Có những lúc khói thuốc lá mà ông hút liên miên suốt ngày bao bọc làm mờ cả hình ảnh của ông. Khi ngồi yên, ông hình như rất xa xôi, không có mặt ở đó. Nhưng khi ông di chuyển, êm như ru và hầu như không nhận thấy được, thì ánh sáng sẽ phản chiếu nhoáng một cái trên cái gọng kính kim loại của ông. Vâng, ông vẫn ở đó. Quan sát và ghi lại mọi chuyện vào một cuốn sổ tay bìa xanh màu lá cây sẫm.

Vào khoảng thời gian đó Paulo bắt đầu để ý thấy một sự lạ: cái bàn làm việc của anh rung động. Lúc đầu anh nghĩ chắc là vì xe cộ hạng nặng đi lại dưới phố; nhưng rồi anh nhận ra rằng chính anh làm cái bàn rung.

"Cái chân tở! Chân tở nó cứ run lên vì lo lắng không đâu. Người tở như bị

thất thành từng nút."

Anh quyết định đã đến lúc phải đi khỏi cơ quan. Tìm việc khác không phải dễ, và các món chi tiêu cho đứa con gái không phải là nhỏ, nhưng anh cảm thấy không thể tiếp tục như vậy nữa.

"Tớ thường nhìn qua cửa sổ thấy bọn nhóc chạy nhảy dưới vườn hoa. Chúng làm tớ ghen tị. Sao mà chúng tự do thế, vô lo thế."

Một hôm chú bé chạy giấy đưa cho anh một giấy báo của thủ trưởng, đề nghị anh đến gặp ông ta tại văn phòng vào lúc 3h chiều hôm đó. Paulo rơi vào tình trạng hoảng hốt: chắc họ đã phát hiện cái gì rồi, một lỗi lầm gì đó của anh trong quá khứ, một cái gì đó mà anh có thể không còn nhớ ra được nữa, hoặc thậm chí không biết đến.

Paulo không ăn nổi bữa trưa. Anh ngồi trên một chiếc ghế băng trong quảng trường Cộng hoà, nghĩ cách sẽ phải nói năng thế nào với thủ trưởng nếu bị cáo giác. Anh quyết định sẽ chối tất. Người khác ép tôi phải làm thế, anh sẽ nói vậy. Tôi bị bắt buộc phải tham gia.

Đúng 3h, anh gõ lên tấm cửa kính. Ông giám đốc mở cửa cho anh vào, kéo màn che. Ngồi đi, ông giám đốc nói, với một giọng nhẹ nhàng đáng kinh ngạc, rồi đưa cho Paulo một mẫu giấy đánh máy. Tôi biết anh là người có văn hoá, ông ta nói. Tôi muốn anh cho biết ý kiến về cái này.

Đó là một bài thơ. Một bài thơ mười bốn câu dở ọc, vẫn không ra vần, mô tả những tai ương của một con chim bị thương.

Một người bạn của tôi đã sáng tác nó, ông giám đốc nói, chăm chú nhìn xoáy vào Paulo. Một người bạn rất thân... ông ta còn nhiều bài nữa như thế, ông ta nói có đủ để làm thành một tập. Tôi đang tính xuất bản chúng bằng tiền của cơ quan ta. Nhưng tôi muốn anh cho ý kiến. Bằng giấy trắng mực đen, tất nhiên rồi. Mà không phải ngay lập tức. Anh có thể có mười ngày làm việc để suy nghĩ cho chín.

Paulo về bản mình, lo sợ và ưu phiền hơn bao giờ hết. Việc này là bất hợp pháp, tất nhiên rồi, chính cái việc xuất bản ấy, nhưng làm thế nào bây giờ? Tố cáo ông giám đốc ư? Tố với ai? Mặt khác, a dua với ông ta lại khiến anh ghê tởm. Nhưng anh không muốn bị mất việc làm, chí ít cũng là trong thời điểm ấy, khi mà anh chưa có gì để bầu vùi.

Ngày lại ngày, Paulo mỗi lúc một thêm lo sợ. Anh mất cả ngủ, và không biết nói chuyện này với ai. Fernanda mỗi lúc mỗi bận thêm với đứa con gái. Anh có nên hỏi ý kiến luật sư không? Hay là bỏ trốn?

"Thế rồi tớ thoát nạn, Guedali ạ. Thoát bất ngờ, có thể nói vậy. Phép lạ đã xảy ra vào một buổi chiều. Đến hết giờ làm, ông sếp vẫn ngồi trong phòng kính. Chuyện đó lạ, vì thường thì cứ đúng 6h là ông ta đứng lên ra về, và tất nhiên là chúng tớ sẽ về sau ông ta một tí. Nhưng hôm đó, 6h rồi mà không thấy gì cả. 6h15, rồi 6h30, mà ông ta vẫn ngồi bất động trong chiếc ghế lưng cao của mình. Chúng tớ nhìn nhau, không biết phải làm gì. Cuối cùng thì cậu chạy giấy lấy hết sức can đảm gõ cửa. Ông giám đốc vẫn không nhúc nhích. Cậu ta bước vào và lễ phép hỏi liệu mình đã được phép về chưa. Không gì hết. Không một lời đáp. Thưa, ông có được khoẻ không ạ? Cậu ta hỏi. Ông giám đốc im lặng. Cậu bé một lần nữa lấy can đảm chạm tay vào vai ông ta. Ông giám đốc đổ người sập mặt xuống bàn. Ông đã chết hẳn rồi."

Nhồi máu cơ tim, bác sĩ cơ quan nói vậy. Và cảnh cáo tất cả chúng tớ: đây là bài học cho những ai sống mà lười vận động. Tôi biết ông ta: không bao giờ tập thể dục, hút thuốc lá quá nhiều và không ngớt lo lắng buồn phiền.

"Hôm sau," Paulo kết thúc câu chuyện, "tớ xin thôi việc. Tớ quyết định phải có công việc riêng của mình; thế rằng sẽ không bao giờ còn có một thằng giám đốc nào, một thằng thủ trưởng nào hay bất kỳ cái gì khác nữa. Và tớ bắt đầu học nhu đạo ở một câu lạc bộ thể thao gần nhà. Sau đó tớ quyết định bắt đầu chạy. Đến giờ tớ vẫn chạy. Có những lúc thấy mệt mỏi không muốn

chạy nữa, nhưng rồi tớ lại nhớ đến lão giám đốc nằm sấp mặt xuống bàn, chết cứng, thế là lại quyết tâm chạy. Thậm chí, Guedali này, tớ có thể nói rằng chạy là việc quan trọng nhất trong đời tớ. Sau gia đình, tất nhiên rồi. Và bạn bè nữa."

Paulo và Fernanda, Julio và Bela, Armando và Beatrice, Joel và Tania, chúng tôi thường đi ăn tối với nhau vào cuối tuần. Joel biết hết những quán ăn ở Sao Paulo và là người dẫn đường của cả nhóm. Mặc dù anh phải kiêng khem nghiêm ngặt vì bị u xơ trong bụng, anh vẫn rất khoái nhìn chúng tôi ăn. Cái rượu quả Hungary này thật tuyệt vời có phải không? Anh hỏi, hai mắt mơ màng, trong khi nhấm nháp một ly sữa bò.

Chúng tôi cũng thường tụ họp ở nhà nhau. Và nếu là đêm thứ bảy, cả bọn sẽ ở lại đến tận gần sáng, nói đủ thứ chuyện: việc làm ăn, tất nhiên rồi, và cả về bọn trẻ con, tình hình chính trị, đám người giúp việc, xe ô tô. Rồi giáo dục tình dục trong nhà trường. Rồi phân tâm học. Rồi vụ li dị mới đây nhất. Rồi du lịch.

Chúng tôi cũng đi xem phim và nghe hát với nhau. Thịnh thoảng còn chơi bài, thậm chí chơi cả trò Scrabble và Monopoly (34).

Đến dịp lễ hội giả trang, chúng tôi nghĩ ra một trò vui. Julio và Bela sẽ bí mật ăn vận giả làm cái gì đó không ai được biết, rồi hẹn sẽ đi bộ theo một đoạn đường hẹn trước ở trung tâm thành phố, bắt đầu từ 10h cho đến nửa đêm. Đôi nào tìm trúng được họ trong đám người giả trang đông đúc sẽ được khao một châu ăn tối.

10h đêm, Tita và tôi đi xuống phố. Armando, Beatrice, Joel và Tania đã có mặt cả ở đó, đang truy tìm hai bạn giả trang. Tita và tôi ăn mặc thành cướp biển, đi quanh quẩn giữa đám người đi tìm nhau, ai cũng đeo mặt nạ. Giữa đám giả trang thành hề cung đình với hề rạp xiếc, làm sao biết được hai anh hề nào là người mình tìm? Hay họ giả làm hai người Ả rậpkia? Hay là mấy

con ma kia? Vợ chồng tôi có thể đoán Julio và Bela đang giả trang thành các nhân vật gì nữa. Chúng tôi cứ tìm đại, Tita và tôi, cười ngặt nghẽo vì những lầm lẫn của mình. Tôi túm lấy tay một người sói, cứ tưởng đấy là Julio. Còn Tita thì hét vào mặt một người ăn mặc như cung nữ, "Bela, tớ tìm được cậu rồi!" nhưng đâu có phải Bela. Thế rồi bất chợt tôi nhìn thấy con nhân mã. Nó đứng im, con nhân mã ấy, nhìn một nhóm người Indian nhảy múa trên đường phố, nhưng nó làm thiên hạ chú ý nhiều hơn là đám nhảy múa. Một đám đông nho nhỏ đã tụ họp xung quanh nó, vừa cười nói vừa bình phẩm. Có người vỗ mạnh vào hông nó, làm nó đá chân loạn xạ ngã ra sau.

Tita ôm chặt lấy cánh tay tôi. Phản ứng đầu tiên của tôi là đưa nàng chạy ngay khỏi nơi đó, cứ như thể họ đã phát hiện ra bí mật của chúng tôi, như thể họ đang nói, chúng bay che giấu thế nào nỏ, chúng tao biết hết rồi, chúng tao biết bọn bay đã từng là cái gì. Và ai đang nói vậy? Julio với Bela chẳng? Có phải họ đang ở bên trong bộ quần áo nhân mã giả trang kia? Cổ trấn tĩnh và làm chủ bản thân, tôi nắm lấy tay Tita và bước đến gần con nhân mã.

Đó là một bộ giả trang rất tồi tệ, làm bằng một thứ vải thô màu nâu chẳng giống da ngựa một chút nào. Cái đuôi làm bằng sợi nhuộm không được tẩy sạch. Những bộ móng bằng nhựa đen quá to so với thân mình. Trong khi nhìn những cái móng ấy, tôi bất chợt thấy lạ: làm sao mà những người trong gánh xiếc lại có thể nhầm một con nhân mã thật là tôi với hai con người núp trong một bộ giả trang được nhỉ? Những cái móng ngựa của tôi, mặc dù đã rất to (có lẽ tôi có mang huyết thống của giống ngựa Percheron) vẫn cứ nhỏ hơn rất nhiều so với những cái móng giả kia. Có giả trang thì có lẽ phải là người có bàn chân rất nhỏ, hoặc phải luôn đi kiễng trên đầu ngón chân thì may ra... May ra.

Chúng tôi đứng đó, không biết phải làm gì. Mình đi khỏi đây thôi, Tita thì

thầm. Tôi nhìn nàng. Mặt nàng tái xanh và hoảng hốt và vẻ mặt ấy đã khiến tôi quyết định phải làm rõ chuyện này cho xong một lần. Nếu Julio và Bela đang ở trong bộ giả trang kia, nếu cuộc chơi này là một thông điệp cho chúng tôi, thì đã đến lúc phải công khai mọi chuyện. Em ở đây nhé, tôi bảo Tita. Chen vai thích cánh qua đám đông, tôi đi thẳng đến chỗ con nhân mã và đứng sững ngay trước mặt nó.

Tôi không thể thấy bộ mặt thật của người đó, chụp dưới một cái túi giấy nâu vẽ thành mặt quỷ sứ. (Thử tưởng tượng xem, một nhân mã có bộ mặt quỷ!)

Bộ ngực lông lá và cái bụng tròn trịa kia có thể là của Julio được lắm.

"Mày định gây sự gì thế hả?" Hấn gào lên. "Mày chưa thấy một thằng nào ăn vận giả trang hay sao hả, thằng hề kia?"

Pedro Bento!

Tôi lùi lại, kinh ngạc và sợ hãi. Đúng vậy, đó là Pedro Bento. Cái giọng nói tôi đã từng nghe trong chiếc xe taxi.

"Mày làm cái gì thế, Pedro, muốn đánh nhau đấy à?" Một giọng đàn bà từ trong bụng con nhân mã phát ra, và tôi nhận ra ngay. Đó là bà dạy sư tử của gánh xiếc!

Và rồi bọn họ cãi nhau, bà ta kêu ca cứ phải cúi lom khom thật khó chịu, toát hết cả mồ hôi trong bộ áo giả trang. "Rồi còn phải ngủi rằm của mày nữa chứ, Pedro! Thằng khốn, sao mày cứ đánh rằm liên miên thế! Rồi bây giờ còn gây sự đánh nhau nữa!"

Những người dự hội ở xung quanh đó nghe rõ hết cả và buồn cười nôn ruột. Pedro Bento đâm vào mông mình thành thích, tức là vào người đàn bà; và bà ta cũng đâm trả từ bên trong bộ áo giả trang, đến nỗi cuối cùng thì nó rách toạc ra và để lộ nguyên hình bà, lồi thối lổc thốc và mặt mũi đầy kinh ngạc. Quả thật, đó chính là bà dạy sư tử ở gánh xiếc.

Đi thôi, tôi bảo Tita. Tôi quàng tay ôm lấy sườn nàng và đưa nàng vào một

quán bar gần đấy. Chúng tôi cùng ngồi, tôi vẫn còn khó chịu, nhưng còn lo lắng hơn khi thấy vẻ hốc hác trên gương mặt Tita. Tôi cầm lấy hai bàn tay nàng, chúng lạnh như băng. Tôi gọi rượu mạnh và ép nàng uống. Khi nàng đã bình tĩnh hơn, tôi kể cho nàng biết hai người ở bên trong bộ áo nhân mã ấy là ai. Nàng nhìn tôi chằm chằm, không nói một lời. Tôi biết không phải nàng ghen với người đàn bà dạy sư tử. Mà là một nỗi hãi hùng khủng khiếp đang hành hạ nàng. May sao, những người bạn của chúng tôi đã thấy chúng tôi và cùng kéo cả vào quán bar ấy. Chúng mình đi chén thôi! Julio và Bela reo lên, vui mừng vì không ai phát hiện ra họ trong hai bộ áo quần du hành vũ trụ. Tita và tôi làm đủ mọi thứ để hoà mình vào niềm vui chung ấy, nhưng vẫn chỉ thấy vui gương mặt thôi. Tôi biết Tita cũng đang tự hỏi như tôi rằng: liệu bí mật của chúng tôi còn giữ được bao lâu nữa?

Những ngày sau đó trôi qua đầy lo lắng. Từng giây từng phút, tôi sợ bị chạm trán với Pedro Bento. Đi đâu tôi cũng đeo kính râm; hễ thấy một cái taxi dừng lại gần mình là tôi lập tức quay đi chỗ khác. Còn bà dạy sư tử... phải, tôi cũng rất sợ chạm mặt bà ta, nhưng là một cái sợ khác, vừa hoảng vừa thích. Tôi tưởng tượng thấy mình sau khi con kính ngạc của bà ta đã qua đi, tôi mời bà đi uống rượu, rồi đưa bà tới một nhà trọ, và hỏi khi đang ở trên giường, "Thế nào, ai là ngựa, hả? Bà gọi ai là ngựa thế hả?" Còn bà thì hồn hển thì thảo với tôi, "Anh... đồ ngựa đực... anh..."

Còn Tita, nàng mỗi ngày một thu mình lại nhiều hơn. Nàng đã bỏ các môn học và thậm chí không còn xem cả TV nữa. Cả ngày nàng chỉ ngồi im một chỗ và nhìn đăm đăm vào không trung.

Tôi tưởng nguyên nhân là cái con nhân mã giả kia, sự chạm trán với Pedro Bento và người dạy sư tử kia ở Sao Paulo. Tôi cố trấn tĩnh nàng: Nghe này, Tita, họ sẽ không nhận ra anh đâu. Cái người mà họ đã quen ngày trước có mình ngựa, móng ngựa và đuôi ngựa hằn hoi cơ.

Nhưng sự thực đó không phải là cái làm nàng phiền lòng. Hoặc có thể, nó không làm phiền lòng đến mức ấy. Nàng có một chuyện gì khác, một cái gì đó vừa khiến nàng lo sợ, cũng vừa khiến nàng đôi khi lại nở một nụ cười bí hiểm.

"Em có chuyện quái quỷ gì vậy?" Tôi hỏi nàng, lòng đầy thắc mắc. Nàng không trả lời. Rồi một đêm, lúc chúng tôi đang từ chỗ Julio trở về nhà, nàng bảo tôi: "Em có mang."

Tôi không chịu tin. Ông bác sĩ Morocco đã cam đoan với tôi nếu uống những viên thuốc ấy thì nàng sẽ không bao giờ có thai. Nhưng tình cờ, nàng nói, em đã quên không uống thuốc ấy nhiều tháng nay rồi. Em điên rồi, tôi nói. Chúng tôi đang ngồi trong ô tô, bàn tay tôi đang liệt cứng lại, không thể bật khoá khởi động. Nàng không đáp, nhưng châm một điếu thuốc lá.

Tôi mở máy và phóng hết tốc lực về nhà. Tôi vào thẳng chỗ để điện thoại và gọi ngay một cú đường dài sang cho ông bác sĩ Morocco. Ông nhắc máy, nhưng buồn ngủ hoặc say rượu, mãi không nghe ra tôi nói gì. Cuối cùng thì tôi cũng làm cho ông hiểu rằng Tita có mang. Ông đoan chắc với tôi nàng sẽ không việc gì, nàng có một tử cung người bình thường. Nhưng cái gì rồi sẽ từ đó chui ra? Tôi hét lên. A... ông nói, cái đó thì tôi không biết được. Nếu anh sợ như vậy thì đưa chị ấy đến đây, nếu cần thì tôi sẽ nạo cái thai ấy cho anh.

Tôi đặt điện thoại xuống. Tita dăm dăm nhìn tôi. Em muốn có đứa con của em, nàng nói, dù cho nó có là người, nhân mã, hay là ngựa. Em muốn có con, nàng nhắc đi nhắc lại.

Từ lúc đó trở đi tôi không yên được một phút nào. Ở văn phòng, trong xe, trong những giấc mơ, lúc nào tôi cũng bị hành hạ bởi cùng một thứ nhãn ảnh: những quái vật với các bộ phận người (tay, chân, môi, mắt) và các bộ phận ngựa (chân, đuôi, bờm, dái) kết hợp lại theo các tỉ lệ khác nhau, và

luôn luôn, luôn luôn thành những hình thù khủng khiếp.

Càng gần đến ngày sinh, bụng Tita càng to ra một cách đáng sợ. Tôi khẩn khoản rằng hai vợ chồng phải đi Morocco, ít nhất thì cũng để tham vấn ông bác sĩ xem sao. Nhưng quyết tâm của nàng là không thể lay chuyển. Không cần đâu, em biết mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả, nàng bình thản nói, thậm chí còn có vẻ rất hạnh phúc. Thế còn lúc sinh nở thì sao, tôi hỏi. Chúng ta sẽ thu xếp thế nào đây? Thế nào thì cũng là theo ý Thượng Đế cả, nàng đáp. Em sẽ sinh con như những người đàn bà Indian, có bao giờ họ cần đến bệnh viện và bác sĩ đâu. Nghe nàng nói, tôi cảm thấy nàng đã điên rồi, điên hẳn rồi.

Nhiều khi tôi hoảng hốt tỉnh giấc trước lúc bình minh. Tita vẫn ngủ, và tôi nhìn bụng nàng, lộ rõ dần dưới làn ánh sáng còn rất nhẹ của buổi rạng ngày. Cảm giác bao trùm của tôi là sợ hãi, lo lắng, và một ý muốn nổi loạn mù quáng, không phải chống lại Tita mà là chống lại chính bản thân mình, và chủ yếu là phản kháng cái thực thể linh thiêng có tên là Jehovah hoặc bất kỳ một cái tên nào khác, người phải chịu trách nhiệm về những nỗi nhọc nhằn đau khổ nhiều đến thế.

Nhưng nhiều khi tôi cũng xoay ngược được những lo sợ của mình, cởi bỏ được mối hiềm nghi căm phẫn đang tích tắc như một trái bom nổ chậm trong lòng. Quảng ánh sáng nhẹ nhàng phản chiếu từ làn da bụng kia xâm nhập vào tôi, khiến cho tâm trí tôi êm dịu lại. Và nếu tôi để ý thấy bất kỳ một động cựa nào, chắc chắn là do những động cựa của một cánh tay nhỏ bé hoặc cái đầu xinh xinh, là lập tức tôi lại thấy xúc động đến mức, giống như Schiller, muốn ôm chầm lấy hàng triệu người một lúc. Hàng triệu người, kể cả ít nhất là vài chục người da đen, người India, mấy anh khủng bố Palestine, những quái thai (một anh khổng lồ một mắt, một cậu quỷ lùn có hai chân cong ngược lên và giữa các ngón lại mọc ra một bàn chân vận động viên to tướng, đây là chưa kể đến các anh gù có bướu trên lưng và các chị có

những bộ mặt sùi vì bỏng axit,) và cả một con nhân mã con, nếu phải có cả nó. Đúng thế, tôi sẽ có thể yêu cả một con nhân mã con, và tình cảm ấy chỉ có thể xuất hiện từ thiện căn làm cha tự nhiên vẫn còn ở trong tôi. Vậy tôi có sợ nữa không đây? Có sẵn sàng liều lĩnh đón nhận tương lai không đây? Tôi không biết, thực lòng là tôi không biết. Gì thì gì, nào những đợt sóng yêu thương, nào những cơn oán hận, kết quả cuối cùng là một bãi biển vắng vẻ và rộng lớn, một phong cảnh yên bình, và khi tôi thần thờ đứng trước khung cảnh ấy, tôi dần dần thiếp đi vào một giấc ngủ yên lành. Cho đến khi chuông đồng hồ đánh thức tôi dậy. Nhưng đó không phải là tiếng kèn của thiên sứ, chỉ là một dụng cụ cơ khí gọi tôi trở lại với thực tế có thể không hoàn toàn phù phàng, nếu tôi dám trực diện đương đầu với nó.

Việc đầu tiên phải làm là chuẩn bị những thứ cho cuộc sinh nở được tiến hành trong những điều kiện thích hợp nhất. Nhưng làm gì đây? Tôi nảy ra một sáng kiến: mẹ đỡ đã đón nhận tôi vào đời. Mẹ còn sống không? Tôi gọi điện cho Mina, cầu mong mình đừng gặp chị trong trạng thái trầm uất. May sao, chị Mina có vẻ rất vui, chị vừa đính hôn với ông bác sĩ phân tâm vẫn điều trị cho mình.

Tôi bảo chị Tita đã có mang, và chị chúc mừng tôi nhiệt liệt, nhưng khi tôi nói đến những nỗi lo âu của mình thì chị lập tức sợ hãi và nói rằng chị lại cảm thấy một cơn u uất đang dâng lên rồi đây. "Ôi không được, không có đâu!" Tôi hét âm lên. "Chị phải giúp em đây này!"

Mina không phụ lòng tôi. Chị lên xe đi luôn xuống những con đường quê bụi mù của Rio Grande và tìm thấy mẹ đỡ già trong một cái trại gia súc ở tít tận một nơi heo lánh, đang ngồi uống trà cỏ đắng. Mẹ đã gầy như lò, khổ thân mẹ. Mẹ có nhớ Guedali không? Tất nhiên rồi, thằng cu Do Thái nửa người là ngựa chứ gì? A, vậy là cậu ấy sắp làm cha hử? Thời gian đi nhanh vậy sao, thưa cô.

Mụ rất thích vì tôi đã tìm mụ để đỡ cho vợ mình. Tuy vậy, mụ không muốn đi xa: thừa cô, tôi già quá rồi, chẳng muốn rời khỏi túp nhà bé nhỏ của mình nữa. Tôi chẳng đi nổi một bước khỏi đây đâu. Nếu muốn, họ có thể đến đây. Mina thuyết phục mụ rất khó khăn; chị phải hứa đủ mọi thứ: quần áo, đồ bát đĩa bằng sứ, đồ đạc trong nhà, rồi cuối cùng thì mụ cũng đồng ý. Mina chở mụ về Porto Alegre rồi đưa mụ lên máy bay.

Tôi ra đón mụ ở sân bay. Nhìn thấy cảnh một bà già nhỏ thó mặc bộ đồ đen, tay ôm khư khư một bọc đồ (về sau tôi mới biết là bọc thức ăn), ngỡ ngác giữa những đám dân Sao Paulo đông đặc, tôi thấy đau nhói trong lòng. Liệu mụ có khả năng đỡ đẻ nữa không đây? Tuy nhiên, lúc về đến nhà, ấn tượng của tôi lại khác đi. Vừa được giới thiệu với Tita, mụ đã đặt bọc đồ xuống, xắn tay áo lên và bảo: nào, con gái thân mến, con cởi bỏ quần áo ra và nằm xuống đây. Hơi giật mình khi thấy cặp móng ngựa ("Ta đã quên mất các con như thế nào rồi") mụ khám cho nàng với vẻ rất tự tin và thành thạo. Chưa trở dạ ngay đâu, mụ bảo chúng tôi. Sẽ trong tuần tới đây. Còn đứa bé, nó có bình thường không? Tôi hỏi. Mụ không đáp, vờ như không nghe thấy. Tôi hít một hơi dài, bụng bảo dạ: thôi, trăm sự ở cả trong tay Thượng Đế.

Paulo trêu chọc tôi: chưa có một anh sắp làm cha nào lại lo lắng như cậu cả, anh nói. Mà đúng thế: tôi thu xếp cho mụ đỡ ở căn phòng sát cạnh chúng tôi, chỉ một tiếng động nhỏ của Tita là tôi chạy ngay sang mụ. Bình tĩnh nào, Guedali, mụ đỡ già gái ngủ bảo tôi (mụ ngủ suốt ngày). Chưa đến lúc đâu, tôi đã bảo cậu rồi mà.

Một đêm, Tita thức giấc, thấy những cơn đau đều đặn và dữ dội. Tôi chạy sang gọi mụ đỡ, đã thấy mụ dậy rồi, mặc quần áo và đang canh chừng rồi. Lần này thì đúng rồi, Guedali, đã đến lúc rồi. Ta đi thôi. Cậu sẽ giúp tôi một tay.

Hết sức trấn tĩnh cơn bồn chồn lo lắng trong lòng, tôi nhìn thấy cái đầu đứa

trẻ xuất hiện, rồi đến thân mình, rồi hai cái chân. Bình thường. Bình thường cả. Nó có bình thường không, Dona Hortensia (35), tôi hỏi, đứa trẻ có bình thường không? Lẽ nhiên rồi, mụ đỡ lắm lắm khi cắt nhau cho đứa trẻ. Một thằng cu hoàn toàn bình thường. Mà tại sao không chứ? Cậu tưởng ai sinh ra cũng có móng ngựa đấy chắc?

Mụ dừng lại, nhìn sang tôi vẻ rất ngạc nhiên. Nhưng cậu có bốn cái chân ngựa cơ mà, Guedali, hai cái kia đâu rồi? Tôi đã mổ chúng đi rồi, nhưng tôi sẽ kể cho mụ nghe sau, hãy để ý vào đứa bé đi đã, xin Thượng Đế thương lấy chúng con.

Nó là một đứa bé đẹp đẽ, cái thằng cu mà mụ đỡ vừa đưa cho tôi ẵm. Tita nhìn tôi và mỉm cười, kiệt sức nhưng vui vẻ. Mụ đỡ nhìn bụng nàng. Vẫn còn to lắm. Hừm, mụ nói, vẫn còn nữa đấy.

Vẫn còn nữa? Tôi hoảng hốt nhìn mụ. Cái gì nữa? Cái gì khác nữa sẽ ra đời? Chân ngựa chẳng? Một cái đuôi chẳng? Một cái thân ngựa chẳng?

(Quang cảnh thế này: Tita nằm trên giường, chần nệm be bét máu, cặp chân ngựa của nàng dang rộng, mụ đỡ đang lắng nghe bụng nàng, chau mày và lắm lắm cái gì đó không thể nghe ra được; còn tôi thì đứng dựa vào tường, gần như xỉu.)

Tôi trấn tĩnh lại. Tôi hít vào một hơi dài. Nếu là một cái thân ngựa, tôi nghĩ bụng, mình sẽ đập chết nó, ngay cả nếu nó có vẻ đang sống, thậm chí chân nó có thể động đậy cũng vậy thôi. Tôi sẽ dùng gậy đập chết nó rồi sau đó sẽ đốt sạch nó đi.

"Nó đây rồi!" Mụ đỡ lên tiếng.

Một cái đầu nữa xuất hiện, một cái thân nữa, với hai cánh tay và hai cái chân. Một đứa bé bình thường nữa. Một thằng cu nữa, sinh đôi!

"Anh chị trúng giải rồi," mụ đỡ nói, nhưng tôi hầu như không nghe thấy tiếng mụ. Tôi đang ôm chầm lấy Tita, cả hai chúng tôi nước mắt rùng rùng.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

SAO PAULO (tt)

15 THÁNG 9, 1960 - 15 THÁNG 7, 1968

Những ngày đầu tiên ấy thật là hạnh phúc. Bọn trẻ khoẻ mạnh, hai thằng cu đẹp đẽ; chúng ăn ngủ rất ngoan. Thượng Đế đã thương chúng mình, Tita nói. Người đã đền bù cho những đau khổ chúng ta đã từng phải chịu đựng. Thế rồi lại nảy sinh một vấn đề: nàng không muốn hai thằng cu phải cắt da quy đầu. Không có ai được đụng đến con tôi, nàng cương quyết tuyên bố. Tôi cải đạo là đủ rồi, tôi không muốn dính dáng gì đến những thứ lễ nghi vớ vẩn ấy nữa.

Nhưng tôi không chịu thua. Tôi nhớ đến câu chuyện cha tôi kể về những nỗi khó khăn ông đã phải đương đầu để mang được thầy Mohel về trại cho tôi, và tôi cảm thấy việc cắt da quy đầu cho bọn trẻ là một món nợ tôi phải trả cho ông. Tôi giải thích chuyện đó, nói đi nói lại, cuối cùng dọa sẽ mang con bỏ đi. Thế rồi Tita nhượng bộ.

Tôi mang cả gia đình đến Sao Paulo để dự nghi lễ đó. Cuộc lễ diễn ra suôn sẻ, việc cắt bì xong xuôi, cuối cùng là ăn trưa, rồi ăn tối, liên tiếp những nâng cốc chúc mừng và mọi người đều say sưa. Cha mẹ tôi vui nở trời. Con xứng đáng được hạnh phúc thế này, cha tôi nói. Tạo hoá đã không tốt lành với con, nhưng con đã tranh đấu và chiến thắng, và bây giờ con đã ở đây, một người chủ gia đình hạnh phúc, được kính trọng và khá giả.

Sau đó tôi không còn đến quán bia với Paulo nữa. Cứ hết buổi chiều là tôi khoá cửa văn phòng rồi chạy ngay về với hai đứa con trai. Tôi sẽ ngồi với cả hai đứa đặt trên lòng.

Cặp chân ngựa của tôi không ưa gì những va chạm ấy. Chúng cảm thấy, qua nền vải quần, làn da mịn màng của bọn trẻ. Cặp chân tôi nhấp nhồm không yên. Im nào, tôi khe khẽ rít lên trong cổ họng, nằm yên nào. Nhưng chúng không thể nằm yên. Rõ ràng chúng cảm thấy bị đe dọa. Hai anh em chúng đã bị cắt bỏ rồi; hai đứa còn lại phải cam chịu hết bị mặc quần, chui vào ủng, rồi bây giờ lại còn hai đứa trẻ ngồi đè lên mình. Hơi nóng từ thân thể hai đứa bé, liên tục và ẩm ướt một cách kín đáo, rồi cuối cùng sẽ làm bọt hết lớp da ngựa, làm lòi ra gân xương của chúng. Chúng phản đối, cặp chân của tôi, và liên tục bị chuột rút.

* * *

Mặc cho chúng phản đối.

Hai đứa bé tròn trĩnh và thích được ôm ấm này là báu vật của cả đời tôi. Khi một đứa nhoẻn miệng cười, cả ngôi nhà như sáng bừng lên. Khi cả hai đứa đều cười, cả thế giới toả hào quang.

Những đứa trẻ thật đáng để cho ta tôn thờ vậy. Tất nhiên, có những lúc chúng khóc ban đêm, và bao giờ cũng là cả hai đều khóc một lúc. Tita và tôi lật đật dậy, đi ủng, lính quýnh bước sang phòng chúng, đâm cả vào nhau. Nhiều lần chúng tôi mặc nhầm đồ của nhau; tôi thì choàng cái váy ngủ của nàng còn nàng thì cái áo ngủ của tôi. Mỗi đứa chúng tôi bế một đứa bé lên, đi tới đi lui trong sảnh ngoài. Khi dỗ cho chúng nín, Tita thường nhảm hát một điệu ru con, còn tôi thì một điệu ca bằng tiếng Yiddish, lạ một điều là bấy giờ tự nhiên những điệu nhạc có từ thời thơ ấu cứ trở lại trong tâm trí tôi. Có những lúc chúng tôi sánh bước bên nhau, Tita với tôi, một thói quen từ thời chúng tôi còn phi nước đại trên đồng cỏ và có những lúc chúng tôi

bước ngược chiều; khi gặp nhau, tôi thường mỉm cười, nhưng nàng không bao giờ thế. Nàng luôn dồn hết tâm trí vào đứa bé trong tay, như thể sự tập trung tư tưởng của nàng sẽ làm cho đứa nhỏ ngủ lại được. Tita là một người mẹ đầy lo âu, và nỗi lo sợ của nàng rất dễ lây. Đã nhiều lúc tôi cảm thấy như muốn chạy đi, muốn phi nước đại ra khỏi cửa. Nhưng tôi phải kiềm chế mình, và bước chậm chậm theo nhịp của điệu ca mà tôi đang thầm hát. Đó là những thôi thúc trái ngược nhau mà cặp chân ngựa của tôi không thể hiểu nổi, và kết quả ra sao? Là những cơn chuột rút. Chưa bao giờ tôi bị nhiều trận chuột rút như trong thời kỳ ấy.

Vì có những trận chuột rút ấy (chúng nhắc nhở rằng tôi không được khỏe, rằng tôi đã không chạy từ bao lâu rồi), và cũng vì Paulo phàn nàn rằng tôi đã bỏ rơi anh, tôi bắt đầu tập chạy cùng với anh. Mỗi tuần một lần, chúng tôi đến chạy ở một câu lạc bộ thể thao. Mục tiêu của chúng tôi là chạy ít nhất sáu vòng quanh sân vận động. Với tôi thì dễ, nhưng với Paulo thì khó. Anh rất kinh ngạc: cậu đi cả ủng chạy, vẫn mặc áo choàng nặng thế kia, mà lại hầu như chẳng mệt nhọc gì! Dân ở Rio Grande đều thế cả, tôi bảo anh, ai cũng nửa người nửa ngựa hết.

Hai chúng tôi chạy rất đều, và anh lại vừa thở vừa kể cho tôi nghe những rắc rối trong gia đình. Cậu bây giờ hạnh phúc rồi, anh nói, cậu có hai thằng con trai, nhưng cậu không biết hôn nhân có thể dẫn đến địa ngục như thế nào đâu.

Không hạnh phúc hoàn toàn. Ngay sau khi hai thằng cu sinh đôi ra đời thì quả có thể; nhưng rồi ngày tháng qua đi, Tita lại trở nên xa xôi. Bề ngoài thì có thể cho là vì tụi trẻ con: chăm sóc chúng thật quả rất nhiều việc và chúng cuốn hút hết cả thời gian và sức lực của nàng. Nàng không rời chúng phút nào. Tôi muốn thuê một người bảo mẫu; chúng tôi có thể làm điều đó, vì việc làm ăn đang chạy đều và tốt đẹp. Nhưng nàng không chịu nghe. Một

người nấu bếp thì được; hay một người dọn dẹp nhà cửa, một cô hầu bàn, một anh lái xe, một người làm vườn cũng không sao. Nhưng nàng không chịu nghe chuyện thuê một cô bảo mẫu. Họ không thể trông nom trẻ con từ tẻ được, nàng lý luận, bọn họ đều vụng về, thô thiển hết.

Nhưng sự thật là giữa chúng tôi đã có những đổi thay rồi. Hoà hoãn lắm chúng tôi mới nói với nhau một đôi lời. Trên giường ban đêm, khi tôi xích lại gần và chạm vào người nàng, nàng sẽ nhồm ngay dậy: hình như bọn trẻ đang khóc kia! Nàng sẽ chạy ngay sang phòng trẻ, và chỉ quay lại sau khi tôi đã ngủ.

Tại sao cậu cứ đi ủng thế? Paulo hỏi, có vẻ rất tò mò. Chúng là biện pháp trị liệu của tớ, tôi đáp, không có chúng tớ không thể đi được.

Anh là bạn tôi, anh kể cho tôi nghe mọi chuyện, nhưng liệu tôi có nên thổ lộ với anh về bộ móng ngựa của tôi? Không biết quyết bề nào, tôi đành ngồi im và lắng nghe anh nói. Anh nói nhiều chuyện lắm, về những ngày mà

Fernanda còn là cô gái mà anh say đắm, tận cái thời mà họ đều còn ở tuổi ấu thơ và sống ở Bom Retiro. "Hai đứa được nuôi dạy cùng nhau, cùng đi học một trường, hai gia đình là bạn thân với nhau, thậm chí họ còn cùng từ một thành phố ở Ba Lan di cư sang đây. Khi nàng và tớ mười tám tuổi, chúng tớ quyết định bỏ hết mọi thứ và cùng nhau về Israel. Chúng tớ muốn sống trong một nông trang tập thể, gắn bó với thiên nhiên, chạy trên đồng cỏ và trồng trọt, gặt hái, vắt sữa bò. Cha mẹ hai đứa đều phản đối, họ nghĩ chúng tớ còn quá trẻ, chưa biết gì về cuộc đời, chưa có nghề nghiệp gì. Bọn tớ chống lại, và cùng bỏ trốn đến nhà một người bạn ở nông thôn, gần Ibiuna, nơi chúng tớ ngủ với nhau lần đầu tiên. Lần ấy thật tốt đẹp. Chúng tớ lại về nhà. Cha mẹ hai bên đều tha thứ cho chúng tớ, và tớ học để chuẩn bị thi vào đại học. Chúng tớ lấy nhau trước khi tớ học xong. Hai bên cha mẹ cho chúng tớ một căn hộ và hỗ trợ tài chính cho chúng tớ, còn giúp chúng tớ nhiều việc khác,

cho tới khi tớ tốt nghiệp và tìm được việc làm. Đứa con ra đời, và lúc đầu hai đứa đã thật hạnh phúc vì có nó. Rồi thì đến những nghi ngờ và sau nữa là tuyệt vọng, khi đứa bé được chẩn đoán và khẳng định là bị khuyết tật về tâm trí. Còn bây giờ thì bọn tớ đầu hàng rồi. Đầu hàng, nhưng không hạnh phúc, Guedali ạ. Chúng tớ không hạnh phúc. Tớ nhìn Fernanda, nàng nhìn tớ.

Chẳng đứa nào nói gì, song tớ biết nàng đang tự hỏi những gì, bởi chính tớ cũng đang tự hỏi như thế, rằng cái gì đã xảy đến với những mơ ước của chúng tớ? Một hôm, cách đây không lâu, chúng tớ để con lại chỗ cha mẹ rồi đi về ngôi nhà nông thôn ở Ibiuna, lúc đó đang rao bán. Chúng tớ đến đó, căn nhà vẫn hệt như xưa, cũ kĩ nhưng xinh đẹp, phong cách thuộc địa với lò sưởi và đủ mọi thứ khác. Chúng tớ ở lại qua đêm trong căn phòng mà lần đầu tiên chúng tớ đã ngủ với nhau, cũng trên chiếc giường ấy, nhưng tất cả đã khác rồi, Guedali ạ. Cậu có tin được không? Khác đến nỗi không còn một tí vui thú gì nữa, cậu biết không? Thời gian qua đi, chúng tớ không còn yêu nhau nữa, và bắt đầu tự hỏi cuộc đời này sống để làm gì. Hình như chẳng để làm gì cả. Mỗi buổi chiều khi tớ đóng cửa văn phòng, tớ lại nghĩ: lại một ngày nữa qua đi, nó sẽ không trở lại làm phiền ta nữa."

Đó đã là vòng chạy thứ sáu của chúng tôi, và anh đã rất mệt rồi. Cậu có muốn tập thêm ít động tác thể dục nữa không, tôi hỏi anh. Chịu thôi, anh hên, tớ chạy đi tắm đây. Tớ chết rồi, Guedali, chết rồi.

Fernanda. Chị không nói nhiều. Nhưng chị thường nhìn tôi đắm chiêu như muốn xoáy vào tôi. Tôi có thể thấy trong tia nhìn ấy những nỗi đắng cay, hoài nghi, không thoả mãn và cả cái gì đó như thách thức. Tôi chỉ biết quay đi chỗ khác; Paulo là bạn tôi.

Một ngày thứ bảy họ mời vợ chồng tôi đến dự một buổi liên hoan nho nhỏ nhân dịp sinh nhật Paulo. Tita không muốn đi. Như thường lệ, nàng viện ra đủ các lý do; nàng mệt, một đứa bé lại hơi bị sốt, và nhiều chuyện khác như

thế. Nhưng tôi cương quyết: Paulo và Fernanda rất tử tế với chúng tôi, không đến thì thật không phải tí nào.

Nhà họ không xa nhà chúng tôi là mấy. Một ngôi nhà bê-tông kính rất đáng yêu, với những xà gỗ lớn trên trần nhà. (Đáng tiếc chỉ là nhà đi thuê, Paulo thường nói.) Khi chúng tôi đến, cả nhóm đã tề tựu đông đủ quanh lò sưởi ở giữa phòng khách. Lò sưởi là một cái chậu gang khổng lồ treo từ trần nhà xuống bằng những dây xích nặng móc vào bốn cạnh của ống khói, đó là một trong những ý tưởng độc đáo của Fernanda. Như thường lệ, mọi người chào đón chúng tôi rất nhiệt tình. Không ai nhắc nhở gì đến những chiếc ủng của chúng tôi, chúng mới tinh, thật thế, vì vừa mới từ Morocco gửi sang, nhưng ai cũng thấy và họ đều để ý đến chúng. Uống chứ? Paulo hỏi. Rượu whiskey (36) trong tay, chúng tôi cùng nhau trò chuyện, lúc nhẹ nhàng, lúc hăng hái ồn ào, lúc thu hút tất cả mọi người, lúc lại chia thành từng nhóm nhỏ. Joel và Armando đang tranh cãi về những ưu và nhược điểm của loại xe hơi Mustang. Beatrice và Tania đang nói chuyện về trường học của con mình. Bela đang bình phẩm về chuyện khan hiếm người giúp việc với Tita. Julio hỏi Beatrice tình hình các buổi phân tâm của chị ra sao rồi. Như đánh nhau vậy, Beatrice than thở. Joel, cũng đang có các buổi phân tâm của mình, nhận xét rằng quá trình phân tích tâm lý giống như việc nhảy xuống tận đáy một cái giếng sâu rồi từ từ ngoi lên, hai tay chống sang hai bên thành giếng, móng tay cào cào, đau đớn, rất đau đớn. Bela, người vẫn giữ được đặc tính của một thủ lĩnh sinh viên ngày xưa, nói rằng phân tâm học chỉ là một thú vui trường giả của bọn tư sản giàu có không biết dùng thời gian vào việc gì. "Cậu ấy mô tả cậu trúng phóc!" Joel kêu lên, và cả bọn chúng tôi cười lẫn. Mình đếch cần biết mình giàu hay không, Beatrice nói, mình chỉ biết là mình thấy rất khổ, và mình muốn được hạnh phúc, cậu có hiểu ý tớ không hả Bela? Hạnh phúc!

Giọng chị như vỡ ra, và cả bọn chúng tôi đều thấy lúng túng. Fernanda nhanh chóng đổi đề tài, hỏi Tania và Joel về chuyến đi sang Israel vừa rồi của họ. Tuyệt lắm, Tania nói, chúng tớ gặp được rất nhiều người quen biết. Ở bên đó họ sống vất vả lắm, Joel nói, làm việc rất khổ mà lương chẳng được bao nhiêu, thuê má thì vô lý hết sức và lúc nào cũng lo sợ chiến tranh có thể xảy ra. Sống thế khổ thật, Paulo đồng ý, nhưng ít nhất thì nó cũng có một ý nghĩa gì đó, trong khi cuộc sống của bọn mình ở đây thì... Thì sao nào? Julio cự lại. Cuộc sống của bọn mình tốt cả đấy chứ, ít nhất là tớ thấy như vậy với bản thân tớ. Tớ không bảo là không, Paulo đáp lại, tớ biết chúng mình đều có đủ mọi tiện nghi, nhưng nhiều lúc tớ cứ hay tự hỏi liệu cuộc sống này có vô nghĩa hay không? Vô nghĩa ư? Julio vặc lại. Cậu còn muốn thêm những ý nghĩa gì nữa? Có nhà có cửa, ăn uống, vợ con đàn ông, lại còn thỉnh thoảng bỏ bịch vui vẻ nữa chứ... chúng tôi đều phá lên cười, kể cả Paulo. Nhưng anh vẫn khẳng định: có thể là vậy, nhưng tớ vẫn chưa từ bỏ ý định về Israel. Để làm cái gì chứ? Julio bắt đầu nổi cáu. Cậu chẳng đang sống rất tốt ở đây đó sao, Paulo? Việc làm ăn phát đạt này, nhà cửa khang trang thế này, cuối cùng thì cậu theo đuổi cái gì? Tớ phải nói là tớ không hiểu được cậu. Đúng thế, đúng thế, Paulo nói, nhưng tớ vẫn là một thằng Do Thái, và cái đó rất quan trọng với tớ. Tín ngưỡng Do Thái...

Anh dừng lại. Một chút im ắng khó chịu. Tôi biết họ đang nghĩ đến ai: Tita, con người dị giáo. Nói những chuyện kia trước mặt nàng thật là chẳng ra làm sao. Một lần nữa, Fernanda lại nhanh trí đổi sang chủ đề khác. Chị nhắc chuyện người hàng xóm bị trấn lột. Thật không thể tưởng tượng được là bọn mình phải sống trong cảnh có nhiều tội phạm đến thế, Tania nói.

Rồi mọi người bàn sang chuyện tình hình đất nước. Sẽ không thể tiếp diễn mãi thế này được, Julio nói với vẻ kinh tởm, tất cả những trò đình công kia,

rồi đồng đôla sụt giá, bọn khoa trương biểu ngừ đe dọa mọi người, rồi sẽ đến lúc nổ tung hết cả thôi. Sẽ nổ tung hết, Bela nói, vì bọn có quyền có chịu nhượng bộ tí nào đâu, họ sẽ không nhượng bộ một tí nào hết, tí ti thế nào cũng không. Thậm chí đến một cái cách điền địa rẻ mạt và tí teo cũng không. Em thì biết gì về chuyện đó, Julio giận dữ nói. Anh biết gì thì em biết cái đó, Bela gào lên, và hơn nữa em không có dính dáng đến những đồng tiền tích trữ bản thiêu! Thôi nào, chính tiền ấy mua được cho em những bộ cánh may đo đắt tiền đấy nhé, Julio nói, cười ầm lên. Mẹ khi, tôi đếch cần những bộ cánh này của anh, Bela hét lên. Bình tĩnh đã nào, Paulo nói, mà cậu cũng không cần thoát y ngay đâu, Bela ạ. Các cậu có biết ai đang li dị không? Joel lên tiếng, miệng vẫn nhai hạt điều. Ai chẳng biết đó là Boris, Tania đáp, nhưng anh đừng có ăn nhiều quá, rồi lại đánh rắm suốt đêm đấy. Em cũng đánh rắm kia mà, Joel nói. Đúng thế, Tania công nhận, cười ầm ĩ, đó mới chính là hôn nhân, là cùng nhau đánh rắm. Joel ôm chầm lấy vợ và hôn đánh chụt một cái: tớ yêu chị đàn bà này, các cậu ơi! Tớ tôn thờ cái con mẹ đàn bà này!

Ở đó với họ thật nhộn, được dự phần vào cái không khí ấm cúng. Các tấm kính cửa lớn đều mờ hơi nước, lại càng làm cho chỗ ấy thêm biệt lập, như thể chúng tôi đang ở tận dưới đáy biển. Câu chuyện lại xé lẻ ra một lần nữa; Bela đang kể một câu chuyện dài cho Tita nghe và nàng nghe rất chăm chú. Nàng thật đẹp, Tita. Vẻ đáng yêu lạ lẫm của nàng khiến nàng khác biệt hẳn với những người đàn bà kia, đều dễ coi cả nhưng đều bình thường, lại hơi son phấn quá.

Paulo, mang cái máy chiếu phim ra đây, Julio nói. Có phim mới hả? Joel hỏi, mắt long lanh. Ủ, mà phim ra phim chứ bộ! Julio nói. Cứ xem rồi biết, các cậu ơi!

Paulo soạn máy chiếu phim và màn ảnh, rồi tắt đèn. Trong khi mọi người

cười khúc khích trước cảnh tình tự của một chị đàn bà và hai chú lùn, tôi đứng dậy và đi ra khu vườn đằng sau nhà. Một khu vườn đẹp, với nhiều cây to, bụi rậm, và những bồn trồng đầy hoa. Nó hơi giống mảnh vườn sau nhà của chúng tôi ở Porto Alegre, nhưng được chăm sóc tốt hơn. Có cả một đài phun nước, giống như trong bệnh viện bên Morocco. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đá và mơ màng nhìn cảnh vật xinh đẹp ấy. Đêm lạnh, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn khi ở ngoài trời.

Một bàn tay đặt nhẹ lên vai tôi.

"Ồ, té ra cậu ở đây, đồ chạy trốn này."

Tôi quay lại: Fernanda. Chúng tôi nhìn nhau vài giây. Một người đàn bà đẹp. Mái tóc thành từng lọn của chị buông dài xuống vai, cổ áo nửa phanh ra để lộ thấp thoáng một cặp vú đáng yêu. Chị nhìn tôi, lòng thèm muốn của chị thật rõ rệt. Tôi bắt đầu cương cứng không cưỡng lại nổi, một thôi thúc dâng trào như vũ bão chẳng khác gì lần tôi có với bà dạy sư tử. Tôi cảm thấy mình mất hết mình mất. Điên rồi; tôi không thể làm chuyện này, ngay trong nhà của Paulo, Paulo - người bạn tốt nhất của tôi! Ai đó sẽ có thể nhìn thấy chúng tôi; liều lĩnh quá. Nhưng tôi không thể làm chủ mình được nữa; tôi kéo chị lại gần, hôn chị và cả chị nữa, chị cũng đang điên cuồng hôn tôi, cắn tôi như hoá dại. Tôi chiếm lấy chị ngay sau đài phun nước; chúng tôi nằm xuống, và tôi kéo váy chị lên, vuốt ve cặp đùi chị. (Tôi run người; tôi đang chạm vào làn da người mịn màng chứ không phải da với lông ngựa!) Tôi kéo tụt khoá quần, nhấc cái của mình ra ngoài. Ôi chao ơi, cậu to thế, chị thì thảo, và tôi thấy nhói một cảm giác sợ hãi, chợt nhớ đến bà dạy sư tử, nhớ Fernanda cũng kêu thét lên như bà kia thì sao? Nhưng không, chị không kêu thét, chị rên rỉ trong khoái lạc, và tôi cũng vậy, trong khi nước róc rách trên cái đài phun bên cạnh.

Tớ sẽ vào nhà trước, chị nói thềm, sửa sang áo váy đầu tóc, rồi mỉm cười,

hôn tôi lần nữa, bình thản hơn, không còn cuồng cuồng như ban nãy, rồi đi. Tôi ngồi trên chiếc ghế đá, người đờ đẫn. Vừa xảy ra chuyện gì vậy? Tôi không biết. Mắt tôi nhoà, tim đập thành thịch, và móng bên phải của tôi, bây giờ tôi mới để ý thấy, đang run lẩy bẩy rất mạnh. Tôi giữ chặt nó xuống: thôi nào, đồ quỷ sứ, nằm yên nào.

Tôi ở đó, chờ cho mặt mình bớt nóng bừng. Khi đã lấy lại được bình tĩnh, tôi vào nhà.

Phim đã hết, mọi người đang nói chuyện. Họ nhìn tôi, nhưng không ai nói gì. Rõ ràng cái điều khác thường duy nhất mà tôi đã làm chỉ là không ngồi lại xem phim với họ. Cậu lơ mắt mấy cảnh vĩ đại, Joel nói. Ôi dào, tớ đã xem những loại ấy rồi, tôi nói, giọng gần như bình thường, những phim này lúc nào chả thế. Chúng mình về đi, Guedali, Tita nói, muộn rồi.

Chúng tôi tạm biệt nhau. Bàn tay Fernanda lưu lại trong tay tôi lâu hơn thường lệ một chút, nhưng chỉ một chút thôi; chị không có vẻ gì bận tâm hoặc lúng túng. Đột nhiên, tôi vỡ nhẽ rằng tôi không phải là người đầu tiên, rằng những người bạn đàn ông kia chắc cũng đã có được chị ở đằng sau cái đài phun nước ấy rồi. Ai nhỉ? Joel chăng? Julio chăng? Đi thôi anh, Tita kéo tôi, bọn trẻ có thể đang khóc ở nhà.

Chuyện với Fernanda không tái diễn nữa. Trong ít ngày tôi đã tưởng thế nào chị cũng gọi điện hẹn hò. Nếu thế thì sao? Tôi sẽ chẳng biết phải thế nào nữa. Làm tình với chị thật sự là tuyệt diệu, và tôi chẳng ngại làm lại tí nào. Nhưng nếu Paulo hoặc Tita phát hiện ra thì sao? Và cả Fernanda nữa, chị mà phát hiện, chẳng hạn trong cơn say đắm chị xé toạc quần tôi và nhìn thấy cặp chân ngựa, thì sao?

Nhưng chị không gọi. Một hôm chúng tôi tình cờ gặp nhau dưới phố, và chị hoàn toàn bình thường: Guedali, cậu thế nào? Tita với bọn nhóc có khoẻ cả không? Chị nói chị đã hẹn với Paulo tại một quán bar, và hỏi tôi có thích đi

cùng đến đó không. Chúng tôi cùng đi đến quán bar ấy, một nơi sang trọng với những ngọn đèn mờ. Chị chọn một bàn riêng biệt, ngoài tầm tọc mạch của đám khách tò mò. Chúng tôi gọi rượu uống. Trong giây lát chẳng ai nói gì. Chị có vẻ đăng trí; mắt thờ thẩn nhìn chỗ này chỗ kia. Còn tôi, tôi thấy bồn chồn; gân cốt đang cứng lại bên trong đôi ủng đang ra những tính hiệu cho tôi: Guedali, bọn tôi sẵn sàng chạy rồi đây, sẵn sàng phi nước đại rồi đây. Mỗi khi mắt chúng tôi gặp nhau, chị lại mỉm cười. Chị gõ móng tay xuống mặt bàn như gõ trống. Tôi hỏi chị ra sao.

"Tớ á? Có sao đâu."

"Sau cái đêm ấy cũng thế à?"

"Tất nhiên rồi, sau đêm ấy cũng thế thôi. Có sao đâu mà."

"Không có chuyện gì cả chứ?"

Chị cười (hơi gượng một tí, nhưng chị cười được thật.)

"Thôi đi nào, Guedali, có chuyện gì được nào? Chúng mình đều là người lớn cả. Cái gì xảy ra thì xảy ra rồi. Chỉ là chuyện vui về tầm phào ấy mà. Có gì đâu."

"Còn Paulo thì sao?"

"Paulo thì sao ư? Mọi chuyện với Paulo đều ổn cả. Cậu không đợi tớ kể với hấn chứ, có phải không nào? Mặc dù, tớ phải nói thật với cậu, tớ có thể kể lắm. Chúng tớ chẳng muốn để bụng những chuyện lật vật làm gì, Paulo với tớ. Tớ đã có những vụ tình tang khác, hấn cũng biết cả. Chẳng có gì xảy ra, không có đổ máu. Chúng mình vẫn minh cả, phải không Guedali. Paulo và tớ sẽ không giết nhau vì chuyện này đâu. Hơn nữa, bọn tớ vẫn còn có đứa con phải chăm nom."

Chị uống cạn cốc rượu. "Còn vợ cậu thì sao," chị hỏi, "cô ấy có nghi ngờ gì không?"

"Không, không có gì," tôi đáp.

Chị nghiêng mình sang phía tôi.

"Đừng hiểu lầm tớ, Guedali, nhưng cái Tita nhà cậu thuộc loại cục mịch đấy, có thể là cậu không thấy thôi. Nó xử sự như nông dân vậy. Tớ nghĩ không biết nó có biết hết giá trị của người chồng như cậu không... bởi vì cậu thật là tuyệt vời, Guedali ạ. Cậu thực sự là một người tuyệt vời. Nhưng vợ cậu có biết thế không?"

"Tớ nghĩ cô ấy biết," tôi nói, rồi đứng dậy. "Tốt nhất là tớ đi đây, Fernanda."

"Gặp lại sau nhé," chị nói. Rồi vừa mỉm cười, chị vừa nói thêm. "Nhớ đến chơi đấy, cái vườn lúc nào cũng ở đó, rồi lại có lúc, ai biết được...?"

Tôi bước ra, dừng lại ở cửa ngoài phố, chói mắt vì nắng. Có ai nắm lấy cánh tay tôi: Paulo. "Chào cậu, khoẻ chứ?" Anh hỏi.

"Khỏe," tôi nói, "Fernanda đang chờ cậu trong kia."

"Tớ biết," anh nói.

Chúng tôi nhìn nhau, mọi thứ đều ổn cả. "Nhớ đến chơi nhé, cậu với Tita," Paulo nói.

"Ok, chúng tớ sẽ đến," tôi đáp.

Có một điều Fernanda đã nói sai: cái vườn sẽ không còn ở đó lâu nữa. Kể cả ngôi nhà. Người chủ đã đề nghị Paulo dọn đi, vì ông ta muốn phá chỗ đó đi để xây một cao ốc chung cư.

Paulo rất buồn vì tin ấy. Chúng tớ đã sống ở đó hơn 10 năm, anh nói, tớ chưa bao giờ nghĩ sẽ phải rời ngôi nhà ấy. Tớ thích nó, chỗ ấy thật tốt.

Fernanda thì không bận tâm đến thế. Thôi nào, Paulo, ở đây hay ở đâu thì cũng vậy thôi. Nhà hay căn hộ, điều quan trọng là phải rộng rãi và gần hiệu thuốc, gần siêu thị, đại khái thế. Tớ không thể quen được chuyện này, Paulo nhắc đi nhắc lại, tớ không thể quen được.

Tuy nhiên, khi anh gọi điện cho tôi vài ngày sau đó, giọng anh đã rất khác rồi: vui vẻ, phấn khởi là đằng khác. Tớ có tin mới đây, Guedali! Anh gào

lên. Rất bất ngờ đấy nhé! Tớ muốn cậu với Tita đến đây ngay lập tức. Tớ đang triệu tập cả bọn đây!

Chúng tôi vừa ăn xong bữa tối, hai thằng cu đang ngủ, và Tita đang xem một bộ phim trên TV. Paulo gọi chúng ta đến ngay, tôi nói. Anh đi đi, nàng trả lời, mắt không rời màn hình, em không muốn đi, em ở đây thôi.

(Tất cả những cái đó có nghĩa gì đây? Cái thái độ dửng dưng này? Những câu đáp cộc lốc và khô khan kia? Nhiều lúc tôi thấy nàng nhìn thần thờ vào không trung; tôi nghe thấy những tiếng thở dài. Tôi nghĩ có thể đó chỉ là một trạng thái u hoài, hoặc giả một chứng bệnh gì đó. Tôi nghĩ đến rất nhiều thứ, nhưng không đủ can đảm để hỏi cho ra chuyện. Mà nàng cũng đâu có trả lời tôi.)

Tôi cương quyết. Paulo là người bạn tốt, tôi nói, anh ấy cần chúng ta giúp đỡ, và anh ấy mời cả hai chúng mình đến. Không nói một lời, nàng đứng dậy, mặc quần áo và đi.

Khi chúng tôi đến nơi, mọi người đã đầy đủ cả. Đó là một buổi tối mùa hè rất nóng nực. Mọi người đang thảo luận về tình hình chính trị, đó là năm 1964. Julio tin rằng Brizola đang chuẩn bị đảo chính. Anh chỉ tay vào tôi như muốn vạch tội: bọn người như cậu ở Rio Grande lúc nào cũng muốn ra lệnh cho cả nước biết phải làm gì. Brizola làm thế là đúng, Bela nói, đất nước này phải được cải tổ hoàn toàn bằng bạo lực! Im đi, Julio nói, em thì biết gì về chuyện này? Anh im đi thì có, Bela hét lên. Bình tĩnh nào, Joel nói, đã làm gì mà nghiêm trọng thế. Nào, Paulo, Guedali đến đây rồi. Có tin tức gì ghê gớm thế?

Paulo đứng dậy, tay cầm một cuộn giấy thiết kế. Anh nhìn chúng tôi, mỉm cười với một vẻ bí hiểm. Khi thật, nói đi chứ, Beatrice nói, cậu làm tớ nhớ đến một bộ phim trinh thám.

Paulo nói anh đang tìm kiếm một nơi để sống.

"Tớ đã đi xem các căn hộ, các kiểu nhà, nhưng chẳng có gì như ý. Chỗ nào cũng chật chội, đông đúc, phố phường thì ẩm ỉ và ô nhiễm. Thế rồi một ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu tớ: tại sao chúng ta không về nông thôn mà sống?"

Anh mở cuộn giấy. Đó là một tấm bản đồ thành phố Sao Paulo, gồm cả các khu vực ngoại ô. Có một chỗ được đánh dấu bằng mực đỏ. Nào, khu vực này, Paulo nói, là một khu rộng 25 ây-co (38) với rừng tự nhiên và một cái hồ - nhỏ thôi, nhưng nước rất trong, rất sạch. Chúng ta có thể chia nó thành 20 lô, mời thêm những người quen biết, và biến khu đó thành một khu chung cư biệt thự với những ngôi nhà ở riêng biệt và rải rác (39). Các cậu nghĩ sao? Mọi người nhao nhao lên tiếng cùng một lúc: thế là một nông trang tập thể rồi, một nông trang tập thể chính hiệu rồi! Bela kêu to. Một thuộc địa nghỉ mát, Tania nói. Julio không đồng ý với quan điểm nông trang tập thể. Nó khác hoàn toàn chứ, trong những ngôi nhà này ai nấy đều sống hoàn toàn riêng tư biệt lập mà. Rất hăng hái, Paulo bắt đầu giải thích vào chi tiết, nói đến bể bơi, sân tennis, một cái công viên giải trí nho nhỏ, những cái thuyền chèo trên hồ, một sân golf. Các cậu có tưởng tượng được không, Bela nói, tất cả lũ chúng ta đều nằm dài trên cỏ, nghe chim hót, nhìn trời xanh?

Nhoèn miệng cười, Fernanda nháy mắt với tôi. Tita im lặng. Paulo nói khu vực ấy có thể thu xếp rất an toàn với hệ thống hàng rào điện, nhân viên gác cửa có vũ trang, và một hệ thống điện thoại nội bộ đề phòng các trường hợp khẩn cấp. Beatrice nói đến một trung tâm bảo mẫu với hộ lý và các chuyên gia tâm lý.

Tania muốn biết chi tiết giá cả, Joel nói đến chuyện cưới ngựa: tớ lúc nào cũng mơ có một con ngựa màu hạt dẻ, ôi chao, những con vật đẹp đẽ biết bao! Lại còn thế nữa, Tania nói, em cứ tưởng anh không ưa những thứ như thế kia mà, Joel. Các cậu thấy chưa, Joel nói, thấy chưa kìa, đây, em có bao

giờ hiểu anh đâu, Tania. Anh thích cưỡi ngựa lắm, nhưng không thể làm theo ý mình được, bởi vì nếu anh phi nước đại, Tania ạ, chắc chắn là những tâm trạng khó chịu của anh sẽ tiêu tan hết.

Anh dừng lời. Một sự im lặng đầy ngạc nhiên bao trùm gian phòng. Rồi Joel nói tiếp: "Tania này, anh đã đối xử không hay với con, anh đã đánh chúng, nhưng đó là vì anh thấy ảm ức quá độ. Suốt đời anh phải tự giam mình trong văn phòng và trong cửa hàng, suốt ngày bị quấy nhiễu, đến nỗi đêm nằm anh cũng không thể quên được chúng. Khi ngủ, anh mơ thấy toàn TV, hàng dãy hàng dãy TV. Trên màn hình của cái TV này anh lại thấy những cái TV khác, và trên màn hình của những cái ấy lại có những cái khác nữa, nhỏ hơn, nhỏ hơn mãi, từ 20 inch, 16 inch, 8 inch, 5 inch, 3 inch. Hàng đồng những cái máy thu hình ấy cứ đuổi theo anh. Những lúc ấy anh chỉ muốn đổi tất cả lấy một con ngựa, Tania ạ. Phi ngựa ra ngoài không khí tươi mát sẽ làm cho anh sung sướng khôn cùng. Anh chắc chỉ cần được cưỡi ngựa đi thật xa là anh có thể bỏ lại đằng sau những nỗi nhọc nhằn kia, Tania ơi. Rồi anh sẽ trở về, thành một con người khác, đáng yêu hơn, biết vui cười. Con cái mình rồi chẳng mấy chốc sẽ biết kính yêu anh, em có dám cuộc không nào. Và chúng nó cũng sẽ học cưỡi ngựa. Cả em nữa. Em và các con đều có thể có những giờ học với một ông thầy mà anh quen. Anh sẽ mua cho mỗi người một con ngựa, một con ngựa còn rẻ hơn nhiều một cái ô tô, Tania ạ. Chúng ta sẽ cùng nhau phi ngựa, em với anh chạy trước và bọn trẻ theo sau, hoặc theo hàng một như kiểu người Indian, thế nào cũng được. Điều quan trọng là, cả nhà mình sẽ phi ngựa cùng với nhau."

"Thế thì kỳ diệu quá," Tania nói, giọng xúc động. "Thực sự kỳ diệu quá, Joel ạ, em chưa bao giờ nghĩ ra được chuyện ấy."

"Thế ư," Joel nói, "em có thể nghĩ đi là vừa, bởi vì anh đã quyết chí rồi."

"Em sẽ theo anh, anh yêu ạ," Tania nói, "bởi vì, em cũng có những kế hoạch

của em nữa."

Tania nghĩ đến một cái sân khấu ngoài trời nho nhỏ giống như kiểu các sân khấu Hy Lạp cổ đại, để trình diễn và hoà nhạc. Và tớ sẽ là người khai trương nó, chị nói, hai mắt sáng ngời, bằng một buổi độc tấu vĩ cầm. Thật ngạc nhiên, không ai biết chị chơi vĩ cầm. Tớ chưa biết chơi, chị nói, nhưng tớ có thể mua một cây vĩ cầm và học chứ có làm sao, phải không nào? Tớ vẫn thường mơ được lang thang trong đồng cỏ và chơi vĩ cầm. Hoặc thổi sáo, nhưng thực lòng tớ thích cây vĩ cầm hơn. Còn tớ cũng sẽ dùng đến cái sân khấu của cậu đấy, Bela nói. Để trình diễn một màn ca nhạc theo kiểu Mỹ, trong đó tớ sẽ vừa hát vừa nhảy cla-két (40). Bởi vì tớ có thể hát rất hay, và tớ có thể học nhảy cla-két. Chẳng phải Tania sắp học vĩ cầm đó sao?

Bela nói nhảy cla-két sướng làm sao, những tiếng gõ của bộ cá sắt xuống sàn gỗ hoặc sàn đá vang lên thế nào. Một màn diễn theo thể loại Fred Astaire (41), đấy là cái tớ muốn làm. Chị thờ dài. "Tớ phát mệch vì tính khí dữ dằn của mình rồi, vì thói hay phun nọc độc vào người khác rồi. Các cậu không biết tớ đã thành xấu tính đến mức nào đâu. Mới mấy hôm trước, tại một buổi tiệc trà từ thiện của nhà trường, tớ đã bảo bà hiệu trưởng rằng bà chỉ biết ăn cho ngập mặt trong khi người nghèo đang chết vì đói. Tệ hơn nữa, tớ quăng cả một đĩa kẹo bột xuống sàn nhà. May mà chỉ vài người nhìn thấy, nếu không thì đã tai tiếng ầm ĩ lên rồi."

Chị lau nước mắt.

"Nhưng cuối cùng thì tớ là ai? Nào, nói thử xem, các bạn, tớ là ai? Một kẻ cuồng tín chẳng? Một con khủng bố chẳng? Một phiên bản giống cái của nhà tiên tri Jeremiah chẳng? Hay là một phần tử Trotskyist? Nói xem, có phải tớ là thế không? Không đâu, các bạn thân mến ạ, tớ không phải thế. Tận đáy lòng, tớ chỉ là một người bình thường, và tớ muốn mỉm cười, muốn gieo

rắc hạnh phúc xung quanh mình. Và em muốn làm tình với anh đây, anh Julio!"

Julio đứng dậy ôm chầm lấy chị. Họ hôn nhau rất lâu trong khi chúng tôi vỗ tay hoan hô. Rồi đến lượt Armando lên tiếng, nói đến việc trồng hoa thu hải đường là thứ hoa anh yêu thích nhất và việc nuôi chim ("Tớ rất mê loài vàng anh nước Bỉ") với nuôi thỏ ("Các bạn ơi, không có gì xinh xắn hơn một chú thỏ Angola, trắng tuyết...") Giọng anh nghẹn lại, hai mắt ươn ướt. Nhưng những thứ ấy không phải chỉ là trò tiêu khiển, anh nói thêm, tớ cũng đã nghĩ đến việc nuôi cá tập trung và thậm chí có thể rất có lãi cho chúng ta, có khi còn bù đắp được cả cho những chi phí của khu chung cư nữa đấy. Cái duy nhất chúng ta thiếu là...

Anh đột ngột ngừng lời, rồi im lặng.

Một hồi im lặng kéo dài, căng thẳng. Không ai nhìn ai. Cuối cùng Julio lên tiếng. "Một công việc hay đấy," anh nói, giọng run run, nặng nhọc. "Tớ đã làm trong lĩnh vực bất động sản nhiều năm và tớ biết rằng đây là một vụ đầu tư chắc ăn. Nhưng các bạn ơi, không phải vì giá trị doanh thương mà chúng ta sẽ xây dựng khu chung cư này. Mà là vì nó đại diện cho cuộc sống của chúng ta, cho một lối sống mới và tốt đẹp hơn. Các bạn có thấy điều đó không?"

Anh nhìn chúng tôi, nuốt nước bọt, rồi nói tiếp: "Tớ biết các cậu nghĩ rằng tớ có nhiều tham vọng, rằng tớ chỉ biết sống vì công việc làm ăn. Nhưng không phải vậy đâu, tớ xin thề đấy. Tớ đã từng xây những toà nhà hạng tồi, bây giờ thì tớ xây những căn hộ hạng sang, nhưng cái mà tớ muốn làm, giấc mơ thường trực của tớ, là xây dựng cả một thành phố, quy hoạch thật tốt, thật chức năng, một thành phố như kiểu Brasilia, nhưng tốt hơn Brasilia, sử dụng kinh nghiệm của những người đã xây dựng nên Brasilia. Một Brasilia

nhân hậu hơn, nếu các cậu hiểu được tớ đang muốn nói gì. Một Brasilia nhỏ hơn, không có nhiều các đại lộ lớn đến thế, nhưng có thật nhiều cây xanh và vườn hoa. Đó là giấc mơ tớ đã ấp ủ từ thời còn trong đại học. Khu chung cư này - tớ cảm thấy rằng mình có thể thực hiện được những lý tưởng ấy trong khu chung cư này. Nó sẽ là một kiệt tác của đời tớ - nó sẽ làm cho thiên hạ biết đến tớ khi tớ không còn trên cõi đời này nữa."

Lần này thì đến lượt Bela đứng dậy, lòng đầy xúc động: Anh yêu, đó là những gì em muốn nghe anh nói, khi anh nói như thế, anh là một con người hoàn toàn. Chị hôn anh. Hoan hô, Tania hét lên, nghe thấy chưa, nghe thấy chưa! Có lẽ họ muốn một mình với nhau, Armando nói. Paulo, dẫn họ vào phòng ngủ đi, đôi này không thể đợi được phút nào nữa đâu, ngay đi hoặc chẳng bao giờ nữa.

"Chú ý, chú ý đây đã nào, các bạn!" Paulo hét to, gõ gõ cây bút chì xuống mặt bàn. "Tớ muốn các cậu xem kỹ phân kế hoạch tài chính và cho tớ biết ý kiến." Mọi người lại mạnh ai nấy nói cùng một lúc, Paulo lại kêu gào trật tự. Cuối cùng, chúng tôi quyết định tất cả sẽ hội âm sớm cho Paulo để anh có thể khởi sự điều đình với chủ đất.

Thế nào, em nghĩ sao? Tôi hỏi Tita khi chúng tôi đã ngồi vào ô tô. Em không nghĩ sao hết, nàng nói. Nhưng chuyện này nghe chẳng phải cũng rất tốt cho bọn trẻ con, và cho cả chúng ta nữa sao? Tôi hỏi. Có lẽ vậy, nàng đáp.

Tôi dừng xe. Tita, có chuyện gì vậy? Nàng nhìn chăm chăm vào tôi. Anh bảo gì, có chuyện gì? Với em ấy, tôi nói, với anh nữa, giữa hai chúng ta đây này. Em không hiểu anh đang nói gì, nàng đáp, em chẳng sao hết. Nếu thế thì anh điên rồi, tôi nói, có lẽ anh điên thật rồi, Tita, bởi vì mọi thứ đều có vẻ không ổn đối với anh, anh nghĩ chúng mình đang ngày một xa nhau. Nói cho anh biết, có phải anh đã làm điều gì đó tổn thương đến em?

Nàng lại chăm chăm nhìn tôi, và tôi đã thầm hi vọng nhìn thấy lời buộc tội trong mắt nàng, nhưng không thấy gì hết; chỉ là một vẻ u uẩn và thờ ơ.

Chúng mình phải tin nhau, Tita, tôi nói. Dù sao thì...

Nàng ngắt lời tôi: em biết, Guedali, em biết chúng mình có rất nhiều thứ giống nhau, móng và chân ngựa, nhưng mọi việc ổn cả mà. Anh muốn em phải nói gì mới được chứ?

Chiếc xe đang đỗ ngay giữa đường, và đằng sau chúng tôi là một chiếc xe tải khách xù đang bóp còi inh ỏi. Tôi vào số một và cho xe chạy.

Hôm sau, tôi gọi điện cho Paulo: cậu có thể kết nạp bọn tớ rồi đấy.

Paulo phụ trách hết việc tìm kiếm thêm chủ đầu tư và việc mua đất cho khu chung cư. Julio, với kinh nghiệm trong lĩnh vực bất động sản, hỗ trợ anh.

Tiền huy động được rất nhanh. Thế mà chúng tôi cũng không thể bắt đầu công trình ngay được: hai ngày trước khi khởi công, Tổng thống Joao

Goulart bị lật đổ. Julio nghĩ tốt nhất là hãy ngưng việc xây dựng cho đến khi chúng tôi thấy rõ phương hướng cai trị của chính thể mới. ("Thế là chúng tôi được bọn cao bồi (42) các cậu một lần rồi nhé!" Anh bảo tôi.) Những sự kiện thời sự làm anh tin chắc vụ đầu tư này sẽ thành công, và thậm chí bọn chúng tôi còn có một vài thuận lợi nữa: Bây giờ tớ lại có bạn bè vừa vào nắm nhiều chức vụ có ảnh hưởng lớn rồi, anh nói kín với chúng tôi. Nhưng anh phàn nàn về Bela: Cô ấy thực sự đang làm tớ đau hết cả người, cô ấy nói sống ở Brazil này không còn ý nghĩa gì nữa mà muốn chúng tớ dọn sang Paris, nhưng khổ hơn nữa là cô ấy đang nhồi ý tưởng ấy vào đầu mây mù vợ của tui mình. Nhưng không sao, rồi tớ sẽ làm cho nó phải nguội đi.

Việc thiết kế những ngôi nhà được giao cho ba kiến trúc sư, cũng là những đối tác và có những thị hiếu rất gần với chúng tôi. Bố trí mặt bằng mỗi ngôi nhà một khác để tránh bị đơn điệu, nhưng tất cả vẫn theo một mô hình cơ bản để tránh gây ra ghen tị và tranh giành. Chúng ta không cần thiết phải

tranh cãi vì một vài mét vuông, Beatrice nói, mọi người hãy tự kiểm soát lòng tham của mình nhé. Đúng là một Beatrice tốt bụng và công bằng, chị làm tôi nhớ đến Deborah. Theo đề nghị của tôi, chị đã có một cuộc nói chuyện dài với Tita, và cuối cùng thuyết phục được nàng đi điều trị tâm lý. Với việc điều trị của Tita, và với việc chúng tôi dọn đến khu chung cư đặc biệt kia, tôi đã có nhiều hy vọng rằng mọi việc sẽ tốt đẹp hơn giữa chúng tôi. Hơn cả hy vọng, tôi tin chắc mọi việc sẽ phải như thế. Bên cạnh đó, những điều lạ lùng lại đang diễn ra, những điều vừa lạ lùng vừa đầy kích lệ. Có lẽ vì chúng tôi liên miên phải mặc quần dài, vải dày, và dùng rất nhiều kem giữ ẩm, lớp da ngựa bên ngoài chân chúng tôi cứ mỏng dần, ngày càng giống như da người. Hiện tượng đó diễn ra không đồng đều; có những mảng mà lông da ngựa đã bong ra, có những mảng không, khiến cho chân chúng tôi trông như bản đồ vậy. Móng ngựa của chúng tôi cũng ngày một dài và hẹp lại, có thể là vì đôi ủng. Cuối cùng chúng tôi phải dùng thạch cao đập khuôn cặp móng và gửi sang Marocco. Ông bác sĩ ở đó tiếp tục cung cấp ủng mới cho chúng tôi, với giá ngày một cao: “Móng của anh chị ngày càng giống bàn chân người” ông viết cho chúng tôi, và sự thật đúng là như vậy.

Hai đứa con trai tôi. Tôi thích nghịch những bàn chân nhỏ xíu của chúng, xoa cho chúng hồng lên. Chúng có vẻ cứng lại, như thể có những tế bào cương cứng vậy. Những bàn chân nhỏ xíu ngọt ngào biết bao. Con trai tôi, chúng sẽ không phải qua những gì tôi đã nếm trải. Giờ đây chúng đã thành hai thằng nhóc, chúng tôi thường chơi trò cưỡi ngựa, tôi thì bỏ còn chúng thì cưỡi lên lưng tôi. Tôi sẽ chạy vòng quanh hoặc thường bỏ như một con mèo đang rình bắt chuột. Chỉ khác là tôi không rình bắt một con chuột nào hết, những con chuột đã ở xa lắm rồi, dưới cái khoang hầm tối om của một chiếc tàu hàng đang vượt đại dương cuộn cuộn sóng, còn tôi thì đang yên chí ở

trong nhà mình với vợ với con. Bầu không khí ẩm áp che chở chúng tôi đã bắt đầu làm tan những khối băng giá lạnh trong lòng tôi mà đã có lúc tôi tưởng như chúng sẽ mãi mãi đông cứng ở đó. Đó, thực là một điều kỳ diệu. Quả thực cũng có những lúc hai thằng nhóc khỏe mạnh có vẻ như quá nặng đối với cả một cựu nhân mã. Nhưng tôi đâu có lo. Tôi biết rằng một người cha, cũng giống như thần Atlas, phải mang sức nặng của cả thế giới trên lưng mình.

Trước khi chúng tôi sắp dọn nhà thì Paolo và Fernanda chia tay nhau. Chị để đứa con gái lại cho anh và bỏ đi Riô với một anh phi công.

Chúng tôi đến thăm anh, Tita và tôi, ở căn ở hộ nơi anh đang ở tạm. Anh có vẻ rất đau khổ, nhưng vẫn dự định tiếp tục cuộc sống bình thường: tớ sẽ vào khu chung cư của chúng ta, tớ muốn nuôi dạy con gái tớ gần gũi với thiên nhiên. Nếu Fernanda trở về thì tốt. Mà nếu không thì cũng chẳng sao.

Hai mắt anh đỏ hoe. Tôi ôm lấy anh. Đừng lo, Paolo, bọn mình sẽ vẫn đi chạy ở câu lạc bộ. Không, anh chinh tôi, tớ đã thu xếp làm một đường chạy xung quanh công viên trong khu chung cư của chúng ta rồi.

Chú thích

(33) Nguyên văn là "Inquisition tribunals" - phiên toà giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung Cổ và Phục Hưng dùng để đàn áp bài xích những người không theo các giáo điều của mình, nhất là người Do Thái. (ND)

(34) Scrabble: Trò chơi sắp chữ trên bảng có kẻ ô vuông, các con chữ in trên từng miếng gỗ. Monopoly: Một trò chơi theo hình thức giống của trò cá ngựa, nhưng dùng các quân chơi và ô chuồng là các yếu tố trong thị trường, ai được là thành độc quyền trong thị trường ấy. (ND)

(35) Tiếng Tây Ban Nha, Dona nghĩa là "bà". Tên mụ đỡ là Hortensia (ND)

(36) Whiskey hoặc whisky: Ta thường gọi là rượu ụyt-ki, một thứ rượu cất

từ ngũ cốc lên men (lúa đại mạch, tiểu mạch, hoặc ngô), thường có độ cồn từ 43 đến 50%. Chữ "whisky" thường được dùng để chỉ các loại whiskey sản xuất ở Scotland và Canada. (ND)

(37) Mustang: Tên một loại ngựa rất khỏe và nhanh ở châu Mỹ, có nguồn gốc Tây Ban Nha; cũng là nhãn hiệu một loại xe hơi thể thao tốc độ cao của Mỹ. (ND)

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

KHU CHUNG CƯ BIỆT THỰ

15 THÁNG 6, 1965 – 15 THÁNG 7, 1972

Dịch thân Paolo đứng ra tổ chức bữa thịt nướng ngoài trời để khánh thành khu chung cư, có gia nhân nội bộ phục vụ. Đó là một nhóm người quê ở vùng đông bắc mà Tania đã phát hiện được. Họ là thành viên của một giáo phái tin rằng có thể chuộc lỗi bằng cách lao động cho đến kiệt sức. Những con người ấy, nhỏ bé, đen đui, trông giống như cậu Peri người Indian, hoặc những người Jivaros trên núi Andea, không ngừng đi vòng quanh, tay cầm đĩa và dao nĩa, vừa làm vừa lẩm nhẩm cầu nguyện.

Trời nắng đẹp, và thức ăn thật tuyệt vời. Tita vui vẻ lắm; hai đứa trẻ thì đang chơi bóng quanh quần ở đó: “Cha ơi, đến chơi với chúng con”. Một đứa gọi, và cả đứa kia nói thêm lúc tôi đang đến gần chúng: “Nhưng cha phải cẩn thận đôi ủng đấy nhé!”

(Chúng chưa bao giờ thấy chúng tôi không mặc quần áo. Chúng hỏi tại sao

chúng tôi lúc nào cũng đi ủng, tại sao Tita lúc nào cũng mặc quần dài chứ không mặc áo váy. Bác sĩ bắt vậy, tôi đáp, không áy náy gì, thực sự đúng là thế)

Julio đến chỗ chúng tôi, một cốc whiskey trong tay. Anh loạng choạng và rõ ràng đã say rồi. Tôi không thích bọn người kiểu Đông Bắc này nhìn các bà vợ của chúng ta, anh nói nhỏ. Nhưng Julio, tôi nói, họ rất ít khi rời mắt khỏi mặt đất mà. Là cậu tưởng thế thôi, anh bảo, cậu là dân Rio Grande, cậu chắc biết gì về bọn Đông Bắc đâu. Tôi đã có kinh nghiệm với chúng rồi. Julio đang lăm bắm cái gì thế? Bela hỏi. Có gì đâu, Julio đáp, không việc gì đến em. Em biết tổng rồi, Bela nói, giọng giận dữ. Anh lại đang chỉ trích những người phục vụ chứ gì, thật tội cho họ. Anh là đồ vô ơn Julio ạ, ngoài chuyện vẫn là một tên bóc lột và một thành phần phản cách mạng. Người ta đến đây, làm việc khó nhọc trong khi anh ngồi đấy mà ăn, mà anh còn chỉ trích người ta. Anh phải biết xấu hổ chứ, Julio!

Chị gọi một người phục vụ và bảo anh ta rằng họ nên tự nhiên ăn uống cùng chúng tôi. Cảm ơn bà, người đó đáp, chúng tôi đã có thức ăn riêng rồi ạ, xin đừng lo cho chúng tôi. Thấy chưa? Julio kêu lên, giọng đắc thắng. Anh đã bảo em rồi, phải biết cách đối xử với bọn họ mới được.

Trong khi Julio và Bela cãi nhau, Tita và tôi đi xem ngôi biệt thự của mình, vẫn còn chưa sắm đủ đồ đạc. Chúng tôi là đôi duy nhất chưa dọn vào, nhưng chúng tôi đã có kế hoạch sẽ vào sớm. Ngôi nhà của chúng tôi rất lịch sự, làm theo phong cách Địa Trung Hải, giống như những ngôi nhà ở Marocco. Tầng trên là các phòng ngủ và sân trời; tầng dưới có phòng khách, phòng ăn, phòng làm việc, phòng xem TV và phòng chơi. Bên dưới còn có một hầm rượu. Mọi thứ đều tốn rất nhiều tiền, nhưng tôi không lo, việc làm ăn đang tốt đẹp chưa từng thấy.

Chúng tôi dọn vào, và lập tức đồng ý với nhau rằng cuộc sống trong khu biệt

thực ấy quả là tốt đẹp. Mọi thứ hoạt động rất đều ra đây: nhà trẻ này, công viên giải trí này, dịch vụ bảo vệ cũng vậy, nhân viên gác cổng có vũ trang, không cho ai vào mà không có giấy phép, và đi tuần toàn bộ khu vực vào ban đêm.

Chúng tôi mua một chiếc xe thùng để chuyên chở qua lại các thứ vào thành phố. Paolo đến giới thiệu người lái xe với tôi, một người, anh nói, hoàn toàn tin cậy được, và có thể thay chân gác cổng mỗi khi có ai xin nghỉ. Anh ta cũng là người Rio Grande đây, Paolo nói, miệng mỉm cười.

Đó là Pedro Bento. Tôi nhận ra hắn ngay tức thì. Và lần này thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa: đó đúng là người lái xe taxi mà tôi đã cố quên đi.

Nhưng hắn không nhận ra tôi, ngay cả tên tôi cũng vậy. Hắn đã từng gặp bao nhiêu người có cái tên Guedali? Nhưng quả tình là hắn không nhớ ra.

Sau khi hắn đi ra, tôi bắt đầu nghĩ. Có thể là Pedro Bento không nhận ra tôi, nhưng hắn có thể nhận ra tôi bất kỳ lúc nào – một mạch điện trong bộ não ấy đóng lại và có thể mở ra cả một vùng ký ức và khiến hắn nhớ lại con nhân mã phi nước đại. Đó là một nguy cơ mà tôi không thể chấp nhận. Nhưng tránh nó cách nào? Sa thải hắn chăng? Lấy cớ gì đây? Với Paolo, hắn là người đáng tin cậy. Tôi có thể bịa ra chuyện gì đây?

Tôi quyết định tấn công trực diện. Tôi gọi ra cửa chính và đề nghị Pedro Bento đến ngay nhà tôi. Vài phút sau, hắn tới.

“Vâng, thưa ông?”

Tôi đưa hắn vào văn phòng và đóng cửa lại. Hắn đứng đó, trước mặt tôi, tay cầm mũ, nghi ngại nhưng phục tùng. Anh không nhớ ra ta ư? Tôi hỏi. Hắn nhìn tôi chăm chú: thú thực là tôi không nhớ, thưa ông, xin ông tha lỗi. Hồi còn ở Quantro Irmaos, trong miệt vườn, tôi nói. Hắn nhìn tôi một lần nữa, hai mắt tròn trừng: “Sao thế này, ông là con trai ông Leon Tartakovsky, người con có móng ngựa” Hắn kiềm chế lại được, ôi chao, xin ông thứ lỗi,

tôi...

Tôi trấn an hắn: “Không sao Pedro Bento, anh đừng lo”. Hắn có vẻ vẫn chưa tin tôi: “Thưa ông tha lỗi, tôi hỏi khí không phải, nhưng chuyện gì đã xảy ra với những cái...?”

“Móng ngựa của tôi chứ gì?”. Tôi nói, mỉm cười. “Tôi không còn chúng nữa, tôi đã giải phẫu”. Tôi ngồi xuống và chỉ một cái ghế cho hắn.

“Không, thưa ông”, hắn nói. “Tôi thế này được rồi ạ”

Hắn tránh tia mắt của tôi mỗi khi tôi nhìn hắn. “Nói cho tôi hay anh đến đây như thế nào?” Tôi nói. Hắn thở dài: “Ôi chao, ông sẽ không thể tin được những gì đã xảy đến với tôi, thưa ông. Sau khi gia đình ông rời Quantro Irmaos, tôi đã làm một con bé có chữa. Ông già tôi nổi điên và đá tôi ra khỏi cửa. Tôi vất vưởng quanh Porto Alegre một thời gian, rồi dính vào một vụ đánh nhau, dùng dao găm đâm một thằng. Nó tí nữa thì chết, còn tôi thì phải ba năm tù giam. Sau khi ra tù, tôi kiếm được một việc làm trong một gánh xiếc, và tình tang với một bà dạy sư tử. Bà ta dụ tôi cùng đi về Sao Paolo, nói bà quê ở đó và quen biết rất nhiều người. Nói bà sẽ tìm cho tôi một việc làm. Thế nhưng bà ta chẳng tìm được cái cóc khô gì cho tôi hết. Cuối cùng chúng tôi chia tay... Thật ra cũng nực cười”. Hắn bật cười. “Ấy là lúc có hội giả trang, Guedali ạ. Bà ta muốn cả hai ăn mặc thành một con vật. Một con nhân mã. Khi bà ta hỏi bộ quần áo ấy sẽ phải như thế nào, tôi bảo, này, tôi biết đấy! Nó giống như Guedali ấy mà. Bà ấy ngạc nhiên lắm, nói đã từng gặp một con nhân mã thật, và hỏi chúng có thường sống ở Rio Grande không? Đại khái thế, và tóm lại thì hai chúng tôi cùng chui vào bộ quần áo giả trang ấy và đi khắp phố. Nhưng chúng tôi lại cãi nhau, tôi nện cho bà ta một trận và bà ta bỏ đi. Sau đó tôi làm qua rất nhiều nơi, nhưng chẳng bao giờ có được một công việc ổn định”

“Thế còn cái taxi?” Tôi hỏi

“Cái taxi ư? Tôi đã đâm nó đến nát bét” hắn đáp

Hắn đứng im. “Như vậy là”, tôi nói: “anh không hoàn toàn đáng tin cậy như ông Paolo vẫn tưởng”. Pedro Bento làm bộ mặt nhăn nhó rất khổ sở: “Ôi chao, nhưng xin ông đừng nói với ông Paolo tất cả những chuyện này”. Cái đó còn tùy, tôi đáp.

Có thể thấy hắn đang rất hoảng hốt khi nhìn chằm chằm vào tôi. Anh có thích công việc ở đây không? Tôi hỏi. Hắn mỉm cười lo lắng. Ôi, thưa có ạ, thưa ông, không thể có việc gì hơn được ạ. Tôi kiếm được khá và lại có chỗ ăn ở rất tốt ạ. Nếu vậy thì, tôi nói, anh cứ liệu mà giữ mồm giữ miệng về chuyện ở Quanto Irmaos ấy, nghe chưa? Thưa ông, xin ông chớ lo, tôi xin cam đoan sẽ im như thóc ạ. (43)

Tôi dẫn hắn ra cửa. Trước khi đi, hắn quay lại: Vì lòng kính yêu thương mến, ông Guedali, xin ông cho tôi được ở lại đây. Anh đừng lo, tôi nói, hãy cứ xử sự cho tốt và sẽ không có chuyện gì xảy ra với anh hết.

Đó là một tuần lễ đầy những sự ngạc nhiên. Hai ngày sau, vào một ngày thứ bảy, bảo vệ ở cổng chính gọi vào nhà tôi. Có một người đàn ông ở đó muốn nói chuyện với tôi. Ông ấy nói rằng ông ấy là anh trai của ông, người bảo vệ nói. Nhưng tôi vẫn nghi ngờ, và không muốn để cho người ấy vào nhà.

Tôi đi ra cổng

Quả thực là Bernardo. Không thể nhận được ra. Anh giống hệt một tay hippy: tóc dài rối bù, sơmi cộc tay, quần jean bạc phếch, dép quai. Lủng lẳng trên một sợi dây xích quanh cổ là một chiếc đồng hồ: cái Patek Phillipe của cha tôi. Anh ăn trộm nó đấy, Bernardo nói khi hồ hởi ôm lấy tôi. Có khỏe không nào, người anh em. Đám gác cửa ngăn người nhìn chúng tôi. Tôi nắm lấy cánh tay Bernardo và dẫn anh vào nhà. Người anh em này, tôi bỏ cuộc rồi, anh nói, ngồi xếp bằng dưới sàn trong phòng làm việc của tôi. Tôi từ bỏ toàn bộ cái vòng luẩn quẩn ấy rồi, không kiếm tiền nữa, không mua xe buýt

nữa, không sống với vợ nữa, toàn những trò chán ngắt! Kể cả con cái, tất tật. Tôi thực lòng lộn mửa Guedali ạ, hoàn toàn lộn mửa. Tôi không thể tin vào mắt và tai mình. Nhưng bây giờ anh làm gì? Tôi hỏi. Làm gì? Chẳng làm gì hết. Có phải ai cũng phải làm cái gì đó hay sao hả Guedali? Tôi sống trên xa lộ Rio – Sao Paolo, tìm những nơi phát chẩn, làm một vài cái vòng cổ và những thứ linh tinh, sống với một mục đàn bà chỗ này chỗ kia, sống, Guedali ạ. Sống. Trước đây tôi đã không biết thế nào là sống. Hồi còn ở Porto Alegre tôi đã không biết sống là gì, nhưng bây giờ thì tôi biết rồi.

Anh lấy một điếu thuốc lá rom từ trong túi áo và châm lửa hút. Đừng có sợ, anh nói, không phải cần sa đâu, chỉ là một điếu thuốc lá rom thôi mà. Tôi luôn thích chúng kể từ hồi còn ở Quantro Irmaos, chỉ hiềm ông già chẳng bao giờ cho tôi hút. Giờ thì tôi có thể hút tha hồ.

Anh nhìn quanh. Cậu vợ được chỗ này khá đấy, Guedali. Nhà tốt, đồ đạc tốt. Anh làm mặt kinh tởm: nhưng làm gì phải một lũ gác cổng thế? Lại còn rào với dậu nữa. Cứ như nhà tù vậy, người anh em ạ.

Anh đứng dậy, tôi cũng đứng lên theo. Anh đặt một bàn tay lên vai tôi: anh đến giải hòa với em, Guedali ạ. Và mời em đi với anh. Anh em mình cùng lên đường với nhau, nghĩ coi? Đó là một đời sống lớn lao, người anh em ạ. Chỉ việc vui đâu châu đấy, chẳng lo nghĩ gì. Muốn đi không nào?

Không đâu, cảm ơn anh. Tôi nói. Em ở đây được rồi, Bernardo ạ, em muốn ở đây thôi. Anh nhún vai: ô kê. Đến cửa, anh quay lại: này, vì em không muốn đi với anh, em có thể bớt ít tiền cho anh được không? Tôi đưa tiền cho anh, anh lại hồ hởi ôm lấy tôi rồi bước xuống lối ra cổng rải sỏi. Từ ngoài cổng, anh lại vẫy chào tôi lần nữa.

Mọi việc chạy êm trong khu biệt thự vì Paolo đích thân dành toàn bộ thời gian điều khiển công việc hành chính, cũng như chăm sóc con gái. Anh không còn thời giờ cho việc gì khác, trừ việc tập chạy cùng với tôi. Cậu phải

tái giá đi thôi, tôi nói, và anh không đáp, chỉ thở hển hển. Chạy cũng càng ngày càng khó hơn với anh. Rồi một hôm, Fernanda trở về, xin anh tha thứ. Em là con ngốc, chị nói. Họ ngã vào tay nhau, khóc nức nở. Đêm hôm sau chúng tôi mở tiệc chúc mừng họ. Fernanda và Paolo mỉm cười quàng tay ôm nhau. Về nhà thật sung sướng làm sao, chị nói.

Paolo dường như sống lại: anh lại thành con người hay nói hay cười như trước. Anh có sáng kiến chiều nào cũng tụ họp tất cả đàn ông trong nhóm để uống rượu tại quầy trong phòng tiếp tân. Ngồi trong những chiếc ghế nệm êm, chúng tôi tán gẫu về công việc và môn bóng đá. Có những lần Julio, Joel, Armando, và thậm chí cả Paolo đều hạ giọng thì thầm: này, các cậu có biết chị đầm kia không, cô nàng phát thanh trên TV ấy? Và rồi sẽ đến một câu chuyện về một chiều trong quán trọ: thế mới là đàn bà chứ, các cậu! Chúng tôi sẽ cùng cười phá lên và ngày càng hăng hái, hết chuyện này đến chuyện khác. Đôi khi chúng tôi uống đến say. Trong một lần như thế, tôi kể câu chuyện bà dạy sư tử trong gánh xiếc. Rồi tôi tiếp tục mô tả cuộc đời nhân mã, chuyện gặp gỡ Tita, thậm chí cả cuộc giải phẫu của chúng tôi. Khi tôi kể xong, mọi người im lặng, chỉ thấy tiếng lanh canh của nước đá trong những cốc rượu.

“Tớ cũng có dị tật bẩm sinh”. Julio đột ngột lên tiếng. “Tớ có một cái đuôi nhỏ chừng hai mươi phân tây, chỉ thế thôi, nhưng lông lá như một cái đuôi khỉ. Cha mẹ tớ khiếp đảm. Nhưng khi ông thầy Mobel cắt bì cho tớ, ông ta cắt luôn cái đuôi đi.”

“Còn tớ thì sao?” Joel nói. “Tớ sinh ra người phủ đầy vảy, giống như cá vảy”

(Tôi nhìn anh, quả thực anh có một bộ mặt rất giống cá. Trước đây tôi chưa từng để ý thấy điều đó, nhưng đúng là anh rất giống một con cá tuyết (44).)

“May sao”. Anh nói tiếp. “Những cái vảy ấy rồi tự nó bong hết đi.”

“Không phải chữa trị thuốc men gì à?” Julio hỏi

“Không phải chữa trị thuốc men gì.” Joel đáp

“Không phải bôi kem, không gì hết à?”

“Không gì hết, tự chúng bong hết sạch”

Tất cả bọn họ quay sang nhìn tôi chăm chăm. Rồi thỉnh thoảng mọi người cười phá lên. Họ cười đến mức nghẹn ngào và ngẹt thở. Một người bỗng lấy tay chỉ vào tôi, và thế là họ lại cười rú lên. Tôi điềm tĩnh nhìn họ. Rồi tôi cúi xuống, kéo hai ống quần lên khỏi đôi ủng, nhấc một chân lên bàn.

“Nhìn đây”. Họ ngưng cười, dụi mắt. “Cái gì thế?” Julio hỏi.

“Các cậu không nhìn thấy gì u”? Tôi gào lên.

“Có gì lạ đâu kia chứ!” Joel nói.

“Cái này thì sao nào?”

Tôi chỉ tay. Trên chân tôi, chỗ gần đầu gối, có một lớp da dày, sẫm màu, có lông cứng mọc tua tủa, to khoảng ba phân tây đường kính. Đó là tất cả những gì còn sót lại của bộ da ngựa trên người tôi.

“Ôi dào, thôi đi, Guedali”. Paolo nói “Đó chỉ là một cái bớt. Tớ cũng có một cái. Fernanda lúc nào cũng trêu tớ vì cái bớt ấy. Cô ấy bảo....”

“Fernanda là chúa trêu người!” Tôi hét to “Cứ hỏi cô ta về cái giống của tớ đây này, Paolo ơi. Hỏi cô ta xem thì biết của tớ như thế nào, có phải đúng là da ngựa không! Hỏi đi, Paolo!”

Anh điên cuồng lao vào tôi “Đồ khốn nạn bản thủ! Đồ chó đẻ!”. Chúng tôi vật lộn, anh đẩy tôi ngã xuống sàn và tôi lăn trên đó. Tôi đã say đến mức không đủ sức đứng dậy nữa. Joel và Armando dựng tôi đứng lên trong khi Julio giữ chặt lấy Paolo đang hết sức tru lên: “tao sẽ giết thằng khốn nạn! Tao sẽ giết nó!”

Họ đưa tôi về nhà. Tita hoảng hốt hỏi có chuyện gì.

“Không có gì hết” Joel nói “Chả là đức lang quân đây quá chén và bắt đầu

ăn nói lung tung.”

Họ đặt tôi lên giường mà không cởi quần áo cho tôi. Tôi ngủ thiếp đi ngay lập tức. Quãng hai giờ sáng thì tôi thức giấc, đầu nhức như búa bổ, lòng đầy hối hận. Tôi gọi sang nhà Paolo. Anh ấy ra ngoài rồi, Fernanda nói, giọng chua như axít. (Chị đã biết chuyện vừa xảy ra rồi ư?). Anh ấy không ngủ được và đi dạo rồi.

Tôi ra khỏi giường, hoa mắt chóng mặt, rồi đi ra ngoài. Tôi biết phải tìm anh ở đâu. Tôi ra ngoài đường chạy và đứng là anh ở đó, đang ngồi gần cái đài phun nước có đèn sáng. Anh mặc áo lót, quần sooc, giày tennis, chắc vừa mới chạy xong, vẫn còn thở hổn hển. Tôi đặt tay lên vai anh: “Tha thứ cho tớ, Paolo”. Tôi thì thầm: “Tớ mất trí, xin thề là vậy. Tha thứ cho tớ.”

Anh nhìn tôi với cặp mắt vô cảm. Chúng tôi nhìn nhau, tôi đứng bên cạnh anh như một bị cáo có tội.

“Cũng chẳng sao đâu”. Cuối cùng anh nói: “Hoàn toàn không sao hết, Guedali. Sự thực là cậu không phải thằng duy nhất, Fernanda ngủ với cả Julio nữa. Nhưng biết làm thế nào? Tớ vẫn yêu cô ta. Và con bé cần có mẹ nó, Guedali ạ. Fernanda là người duy nhất có thể cai quản nó, cho nó ăn. Khi không có nàng, tớ cứ phát rồ lên, cậu có nhớ không?”

Anh thở dài, đứng dậy “Mọi việc ổn cả Guedali. Nào, chúng mình chạy một lúc đi.”

Tôi chạy theo anh. Thật là một sự hy sinh. Đột nhiên, cặp móng ngựa của tôi đau đớn vô cùng. Tôi không thể chạy hết được sáu vòng.

Tôi chỉ đủ sức lê về được đến nhà. Tôi phải nằm xuống ngay. Cảm giác đau đớn cứ tăng lên liên tục. Có cảm giác như cặp móng ngựa của tôi đang sắp nứt toác ra bất kỳ lúc nào, như hai mảnh vỏ đậu vậy.

(Tôi không sợ chúng toác ra. Tôi sợ cái khác. Tôi sợ rằng chúng có thể chứa đựng, không phải hai bào thai chân người với những ngón chân nhỏ xíu,

mà lại là móng ngựa nữa, rồi lại nữa, lại nữa, lại nữa như con búp bê Nga mà cha tôi thường nhắc đến ngày xưa. Cuối cùng thì tôi sẽ không thể bước đi được nữa, và niềm an ủi duy nhất của tôi sẽ là dùng kiến hiển vi để soi nhìn những cái móng ngựa nhỏ như vi trùng trong khi nhớ lại những ngày mình còn đi lại được nhờ vào những đôi ủng kia).

Cặp móng của tôi nứt toác ra thật, vài ngày sau buổi chạy đêm đau đớn ấy. Chúng không chứa móng ngựa bên trong, mà là chân người. Hai bàn chân nhỏ bé và mảnh mai giống như chân hài nhi. Những ngày đầu chúng nhạy cảm đến mức tôi không thể đi được bước nào. Tôi nằm bẹp trên giường. Tita xoa, xát hai lòng bàn chân tôi bằng cát để làm cho da cứng cáp lên. Mà cặp móng của nàng cũng sắp nứt toác ra rồi. “Sớm muộn gì rồi em cũng có chân như anh cho mà xem”, tôi nói, rên rỉ vì đau khi cố bước trên tấm thảm êm. Cuối cùng thì tôi cũng quen, và bắt đầu xỏ dép đi trong nhà để ra phố mua giày. Những đôi giày rất tốt do một chuyên gia làm theo đơn đặt hàng. Ông này nhìn tôi đầy tò mò nhưng không dò hỏi một câu nào. Tôi xúc động xỏ giày, song không giống như cái xúc động mà tôi đã có khi đi được những bước đầu tiên trong bệnh viện. Thậm chí tôi cảm thấy mình dừng dừng khi tự tay đốt những đôi ủng trong lò sưởi ngay đêm hôm đó. Giây phút ấy đánh dấu sự chấm dứt tình trạng phụ thuộc của tôi vào ông bác sĩ Morocco, người mà tôi vẫn rất hàm ơn. Tôi bảo Tita mình phải sang thăm ông ta một chuyến. Hai thằng nhỏ thật vui mừng khi thấy cha chúng đi giày. Bọn trẻ trong khu không còn trêu chọc chúng vì người cha lập dị nữa. “Giờ thì cả mẹ cũng sắp phải đi giày rồi, mẹ ơi”. Chúng nói, giọng nũng nịu như bắt đền. Tita im lặng gật đầu.

Trong năm 1972, chúng tôi có một chuyến đi sang Israel và châu Âu cùng ba cặp kia. Tại Jerasalem, tôi cầu nguyện trước bức Tường Than Khóc, vai quàng tấm khăn lễ mà thầy Mohel đã cho từ ngày trước (nhưng bây giờ nó

không rủ xuống hai hông sau của tôi nữa.) Chúng tôi leo lên quả núi nơi có pháo đài Masada để tận mắt thấy cứ điểm cuối của cuộc kháng chiến chống lại quân La Mã của dân Do Thái. Chúng tôi bơi dưới Biển Chết và biển Hồng Hải, chỉ trừ Tita không bơi vì nàng vẫn phải đi ủng. (Tại sao mãi mà móng nàng không rụng đi? Tình trạng kéo dài ấy khiến tôi lo lắng, nhưng tôi đã học được tính nhẫn nại. Tôi tin chắc sẽ có ngày hai bàn chân người của nàng sẽ xuất hiện.) Chúng tôi đến cao nguyên Golan và vùng biên giới với Lebanon, chụp ảnh trước những khu hầm trú ẩn và những hàng rào thép gai. Tại một nông trang tập thể, chúng tôi thi đấu bóng đá với một nhóm người Argentina. Đội của họ mặc áo trắng, chúng tôi áo xanh da trời. Bốn người chúng tôi chơi lại với họ. Đó thật là một trận anh hùng mà tôi dám tham gia với đôi bàn chân người của mình. Chúng đã không làm tôi thất vọng: những cú đá của tôi đã để lại dấu vết trên ống đồng của các đối thủ, và tôi ghi được hai bàn thắng cho đội mình.

Rồi cả bọn kéo nhau đi Rome, Paris, London. Từ Madrid, Tita và tôi tạm thời chia tay các bạn để có một chuyến đi riêng. Julio nhìn tôi nghi ngờ, vì anh nghĩ tôi lợi dụng cả chuyến đi chơi chung với nhau này để tranh thủ làm ăn mánh. Anh nghĩ cũng đúng, nhưng không đúng hẳn. Quả thực tôi cũng muốn ký lại mấy cái hợp đồng xuất nhập khẩu, nhưng ý định chính của tôi là đi thăm ông bác sỹ Morocco. Chúng tôi đi về miền nam Tây Ban Nha, theo con đường ngược với con đường của những đội quân người Moore ngày xưa đã đi để xâm chiếm bán đảo Iberia. Chúng tôi vượt Địa Trung Hải bằng tàu thủy, và một buổi chiều đã đến trước cửa bệnh viện bằng xe taxi.

Tất cả trong thật điêu tàn. Những bức tường không được sơn vôi, cánh cổng gỉ sét, không có ai mở cổng. Như một chốn bỏ hoang. Đài phun cạn nước.

Rồi thỉnh thoảng chúng tôi nhìn thấy ông bác sỹ.

Ông đã già hơn nhiều, đi đứng loạng choạng, tóc bạc lưa thưa. Ông không

còn đeo kính đen nữa. Khi nhận ra chúng tôi, ông hồ hởi ôm chầm lấy chúng tôi rồi mời vào nhà. Chúng tôi ngồi trong phòng khám của ông, bấy giờ thật bẩn thỉu và bừa bãi. Ông mời chúng tôi một thứ nước trà đã nguội rót từ một cái phích ra và hỏi thăm chúng tôi. Tôi nói chúng tôi đều rất khỏe mạnh, và kể cho ông về cuộc đời trong khu chung cư biệt thự, về hai đứa con song sinh, và cuối cùng cởi giày chỉ cho ông xem đôi bàn chân người của mình. Ông xem xét đôi bàn chân tôi một cách cực kỳ thích thú. Thật là một phép lạ, ông lẩm nhẩm, một phép lạ thực sự. Còn bà thì sao, thưa bà? Ông hỏi, quay sang Tita. Cô ấy vẫn còn móng ngựa, tôi nói, nhưng căn cứ và những gì đã xảy ra với tôi, tôi nghĩ chỉ là vấn đề thời gian mà thôi.

Tôi rất mừng thấy ông bà thành đạt, ông bác sĩ thờ dài. Ông bà là những ca thủ vị nhất của tôi, là đỉnh điểm trong sự nghiệp của tôi. Trước đó và sau này, tôi không bao giờ có được những thành công xuất sắc như thế. Tôi còn viết cả một chuyên khảo về ca mổ ấy.

Ông đứng lên đi lấy bản thảo cho chúng tôi xem. Tập chuyên khảo ấy có nhan đề "Nhân mã: Mô tả và Giải phẫu Điều trị cho Hai Trường hợp." Tôi không xuất bản nó, ông nói. Sẽ không ai tin hết. Bọn bác sĩ chúng tôi đều rất đa nghi. Nhưng quả thật ông bà là niềm vinh quang nghề nghiệp của tôi, ông nhắc lại.

Chúng tôi im lặng. Đột nhiên, ông bác sĩ nhớ ra điều gì đó và mỉm cười: Ông bà có biết không, tôi cũng đã khám cho một chàng trai trẻ có vấn đề tương tự như của ông bà. Và ngẫu nhiên, anh ta cũng từ Brazil sang đây. Nhưng anh ta không chịu mổ. Anh ta đã trốn khỏi bệnh viện.

Ông bác sĩ lại thờ dài. Sau khi ông bà đi rồi, chẳng có gì suôn sẻ cả. Mọi việc cứ xấu mãi đi.

Một loạt những ca mổ không thành công và hậu quả tử vong của nhiều bệnh nhân, trong đó có một nhân vật quan trọng trong chính phủ, đã dẫn đến việc

cảnh sát đến đóng cửa bệnh viện theo lệnh của toà án. Sau nhiều năm chỉ biết ăn dần những gì mình có, ông lại được phép hành nghề trở lại, nhưng tình hình không còn như trước nữa. Các bệnh nhân có tiếng tăm không còn tìm đến ông, những tạp chí quốc tế không còn muốn phỏng vấn ông. Tôi buộc lòng phải làm nhiều thứ khác nhau, ông nói. Bây giờ, tôi phải làm cả nạo phá thai... và cho những lão thù lãnh phá sản người Ả rập thuê nhà.

Không còn như xưa nữa, thưa ông Guedali, tôi nói thật đấy.

Rồi mặt ông sáng lên: Tôi vừa mới nhớ ra là mình có một món quà cho ông! Ông đứng dậy và chạy ù khỏi phòng rồi quay lại ngay với một thứ rất lạ: một cái trống bằng đất sét, trang trí rất có nghệ thuật. Da mặt trống thùng lõ chỗ.

"Cái trống này," ông giải thích, "được căng bằng da của ông đấy. Bọn thổ dân trả lại tôi. Họ bảo da không được tốt và cứ bị rách. Họ cũng trả lại cả cái roi đuổi ruồi, nhưng không biết tôi đã để nó ở chỗ nào. Ông có muốn giữ cái này làm kỉ vật không? Chỉ một món tiền nhỏ là nó sẽ thuộc về ông đấy."

Tôi đưa cho ông ta ít tiền, nhưng bảo ông hãy đốt cái trống đó đi. Tôi không muốn có bất kì cái gì có thể nhắc nhở đến quá khứ, tôi nói. Tôi hiểu, ông ta bảo.

Tôi nhắc ông rằng Tita vẫn cần ủng. Ông nói chuyện đó không phải lo.

Người thợ làm ủng đã rất già, sắp chết đến nơi rồi, nhưng ông biết một người thợ khác hoàn toàn có thể đáp ứng nhu cầu của chúng tôi. Ông bà có thể yên trí quay về Brazil, ông nói khi chấm dứt câu chuyện.

Chúng tôi về Amsterdam, rồi từ đó trở về Brazil cùng với các bạn. Hai thằng nhóc song sinh đón chúng tôi tận sân bay, mỗi đứa mặc một cái áo dẹt kim hờ cổ của đội bóng đá yêu thích nhất của mình: một thằng là đội Quốc tế, thằng kia là đội Corinthians.

Tình hình trong khu chung cư vẫn tốt đẹp cả. Mọi thứ đều bình yên, và

không có gì phá vỡ sự bình yên ấy, cho đến buổi tối ngày 15 tháng 7 năm 1972.

Một đêm, khoảng một tuần lễ trước ngày đó, tôi gặp Paulo tại sảnh tiếp tân để trao đổi về một việc hệ trọng. Hai chúng tôi đang tính lập một công ty mới. Paulo không thoả mãn với công việc làm ăn của mình, và tôi cũng vậy. Triển vọng trong lĩnh vực mà chúng tôi đang làm không được tốt lắm. Tôi có những thông tin đáng tin cậy về việc chính phủ sắp có những hạn chế mới trong nhập khẩu, là nguồn lãi chính của tôi. Paulo đang tính mở một hãng tư vấn nhỏ. Chúng tôi cũng có một đề nghị của Julio muốn chúng tôi sang làm với anh ta trong lĩnh vực phát triển bất động sản. Nhưng tớ không muốn làm công ăn lương tí nào, Paulo nói, ngay cả cho Julio cũng vậy thôi. Bàn đi tính lại những vấn đề ấy, chúng tôi ở lại chỗ tiếp tân cho đến tận khuya.

Khi tôi về nhà, Tita đã đi nằm và đang đọc sách trên giường. Tôi cởi quần áo, nằm xuống giường và thiếp đi ngay lập tức. Chẳng mấy chốc tôi bị Tita lay dậy. Có chuyện gì thế, tôi lúng búng, buồn ngủ trĩu cả người. Em nghe có tiếng động ở dưới nhà, nàng thì thào. Tôi nhìn đồng hồ: 2h15 sáng. Em tưởng tượng đấy thôi, tôi nói, rồi xoay mình sang bên kia. Nàng lại lay tôi: nhưng rõ ràng em nghe thấy có cái gì đó, Guedali, rõ ràng có ai đó đang ở dưới nhà.

Chuyện vô lý. Ai ở dưới đó mới được chứ? Đám gia nhân ngủ trong dãy nhà ngang của họ từ lâu rồi, hai đứa bé đang ở với ông bà tặn Porto Alegre trong cả tháng 7, và trộm thì không thể đột nhập qua hệ thống an ninh của khu biệt thự được. Tôi giải thích tất cả những cái đó cho Tita.

Nhưng nàng vẫn khẳng khái: có người dưới nhà, Guedali, em chắc chắn là có ai đó đang ở dưới nhà. Anh không biết! Anh mệt lắm rồi, anh làm việc suốt ngày rồi và anh muốn ngủ. Thế thì anh lấy phon gọi cho gác cổng đi, nàng nói. Em điên à? Tôi hỏi, rất khó chịu. Em tưởng anh sẽ làm phiền gác

cổng rồi làm âm ỉ cả lên chỉ vì những cảm giác hoang tưởng của em hay sao? Nếu thế thì em sẽ xuống nhà xem sao vậy, nàng giận dữ nói. Thì em đi đi, tôi đáp. Tôi xoay người ngủ tiếp. Một lúc sau tôi giật mình tỉnh dậy. Tita không ở trên giường. Tôi hốt hoảng gọi nàng.

Em đang ở dưới nhà, có tiếng nàng đáp. Nhưng em đang làm gì dưới ấy? Tôi hỏi. Em đang hút nốt điếu thuốc, nàng nói, em sẽ lên ngay, em không thích hút thuốc trên giường.

Suốt tuần lễ ấy tôi gặp Paulo hoài. Cả hai chúng tôi đều không biết quyết bề nào; tôi có cảm tưởng như chúng tôi đang chạy một vòng tròn mà cứ mỗi ngày một rộng thêm ra. Cuối cùng, đêm ngày 15 tháng 7, 1972, tôi quyết định phải chấm dứt chủ đề ấy một lần cho xong. Hoặc chúng tôi phải mở một công ty mới, hoặc về làm cho Julio, hoặc chẳng làm gì cả, tôi muốn có quyết định cuối cùng.

"Anh sẽ ra sảnh tiếp tân nói chuyện với Paulo," tôi bảo Tita. "Đừng đợi, anh sẽ về muộn đấy."

Nhưng khi tôi đến chỗ tiếp tân thì không thấy Paulo đâu. Người gác nói chưa hề thấy Paulo ngày hôm ấy. Cử chỉ ấy của Paulo có vẻ cực kì khiếm nhã đối với tôi; bực mình, tôi về ngay nhà.

Tôi mở cửa và bước vào nhà. "Anh đã về," tôi gọi. "Paulo không đến..."

Tôi sững lại, không thể tin được. Tôi đang thấy gì trước mặt tôi đây? Không phải là màn ảnh xi-nê, không phải một minh họa trong sách, cũng không phải là tưởng tượng của tôi, nó ở ngay kia, trước mắt tôi, đứng ngay trên tấm thảm phòng khách của tôi và đang nhìn tôi.

Một con NHÂN MÃ.

Một con nhân mã thật (Một con nhân mã thật, đúng vậy, thực sự là thật, mặc dù trong đầu tôi vẫn loé lên một ý nghĩ có thể đó chỉ là một con búp bê nhồi, một mô hình nhân mã, một bức tượng mà Tita đã mua về để trang trí phòng

khách, cho dù nếu vậy thì nàng thật là ma quái.) Với một tấm áo choàng trắng, rất đẹp trai. Và rất trẻ: bộ ngực và đôi cánh tay cuộn cuộn cơ bắp, nhưng bộ mặt lại là của một thiếu niên mới lớn; tóc dài, mắt xanh, một chàng trẻ tuổi đẹp mã. Chưa thể quá tuổi hai mươi.

Bên cạnh nó là Tita. Sự thực là họ đang ôm nhau.

Họ đang ôm nhau trong tay, Tita và con nhân mã. Họ nhảy vọt ra khỏi nhau khi tôi bước vào, nhưng họ đã ôm chặt lấy nhau. Trong vòng mấy giây đồng hồ, chúng tôi nhìn nhau chằm chằm không nói một lời. Thằng bé im lặng đứng đó, hai mắt cúi gầm, mặt đỏ hồng. Tita thì cố giấu nỗi hoảng sợ lo lắng của mình bằng cách châm thuốc hút.

"Em thấy không cần phải giấu giếm gì hết," Tita nói. Có một vẻ thách thức trong giọng nói của nàng khiến tôi giận dữ, như thể nàng tin chắc là nàng hoàn toàn đúng. Hấn là ai? Tôi hỏi, hầu như không giữ nổi bình tĩnh. Một con nhân mã, nàng nói. Cái đó thì rõ rồi, tôi nói với một giọng hơi khang khác, tôi không phải là đồ ngốc. Tôi muốn biết chàng công tử nhân mã này là ai và anh ta đang làm gì trong nhà tôi, ôm riết lấy vợ tôi như thế. Chẳng là, Tita mở miệng, đã mất giọng tự tin, anh ta xuất hiện.

Tôi ngắt lời nàng.

"Tôi không hỏi cô. Cô đừng có nói một lời nào hết. Anh ta phải là người giải thích chuyện này. Con nhân mã kia. Nó sẽ phải nói cho tôi biết mọi chuyện, không được quanh co, không được giấu giếm."

Câu chuyện của con nhân mã:

Hấn cũng ra đời ở nông thôn như Tita và tôi, nhưng trong một ngôi nhà đẹp, gần một bãi biển riêng trong tiểu bang Santa Catarina. Cha mẹ hấn, một cặp vợ chồng trẻ (hấn là con đầu lòng), là người khá giả. Họ đều xuất thân từ Curitiba, chồng là con trai của một nhà sản xuất đồ gỗ giàu có và vợ là một

người được thừa kế một gia tài kếch xù. Cuộc sinh nở thiếu tháng ấy được một bác sĩ quen tình cờ đang nghỉ hè ở bãi biển ấy giúp được vuông tròn, và mặc dù người bác sĩ ấy đã rất hài lòng khi thấy đứa trẻ chính mình đỡ ra đời. Khi cơn hoảng sợ ban đầu đã dịu lại, ông ta gọi người cha ra một bên. Đó là một quái vật, ông ta nói, nó sẽ không thể sống được, nếu anh muốn tôi sẽ giúp cho nó chết trong êm ái ngay lập tức. Không, người cha vừa nói vừa khóc, nó là con trai tôi, tôi không đủ can đảm làm chuyện ấy, nhưng nếu vợ tôi muốn thế thì... Ông bác sĩ hỏi người mẹ trẻ, nhưng bà không trả lời, chỉ nhìn lên trần nhà. (Đúng hệt như mẹ tôi, bà đã bị choáng đến độ câm lặng hoàn toàn.)

Ba hôm sau họ trở về nhà. Trong xe ô tô, họ giấu đứa bé nhân mã dưới nhiều lần chăn phủ, và từ đó trở đi che giấu nó rất kĩ. Toàn bộ tầng trên của ngôi nhà là dành riêng cho nó; cha mẹ chỉ ở dưới nhà. Gia nhân không ai được lên gác trong bất kì trường hợp nào, và chuyện này đã khiến cho hàng xóm lân bang đặt nhiều điều dị nghị. Người ta đồn cả đồng chuyện ma quỷ và phù phép. Bọn ngốc ấy sẽ ngạc nhiên biết bao nếu chúng thấy những gì có trong tầng gác bị cấm ấy. Con nhân mã không phải là thứ kinh ngạc nhất! Chúng sẽ phải kinh hoàng trước cả một thế giới lạ lùng. Hàng ngàn đồ chơi và trò tiêu khiển tràn ngập phòng nuôi trẻ, rồi sách báo đầy màu sắc, các loại máy nghe nhạc, máy chiếu hình, máy thu hình, tất cả những gì mà một đứa trẻ có thể mơ ước. Và giữa những thứ đó mới là một con nhân mã.

Hắn lớn lên buồn rầu, nhưng không nổi loạn; u uẩn, nhưng lễ phép. Hắn bộc lộ lòng biết ơn đối với những gì cha mẹ hắn đã làm để hắn có được một cuộc đời hạnh phúc. Hắn có những cơn khủng hoảng của mình. Hắn thường khóc lóc và đá vào tường, nhưng chỉ những khi hắn có một mình mà thôi. Trước mặt cha mẹ, hắn kiềm chế được bản thân. Họ thật tốt, cha mẹ hắn, lòng thương yêu của họ khiến hắn quên mình là một con nhân mã, quên cả tình

trạng cô đơn khủng khiếp của mình. Ta cần gì phải có bạn bè, hấn tự nhủ (và sau này, Ta cần gì phải có bạn gái,) một khi ta đã có một người cha và một người mẹ tuyệt vời đến thế. Tối nào họ cũng lên với hấn, kể cho hấn nghe những sự kiện trong ngày, vuốt ve hấn. Con có móng ngựa và đuôi ngựa cũng chẳng sao, hấn nói với cha mẹ; cứ nghĩ đến những người gù có bướu, những người sinh ra không chân không tay, như các nạn nhân của chất thalidomide đấy. Nhưng chẳng lẽ con không muốn ra ngoài, không muốn thấy thế giới sao? Cha hấn hỏi, giọng đau đớn. Cha với mẹ là thế giới của con rồi, hấn đáp rồi ôm choàng lấy họ.

Thế rồi tình cờ mẹ hấn dự một buổi tiệc trà từ thiện và gặp một mệnh phụ phu nhân rất đáng mến có chồng là luật sư, chính là Deborah. Họ trở thành bạn thân, và một đêm nọ người đàn bà khôn khéo cởi mở lòng mình, kể chuyện về đứa con trai. Deborah kinh ngạc nói có biết một trường hợp như thế. Nhưng có giải pháp đấy! Chị kêu lên. Hãy viết thư cho bệnh viện ấy ở Morocco, họ tiến hành những phép lạ ở đó!

Cha mẹ hấn hỏi ý kiến người bạn bác sĩ đã đỡ cho hấn ra đời và là người duy nhất biết sự tồn tại của con nhân mã. Tôi nghĩ rất đáng thử xem sao, ông ta khuyên họ như vậy.

Tuy nhiên, con nhân mã không chịu đi Morocco, mặc mọi lý do thuyết phục của cha mẹ hấn. Hấn nói sẽ không ra khỏi nhà, chấm hết. Nhưng con không muốn được giải phẫu ư, không muốn được chữa trị ư? Không. Hấn không nghĩ là mình mắc bệnh gì; hấn không cần một cuộc giải phẫu nào hết, hấn chỉ đơn giản là không giống mọi người mà thôi. Và chừng nào cha mẹ hấn còn yêu thương hấn thì mọi thứ đều ổn cả. Người bạn bác sĩ phải xen vào, rất tức giận: Ôi chao, không thể thế được! Ra đời với một thân hình ngựa là chuyện khủng khiếp, một thảm kịch của số phận. Thế mà bây giờ lại không chịu mổ, sao lại có thể thế được? Cháu phải đi Morocco, thích hay không

cũng mặc cháu.

Mẹ hắn bắt đầu khóc lóc, cha hắn ngã vật xuống một chiếc ghế bành. Cuối cùng, hắn quyết định: hắn sẽ đi Morocco, nhưng sẽ đi một mình. Tại sao lại đi một mình? Ông bác sĩ kêu lên. Bác có thể đi với cháu. Cháu sẽ đi một mình, hắn gào lên, hoặc là chẳng đi đâu cả!

Rồi thì họ cũng phải đồng ý. Họ đưa hắn lên một chiếc tàu thủy, trong một khoang có những thiết bị đặc biệt và một cái tủ lạnh, một cái thùng vệ sinh dùng hoá chất, v.v... Con tàu cập bến, và chiếc xe thùng màu đen đã chờ ở đó. Ở bệnh viện, ông bác sĩ Morocco khám cho hắn. Không nghi ngờ gì nữa, hắn giống hệt như hai bệnh nhân kia! Ông bác sĩ mừng rơn: ông ta sẽ có nhiều ca phẫu thuật nhân mã nhất thế giới! (Và còn tiền nữa chứ; ông ta cần tiền lắm.) Chúng ta hãy cho giải phẫu ngay lập tức, ông ta nói.

Nhưng con nhân mã trẻ tuổi vẫn còn lưỡng lự. Hắn sợ. Hắn xin được suy nghĩ thêm vài ngày.

Nhưng chẳng ích gì; càng nghĩ hắn càng thấy bất lực hơn, hoảng sợ hơn. Hắn khóc suốt ngày, nhớ cha nhớ mẹ. Nhưng hắn cũng ngượng không muốn trở về vẫn còn là một con nhân mã, với thân và đuôi ngựa, không chịu giải phẫu; hắn cảm thấy, như những người Spartan ngày xưa, rằng hắn phải từ cuộc chiến trở về tay cầm khiên hoặc được khiêng nằm trên chính tấm khiên của mình.

Rồi hắn bắt đầu nghĩ đến cặp nhân mã đã được giải phẫu. Giá như hắn được hỏi chuyện họ! Hắn cảm thấy chắc chắn là, cũng như cha mẹ hắn, họ sẽ hiểu và giúp đỡ được hắn. Hy vọng của hắn là họ sẽ thuyết phục hắn giải phẫu.

Hắn lập một kế hoạch tuyệt vọng: hắn sẽ đi Brazil, tìm cặp cựu nhân mã kia, và hỏi ý kiến họ, tìm kiếm sự hỗ trợ về tinh thần ở họ. Khi đã có đủ can đảm, hắn sẽ quay lại Morocco và chịu giải phẫu.

Giữa đêm khuya tịch mịch, hắn đột nhập vào văn phòng của ông bác sĩ. Hắn

tìm thấy tập hồ sơ nhân mã trong tủ tài liệu. Có một cái địa chỉ trong đó, địa chỉ để gửi ửng, và hắn liền ghi lại. Hôm sau, hắn bảo ông bác sĩ rằng hiện tại hắn không có ý định giải phẫu; có thể hắn sẽ nghĩ đến chuyện đó trong tương lai. Còn lúc này hắn phải quay về Brazil.

Lại đi trên con tàu hàng đã đưa hắn sang, hắn quay lại cảng Santos. Trước khi tàu cập bến, hắn nhảy xuống biển. Không biết bơi, hắn đã điên cuồng đạp chân và lóp ngóp vào đến bờ.

Hắn phi nước đại trong đêm và ần nấu lúc ban ngày. Một sáng nọ, trước lúc bình minh, hắn liền lĩnh đột nhập vào một ngôi nhà trông có vẻ bỏ hoang ở ngoại ô thành phố Sao Paulo. Thật sai lầm, vì ngôi nhà đó không bỏ hoang. Sau mấy tiếng ngủ mê mết, hắn tỉnh giấc và thấy một người đàn ông đang nhìn hắn chăm chăm. Một người đàn ông trung niên có mái tóc bù xù, mặc áo ngắn tay và quanh cổ có một cái dây xích đeo lưng lửng một cái đồng hồ to tướng. Con nhân mã cố bỏ chạy, nhưng người ấy trấn tĩnh hắn, hỏi hắn từ đâu tới. Tình cờ làm sao, người đàn ông này lại biết một con nhân mã khác, chính là em ruột ông ta, tên là Guedali. Guedali ư! Hắn kêu lên. Đó chính là người tôi đang đi tìm! Người đàn ông kia chỉ đường cho hắn đến khu chung cư biệt thự, chỉ cách đó chừng vài cây số. Đêm ấy, hắn tìm đến nơi. Hàng rào điện chẳng thành vấn đề gì, hắn nhảy một cú là qua, trong đêm tối không ai nhìn thấy.

Hắn tìm được nhà chúng tôi. Cửa sau (Tita lại bắt cần) không đóng. Hắn lên vào và đứng đó trong đêm tối, không biết phải làm gì, lưỡng lự không biết nên đợi hay nên lên tiếng gọi, cho đến tận rạng ngày. Có tiếng nói của đám gia nhân trong nhà. Sợ hãi, hắn ần mình dưới hầm rượu. Ở dưới đó, hắn làm dịu được cơn đói đau thắt ruột gan (hắn đã không ăn gì trong nhiều ngày) với vài món đồ hộp, rồi hắn mở mấy chai vang. Chẳng mấy chốc hắn lăn ra ngủ, ngà ngà say.

Khi đêm xuống, hắn mở cửa hầm rượu và đi lên nhà trên. Hắn vào đến phòng khách thì không biết nên làm gì nữa. Rồi hắn nghe tiếng chân bước trên cầu thang, sợ hãi, muốn trốn chạy, nhưng không kịp nữa rồi - mà cũng chẳng có lý do gì để phải chạy trốn vì người đang đến là Tita, một cựu nhân mã, bây giờ lại là một người đàn bà đẹp, đáng yêu hết như trong ảnh mà hắn đã thấy trong hồ sơ bên Morocco, bức ảnh đã khiến hắn mê mẩn.

Họ đối mặt nhau. Tita chẳng có vẻ gì sợ hãi, thậm chí không cả ngạc nhiên. Nàng mỉm cười, hắn mỉm cười đáp lại. Nàng cầm lấy tay hắn và dẫn hắn vào gầm cầu thang. Họ đứng đó, thì thầm chuyện trò hàng tiếng đồng hồ, kể chuyện mình cho nhau nghe. Trước khi chia tay, nàng tặng hắn một cái hôn. Chỉ là một cái hôn thân mật lên má, nhưng đó là tình yêu. Nàng đã phải lòng chàng nhân mã trẻ tuổi.

Chiều hôm đó nàng cho gia nhân nghỉ sớm rồi xuống hầm rượu. Ở đó, trong bóng tối, họ đã ân ái nhau. Ôi, sướng biết bao, nàng rên rỉ, và thèm muốn nữa, lần nữa, lần nữa.

Đầu giờ buổi tối nay, 15 tháng 7 năm 1972, hắn nghe thấy tiếng tôi nói từ ngoài cửa: "Đừng đợi, anh sẽ về muộn." Và hắn liền lĩnh ra ngay khỏi hầm rượu. Tita ôm chầm lấy hắn, ôi anh yêu, anh điên rồi, điên rồi, điên rồi! Anh hãy quay về chỗ trốn ngay đi đã.

Đến đoạn cuối của câu chuyện, hắn run bần bật, rõ ràng đang sợ hãi đến cực điểm. Hắn nói chỉ có ý định hỏi chuyện chúng tôi, làm rõ vài điều nghi ngại và hắn sẽ đi ngay, hắn không hề có ý định làm phiền chúng tôi.

Nhưng tôi không nhìn hắn, tôi nhìn Tita. Không nghi ngờ gì nữa, nàng đã thực sự phải lòng con nhân mã trẻ tuổi, không còn biết mô tê gì nữa. Nàng đã quên tôi, hai đứa con trai của chúng tôi, quên tất cả. Nàng chỉ còn biết có hắn. Tôi biết rằng mình phải làm cái gì đó ngay lập tức, nếu không thì...

Cửa bật mở, một nhóm người chạy ồa vào, la hét: "Chúc mừng ngày kỉ niệm, chúc mừng ngày kỉ niệm!" Paulo và Fernanda, Julio và Bela, Armando và Beatrice, Tania và Joel. Bela đang mang một chiếc bánh gatô, Armando cầm hai chai rượu, và Tania mang một bó hoa. Tôi chợt nhớ ra: hôm nay là ngày kỉ niệm khai trương khu nhà của chúng tôi, một ngày mà chúng tôi không năm nào không liên hoan kỉ niệm; chính vì thế mà Paulo đã không đến chỗ tiếp tân, vì anh còn mãi gọi mọi người đến liên hoan. Bela đánh rơi chiếc gatô xuống sàn nhà. Tất cả đứng sững nhìn con nhân mã. Họ đứng như trời trồng trước cảnh tượng ấy. Đột nhiên, "Gọi bảo vệ ngay!" Tania rú lên như mất trí. "Lạy Chúa tôi, gọi bảo vệ ngay!" Kêu lên một tiếng hãi hùng, con nhân mã lao mình qua mảng cửa sổ lớn nhìn ra vườn và chạy biến đi giữa tiếng kính vỡ rào rào. "Gurom đã!" Tita kêu thét lên, chạy ra theo. Beatrice cố giữ chặt lấy nàng, nhưng nàng đẩy chị ra rồi chạy vọt ra cửa. Tất cả chúng tôi chạy ồa theo. Paulo hét: "Cái quái gì thế, Guedali? Cái quái gì thế?" "Im đi!" Tôi rít lên. Đúng lúc ấy chúng tôi nghe thấy tiếng chó sủa và tiếng súng nổ hàng tràng nối tiếp nhau. Chúng tôi chạy đến khu công viên và thấy mấy nhân viên bảo vệ ở đằng xa, gần chỗ đài phun nước, còn con nhân mã, nó ngã gục giữa một vũng máu. Tita chạy vượt lên tôi, vừa chạy vừa gào thét. Hết sức bình sinh, tôi đuổi kịp nàng trước khi nàng kịp chạy đến chỗ đài phun nước và túm được tay nàng. "Bỏ tôi ra, đồ súc vật!" Nàng rú lên, mặt biến dạng vì căm thù và đau đớn. Nàng chống trả, cào cấu mặt tôi, đâm thùm thụp vào ngực tôi. Cuối cùng nàng yếu sức, và hầu như ngất xỉu, để mặc cho tôi diu về nhà. Tôi đặt nàng lên giường. Chuông cửa reo liên hồi. Tôi đi xuống mở cửa. Đó là Pedro Bento, tay vẫn còn cầm khẩu súng lục. Hắn xanh xám đi vì sợ và mồ hôi vẫn toát ra như tắm. Đó có phải con trai

ông không, Guedali? Hấn trầm giọng hỏi. Tôi không đáp, chỉ nhìn. Hấn nói tiếp: Tha thứ cho tôi, Guedali, nếu như đó là con ông. Những người khác hoảng hốt và bắt đầu nổ súng, khi tôi đến chỗ đài phun nước thì nó đã chết rồi. Tôi chỉ bắn một phát giải thoát vào đầu nó để nó khỏi đau đớn mà thôi. Trên gác, Tita khóc lóc vật vã. Không sao đâu, tôi bảo Pedro Bento, rồi đóng cửa.

Lạ một điều là tôi hầu như không nhớ được tí gì về ba ngày sau đó. Tôi biết là buổi sáng sau khi con nhân mã chết, tôi có đi xuống phố. Tôi không đến văn phòng như lệ thường, mà vào một khách sạn nhỏ. Tôi nhớ có đến một văn phòng du lịch nhờ họ lấy hộ chiếu cho mình, cũng như đi rút tiền ở ngân hàng, bán hết cổ phiếu và trái phiếu, rồi mua vài thứ quần áo với một cái vali. Tuy nhiên, những gì khác đã diễn ra trong những giờ đồng hồ dài dằng dặc của những ngày ấy thì tôi không nhớ một tí gì hết. Phần lớn thời gian tôi giam mình trong phòng và xem TV hoặc ngủ (tôi ngủ rất nhiều, lúc tỉnh giấc chẳng còn đang biết là ngày hay đêm nữa.) Chắc hẳn tôi đã phải suy nghĩ nhiều. Nhưng không còn nhớ mình đã nghĩ những gì, đã dự định làm gì, tại sao lại định đi du lịch như thế. Chỉ biết rằng khi đến giờ, tôi cứ thế ra sân bay, vừa kịp lên máy bay. Và chỉ một lúc sau, tôi đã trên đường sang Morocco.

Chú thích

(43) *Nguyên văn là "im lặng như một nắm mô". (ND)*

(44) *Nguyên văn: Haddock – một loài cá ở Bắc Đại Tây Dương, thường dùng làm thức ăn gia súc (ND)*

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

MOROCCO

18 THÁNG 7 – 18 THÁNG 9, 1972

Tôi thấy bệnh viện trong cảnh điêu tàn. Những bức tường, trước đây đã bắn thiu, bây giờ đã đang sụp lở rồi; thậm chí cổng vào cũng không còn nữa. Một con chó hoang đang nằm ngủ dưới nắng, khi tôi đến gần nó bắt đầu nhe nanh gầm gừ. Tôi vỗ tay thật kêu và lên tiếng gọi. Mãi mới thấy người giúp việc của ông bác sĩ, đã thành một ông già buồn thảm, ra đưa tôi vào. Trả lời những câu hỏi của tôi từng tiếng một, lão đưa tôi đi qua vườn, nơi vẫn còn sống sót vài bụi hồng giữa một rừng cỏ dại. Thần lẫn tấm nắng trên cái đài phun nước đổ nát. Không thấy một bóng người. Rõ ràng là bệnh viện đã không còn bệnh nhân nào nữa.

Ông bác sĩ Morocco đã lụ khụ hẳn đi, cái đầu hói nhẵn nay lại tương phản với bộ râu cằm xám xịt rồi bù, rất ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. Con gió lành nào đưa ông tới đây vậy, Guedali? Ông đi công việc hay là đi chơi thế? Cũng có chút công việc, tôi nói, cũng mới chỉ là vài ý tưởng thôi. Ông ta biết chưa phải là lúc gặng hỏi, bèn hỏi thăm Tita và bọn trẻ con. Chúng tôi chuyện trò một lát, rồi tôi bảo ông là tôi hơi mệt, liệu ông có thu xếp một phòng cho tôi được không? Tôi nói thêm: tôi sẽ trả tiền theo ngày, tất nhiên rồi. Mặt ông ta sáng lên: sao lại không, Guedali, tôi rất vui mừng là đằng khác! Tôi nghĩ có lẽ ông sẽ ưa dùng một trong những phòng hạng nhất của

chúng tôi. (Rõ ràng là ông ta đang rất cần tiền)

Ông đưa tôi vào phòng. Đó là căn phòng mà tôi và Tita đã ở sau khi mổ.

Cũng như những nơi khác trong bệnh viện, trông nó hoàn toàn hoang tàn: mạng nhện chằng đầy trần nhà, tường phòng rạn nứt hết, màn cửa bạc phết. Chính ông bác sĩ cũng phải nói: phòng này phải dọn dẹp sạch sẽ lại đã.

Người của tôi sẽ lo việc đó. Nhưng ngày mai kia. Còn giờ thì ông phải nghỉ ngơi đi đã.

Tôi qua một đêm mất ngủ, đi tới đi lui, lúc đầu còn trong phòng, sau thì ra ngoài vườn. Khi trời sáng thì ông bác sĩ xuất hiện.

“Thế nào, mình nói chuyện công việc được chưa?”. Mặc dù đã lấy giọng nhẹ nhàng tự nhiên, ông ta vẫn có vẻ lo lắng, nhưng không nhiều lắm: Ông là một người từng trải và biết rõ những rủi ro của chúng tôi (chẳng hạn chỉ cần một động mạch nhỏ trong não đứt một cái là có thể gây tử vong ngay lập tức) và có lẽ còn hơi có tư tưởng định mệnh nữa vì sống gần các bộ lạc cuồng tín thường tin vào số phận định sẵn. Ông là người sẽ không ngạc nhiên trước bất kỳ điều gì mà tôi sắp nói với ông, cho dù chúng có bất thường và kịch tính đến mấy.

“Tôi muốn có một cuộc giải phẫu nữa. Tôi muốn lại trở về làm một con nhân mã”.

Ông ta không chỉ ngạc nhiên, mà còn chết lặng. Tất cả những biểu hiện của một trạng thái kinh ngạc đến cực điểm, hai mắt ông lồi hẳn ra ngoài, miệng há hốc, mặt tái ngắt (không rõ lắm vì da ông ngăm đen), tất cả đều hẳn rõ trên khuôn mặt ông. “Nhưng mà”, ông ngắc ngứ “Nhưng mà”, ông ta nắm chặt lấy chỗ đầu giường để khỏi ngã. Quả thật ông không hề nghĩ trước đến khả năng này.

“Ông muốn làm gì cơ, ông Guedali?”

“Tôi muốn có một cuộc giải phẫu nữa. Tôi muốn lại trở về làm một con

nhân mã”.

Ông bác sĩ giải phẫu phải nhanh chóng trấn tĩnh khỏi cơn choáng. Và chỉ ngay sau đấy, ông ta đã bình tĩnh lại, mỉm cười và thần sắc bình thường. Ông chớp nhoáng đánh giá tình hình và chọn giải pháp phớt lờ điều tôi vừa nói, chỉ ít cũng là trong lúc này.

“Thế này nhá”, ông nói, “mình ăn sáng cái đã, rồi nói chuyện sau”.

Bữa điểm tâm được dọn trên cái bàn nhỏ trong vườn. Cốc chén vẫn là đồ sứ, nhưng đã sứt mẻ cả; còn khăn ăn thì ố vàng, những cái đó cũng chẳng có nghĩa gì với tôi. Tôi muốn lại được là một con nhân mã, tôi đã nói vậy, và sau khi nói thế tôi mới phát hiện ra điều gì đã đem tôi sang Morocco. Về một mặt nào đó thì tôi thấy ngạc nhiên, nhưng cũng không nhiều lắm. Tôi vừa nói ra lời nổi dằn vặt đau đớn của mình, và chính cái việc nói thành lời ấy đã khiến tôi bình tĩnh lại một cách rất lạ lùng. Mặc dù không hẳn thật hoan hỉ, nhưng tôi cảm thấy ít nhất thì mình cũng vui vẻ một cách khiêm nhường. Hóa ra đấy chính là điều tôi muốn! Phi nước đại một lần nữa qua thảo nguyên, làm chủ cả bốn bộ móng ngựa của mình. Tôi không còn muốn có Tita nữa, và cả con cái, công việc, bạn bè, khu nhà biệt thự; chẳng còn thiết gì hết nữa. Ông bác sĩ Morocco (một nghệ sĩ thực thụ) đang bình thản tán gẫu về sự siêu việt của cà phê Thổ Nhĩ Kỳ. Cứ như thể tôi chưa hề nói gì với ông ta. Nhưng tôi nào có để ý gì đến cà phê.

“Thế nào ông bác sĩ, ông nghĩ sao?”

Ông ta nhìn tôi, bớt ngạc nhiên hơn trước, nhưng hải hùng hơn. Vậy là tôi nói chuyện nghiêm chỉnh thật rồi. Vậy là những điều tôi nói không phải chỉ là sản phẩm của một đầu óc còn đang lẫn lộn vì đi đường mệt mỏi, vì thay đổi múi giờ, vì khó ngủ. Cái từ “nhân mã” không phải là cái gì bị đem tôi bỏ sót lại, không phải là một cơn ác mộng đang xen vào thế giới đang thức tỉnh. Tôi có thể đọc được trong mắt ông rằng ông đã bắt đầu cảm thấy lòng quyết

tâm của tôi, có thể chưa được vững chắc lắm, nhưng đang mỗi phút một vững chắc thêm.

“Thế nào?”

“Nhưng ông đang nói chuyện gì vậy Guedali?”. Bây giờ thì ông ta chau mày, mặt mũi khở sở. Cặp môi ông ta hình như run lên. “Ông đang nói với tôi cái gì cơ?”

“Ông đã nghe rồi mà, bác sĩ. Tôi muốn làm một con nhân mã một lần nữa.”

“Ồ, cái này nghiêm trọng đây” ông lẩm nhẩm, “thực sự là rất nghiêm trọng đây”. Ông để mặc chiếc khăn ăn rơi sang một bên và ngả mình vào lưng ghế.

“Tôi đã giả định có chuyện hệ trọng, Guedali. Chẳng hạn một biến chứng do vụ mổ trước của ông. Nhưng tôi không hề nghĩ đến chuyện này. Tôi xin thề đấy.”

“Nhưng chuyện là vậy thật mà.”

“Vậy tôi có được phép biết”, ông hỏi, hai mắt uơnh uớt “điều gì đã khiến ông muốn từ bỏ thân phận người, sau tất cả những nỗ lực của ông, và cả của tôi nữa, để có được nó? Tôi có được phép biết điều đó không, Guedali? Tại sao ông lại đến yêu cầu tôi làm việc này? Tôi nghĩ mình cũng có quyền được biết, ông bạn ạ. Dù sao thì...”

“Phải rồi,” tôi ngắt lời ông “Dù sao thì ông đã cho chúng tôi, Tita và tôi, nhân dạng. Tôi rất biết ơn ông. Nhưng...” Tôi lưỡng lự “Ông nghe tôi nhé, ông bác sĩ, tôi không thích ông hỏi tôi quá nhiều thế đâu. Hãy cứ cho tôi biết ông có sẵn lòng giúp tôi hay không đã.”

“Tất nhiên là tôi sẵn lòng chứ!” Ông ta đáp, giọng bất mãn “Ông không có quyền hỏi một câu như thế. Nhưng ông nói tôi giúp ông nghĩa là thế nào? Nếu ông muốn tự tử, Guedali, tôi sẽ không đưa súng cho ông đâu.”

“Nó chẳng dính dáng gì đến tự tử. Nó chỉ là...”

Là cái gì nhỉ? Tôi cũng không biết nữa. Chúng tôi nhìn nhau như hai anh

ngốc. Chúng tôi đang nói chuyện gì vậy? Chúng tôi là ai chứ? Tất cả chuyện này có nghĩa gì?

Mặt ông ta bỗng thay đổi hẳn đi. Trong nháy mắt ông đã thành ra rất bình thản, cứ như thể chúng tôi đang nói chuyện bóng đá hoặc thời tiết vậy. Ông cúi về phía tôi.

“Thôi được rồi, Guedali. Nếu ông không muốn nói cho tôi biết thì thôi, ông không cần phải nói đâu”

Lại ngả người vào lưng ghế, ông nhoẻn miệng cười. Tôi vỡ lẽ: ông đã thôi không thắc mắc về tính logic của điều tôi đã nói. Ông đã đặt cái ý tưởng ấy vào bối cảnh của chúng tôi lúc ấy, vốn thực là đầy rẫy phi lí: khu bệnh viện hoang tàn, người giúp việc lạng cằm đang dọn cốc chén và thìa đĩa, những loài cây hiếm lạ trong khu vườn bị bỏ hoang, những con chim đang sột soạt vỗ cánh trên đầu chúng tôi. Và những người Maghrib, người Berbe, những con lạc đà và cái trống bộ lạc.

“Tôi sẽ chỉ hỏi ông thêm một lần nữa thôi: ông thực sự muốn làm điều đó?”

“Vâng, đúng thế”

“Vậy nếu tôi bảo ông rằng việc đó là không thể thực hiện được về mặt kỹ thuật?”

A, ra thế. Ông ta đang tấn công từ phía khác. Ông đang lý luận với tôi về mặt y khoa, sử dụng những khó khăn kỹ thuật để phản bác lại tôi. Những bộ phận đã cắt bỏ không còn nữa, và thậm chí có còn, thậm chí chúng được bảo quản trong những điều kiện đặc biệt trong môi trường nhiệt độ cực thấp, như thi thể của các triệu phú Mỹ vẫn mong có ngày sống lại, thì vẫn còn có những khó khăn của việc tái ghép chúng. Thế rồi những bộ phận còn lại, tức chính là thân thể tôi bây giờ, chúng cũng đã biến dạng đi nhiều rồi chứ. Tôi không còn là nửa trước của một con nhân mã nữa, tôi đã là một con người hoàn chỉnh.

Tôi đáp rằng mình sẵn sàng chịu mọi rủi ro. Tôi sẽ vui lòng ký giấy cam đoan để tránh cho ông ta mọi thứ trách nhiệm đối với bất kỳ hậu quả nào của ca mổ ghép này.

“Nhưng mà là ghép cái gì chứ Guedali?”

“Một cái thân ngựa”, tôi nói “Một cái thân ngựa còn sống”

Lần này thì ông ta thực sự kinh hoàng. Một con ngựa ư, Guedali? Rồi ông cười phá lên: phi lý! Cơ thể còn sống của ông sẽ không tiếp nhận tế bào lạ. Nhưng rồi ông thôi cười, suy nghĩ một lúc, rồi ngập ngừng: “Quả thật, đã có những ca ghép gan lợn vào cho người, cho người da đen. Và ghép tim khi...”

“Đấy” tôi nói.

Ông có vẻ vẫn chưa bị thuyết phục. Liều lĩnh khủng khiếp đấy, Guedali ơi, một phần triệu cơ hội thành công, hoặc còn ít hơn nữa. Ngoài ra, ông ngậm ngùi, còn một vấn đề nữa. Ông giơ hai bàn tay run rẩy cho tôi xem.

“Ông thấy chưa? Tôi đã già rồi, Guedali, đã bao năm qua tôi không mổ một vụ nào. Tôi không biết mình có còn sức nữa không...”

Tôi ngắt lời: “Cái đó tuyệt đối chẳng sao hết, thưa bác sĩ. Tôi hoàn toàn tin tưởng ở ông”

Ông đứng lên: “Có thật thế không Guedali? Có thật là ông tin tưởng ở tôi?”

Tôi cũng đứng lên theo: “Cho dù kết quả ra sao cũng mặc, bác sĩ ạ”. Ông không ghì được mình nữa. Ông ôm chầm lấy tôi.

“Cám ơn ông, Guedali”, ông nói, hai tay lau nước mắt. “Lâu lắm rồi tôi mới lại được nghe những lời như thế. Tôi đang cần có ai nói với tôi như thế”

Ông mỉm cười.

“Ta có thể làm được Guedali. Cần gì ai! Chúng ta sẽ cùng nhau chiến đấu.

Tôi không biết lý do ông muốn làm nhân mã là gì, nhưng thế thì đã sao! Tôi là một bác sĩ, ông là thân chủ của tôi, và tôi sẽ thực hiện những mong muốn

của ông. Hơn nữa, tôi sẽ dồn hết tâm lực vào ca mỗ này, ông cứ yên tâm về chuyện đó. Với ông, nó có ý nghĩa ra sao thì với tôi cũng vậy. Nó sẽ là cuộc cải tạo của tôi Guedali. Ông có tưởng tượng được không? Không những tôi đã là người bác sĩ đầu tiên cải dạng nhân mã thành người, mà tôi cũng sẽ là người đầu tiên cải dạng một người thành nhân mã trở lại! Thế giới y học sẽ phải rung động vì chuyện này”

Ông ngừng lời, chờ cho cơn phản kích qua đi.

“Xin lỗi, Guedali. Tôi nghĩ mình vừa hơi hăng hái quá”

Không sao, tôi nói. Nhưng ông ta hầu như đã không chú ý gì đến tôi nữa; ông đã hoàn toàn bị cuốn hút vào ý tưởng của ca mỗ. Ông bắt đầu đi đi lại lại.

“Muốn lại thành nhân mã... hừm... muốn lại thành nhân mã. Để xem nào...”

Ông dừng lại, đặt một tay lên vai tôi.

“Không phải dễ đâu, Guedali. Một ca mỗ rất tinh vi, rất tinh vi đấy. Chúng ta phải thận trọng hết sức. Con ngựa chẳng hạn, bắt buộc phải là một con vật khỏe mạnh, trẻ và lành mạnh mọi bề. Ta sẽ chuẩn bị nó thật cẩn thận. Còn ông, Guedali, sẽ phải qua những trị liệu tiền giải phẫu rất khắt khe đấy. Ông sẽ phải dùng các thứ thuốc để loại trừ hết các kháng thể của mình. Cơ thể ông phải chấp nhận những tổ chất của con ngựa như thể chúng là bạn bè với nhau chứ không phải kẻ thù. Sẽ phải mất nhiều thời gian đấy”

Ông lưỡng lự một giây rồi nói thêm “mà tôi cũng phải nói ngay với ông rằng sẽ không rẻ đâu”

“Tôi đã sẵn sàng hy sinh tất cả”, tôi đáp. “Tiền là thứ không đáng lo đến nhất”

“Tuyệt vời!” Ông nói. “Tôi biết ông là người có tư chất, Guedali ạ”

Ông lại tò mò nhìn tôi.

“Tha lỗi cho tôi tọc mạch vào việc riêng của ông... nhưng tôi phải hỏi lại ông lần nữa, tại sao ông lại muốn trở về thành nhân mã?”

(Tôi có biết không nhỉ?)

“Tôi không muốn nói chuyện ấy” tôi đáp. “Nhưng tôi có những lý do rất nghiêm chỉnh, rất... những lý do rất sâu sắc. Cứ tin tôi đi”

Ông mỉm cười thông cảm.

“Tất nhiên rồi, Guedali. Phi nước đại qua thảo nguyên... tôi biết, đó là một thôi thúc tiền sử. Ngay cả tôi, chỉ mới được cưỡi ngựa tý chút hồi còn bé, mà cũng nhiều lúc có cảm giác thôi thúc ấy”

Ông im lặng một chút, như thể đang suy nghĩ. Rồi mặt ông bỗng sáng bừng lên.

“Tôi có một đề xuất với ông. Nếu ông ứng cho tôi ít tiền, chúng ta sẽ làm một bữa tối ra trò đêm nay. Ông bảo sao? Một món mỳ ống Bắc Phi với rượu vang Pháp tuyệt hảo chứ?”

“Được quá đi” tôi nói, lấy tiền từ trong túi ra. Mắt ông sáng lên khi thấy những tờ đô la Mỹ và franc Thụy Sĩ.

“Ngoại tệ mạnh đây” ông nói, cố giấu vẻ kích động của mình, hay quá, Guedali.

Chúng tôi ăn trong phòng ăn của bệnh viện, có lão già làm lì phục vụ. Món mỳ ống Bắc Phi rất ngon; rượu vang nặng và chúng tôi đều vui vẻ. Ông bác sĩ kể chuyện đời mình cho tôi nghe. Là con trai một người thợ giày tại một làng quê Morocco nhỏ bé, ông đã luôn mơ ước trở thành bác sĩ. May mắn làm sao, có một vị triệu phú người Mỹ thích ông và cho ông đủ tiền để theo học y khoa tại Paris. Ông nháy mắt: để đổi lấy một vài chiếc cổ khác, tất nhiên rồi.

“Tôi đi chuyên khoa phẫu thuật thần kinh. Sau khi tốt nghiệp một thời gian, tôi bắt đầu quan tâm đến giải phẫu chuyển giới tính”

Ông cười khúc khích. “Thật ra cũng là một cách tạ ơn người đỡ đầu của tôi. Nhưng cả ông ta và tôi đều không thể ngờ rằng rồi tôi sẽ giải phẫu cả những con vật thần thoại. Phải thú thật với ông là việc ấy thích thú hơn nhiều so với việc mổ các khối u não”

Ông ta lại cười khi vét sạch đĩa thức ăn, ợ một cái. “Xin lỗi, Guedali” rồi thờ dài thoả mãn

“Lâu lắm rồi tôi mới được một bữa ăn ngon lành, Guedali. Quả thực là đã từ lâu lắm rồi”

Chúng tôi châm xì gà và im lặng hút trong vài phút. Ông ngả người về phía tôi như một kẻ tòng phạm: “Nói chuyện các con vật thần thoại, ông có bí mật của ông, Guedali, nhưng tôi cũng có bí mật của tôi... chỉ khác là tôi không ích kỷ, tôi muốn chia xẻ điều bí mật của mình ấy với ông. Nếu ông thích thế, nghĩa là... ông có muốn biết điều bí mật của tôi không, Guedali?” Tôi nói có, mặc dù cũng không mấy quan tâm đến những điều bí mật của ông ta.

“Vậy thì ông đi với tôi.”

Chúng tôi đến một gian phòng biệt lập nhất. Ông mở cửa và ra hiệu cho tôi vào. Khi tôi đã vào phòng, ông mới bật đèn. Cái tôi nhìn thấy khiến tôi khủng khiếp. Ở đó, trong một cái cũi sắt rất to và nặng, là một con vật kỳ lạ tuyệt vời, ngay cả đối với tôi: một cự nhân mã. Đó là một người đàn bà, hoặc đúng hơn, cái đầu và bộ ngực là của một người đàn bà, nối liền với một thân mình mà sau một lúc lúng túng tôi mới nhận định được là thân mình của một con sư tử cái. Nó đang nằm, hai chân trước duỗi dài, và đang nhìn xoáy vào chúng tôi. Cảm giác lúc ấy của tôi là một mớ hỗn độn giữa căng thẳng và khó chịu, thương cảm và kinh tởm. Tôi cảm được cái đồng cảm mà những người tàn phế, dị dạng, và bệnh tật vẫn có đối với nhau; nhưng cũng thấy được cả nỗi căm giận mà những người tàn phế, dị dạng, và bệnh tật vẫn

có đối với nhau. Tôi bỗng như muốn vừa cười vừa khóc cùng một lúc. Cuối cùng thì tôi thấy mình đỏ bừng mặt. Vì xấu hổ chăng? Nhưng xấu hổ vì cái gì chứ? Còn với nó, hình như nó không để ý gì đến sự có mặt của chúng tôi. “Đây là Lolah” ông bác sĩ nói, và cái giọng tự hào của ông khiến con vật kia càng thêm phi lý. Ông ta nói với nó bằng tiếng Pháp: “Chào anh bạn Guedali của chúng ta đi chứ, Lolah. Ông ta từ Brazil tới đó”

“Merde!” (45). Con vật gào lên, và quay mặt vào tường.

“Nhưng nó là cái gì thế?” Tôi nói khi đã hơi hoàn hồn và tìm thấy giọng mình. Ông bác sĩ cười ngất.

“Cái gì ư? Chẳng lẽ ông lại không biết, Guedali? Ông, một con vật thần thoại, mà lại không nhận ra bạn đồng hành từ trong cõi vô thức tập thể (46) của mình hay sao? Đó là một con nhân sư mà, Guedali”

Nhân sư, tất nhiên rồi. Nửa đàn bà, nửa sư tử cái. Tôi đã không nghĩ ra điều này vì khái niệm nhân sư của tôi chỉ gắn liền với hình ảnh bức tượng nhân sư Ai Cập. Còn trước mắt tôi đây đâu có phải là một bức tượng đá khổng lồ với bộ mặt long lở. Bộ mặt này đáng yêu là khác; da dẻ như màu đồng đỏ, đôi mắt to xanh lá cây, cặp môi đầy đặn, mái tóc hung hung, cặp vú chắc lẳn đẹp đẽ. Những bộ móng chân và thân hình sư tử cái, cái đuôi đang quật bên này bên kia. Một con nhân sư, rõ ràng rồi. Vậy là nhân sư có thật.

“Nó cũng thật như ông vậy, Guedali” ông bác sĩ nói, như thể đang đọc được những ý nghĩ của tôi. “N’est-ce pas (47), Lolah? Và nó rất thông minh, muốn xem không?”

Ông đi đến gần cái cũi.

“Nào, Lolah. Hãy bảo cho quý ông đây biết cái gì buổi sáng thì đi bốn chân, buổi chiều đi hai chân và buổi tối đi ba chân, nào”

Con vật không đáp. Nó vẫn quay mặt vào tường. Ông bác sĩ lén thò tay qua chấn song và giật mạnh một cái vào đuôi nó. Con nhân sư nhảy vọt lên.

“Merde!” Nó giận dữ gầm lên. “Merde!Merde!”

Nó quăng mình vào chần song cũi, đập vào đó thành thành những cái tát khủng khiếp. Tôi sợ hãi lùi lại.Nhưng cái cũi rất chắc. Ông bác sĩ thấy tôi sợ thì cười phá lên.

“Thôi được rồi Lolah” ông nói “cô gây ấn tượng với vị khách của chúng ta thế là đủ rồi. Chúng ta sẽ để cô yên bây giờ đây, cô em yêu quý ạ. Ngủ ngon nhé, em sẽ tha thứ cho chúng ta chứ?”

Con nhân sư không trả lời. Nằm phục xuống, giấu đầu vào chân trước, nó có vẻ đang khóc nức nở. Ông bác sĩ tắt đèn và chúng tôi đi ra.

Chúng tôi ngồi ngoài vườn, lão giúp việc đem rượu vang tới.

“Con vật đó ở đâu ra vậy?” Tôi hỏi, vẫn còn chưa hoàn hồn, rồi yếu ớt đưa một câu “Có phải từ Ai Cập không?”

Ông ta tắc lưỡi: “Không, không phải từ Ai Cập. Từ Tunisia đấy. Một người bạn tôi, cũng là bác sĩ, rất thích săn bắn mãnh thú, đã tìm thấy cô ấy. Từ lâu rồi ông ta đã nghe người dân bản địa kháo nhau về một con vật có mình sư tử và vú đàn bà; và mặc dù ông ta có nghe chuyện nhân sư, ông ta vẫn không tin lời đồn đại kia. Nhưng đến khi họ chỉ cho ông ta thấy vết chân của nó thì ông ta quyết định theo vết nó ngay. Sau bốn ngày lặn lội, họ đến một thung lũng sâu xung quanh toàn vách đá dựng đứng, một nơi mà con mồi không thể trốn đi đâu được nữa. Đám tùy tùng của ông ta chặn một đầu thung, còn ông ta từ đầu kia tiến vào. Cuối cùng khi nhìn thấy cô ấy, ông ta xúc động thích thú đến mức lập tức quyết định phải bắt sống cô ấy. Lolah xé tan xác ba con chó và hai người Tunisia trước khi bọn họ tung lưới bắt được cô. Bạn tôi mê mẩn vì sắc đẹp của nàng. Biết tôi đã từng giải phẫu cho nhân mã, ông ta đem nàng đến đây với hy vọng tôi có thể biến nàng thành một người đàn bà bình thường. Tôi nghĩ ông ấy yêu nàng thực sự”

Ông bác sĩ nhấp một ngụm rượu. “Vang ngon đây, cái này này” Ông thờ dãi.

“Biết bao nhiêu năm rồi, Guedali, tôi mới lại được uống vang tử tế”

Một chiếc máy bay lướt qua ngay trên đầu chúng tôi với một tiếng động điếc tai.

“Máy bay của nhà vua đấy” ông nói “nó bay qua đây luôn. Nhiều khi tôi cứ nghĩ...”

Tôi ngắt lời ông.

“Vâng, thế rồi sao nữa? Đã xảy ra chuyện gì?”

“Chuyện gì ư? Ồ vâng. Còn sao nữa, tôi thấy ngay lập tức là sẽ không thể có một kết quả nào có thể chấp nhận được. Ông bà thì khác, ông và Tita ấy, cả hai đều có một nửa gần như là thân thể người bình thường, với cặp chân trước có thể dùng như chân người. Còn Lolah thì chỉ có mỗi cái đầu và cặp vú là của con người. Có mổ thành công đi nữa, cô ấy cũng sẽ chỉ thành một quái vật lạ lùng hơn nữa mà thôi, một thứ quỷ lùn với móng vuốt sư tử. Tôi nói tất cả những điều này cho ông bạn kia. Ông ta buồn khổ đến nỗi bỏ đi luôn, để lại con nhân sư cho tôi. Chỉ vài ngày sau đấy, ông ấy chết vì một cơn đau tim. Ông ấy là một người rất dễ bị kích động, ông ấy tin cả bùa chú và phép thuật, và có thể đã vì vậy mà chết. Thế là tôi giữ Lolah. Lúc đầu, nàng không muốn dây dưa gì đến tôi, và vẫn có những lúc tấn công tôi, như ông đã thấy. Nhưng dần dần tôi đã làm cho nàng tin mình. Tôi đã dạy nàng tiếng Pháp... nàng rất thông minh, học gì cũng dễ dàng nhanh chóng. Nàng đọc nhiều lắm. Nhưng nói rất ít. Đến tận bây giờ tôi vẫn chẳng biết tý gì về cuộc đời của nàng.”

Ông nốc cạn cốc rượu. “Tuyệt thật, cái rượu vang này. Quả thật là tuyệt... nhưng như tôi đã nói với ông: tôi kết luận rằng không thể giải phẫu cho nàng được. Vấn đề là tôi sẽ phải làm gì với nàng đây. Xin thú thực là tôi đã nghĩ đến việc trưng bày nàng cho công chúng xem. Tôi có thể bán vé rất cao tiền,

lúc ấy tôi đã lâm vào nhiều rắc rối về tài chính và rất cần tiền. Tôi nói một cách bóng gió rất thận trọng với nàng. Nàng nổi giận, kêu rằng thà chết còn hơn. Tôi đã tôn trọng nàng, Guedali ạ. Ông thấy đấy, giờ đây tôi chỉ còn là một anh bác sĩ già nua, lụn bại và hành vi của tôi không phải lúc nào cũng sạch sẽ, nhưng tôi vẫn còn lại một chút nhân phẩm. Tôi giành gian phòng ấy cho Lolah, và nàng sống với tất cả những tiện nghi có thể có được. Không biết ông có để ý không, nhưng tôi còn bố trí cả một cái TV ở đó cho nàng. Còn cái cũi, nó cũng không hẳn là nhà tù đâu. Mục đích của nó chỉ là để kiềm chế những cơn giận dữ của nàng, mà như tôi đã nói, nó không phải là hiểm. Nói cho cùng thì nó cũng là biện pháp an ninh cho chính nàng. Bản thân nàng cũng biết điều đó. Tội nghiệp Lolah, nàng thường bảo: “Tận đáy lòng, tôi là một con mãnh thú”.

Ông cười. “Mãnh thú ư? Không, nàng không phải thế đâu Guedali. Nàng là một cô gái đáng thương, không hơn. Một sinh linh bí hiểm và cô độc.”

Tôi hỏi mình có được phép chuyện trò với nàng không. Ông nhìn chăm chăm vào tôi, hơi có ý nghi ngờ, hơi có ý ghen tuông trong cái nhìn ấy, mặc dù ông đã cố che dấu chúng.

“Được thôi, nếu ông thích thế... Tôi cũng chưa biết nàng có chịu nói chuyện với ông không. Ông có thể đem thức ăn vào cho nàng ngày mai. Nếu ông đưa tôi tiền, tôi sẽ đặt mua một ít thịt cừu quay. Đó là một trong những món nàng thích nhất”

Đêm đó, đêm thứ hai của tôi tại bệnh viện, lại là một đêm thức tỉnh nữa đối với tôi. Tôi đi lang thang ngoài vườn, bồn chồn không thể ngủ được. Những tình cảm mạnh mẽ sôi âm ỉ trong lòng tôi. Tôi đã làm gì vậy? Tôi tự hỏi mình, bởi vì bây giờ tôi đã tỉnh táo lại và đang tự cáo buộc mình đã trót hành động theo một cơn xúc động hoang dại. Đã trót bỏ vợ, bỏ con, bỏ bạn bè để

nhảy lên máy bay đi ngay sang Morocco. Đã tìm đến ông bác sĩ và nói rằng mình lại muốn trở lại làm nhân mã. Cái gì đã khởi động cả một chuỗi những hành động điên cuồng như vậy? Hình ảnh Tita và con nhân mã kia ôm ấp nhau chẳng? Cái chết của hắn chẳng? Đúng vậy, Tita đã ôm ấp con nhân mã ấy trong tay, con nhân mã đã cố chạy trốn và bị bắn chết. Phải chăng theo cách hành xử bình thường thì tôi sẽ nói: Nào, lại đây Tita, chúng ta hãy nói chuyện này xem, hãy cùng nhau xem lại chuyện gì đã xảy ra, hãy xác định xem cái gì là thực và cái gì là tưởng tượng trong câu chuyện ấy. Phải chăng đó mới là những gì nên làm? Nhưng không, đáng lẽ phải làm thế thì Guedali lại quay lưng lại và chạy mất. Đến tận Morocco, cứ hết như chạy đi mua thuốc lá vậy. Nhẽ ra ít nhất thì cũng phải nói chuyện với Paolo cái đã.

Những câu hỏi có lý của một người dần tỉnh lại. Nhưng vì chưa tỉnh hẳn, vẫn còn lơ lửng giữa bầu trời và mặt đất như một con ngựa bay có cánh, tôi vẫn còn lòng vòng trên mây, tôi đã bay quá cao và quá nhanh đến nỗi chóng cả mặt. Tôi không trả lời những câu hỏi của chính mình. Tôi thà mỉm cười như một thằng ngớ ngẩn, hoặc thà khóc lóc, cũng như một thằng ngớ ngẩn. Tôi thà đầu hàng cái cảm giác lơ lửng chóng mặt ấy, nghĩa là thà không thèm biết đến chuyện gì đã đang xảy ra và rồi cái gì sẽ đến. Chủ yếu là vì tôi chóng cả mặt khi nghĩ đến Lolah. Hình ảnh Lolah làm lu mờ hết mọi thứ khác. Sau khi nhìn thấy những cái mà mình đã thấy, tôi còn tự hỏi: có đúng là mình đã từng sống trước đây hay không? Có phải đó là cuộc sống, hay chỉ là một giấc mộng? Đó quả thực là cái ấn tượng mà con vật dị thường ấy đã gây ra cho tôi, cái con nhân sư tuyệt đẹp ấy. Trước mặt nàng, tất cả mọi thứ khác, cho dù có vẻ quan trọng và đáng phải quan tâm đến mấy, tự nhiên không còn tồn tại nữa. Gia đình ư? Nhân sư thôi. Công việc ư? Nhân sư thôi. Bạn bè ư? Nhân sư thôi. Nhà cửa ư? Nhân sư thôi. Xe cộ ư? Nhân sư thôi. Quần áo ư? Nhân sư thôi. Sườn nướng ư? Nhân sư thôi. Con nhân sư vượt

xa tất cả mọi thứ về mặt đáng nể, về mặt kỳ diệu. Thậm chí nó còn che khuất cả hình ảnh một con nhân mã phi nước đại trên đồng cỏ. Một con nhân mã cái phi nước đại trên đồng cỏ. Một con nhân mã đực và một con nhân mã cái cùng nhau phi nước đại trên đồng cỏ.

Lolah. Tôi đi qua trước ngôi nhà có gian phòng của nàng. Cửa sổ đã bị xây gạch bịt kín lại. Rõ ràng ông bác sĩ đã cẩn thận đề phòng tọc mạch. Nhưng tôi có thể cảm thấy sự hiện diện của nàng bên trong đó. Đầu tiên nàng cũng đi đi lại lại trong cái cũi giống như tôi đi tới đi lui ngoài vườn; rồi nàng cũng đứng im phăng phắc như tôi đang đứng, tia nhìn của nàng cũng đăm đăm như của tôi, đang nghĩ đến tôi cũng hết như tôi đang nghĩ đến nàng.

Tôi nóng lòng mong trời sáng để có thể thấy lại nàng.

Sáng hôm sau, lão người làm thăm lặng mang đến cho tôi một khay thịt cừ quay. Tôi vội vàng đem đến cho Lolah.

Tôi bước vào phòng nàng, lòng xao xuyến vô cùng. Nàng sẽ phản ứng ra sao? Nàng có nói chuyện với tôi không? Nàng có nhận thức ăn từ tay tôi không?

Nàng nằm sấp trong cũi, đang đọc một cuốn sách. Lúc tôi bước vào, nàng đang giở một trang sách, và vì móng vuốt nàng quá to, quá vụng trong việc đó, nàng đã dùng lưỡi làm việc này. Thật đáng thương. Tôi xúc động.

“Bonjour, Lolah”

Nàng nhìn tôi thờ ơ, và không đáp lại lời chào của tôi. “Tôi mang bữa trưa cho cô đây Lolah”. Tôi nói “Và thêm: món thịt cừ quay đây”

Nàng quay phắt lại, hai mắt lóe lên. Nhưng lại lập tức giả bộ thờ ơ.

“Tốt lắm” nàng nói “làm ơn đặt nó vào trong cũi hộ tôi”

Tôi lách cái khay qua song sắt, và đưa nó cho nàng. Nàng gạt cuốn sách sang một bên và bắt đầu ăn. Tôi đứng đó rõ ràng làm nàng khó chịu, nhưng sự thực là tôi không thể bỏ đi được. Tôi mê mẩn vì người đàn bà sư tử này.

Với móng vuốt ấy, nàng nhanh chóng xé thịt thành từng mảnh. Nhưng để ăn, nàng phải cúi xuống dùng răng ngoạm từng miếng mà nuốt, trông thật đau lòng.

“Cô muốn tôi giúp không?” Tôi hỏi

“Không cần đâu” nàng đáp tỉnh bơ, và lập tức tôi nhận ra câu hỏi của mình thật bất cần và đáng ngượng. Tôi im lặng ngắm nhìn nàng.

Bấy giờ tôi đã ở rất gần nàng và có thể ngắm nghía nàng kỹ hơn. Một cái gì đó trong gương mặt đẹp dễ và rõ nét kia có vẻ rất quen thuộc với tôi. Có phải là cái miệng duyên dáng kia, với đôi hàm răng nhỏ và đều ấy không? Hay là cặp mắt kia?

Tôi lập tức nhận ra: Lolah làm tôi nhớ đến bà dạy sư tử ở gánh xiếc. Nàng trẻ hơn nhiều, tất nhiên, và nàng không có nước da sáng như bà kia. Nhưng họ rất giống nhau. Bà dạy sư tử. Bây giờ bà ta ở đâu? Và cả cô gái trên sân trời của khu nhà lớn ấy nữa?

“Anh có thể lấy cái khay đi được rồi” nàng nói. Nàng đã ăn xong. Tôi đến gần hơn, thò tay qua chấn song, và nguy hiểm biết bao, vuốt ve mái tóc nàng với một động tác nhanh và nhút nhát. Quả thật là nguy hiểm: nàng có thể xé nát cánh tay tôi chỉ bằng một cú vung chân, cào một phát là xong. Nhưng nàng không làm gì cả. Nàng không nhìn tôi, không động đậy, chỉ giấu mặt vào hai chân trước. Tôi lấy cái khay rồi đi ra.

Dần dần, tôi đã làm cho nàng tin mình.

Chúng tôi nói với nhau rất nhiều chuyện. Nàng không hề nhát gừng như lời ông bác sĩ. Nàng thích chuyện trò với tôi. Nàng kể cho tôi nghe về cuộc đời mình. Khác với tôi, nàng không ra đời từ một người mẹ, mà từ một con sư tử cái. Lúc đầu nàng bị bọn sư tử kiêu hãnh chối bỏ và đối xử tàn tệ, chỉ cho ăn những miếng thừa mà cả bầy đã gặm gạp gần hết. Lên bốn tuổi, sau khi nàng đã ăn thịt một người bản xứ đầu tiên, chúng mới chấp nhận nàng. Từ đó trở

đi nàng mới có quyền kiêu hãnh lang thang qua vùng rừng núi Bắc Phi. Đó là một cuộc sống gian khổ, săn đuổi bọn linh dương, tấn công chúng trong màn đêm im lặng, luôn luôn bị bọn thợ săn đe dọa với những thứ vũ khí ngày một tinh vi hơn, mỗi ngày mỗi tiêu hao dần bầy đoàn của nàng. Ngoài chuyện ấy ra, nàng còn bị những con sư tử đực trẻ khỏe bao vây, thêm khát được cặp đôi với nàng.

“Nhưng quả thực” nàng nhăn mặt, “tôi thấy chúng đáng ghê tởm, với những đám bờm hôi hám và những vẻ mặt ngớ ngẩn. Tôi không để chúng có con với tôi, mặc dù nổi thèm muốn dâng trào thường làm tôi phải chạy điên cuồng qua cao nguyên, tìm kiếm một mặt nước hồ để có thể dìm bộ mặt nóng bừng của mình vào đó”. Rồi cuối cùng là cuộc săn bắt và giam hãm trong bệnh viện này.

“Tôi rất thích ông bác sĩ. Ông ta đối xử với tôi rất tốt, và tôi tôn trọng ông ấy như một người cha. Có những lúc ông ấy làm tôi đau đớn, gọi tôi là đồ súc vật và đồ này đồ kia. Nhưng tôi không thể phàn nàn. Tôi có những cơn điên cuồng của tôi, và mặc dù những nguy hiểm mà tôi có thể gây ra, nói cho cùng, tôi là một con mãnh thú, ông ấy vẫn giữ an toàn cho tôi ở đây, chăm sóc tôi, thậm chí phải hy sinh nhiều thứ”

Những cuộc đối thoại kéo dài. Tôi ở bên ngoài cũi, nàng ở bên trong, với tư thế ưa thích nhất là nằm phủ phục, hai chân trước bắt chéo nhau, đầu hơi cúi, mái tóc dài rủ xuống trên cặp vú, cặp vú đáng yêu biết bao cứ rung lên mỗi khi nàng cười. Nàng thật đẹp.

Một hôm tôi hôn nàng. Có cái gì đó bệnh hoạn trong nụ hôn đầu tiên ấy, với hàng chân song ngăn hai chúng tôi. Tôi giữ đầu nàng trong hai bàn tay, môi tôi lần tìm môi nàng.

Nàng chống cự yếu ớt, rồi cuối cùng cuồng nhiệt hôn trả tôi.

“Tại sao anh làm thế, Guedali?” Nàng thì thầm, gần như than phiền. Tôi không thể trả lời, bởi vì tôi chẳng biết nói sao. Vì nàng có gương mặt đẹp chẳng (và một tấm thân sư tử chẳng)? Vì đã lâu tôi chưa được ngủ với đàn bà chẳng? Vì một sự hấp dẫn nào đó với sự kì cục chẳng? Tôi không biết. Nhưng hậu quả là nàng phải lòng tôi, khổ thân nàng. Lập tức và bạo liệt. Chúng tôi chỉ biết hôn nhau vậy thôi. Tôi vẫn đem thức ăn cho nàng. Tôi bước vào và bao giờ cũng thấy nàng đi tới đi lui trong cũi, đuôi quật hết bên này bên kia. Ngay giây phút thấy tôi, gương mặt nàng lập tức rạng rỡ một nụ cười. Nàng chẳng ý gì đến thức ăn, chỉ thêm những cái hôn. Có những lần tôi chậm đến vì một lý do nào đó, nàng ử dột hoặc giận dữ, lấy chân đập dữ dội vào cũi, một cảnh tượng khiến tôi phát rùng mình.

Chẳng bao lâu, những cái hôn không còn thỏa mãn nàng được nữa. Sờ vú em đi, nàng cầu khẩn. Tôi sẽ vuốt ve nàng, làm cho nàng phát cuồng. Chính nàng bảo thế: ôi, Guedali, anh làm em phát cuồng mất rồi.

Một lần, sau một cái hôn kéo dài, nàng nhìn sâu vào mắt tôi.

“Em muốn hỏi anh một chuyện”

Nàng lưỡng lự một giây rồi vội vàng nói tiếp bằng một giọng khàn khàn:

“Em muốn anh ngủ với em, Guedali”

Mới đầu tôi nghĩ nàng nói đùa. Ngủ với nàng ư? Không, tôi đã không nghĩ đến chuyện ấy, ngay cả khi tôi bị kích thích nhiều nhất. Làm tình với nàng ư? Không. Tình dục thì tôi có thể đến bất kỳ một quán bar nào đó trong thành phố và kiếm một người đàn bà. Nhưng với Lolah? Không. Hôn nàng thì được, nhưng thực sự làm...

Nàng thấy được sự ngần ngại của tôi.

“Nào, Guedali. Em có đòi hỏi anh cái gì vô lý đâu. Anh đã từng là nhân mã, anh đã từng làm tình với nhân mã cái”

Tôi không biết phải nói gì.

“Anh không yêu em, phải không Guedali?”. Nàng hỏi, nước mắt lưng tròng:

“Thế anh có thích em không?”

“Không phải thế”, tôi nói “chỉ là vì...”

Tôi tuyệt vọng tìm một cách giải thích trong khi nàng đắm đắm nhìn tôi. Thế rồi tôi nghĩ ra.

“Anh không thể vào trong đó với em, Lolah. Cái cũi này khóa chặt rồi”

Nàng đáp ngay lập tức, với một nụ cười tinh quái, thật tội nghiệp.

“Chỉ việc lấy cặp chìa khóa, Guedali. Dễ lắm mà. Ông già để vạ vật chìa khóa ở khắp nơi ấy mà. Có lần ông ấy còn để quên chìa khóa ngay ở đây.

Em mà có tay thì...”

Nàng ngừng lời và sụp mắt xuống. Nàng có thể là quá sức rồi. Tôi cảm thấy mình như một con sâu, một con giun khốn khổ. Tôi ôm chặt lấy nàng trong tay.

“Được rồi em yêu. Rồi anh sẽ sớm ở bên em”

Một sự trùng hợp kỳ lạ: hôm sau ông bác sĩ đi xuống phố và để ngỏ cửa văn phòng. Khi đi ngang qua đó, tôi nhìn thấy ngay chùm chìa khóa để trên bàn.

Một thoáng do dự. Một cái liếc nhanh về phía này, một cái nữa về phía kia.

Rồi, không thấy tấm hơi lão người làm lặng câm đâu hết, tôi đi vào phòng.

Tôi lập tức nhận ra chiếc chìa khóa cũi (nó có khắc một chữ “L”), tháo nó ra khỏi vòng đeo rồi lên ra ngay như một thằng ăn trộm.

Đêm đến, tôi ngồi trong phòng. Chiếc chìa khóa trong tay, vẫn còn chưa quyết được bề nào.

Lolah? Phải, gương mặt đẹp của nàng, cái miệng cuồng nhiệt, cặp vú đầy đặn căng phồng, còn tôi, đã bao lâu rồi tôi chưa làm tình với một người đàn bà? Nhưng sự thực vẫn cứ là sự thực: nàng đâu có phải là đàn bà. Một gương mặt đàn bà và một cặp vú đàn bà. Nhưng còn lại thân thể nàng hoàn toàn là mãnh thú. Da. Lông. Đuôi. Những bàn chân có đế rất dày và đầy

vuốt nhọn. Và cái mùi mãnh thú của nàng. Và có khi còn cả chảy rịn nữa chưa biết chừng.

Không khác mấy với thân thể tôi ngày trước ư? Đúng thế, không khác lắm so với con nhân mã đã từng là tôi. Nhưng bây giờ tôi đâu có còn là nhân mã nữa.

Trong lúc tôi nghĩ đến Lolah, những hình ảnh bắt đầu hình thành trong đầu tôi. Tôi thấy Tita đang đi vào bệnh viện. (Nàng đã phát hiện ra tôi bằng cách nào? Nhưng thôi, đó là một câu hỏi khác). Tita, rồi Paolo và Fernanda, rồi Julio và Bela, tất cả bạn tôi. Cả bọn đang tiến vào bệnh viện, chạy dọc các hành lang, mở toang các cửa phòng và thỉnh thoảng nhìn thấy tôi, trong cũi cùng Lolah, tôi đang đèo lên Lolah. Bây giờ thì tôi thấy vẻ kinh hoàng trên mặt các bạn, vẻ khủng khiếp, giận dữ, buồn nôn, kinh tởm (Paolo) và có thể cả ghen tị nữa (Julio).

Những hình ảnh đó làm cho tôi phản kích không thể chịu được. Đúng vậy, dương vật tôi đã cương cứng lên, chưa hết cỡ, nhưng mỗi lúc mỗi cứng hơn lên. Đúng thế, tôi muốn thế! Tôi vùng dậy, nhìn mình trong gương. Cái mà tôi nhìn thấy là bộ mặt của một kẻ cuồng dâm, mắt lóng lánh và răng nhe ra: tôi muốn lắm rồi!

Lén lút như một thằng ăn cắp, tôi lẩn mò trong bóng tối đến gian phòng của nàng.

Tôi bước vào. Trong ánh sáng mờ mờ lọt xuống từ ô cửa kính lấy ánh sáng trên mái nhà, tôi nhận ra vóc dáng nàng, hình bóng nhìn nghiêng đáng yêu của nàng, đôi vú căng phồng như vươn ra của nàng.

Một lần nữa tôi lại lưỡng lự. Tôi vẫn chưa thấy được thân thể nàng: nó chỉ là một khối lớn ẩn trong bóng tối. Nhưng tôi đã ở đây rồi. Sao lại không? Tôi tự hỏi. Sao lại không nhỉ?

Tôi đến gần hơn. Hình như nàng không biết sự có mặt của tôi; nàng nằm, rất

im lặng. Với những ngón tay lầy bầy, tôi mở cửa cũi và bước vào. Tôi nằm xuống cạnh nàng, vuốt ve mặt nàng, vú nàng. Và thân thể nàng. Tấm thân sư tử của nàng. Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi!

Tôi đã từng thấy những con sư tử to lớn ngay cạnh mình lúc còn ở gánh xiếc. Và tất nhiên tôi đã từng ôm mèo trong lòng. Nhưng tôi chưa bao giờ vuốt ve một con sư tử cái. Sự phì nhiêu đầy đặn mới vĩ đại làm sao. Tấm thân lớn lao ấy dường như tích đầy điện, lớp lông mềm mượt dựng đứng lên khi tay tôi chạm vào chúng, những khối cơ bắp rắn rật chạy dưới làn da như những con thỏ giật mình khi đang trốn dưới làn thảm trải nhà. Cái đuôi dựng ngược lên, căng thẳng và rung động.

Nàng quay lại nhìn tôi. Con thềm muốn dâng lên từ tấm thân dửng mãnh kia đang vuốt chùng nàng, có thể thấy rõ điều đó, nàng không thể chịu đựng nổi nữa. Có một vẻ đón đau trong mắt nàng, cuồng nhiệt, tất nhiên rồi, nhưng cả đau đón nữa, và điều đó cũng hiện rõ trong cặp lỗ mũi nở rộng và hai hàm răng sáng long lanh kia.

“Nào...” nàng thì thầm

Tôi run đến nổi mãi không cởi được quần áo. Có một giây phút lưỡng lự khủng khiếp. Nàng vẫn đang nằm phủ phục: tôi phải làm sao đây? Nhưng tôi biết, một cái gì đó trong tôi biết. Tôi nhảy lên nàng từ phía sau, vuốt ve vú nàng, hau háu hôn lên cổ nàng, và luồn vào nàng như một con sư tử đực. Nàng ngoạm lấy cánh tay tôi như những con sư tử cái vẫn làm thế với con đực của chúng. Và nàng rên rỉ, kêu to đến nỗi tôi phải lấy tay bịt miệng nàng vì sợ ông bác sĩ sẽ nghe thấy.

Cuộc giao phối ngắn ngủi, nhưng cực cảm thì vĩ đại. Những quả núi Tunisia! Cực cảm ra cực cảm! Các người không biết gì đâu, hồi những trái núi kia, nếu các người chưa biết đến cực cảm này thì các người còn chưa biết gì hết! Khi mọi thứ đã xong, chúng tôi nằm vật xuống sàn cũi, thở hổn hển.

Dần dần, tôi tỉnh lại, bắt đầu trỗi dậy từ những thẳm sâu của bóng tối ấy và mặt biển động điên cuồng ấy. Và đúng lúc đó tôi nhận ra có cái gì đang đè chặt lên cổ tôi.

Đó là bàn chân trái của nàng. Thận trọng, tôi nhấc nó ra với một ý nghĩ rất khó chịu: nếu bây giờ mà Lolah tự nhiên nổi cơn hung dữ của nàng thì...

“Guedali”, nàng thì thầm “Guedali, tình yêu của em. Cảm ơn anh, Guedali”.

Tôi hôn nàng, ra khỏi cũi, mặc quần áo và lên về buồng mình, cũng lên lút như lúc từ đó đến với nàng.

Những đêm sau đó tôi đều đến với nàng, không sót một đêm nào.

Ban ngày, chúng tôi làm bộ bình thường. Tôi vẫn mang thịt cừu quay đến cho nàng và chuyện trò với nàng. Ông bác sĩ và người giúp việc chỉ thấy ở chúng tôi hai người bạn tốt, hai sinh linh có những tương đồng kỳ lạ. Nhưng quả thực Lolah cũng có nháy mắt với tôi, quả thực là nụ cười của nàng chứa đầy âm mưu, quả thực là vừa còn lại chúng tôi với nhau là nàng đã thì thầm “Hôm em đi Guedali! Hôn em đi nào”

Tôi không thích thế tý nào. Liều mạng một cách không cần thiết. Tôi cũng không thích cái lối nàng chảy chồm lên tôi mỗi khi tôi vào cũi, thường lại còn cào cào tôi nữa. Hơn nữa, cái hau háu tình dục bị nhin lâu ngày của tôi đã được thỏa mãn rồi, và thế là cái nực cười của tình huống đã trở nên rành rành ra đấy. Giao hợp với một con nhân sư. Tita và các bạn sẽ cười phải biết. Cười quá chứ lị: Ai lại chọc ngoáy cả một con nhân sư hả Guedali! Thôi nào, Guedali!

Ngày giải phẫu cho tôi đã đến gần. Ông bác sĩ đã tìm được một con vật thí mạng, một con ngựa đực Ả rập rất đẹp mã, rất trẻ và rất cường tráng.

“Thế nào, Guedali? Tôi đã lựa chọn tốt đấy chứ? Làm quen với nó đi, chẳng mấy chốc nó sẽ là một phần của ông đấy!”

Tôi nhìn con ngựa đứng trong chuồng, và toàn bộ sự việc có vẻ như rất lạ

lòng đối với tôi. Ngựa ư? Giải phẫu ư? Nhân mã ư? Có phải tôi đã nói thế không? Đúng, tôi đã nói vậy, nhưng tôi có nói nghiêm túc không nhỉ? Phải, tôi nói nghiêm túc. Nhưng ông bác sĩ có diễn giải những lời tôi nói theo nghĩa đen như vậy không? Phải chăng là tôi đã nói theo lối ẩn dụ? Thì ẩn dụ vẫn có thể nói ra với giọng nghiêm túc đấy thôi? Ông bác sĩ có thể đã tách bạch cái thực với cái biểu tượng rồi. Có thật là ông ta muốn làm việc này không? Có đúng là ông ta quan tâm đến nó thật không? Ngoài những câu hỏi đó ra, liệu có phải ông ta đã trót đâm lao, và nay đã bị tình cảm chi phối đến mức thực sự muốn biến tôi thành nhân mã, bất kể sự thể rồi sẽ ra sao? Và có phải tôi sẽ sắp trở lại thành nhân mã, bất kể sự thể rồi sẽ ra sao, chỉ vì muốn giữ lời mình? Hoặc chỉ để tham gia vào một cuộc thí nghiệm? Hoặc phải thế cho đáng đời tôi?

Mọi thứ rất hỗn loạn. Trong cái mớ bòng bong ấy, cuộc tình với Lolah chỉ làm cho mọi việc thêm tồi tệ.

Nàng mỗi ngày một thêm dữ tính hơn. Nàng phàn nàn đủ thứ chuyện: tôi đến muộn, tôi âu yếm nàng chưa đủ. Nhưng tệ nhất là nàng không muốn tôi thành một con nhân mã. Nàng muốn tôi mỡ, nhưng yêu cầu là tôi phải bắt ông bác sĩ ghép vào tôi một thân thể không phải của ngựa mà là của một con sư tử đực.

Nam nhân sư ư? Nếu không trong cảnh phiền lòng như vậy thì có lẽ tôi đã bật cười rất nhiều lần rồi. Một nam nhân sư?! Phi lý thật, không, đó thực sự là đỉnh điểm của sự phi lý.

Một con nhân mã, sau bao nhiêu nỗ lực, đã trở thành một con người; sau đó, hấn bị một cuộc khủng hoảng và quyết định trở lại thành một con nhân mã; rồi thì hấn lại không biết có thực là hấn muốn thành một nhân mã nữa hay không; trong khi đó, hấn gặp một con nhân sư rồi đại muốn hấn phải biến thành một con nhân sư đực! Thật nực cười! Mất trí kiểu thần thoại!

Không thể được, Lolah, tôi nói. Trước hết là anh không biết liệu có thể tìm được một con sư tử đực để ghép hay không đã. Tatsien là có, nàng nói, anh chỉ việc bỏ tiền ra thuê một bọn săn trộm là xong. Hoặc nữa là liên lạc với mấy ông chủ gánh xiếc. Hãy vì chúa, tôi bảo, em không thể muốn anh biến thành một con sư tử làm xiếc, giải nua và bắt lửng! Jón nữa, tôi nói thêm, đó là một cuộc giải phẫu rất khó khăn, đầy may rủi.

“Nhưng anh có dám làm việc đó vì em không?” nàng hỏi, môi run bần, nước mắt lưng tròng. “Anh có dám không?”

“Anh thì anh sẵn sàng. Nhưng còn ông bác sỹ thì sao? Ông ấy sẽ chẳng khi nào chịu làm cuộc giải phẫu đó đâu. Để rồi cuối cùng ông ấy phải trao em cho anh ư? Ông ấy ghen, sẽ không bao giờ làm như thế, em thừa biết rồi mà.”

“Lão già ngu ngốc!” Nàng gầm lên. “Em sẽ giết lão già ngu ngốc ấy! Ta sẽ giết tất cả các người!”

Những cú đập phá dữ dội của nàng vào hàng rào song cui khiến tôi tin rằng nàng sẽ làm vậy được lắm. Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện phải ra đi.

Đến thời điểm ấy, ông bác sỹ đã bắt đầu thấy nghi ngờ. Một buổi chiều, ông đang khám cho tôi và hỏi những vết xước trên tay tôi.

“Ô, cái ấy à?” Tôi nói, cố làm bộ thản nhiên. “Tôi cũng không biết nữa. Có lẽ tôi bị xước lúc loay hoay với mấy bụi hồng ngoài vườn.”

Ông ta nhìn tôi đầy vẻ không tin.

“Cẩn thận đấy, Guedali. Chế độ thuốc men của ông đang loại trừ tất cả sức đề kháng trong cơ thể. Một vết xước nhỏ cũng có thể dẫn đến tử vong.”

Tử vong ư? Vậy là cuộc sống của tôi đang bị đe dọa? Bên cạnh tất cả những chuyện đang diễn ra ?

Đã đến lúc tôi phải rời khỏi nơi này. Chắc chắn là đến lúc rồi. Sau này tôi sẽ tìm hiểu xem mình có thực sự muốn trở lại làm nhân mã hay không. Tôi

quyết định sẽ bỏ đi ngay ngày hôm sau.

Tôi chẳng biết mấy về những gì đang chờ đợi mình.

Đêm hôm đó tôi bị ông bác sỹ gọi dậy. Ông cầm một cái ống tiêm trong tay.

“Cái gì thế?” Tôi hỏi, chợt tỉnh hẳn ngủ. “Liều thuốc tiêm này để làm gì vậy?”

“Thuốc ngủ”, ông ta nói. “Ngày mai tôi sẽ mổ cho ông.”

Trước khi tôi kịp nói, ông ta đã ấn mũi kim vào rồi. Lập tức, tôi rơi vào trạng thái lơ mơ. Tôi muốn tỉnh, muốn kêu lên và nói với ông ta rằng tôi đã đổi ý rồi, nhưng tôi không thể động cựa hay nói năng gì nữa. Trong tình trạng đó, tôi được đặt lên một cái cang và khiêng vào phòng mổ. Ông bác sỹ đứng đó, đã đeo khẩu trang, áo choàng, găng tay. Tất cả những gì tôi thấy ở ông là cặp mắt đang nhìn tôi chăm chú. Người giúp việc tiêm cho tôi một phát nữa, lần này vào ven, tôi không nhìn thấy gì nữa.

Tôi tỉnh dậy, rất chóng mặt và yếu ớt, nhưng, tôi lập tức ngạc nhiên, không hề đau đớn, mà tôi lại nằm trên giường. Một cái giường bình thường nhỏ hẹp. Càng lúc càng ngạc nhiên, tôi sờ vào mình. Không thấy một tý băng gạc nào cả. Ngạc nhiên hơn nữa, tôi không thấy tý da ngựa hoặc móng ngựa hoặc đuôi ngựa đâu cả, không gì hết. Phía bên dưới tôi vẫn có cặp chân của mình. Chuyện gì đã xảy ra? Tôi xoay người nhìn xung quanh. Ông bác sỹ đang ngồi trên một chiếc ghế cạnh giường, hút thốc lá và thần thờ nhìn tôi. “Không thể tiến hành ca mổ của ông được”, ông ta nói, không bộc lộ giọng điệu nào hết. “Có một tai nạn nhỏ. Ông biết không, chúng tôi đã phải giết Lolah rồi. Trợ lý của tôi đã bắn cô ấy. May mà anh ta lúc nào cũng mang súng sẵn trong người.”

Tôi không thể tin được: “Tại sao? Lolah đã làm gì?”

“Cô ấy lên một cơn cuồng nộ, ra khỏi cũi, vào tận phòng mổ. Không còn cách nào khác.”

Từ những lời của ông bác sỹ, tôi dựng lại cảnh tượng ấy.

Tôi đang ngất thuốc mê và nằm trên bàn mổ. Ông bác sỹ bắt đầu công việc với con ngựa Ả rập. Khó khăn hơn ông dự định, quá thực ông đã không còn tinh tường như xưa. Ông mầy mò giữa đám đồ nghề, thường xuyên ngẩn người không biết phải làm gì tiếp theo. Nhiều tiếng đồng hồ trôi qua.

Trong khi đó, Lolah nằm trong cũi, đợi tôi mang thức ăn vào cho nàng. Lúc đầu còn bồn chồn sốt ruột, sau thì nàng phát điên và bắt đầu gào thét gọi tôi, rồi gọi ông bác sỹ, nhưng không có ai đến cả.

Rồi nàng thấy cửa cũi không khóa. Nàng nhảy vọt ra, đi khắp các hành lang hoang vắng của bệnh viện, luôn miệng gọi tôi. Thành linh nàng nhớ đến cuộc giải phẫu. Trong cơn cuồng nộ, nàng lao vào phòng mổ khi ông bác sỹ vừa cắt bỏ khỏi con ngựa những bộ phận sẽ được ghép vào thân thể tôi. Vừa thấy nàng, ông biết ngay là nguy rồi, Lolah không còn là nàng nữa. “Đi về phòng”, ông ra lệnh, nhưng nàng không nghe thấy tiếng ông. “Trả lại Guedali cho tôi”, nàng gầm gào, từ từ tiến về phía ông bác sỹ. “Chàng là của tôi, tôi muốn chàng nguyên vẹn”. “Cẩn thận đấy!”, ông bác sỹ hét lên, cái gì trong này cũng vô trùng hết! Nàng chồm lên con ngựa (chính xác hơn là phần sau của con ngựa) và dùng móng vuốt xé tan nó thành từng mảnh. Ông bác sỹ kinh hoàng lùi mãi vào một xó. Khi nàng quay sang chuẩn bị tấn công ông, người trợ lý liền rút khẩu súng lục và nổ cả 6 viên đạn vào mặt và cổ nàng.

“Lúc đầu tôi chưa hiểu”, ông nói tiếp, dụi tắt điều thuốc, “Cô ta đã ra khỏi cũi bằng cách nào chỉ sau đó tôi mới vỡ lẽ”.

Ông đứng dậy, hoàn toàn không còn là mình nữa, toàn thân run lẩy bẩy, hai mắt lờ lửng ra, ngón tay buộc tội dí vào tôi.

“Ông! Chính là ông! Ông đã mở cửa cái cũi, Guedali! Ông đã vào đó để lợi dụng xâm hại con vật nhỏ bé tội nghiệp, để thỏa mãn thú tính của mình, đồ

nhân mã bản thủ, đồ mọi rợ Brazil! Chính thế mà người ông lúc nào cũng có những vết xây xước, đồ khổ nạn! Ông đã lợi dụng nàng, bỏ mặc nàng phát điên lên vì say đắm rồi không thêm cả đóng cửa lại nữa! Mà ông thừa biết tâm tính của nàng bất ổn ra sao, thật là khổ khiếp! Tôi đã phải giết con nhân sư của tôi, sinh linh duy nhất mà tôi từng yêu trên đời này! Bọn Do Thái khổ nạn! Các người chỉ biết làm những chuyện như thế với người Ả rập! Bọn Do Thái các người đã cướp hết của chúng ta, lòng hiền dịu của chúng ta, tình yêu của chúng ta, tất cả mọi thứ của chúng ta!”

Ông ta nhào vào tôi. Mặc dù còn rất yếu mệt, tôi vẫn chống cự được ông, tôi đẩy ông ngã và ông lăn lộn dưới sàn nhà, khóc nức nở.

Tôi ở thêm 2 ngày nữa trong bệnh viện. Chúng tôi không nói gì với nhau, ông bác và tôi. Nhưng lạ một điều là chúng tôi vẫn sánh vai nhau đi trong vườn. Thỉnh thoảng ông ta loạng chạng, và tôi đỡ ông ta. Có những lúc tôi chóng mặt, có thể là hậu quả của những liều thuốc mê, và ông ta lại đỡ lấy tôi.

Tôi bảo ông ta là tôi sắp đi. Ông không nói một lời. Tôi đưa tiền cho ông.

Ông không nhận.

Ông lấy từ trong túi ra một hộp gỗ nhỏ. Tôi mở ra. Trong đó là một bàn chân sư tử, một bàn chân sư tử cái, bàn chân trái của Lolah. Tôi rung mình, đóng hộp lại, và nhìn ông. Không có một chút cảm xúc nào trên gương mặt ông lúc ông chìa tay cho tôi trong một cử chỉ già biệt im lìm.

Chú thích

(45) Tiếng Pháp, là một câu chửi đổng, như tiếng “Shit!” của tiếng Anh, dịch ra tiếng Việt có thể dùng chữ “Cứt!”, nhưng chúng tôi để tiếng Pháp như trong nguyên tác (ND)

(46) “Vô thức tập thể” – một khái niệm trong phân tâm học, do Freud khởi

xương và được Yung phát triển thêm về sau này. Theo khái niệm này, cõi vô thức của mỗi cá nhân chứa đựng cả những trải nghiệm của tổ tiên và cộng đồng chứ không chỉ có những trải nghiệm của chính mình từ thuở hài nhi
(ND)

(47) *Tiếng Pháp, có nghĩa là “Có phải không nhỉ?”* (ND)

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ

MỘT NÔNG TRẠI NHỎ TRONG NỘI ĐỊA HẠT QUATRO IRMAOS MIỀN NAM RIO GRANDE THÁNG 10, 1972 - THÁNG 3, 1973

Tôi không muốn quay về Sao Paulo một chút nào. Tôi chỉ đợi chuyển máy bay ở đó rồi tiếp tục bay luôn về Porto Alegre. Đến nơi, tôi đi thẳng về nhà cha mẹ tôi.

Tôi rung chuông. Mẹ tôi ra mở cửa. Khi bà nhìn thấy tôi, bà đánh rơi cái chổi trong tay, đưa cả hai bàn tay lên mặt và kêu rú Clên một tiếng. Cha tôi chạy ù ra: Có chuyện gì thế, Rosa? Chuyện gì thế? Rồi ngay sau đó cả hai người ôm chầm lấy tôi, vỗ thật mạnh lên người tôi, hò hét, khóc lóc, cười phá lên; ngạt cả thở, tôi không thể chạy đi đâu được. Cuối cùng họ đưa tôi vào nhà và ấn tôi xuống ngồi vào giữa họ trên ghế sofa. Mẹ tôi, người đã ôm cứng lấy tôi và cười như một bà già điên, thỉnh thoảng nghiêm chỉnh lại. "Chẳng đẹp để gì, Guedali ạ, cái việc con làm ấy. Bỏ vợ bỏ con! Con phải biết xấu hổ chứ! Tí nữa thì mẹ đã từ con rồi. Tita nó tuyệt vọng quá, tội nghiệp con bé. Cứ ba ngày một lần nó lại gọi đến đây. Mẹ bảo nó, Tita, nếu nó không về, nó sẽ không còn là con trai mẹ nữa. Nếu muốn, con có thể đến sống với chúng ta ở đây."

Ngay cả một người ngoại đạo như cô ấy ư? Tôi hỏi, thật là một hành vi bệnh hoạn của tôi. Mẹ tôi nhìn tôi, vừa đau vừa giận: Những người ngoại đạo chẳng chứa chấp chúng ta đó sao? Con sao vậy, Guedali? Rồi mẹ tôi lại quay lại chủ đề kia: Nhưng sao con lại chất vấn mẹ như vậy? Con không thể như thế được! Thằng bé vô liêm sỉ này, mày hãy nói cho chúng ta biết mày đã đi đâu, đã làm gì đi nào! Hãy để cho thằng Guedali được yên đã nào! Cha tôi nói, nó vừa đi về còn mệt đấy. Bà cứ đi sửa soạn bữa tối đi và trải cho nó cái giường. Ngày mai chúng ta sẽ nói chuyện.

Tôi có thật nhiều chuyện phải bàn với cha tôi. Không phải, như cha tôi cũng

biết thế, là về những gì đã xảy đến với tôi, điều đó là không thể được. Làm sao tôi có thể giải thích chuyện đi sang Morocco cho ông hiểu? Làm sao tôi có thể kể cho nghe về Lolah? Chẳng nhẽ tôi cho ông xem cái bàn chân của con nhân sư tội nghiệp rồi nói, "Cha ơi, đây là tất cả những gì còn lại của một người đàn bà đã yêu con hơn ai hết"? Cha tôi sẽ không thể tin được. Thực ra, tôi không muốn kể với ông chuyện gì hết. Tôi muốn nghe. Tôi muốn tìm hiểu nhiều thứ. Thằng bé nhân mã Guedali ngày xưa có hạnh phúc không? Có hạnh phúc hơn thằng Guedali hai chân bây giờ không? Hay là không bằng? Nếu nó không hạnh phúc bằng (hay hạnh phúc hơn) thì tại sao tôi cứ ngửa ngáy muốn phi nước đại đến mức không thể chịu nổi, tại sao tôi cứ không ngừng tìm kiếm cái gì đó mà mình không biết? Nếu nó hạnh phúc hơn (hay không hạnh phúc bằng) thì tôi phải làm gì để hãm đà tăng tốc nỗi khổ sở của mình, để có thể lấy lại được niềm hạnh phúc đã mất? Và cái gì có thể là bí mật của niềm hạnh phúc nhân mã, nếu quả thật bọn nhân mã có hạnh phúc? Đến nỗi làm cho Tita đã chán tôi và thích một con nhân mã khác? (Với câu hỏi cuối cùng, cha tôi sẽ không thể trả lời trực tiếp, nhưng ông có thể cung cấp cho tôi một số yếu tố để tôi có thể tự mình tìm thấy câu trả lời.)

Để làm cho tôi hiểu, cha tôi sẽ phải đi ngược thời gian rất xa. Ông sẽ phải lần tìm về cội nguồn của mình. Ông sẽ phải kể về cuộc sống của ông ở nước Nga, những con ngựa ô của người Côđắc, chuyến di cư sang Brazil, những ngày đầu trong khu thuộc địa Do Thái, rồi cái đêm tôi ra đời. (Liệu có một con ngựa bay có cánh thật không?) Ông sẽ phải nhắc lại những bước đi chập chững đầu tiên của tôi.

Hai cha con đi dạo với nhau rất lâu, tôi hỏi, ông nhất định không trả lời. Quên hết những chuyện ấy đi, Guedali, bây giờ mọi thứ đã ổn cả rồi. Đúng là con có những vấn đề riêng của mình, nhưng ai mà chẳng thế? Con đã được chữa lành rồi, quên chúng đi. Nhưng cha ơi, trước đây con có móng ngựa thật không? Con trai ta, cái đó còn tùy cách con gọi cái gì là móng ngựa. Nhưng ông bác sĩ ở Morocco... Morocco cách đây xa lắm, Guedali, con không phải băn khoăn về những chuyện ấy nữa. Con cần phải về với gia đình con. Hãy quên Morocco đi.

Cha tôi đứng lại, nắm lấy cánh tay tôi.

"Đi Patagonia mà chơi, Guedali. Gọi điện cho vợ con, bảo nó đến đây, rồi đăng kí một tour du lịch. Hai đứa có thể đi tàu thủy đến Patagonia, đến Tierra del Fuego. Nó sẽ là cơ hội tuyệt vời để hai đứa quay lại với nhau. Đi du lịch bằng tàu thủy thoải mái lắm, có nhiều thời gian chuyện trò với nhau, giải quyết mọi vấn đề. Minanó có một người bạn một hôm tự dung nghĩ rằng mình đã chán ngấy anh chồng rồi. Anh kia bèn đưa cô ta đi một chuyến như thế và thế là đúng vậy: họ làm lành với nhau. Đó là vì những núi băng trên

biển đầy, Guedali. Những cái núi băng trôi tuyệt đẹp, họ bảo chúng khiến cho ai cũng phải xúc động, có nhiều người phát khóc lên đấy."

Cha tôi sẽ đột ngột chấm dứt cuộc trao đổi để khỏi phải nói dối. Nhưng tệ hơn cả việc phải nói dối và việc ông đáp lại những câu hỏi của tôi bằng những câu hỏi khác: Ý nghĩa của tồn tại là gì, Guedali? Tại sao chúng ta có mặt trên thế giới này? Có Thượng Đế không, Guedali? Đúng thế, và còn tệ hơn nữa nếu như lúc hai cha con đang uống trà sớm ngoài hiên, cha tôi bỗng giấu mặt vào hai lòng bàn tay và khóc: Lạy Chúa, tôi đã làm gì với cuộc đời của mình, đã làm gì? Lại còn tệ hơn nhiều nữa nếu ông thỉnh linh quỳ xuống, ôm lấy chỗ hai khuỷu chân ngựa trước đây của tôi, ngay trên móng (đến khuỷu chân ngựa cũng chẳng giữ nổi một người cha sắp ngã,) và nói như hết hơi: ta không muốn chết, con trai ơi, ta không muốn chết! Hãy nhắc ta lên lưng con, hãy phi nước đại với ta, cứu lấy ta.

Mẹ tôi thì liên tục hành hạ tôi. Bà nảy ra một ý tưởng: bà sẽ tổ chức một buổi đoàn tụ gia đình thật to. Thậm chí sẽ làm sao lôi được cả anh Bernardo về nữa: đăng báo nhắn tin, gọi anh qua chương trình nhắn tin công cộng trên đài phát thanh, hoặc (ý đồ điên cuồng nhất của bà) nhờ đến nghệ sĩ hài Chacrina kêu gọi con trai bà trở về trên chương trình TV toàn quốc.

"Mẹ biết ông ấy không từ chối mẹ đâu, Chacrina là một người rất tốt."

Theo lời mẹ, Tita và tôi sẽ hoà giải trong buổi đoàn tụ ấy.

"Thôi đi mẹ ơi, tôi giận dữ bảo bà, mẹ đừng bịa chuyện ra nữa, mẹ cứ lo việc mẹ đi."

"Nhưng chúng mày li thân hay là không li thân?"

"Vừa có vừa không, mẹ ạ. Đây là chuyện riêng của chúng con."

"Vừa có vừa không là thế nào? Làm gì có chuyện ấy. Vừa có vừa không! Chúng bay li thân hoặc là không li thân chứ. Nếu muốn li thân thì làm hẳn hoi đi, li dị đi, giấy tờ hợp pháp đi, gì cũng được. Còn không muốn thì hoà giải đi! Về với nhau, ôm ấp, hôn hít, rồi chúng bay sẽ thấy chúng bay yêu nhau lắm cho mà xem. Nghĩ đến bọn trẻ con chứ, Guedali! Nếu con với Tita tự thân không muốn hoà giải với nhau, thì cũng vì con cái mà làm thế đi chứ!"

Tôi tránh mặt mẹ. Ngay Mina cũng nhìn tôi với vẻ không đồng tình, mặc dù chị không nói năng gì. Tôi chỉ thích nói chuyện với cha tôi. Ông không trả lời những câu hỏi của tôi, nhưng cũng không giảng đạo cho tôi. Và ông còn cho tôi một tin quan trọng, ông nói cho tôi biết ai đã mua lô đất của chúng tôi ở khu thuộc địa cũ. Chính là cha của Pedro Bento. Ông ta hiện đang sống ở Porto Alegre. Tôi tìm đến ông và hỏi mua lại cái trại xưa đó.

Đây là điều mà tôi đã ấp ủ ngay sau khi về lại Porto Alegre, sau lần trò chuyện đầu tiên (và rất thất vọng) với cha tôi. Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện mua đất, nếu có thể được thì gần với cái trại xưa của gia đình, gần những

cánh đồng thời thơ ấu, nơi con nhân mã trẻ tuổi là tôi đã từng tự do phi nước đại. Gọi là tự do thể thôi, nhưng cũng là tự do trong hoàn cảnh cho phép. Trở lại cội nguồn, đó là điều tôi mong muốn. Một mình thôi. Tôi muốn được một mình để tập trung sức mạnh vào trải nghiệm ấy và trầm mặc về chúng. Lúc đầu tôi nghĩ bất kì một cái trại nào đủ rộng rãi một tí cũng là được rồi, nhưng lý tưởng nhất sẽ là chính cái trại xưa của chúng tôi. Tuy nhiên, lão trại chủ già không đồng ý bán.

"Không phải là tôi không muốn bán, Guedali. Tôi cần tiền, cần nhiều là khác. Nhưng tôi có trách nhiệm phải nói để cậu biết rằng vụ mua bán này không có lợi cho cậu đâu. Cái trại ấy bỏ hoang đã lâu rồi, mọc đầy cỏ dại. Thậm chí con đường đi vào đó cũng chẳng còn nữa rồi."

Nhưng đây chính là điều tôi đang mong muốn: sẽ không có ai làm phiền tôi. Tôi vẫn khẳng khái hỏi mua, thậm chí còn trả lên nữa. Cuối cùng ông ta đồng ý, và còn khuyên tôi rất nhiều điều.

"Máy móc, Guedali ạ. Cái chính là phải có máy móc. Tôi nói cậu nghe, chứ tôi lụn bại chỉ vì thiếu máy móc. Đừng quên nhé: phải có máy móc!"

Máy móc. Tôi không giấu nổi một nụ cười. Đó chính là cái mà tôi không muốn chút nào, máy với chả móc. Tay chân thì được. Máy móc thì không bao giờ.

Cái tôi muốn là được tiếp xúc với đất, một trải nghiệm mà tôi cho là rất sâu sắc, rất cật ruột. Tôi muốn được đi chân đất, muốn gót chân tôi mọc chai, khiến cho chúng cứng cáp hơn, thậm chí được như móng ngựa càng hay.

Tóm lại là tôi thèm có những bộ móng ngựa. Những bộ móng mà mỗi lớp vỏ bọc đều là kết quả của những chặng đường dài trên đất, trên đá, là kết quả của những suy tư về ý nghĩa của cuộc đời. Tôi định bụng sẽ đi bộ thật nhiều.

Làm việc thì đã đành rồi, nhưng còn phải đi bộ nữa. Nếu mệt mỏi, tôi sẽ ngồi xuống đất. Tôi không sợ móng mình sẽ bị gai đâm hay côn trùng cắn, đốt. Mà thực ra là tôi muốn bị thế lắm. Cứ để mặc cho vết cắn vết đốt ấy sưng vù lên. Cứ mặc cho chúng mưng tấy lên mãi, rồi xương sẽ nhú lên từ bên trong, khớp nối với xương chậu, rồi thì những cái chân sẽ mọc ra. Tóm lại, tôi muốn mình mọc ra những gì xứng với cái tên "ngựa." Tôi muốn cả một cái đuôi nữa. Bốn cái chân ngựa, một cái đuôi. Đây, một con nhân mã. Lạ thật. Với tư cách một con nhân mã, hình ảnh mà tôi hay nhớ nhất lại là cảnh tượng buổi lễ mitzvah. Tôi thấy mình mặc bộ com-lê sẫm màu, sơ-mi trắng, thắt cà-vạt, và mũ thóp trên đầu. Tôi thấy riềm khăn lễ rủ xuống trên hai háng sau của tấm thân ngựa của mình.

Đúng thế, tôi muốn lại được cầu nguyện. Một trong những thứ mà tôi dự định sẽ xây trong khu trại là một nhà nguyện. Không hẳn là một nhà nguyện công cộng, mà là một nơi tôi có thể ngồi một mình với mấy cây nến và lần

giở những trang giấy trong cuốn sách kinh cũ kĩ của cha tôi (một món quà mà tôi chắc là ông sẽ không từ chối tôi.) Tôi muốn suy nghĩ về Thượng Đế, về thân phận con người. Tôi thấy có nhu cầu tìm đến sự thông sáng và niềm an ủi của tín ngưỡng.

Nghiên cứu những quan điểm của các nhà tiên tri và sách Nhã Ca, tôi hy vọng dần dần sẽ lên được đến bộ ngực của Abraham. Không phải dễ. Trong trí tưởng tượng của tôi bộ ngực ấy ngày càng lớn lao hơn, một quả núi bao phủ dưới lớp da người trắng trẻo, bên dưới chằng chịt những mạch ngầm chứa đầy sữa quý giá. Tôi sẽ leo lên quả núi ấy, bắt đầu từ dưới đồng bằng. Khi sườn núi cứ dốc mãi lên, tôi sẽ bám lấy từng cái lông cứng của Levantine Abraham (mỗi cái lông là một vần thơ.) Tôi sẽ lên mãi, cũng như lần tôi leo lên quả núi có pháo đài Masada ở Israel, về phía cái núp vú được bao bọc trong mây, hồng hào và ngọt ngào như kẹo bông mà các con tôi thường ưa thích đến thế.

Cha mẹ tôi không thể tin là tôi có ý định sống ở khu trại xưa. Thậm chí mẹ tôi còn nổi khùng lên nữa.

"Con điên rồi, Guedali! Có ai lại đi bỏ vợ bỏ con vào sống một mình ở trong rừng không chứ! Ở đó chỉ có rắn rết thôi, Guedali! Làm sao mà con lại ra nông nổi này? Con là một người có văn hoá, có học hành. Làm ruộng chỉ là nghề của dân nhập cư thôi, Guedali. Con sẽ không đi đâu hết. Mẹ không cho phép con. Chúng ta đã tốn kém biết bao nhiêu để có thể đi khỏi đó. Thế mà bây giờ con lại định quay lại. Không, mẹ không muốn nghe chuyện này!"

Cha tôi xen vào: "Tôi cũng không đồng tình với ý nghĩ ấy, Rosa à, nhưng dù sao thì Guedali nó cũng là người lớn rồi. Nếu nó muốn về nông thôn..."

(Tôi tưởng cha tôi sẽ đem Nam tước Hirsch ra, nhưng không phải. Nói đúng ra thì khi về già, lòng ngưỡng mộ của ông đã biến thành lòng oán ghét, thậm chí căm thù. Nhiều lần khi ông đang độc thoại với mình, mà ông rất hay thế, ông lại chửi rủa nhân vật thần tượng ngày xưa ấy: Đừng có quấy rầy ta nữa, Nam tước! Cút mẹ ông đi, Nam tước!)

Mina cũng xin tôi đừng đi, nhưng tôi đã quyết rồi. Một buổi sáng, tôi lên xe buýt và lấy vé đi về Quatro Irmaos.

Ông lão nhà Pedro Bento đã nói đúng. Ngôi nhà xưa của chúng tôi đã thực sự hoang tàn. Cánh cửa chỉ còn treo lủng lẳng bằng một chiếc bản lề; kính cửa sổ vỡ nát và cây leo bò qua đó vào nhà. Thấy ngay là mình sẽ phải làm nhiều việc, nhưng tôi không hối hận gì hết. Tôi treo di vật của Lolah tội nghiệp, cái bàn chân xác ướp ấy, lên bức tường nơi tôi sẽ kê giường nằm, rồi bắt tay vào việc. Ngay hôm đó tôi vào thị trấn mua vật liệu sửa nhà. Một tuần sau thì ngôi nhà đã có thể ở được rồi. Cỏ dại xung quanh đã được phát quang hết cho đến tận lối vào nhà. Bây giờ thì tôi có thể tập trung vào khu vực đồng ruộng. Đậu tương và ngô sẽ là những sản phẩm chính của tôi, và

tôi sẽ trồng một vườn cây ăn quả. Tôi muốn nuôi gà, lợn, một đôi bò sữa. Chỉ những thứ thiết yếu mà thôi.

Nhiều tuần lễ liền tôi hầu như không gặp một ai hết. Có vài trại chủ láng giềng đến thăm, lấy lí do xem tôi có cần gì không. Thực ra họ chỉ muốn thấy mặt thằng ngốc điên rồi đã bỏ cả nghề nghiệp béo bở ngoài thành phố để về sống trong rừng. Tôi không bạc đãi họ, nhưng cũng chẳng hề hỏi để họ lại muốn đến thăm mình nữa. Chẳng mấy chốc họ chán và không ai đến chơi nữa thật.

Một buổi chiều, tôi đang bận bịu cắt cỏ ngoài đồng. Lúc vừa quỳ xuống làm gì đó, tôi bỗng cảm thấy có người đang quan sát mình. Tôi quay lại và thấy ngay anh ấy, một nông dân không thể đoán được tuổi tác, rách rưới, cái miệng móm mém đang nở một nụ cười: chính là Peri.

Anh không nhận ra tôi, cũng chẳng có gì lạ, vì anh sẽ chỉ nhớ đến tôi dưới dạng một con nhân mã. Anh đứng đó, nhìn tôi chăm chú, không nói một lời.

"Anh đang tìm ai phải không?" Tôi hỏi.

Anh bảo không. Anh chỉ tình cờ qua đây trên đường đi tìm việc làm.

"Tôi có thể làm bất kì việc gì," anh nói thêm bằng một lối nói rất lạ. "Cắt cỏ, cưa gỗ, chăm sóc súc vật. Tôi chỉ cần được ăn và có chỗ ngủ. Tôi làm việc chăm chỉ, xin cam đoan thế."

"Tốt lắm," tôi nói, "anh có thể bắt đầu ngay."

Anh cởi bỏ chiếc áo khoác rách rưới, nhổ nước bọt vào hai lòng bàn tay, vớ lấy cái cuốc, và bắt đầu rẫy cỏ.

Anh chăm chỉ thật sự. Phát quang bụi rậm, vắt sữa bò, kéo nước giếng, và cả nấu nướng nữa. Anh nói rất ít, chỉ vừa đủ trả lời tôi. Không phải tính nết anh thô lậu; ngược lại, anh cư xử rất phải phép và rất được việc. Nhưng im lặng và giữ kẽ. Tôi xếp cho anh một phòng trong nhà, nhưng anh thích ngủ ngoài chỗ chuồng bò hơn.

"Ngoài ấy rộng chỗ lắm. Nếu ông cho phép, tôi sẽ tự dọn một chỗ cho mình ở đó."

"Được, tôi cho phép anh," tôi nói, "nhưng mấy con bò thì sao? Chúng không quấy rầy anh à?" Anh phớt lờ hết cả lợi với một nụ cười không có gì là ngây thơ.

"Ồ, tôi thích bọn bò cái, ông chủ ạ."

Một con người lạ lùng, anh chàng Peri ấy. Thực ra tên anh ta không phải là Peri, mà là Remiao. Nhưng anh bảo ông là người chủ, ông gọi tôi thế nào cũng được. Mặc dù nói ít, anh lại thích hát, và nhiều đêm, thường là những đêm trăng tròn, tôi thấy anh đứng ngoài sân, hai tay giơ lên cao, miệng hát một điệu hát lạ. Bữa chủ đấy, một lần anh giải thích cho tôi, rồi nói thêm với

một giọng tin cẩn, tôi đang tập làm một thầy phù thủy giống như ông nội tôi. Đó là giấc mơ lớn nhất của anh. Phù phép, đoán tương lai, những việc đại loại thế. Một lần anh dẫn tôi vào cái phòng bé tí của anh và cho tôi xem những đồ dùng để phù phép.

Có chiếc đầu lâu đã bạc phết của Joaquim, thầy phù thủy trước đây. Peri có nhiều loại chạc cây dùng để tìm mạch nước ngầm, những cái vỏ ốc sên khổng lồ, và những quả cầu pha lê kích cỡ khác nhau. Cái làm tôi chú ý nhất là mấy mẫu vật nhồi bông hoặc ướp thuốc gì đó của vài con vật kì lạ: một con cừu hai đầu, một con dê sáu sừng, một con rết khổng lồ, một con cá ngựa có mười hai cái chân bé tí xíu.

"Ông chủ thử nhìn cái này xem."

Tôi cảm thấy là lạ. Anh đang muốn tôi xem cái gì đây? Nó trông có vẻ như một nàng tiên cá, xác ướp một cô gái mình người đuôi cá nhỏ bé.

Tôi sững sờ nhìn nó. Anh ta định nói với tôi điều gì đây, con người này?

Điều bí mật của anh ta là gì? Anh ta có can hệ gì đến những sinh linh huyền thoại? Những ngựa một sừng, những sư tử đầu chim, lừa không đầu, người sói? Rồi còn nhân sư nữa? Peri biết gì về nhân sư? Biết gì về Lolah?

Nhưng cái mà anh ta đang giơ ra trước mắt tôi không phải là xác ướp của một cô gái mình người đuôi cá. Sau khi xem kĩ hơn, tôi mới thấy đó là một vật còn lạ hơn nữa: thân hình một con khỉ khâu nối với phần đuôi của một con cá lớn.

"Một thí nghiệm của tôi đấy, ông chủ ạ."

Theo một bức tranh có trong một cuốn sách cũ, anh ta đã định làm một nàng tiên cá thật.

"Nhưng không thành công. Nó chết ngay sau khi tôi mổ và khâu nó lại với nhau."

Anh ta còn biết rõ tại sao vụ mổ ấy không thành công: "Tôi đã nói sai câu thần chú lúc đang mổ. Nếu tôi nói đúng, nó đã sống rồi. Phù phép mà dùng đúng thần chú thì không có gì khóe bằng nó đâu."

"Vậy thì anh phù phép cho có mưa đi," tôi nửa đùa nửa thật. "Chúng ta rất cần mưa đấy, khô hạn mãi thì hỏng hết."

Anh nhìn tôi, vẻ bình tĩnh và tỉnh táo.

"Ông chủ đừng đùa với những chuyện như thế. Đừng đùa."

Cày ruộng với một cái cày do ngựa kéo. Tôi nhìn mãi con ngựa ấy từ đằng sau và ngẫm nghĩ về sự bất mãn của mình. Năm tháng sau khi về trại, tôi bắt đầu tự vấn: Mình đang làm gì ở đây vậy? Mình đã tìm thấy gì?

Tôi đi chân trần qua các cánh đồng rất nhiều. Chân trần. Lòng bàn chân tôi đã thô nhám lại, nhưng tất nhiên chúng không thể dày lên thành móng ngựa.

Chúng còn không thô nhám bằng hai bàn tay tôi, đã đầy chai vì cầm cuốc.

Tôi đã đi bộ rong rã qua những ngày nắng và những đêm trăng, trong mưa

trong gió, nhưng những câu hỏi của tôi vẫn chưa được trả lời

Tôi còn cầu nguyện nữa, sáng nào cũng vậy. Tấm khăn lễ trên vai, sách trong tay, tôi hát những bài kinh nguyện. Chẳng có kết quả gì. Bình yên nội tại ư ? Chẳng thấy đâu. Ngay cả hình ảnh bộ ngực của Abraham cũng đang phai mờ dần trong tâm trí tôi. Và quả thật, những câu hỏi mênh mông của tôi đang dần dần bị thay thế một cách kín đáo bởi những câu hỏi khác : Sao không thuê một cái máy kéo ? Dùng phân bón thì tốn kém thế nào ? Nếu cứ không mưa thế này thì đậu tương sẽ ra sao ? Vừa nhìn con ngựa đang kéo cày phía trước, tôi vừa cố gạt những lo toan tầm thường ấy sang một bên. Mẹ kiếp, con nhân mã trong tôi đâu mất rồi ?

Dần dần, tôi quên cả Lolah. Cái bàn chân ướp thuốc ấy vẫn ở phía trên cái giường tôi nằm, nhưng nó đã thành một vật tầm thường không làm tôi chú ý nữa, cũng như những vết nứt trên tường mà thôi. Và cũng như những vết nứt kia, nó không nói với tôi điều gì nữa. Thậm chí tôi còn không thể nhớ lại được gương mặt của nàng.

Tôi nảy sinh những ước ao, đúng vậy ... về gia đình tôi. Các con tôi ... ước gì chúng ở đây với tôi, vắt sữa bò và giúp tôi làm cho đất đai sinh sôi nảy nở. Sẽ rất tốt cho chúng, rất tốt cho tôi.

Tôi cũng nhớ cả Tita, mặc dù vẫn còn cay đắng trong lòng mỗi khi nhớ lại lúc tôi đã làm nàng giật mình khi đang trong vòng tay ôm của con nhân mã trẻ tuổi. Kí ức ấy ám ảnh tôi thường xuyên, nhưng phai nhạt đi trong đêm. Khi chìm vào giấc ngủ, tôi thường sờ soạng quanh chiếc giường trống trải và thì thầm gọi tên nàng. Tita. Tôi nhớ cái miệng nàng, tấm thân nàng, biết bao. Tình yêu đó ư ? Có lẽ. Hầu như chắc thế rồi. Phải, đó là tình yêu.

Vậy thì tại sao tôi không dẹp lòng tự ái của mình lại ? Sao tôi không về luôn với Tita, với các con, với các bạn ?

Không, điều đó thì tôi không làm. Trước khi làm được việc ấy, tôi nhất định phải giải tỏa hết những ngò vực đang hành hạ mình ; phải tìm cho ra mình là ai : phải chăng là một con nhân mã què quặt đã bị cắt mất phần ngựa của chính nó ? Hay là một con người đang cố tự giải thoát khỏi những hoang tưởng của chính mình ?

Ngồi trước cửa nhà một đêm nọ, ngắm nhìn ruộng đồng đang tắm mình dưới ánh trăng, tôi lại tự đặt vấn đề mình bằng những câu hỏi ấy một lần nữa.

Trước cửa nhà kho, hai tay đang giơ lên về phía mặt trăng, Peri đang lên tiếng hát. Tôi nhìn anh ghen tị. Chính đó là một con người đã tìm thấy con đường của mình.

Tôi bỗng nảy ra một ý tưởng.

“Peri !”

Anh chạy đến, hơi cảm cầu vì bị đứt quãng. Tôi mời anh vào nhà. Chúng tôi

ngồi bào bàn và tôi mở một chai cognac (anh không uống; anh không uống rượu khi đang trong kì cầu nguyện). Tôi nốc một hơi cạn một cốc đầy.

“Tôi cần anh giúp đỡ”, tôi nói.

“Nếu tôi có thể, thưa ông chủ”, anh nói, có vẻ ngạc nhiên.

“Tôi có một vấn đề này, Peri. Một vấn đề mà tôi phải giải quyết. Nó đã hành hạ tôi từ rất lâu rồi.”

Và tôi bắt đầu nói. Tôi nói hàng mấy giờ liền; uống hết cả chai cognac, và bộp bộp với anh tất cả mọi chuyện. Ngày tôi ra đời, cuộc sống của tôi ở trại. Tôi còn nhắc lại cả lần hai chúng tôi gặp nhau hồi còn bé (anh không phản ứng gì, chỉ ngồi nghe). Tôi nói đến thời kì chúng tôi dọn về Porto Alegre, đến cuộc chạy trốn của tôi qua thảo nguyên, những ngày trong gánh xiếc, cuộc gặp gỡ với Tita, chuyến đi của chúng tôi sang Morocco, hai ca mổ, khu chung cư biệt thự, cái chết của con nhân mã trẻ tuổi, chuyến đi thứ hai của tôi sang Morocco - tất cả mọi chuyện. Anh lắng nghe, hai mắt xoáy vào tôi, gương mặt có ánh sáng của cây đèn bão rơi vào. Tôi nói với anh rằng tôi muốn trở lại thành nhân mã, vì đó là cách duy nhất, tôi nghĩ thế, để tìm lại được những chân lí đã mất. Còn anh, một thầy phù thủy (đến đây thì anh ngắt lời tôi : ông chủ, tôi chưa phải là một thầy phù thủy, tôi còn đang học mà), anh có thể giúp tôi được việc này.

“Peri, hãy làm cho tôi mọc lại những cái chân ngựa đi”

“Thưa ông chủ, ông say rồi”

“Có thể thế. Nhưng tôi muốn có chân ngựa và móng ngựa, Peri à. Anh có hiểu không ? Móng ngựa ấy mà.”

Tôi không muốn những bộ móng vĩnh viễn, tôi giải thích. Tôi muốn chúng tạm thời thôi, cứ một thời gian ngắn là chúng lại khô và rụng đi. Điều quan trọng là tôi cần phải trở thành một con nhân mã trong một ít ngày.

Tôi nói và nói, còn anh ta không hề mở miệng, chỉ chăm chú nhìn tôi với vẻ không hề bối rối chút nào. Quả là một anh chàng lạ lùng, cái anh tá điền ấy. Nếu anh ta có nghĩ tôi điên, có ái ngại cho tôi, có cho rằng những điều tôi nói chỉ là chuyện đùa, thì anh ta cũng chẳng bộp lộ gì hết. Anh có vẻ như đang nhìn để đánh giá tôi, giống một người có một bí mật và đang lưỡng lự không biết có nên chia sẻ nó hay không. Thật khó chịu.

“Thế nào, Peri ? Có muốn giúp tôi không ? Nếu không, hãy thu xếp đồ rồi đi khỏi nông trại này ngay đi”

“Tôi có thể thử xem” cuối cùng anh ta mới nói. Tôi không thể không để ý rằng anh ta đã không nói “ông chủ” với tôi nữa. Bây giờ chúng tôi đã thành hai đối tác trong một công chuyện mới. Bằng cách huy động cái năng lượng ma thuật mà anh nhận được từ các vị thần linh tiên tổ, anh có thể khiến cho bốn cái chân ngựa mọc ra từ thân thể tôi.

“Tôi có thể thử xem” , anh nhắc lại, hai mắt long lanh và xa xăm. Những

bánh xe trong tâm trí anh đã đang quay rồi, đang lặn theo những kế hoạch, đang quyết định xem phải dùng những cây cỏ gì, những bùa phép gì cho việc này.

“Cho tôi ít lâu”, anh nói. Anh đứng lên rồi ra chỗ chuồng bò. Tôi ngồi đó, uống tiếp. Cuối cùng tôi ngủ thiếp đi, đầu gục trên bàn.

Tôi cho anh khỏi thời gian, chủ yếu là vì chúng tôi có rất nhiều việc phải làm. Đậu tương, vụ mùa chính của chúng tôi, đang bị hạn hán đe dọa suốt từ tháng Chạp và bây giờ đã sang đến tháng Giêng. Con sông thường đầy nước bây giờ đã cạn đến mức tro cả đáy ở nhiều khúc. Tôi quyết định làm một con đập và thu vét chút nước hiếp hoi còn lại của nó.

Hàng xóm họ không thích đâu, Peri nói. Mặc kệ họ, hàng với chả xóm, tôi phát cáu.

Chúng tôi làm việc đó mất nhiều ngày. Cuối cùng thì cũng xong và nước bắt đầu chảy qua một con lạch thẳng vào cánh đồng đậu tương.

“Thành công rồi, Peri !” Tôi hào hứng hét lên.

Anh ta không đáp, đang mãi nhìn một vật bị vùi dưới lạch bây giờ đang lộ dần ra vì có nước chảy vào. Tôi nhìn theo anh, và lập tức im mồm. Rồi tôi từ từ bước đến chỗ ấy và nhặt chiếc vĩ cầm của mình lên.

Tôi treo cây vĩ cầm hoặc di hài của nó bên cạnh bàn chân của Lolah. Đó là một đêm buồn. Ngồi trong phòng mình, nhìn cây vĩ cầm và bàn chân của con sư tử cái, tôi vỡ lẽ rằng có lẽ mình đang sắp tìm thấy câu trả lời cho các câu hỏi mà mình vẫn cật vấn bản thân. Tôi có thể nhìn những vật ấy mà không thấy đau lòng, thật là sự ngạc nhiên và phấn khởi. Niềm phấn khích của tôi cứ tăng lên mãi, cho đến một lúc vào nửa đêm, tôi tưởng như nghe thấy tiếng vỗ của những cái cánh lớn lao. Tôi chạy ù ra ngoài, nổi mong mỏi của tôi bay vút lên cao. Những đám mây tối trôi ngang qua bầu trời và thỉnh thoảng che khuất cả mặt trăng, nhưng không có gì khác nữa.

Không có con ngựa bay có cánh nào (mà một số nhà mặc khải coi là thiên thần hộ vệ của loài nhân mã). Tôi trở vào trong nhà, thất vọng nhưng bình thản, rồi lên giường ngủ.

Tôi không ngủ được lâu : một tiếng nổ lớn khiến tôi bật dậy. Tôi hốt hoảng chạy ra ngoài. Peri đã đứng đó, quần áo hằn hoi.

“Ồ dưới sông kia !” Anh hét lên.

Chúng tôi chạy đến chỗ cái đập. Dưới ánh bình minh, chúng tôi không thấy nó đâu nữa; thuốc nổ đã phá tan nó rồi. Con sông lại lờ lờ trôi. Đám hàng xóm của tôi đã làm chuyện ấy thật gọn ghẽ.

Peri quay sang tôi.

“Tôi sẵn sàng rồi, ông chủ ạ.”

Sẵn sàng ? sẵn sàng cái gì mới được chứ ? Lúc đầu tôi không thể hiểu anh ta

đang nói chuyện gì. Thế rồi tôi nhớ ra: anh đã sẵn sàng biến tôi thành một con nhân mã.

Còn tôi, tôi đã sẵn sàng chưa? Tôi đã từng sẵn sàng hơn trong nhiều trường hợp khác. Thực tế là tôi đã quên cả cuộc đối thoại của chúng tôi. Nhân mã ư? Hầu như tôi đã không nghĩ đến chuyện ấy nữa. Câu nói nhắc nhở của Peri vang lên trong đầu tôi như một lời trách cứ, thậm chí như một lời đe dọa. Dù sao, tôi phải trả lời anh ta. Anh đang quan sát tôi, chờ đợi. Bỗng nhiên tôi thấy rất hăng hái. Một mặt, Peri không thể nào biến tôi thành nhân mã được. Mà ngay cả nếu anh ta làm được điều đó, thì nó cũng chỉ chốc lát thôi, hai mươi tư giờ là cùng, có lẽ thế. Câu trả lời của tôi rất cụ thể: Được rồi, tôi đã sẵn sàng để trở thành nhân mã một lần nữa, nhưng chỉ trong một ngày là nhiều nhất thôi. Có được không nào? Tất nhiên, anh ta nói, ông là ông chủ, ông chỉ huy mà. Tôi sướng điên lên. Làm nhân mã trong một ngày, còn gì tuyệt diệu hơn thế!

Đề cẩn thận, tôi hỏi anh liệu anh có nhớ thật chính xác một con nhân mã trông thế nào không (cốt sao anh ta không làm cho chân ngựa mọc ra từ đầu hoặc từ lưng tôi). Anh nói có, anh biết rất rõ phải làm gì.

Khi trời tối, tôi đi ra ngoài cánh đồng. Theo lời chỉ dẫn của anh, tôi nằm ngửa, hai tay dang ra hai bên thành hình một cây thập tự. Một lúc sau, anh xuất hiện, sơn vẽ đầy người và quần một cái khố như một thầy phù thủy Indian chính hiệu. Anh không nói gì, nhưng bắt đầu nhảy múa xung quanh tôi, miệng ư ử một bài hát đơn điệu.

Tôi nhìn lên trời. Những đám mây đen đang tụ lại với nhau. Thành linh người Indian ngừng hát. Anh đến gần hơn và ném những mẩu đất khô lên ngực tôi, đập cả gậy anh đang cầm trên tay vào hai chân tôi.

Gió bắt đầu thổi. Rồi thành linh một trận mưa nặng hạt đổ như trút xuống chúng tôi.

“Mưa rồi!” Peri hét lên, rất phấn khích.

“Mưa rồi đây! Chúng ta thoát rồi! Điệu múa của tôi có phép rồi!”

“Có phép rồi!” Tôi ngồi dậy, kéo một ống quần lên. Vẫn thấy da người. Da trắng và lông đen. “Còn những cái chân ngựa của tôi thì sao, Peri?”

Chân ngựa nào? Anh nói, quan trọng là phải có mưa, ông chủ ạ! Nếu trời mưa nghĩa là điệu múa của tôi có phép rồi!

Tôi nhìn anh, không thể hiểu nổi.

“Dậy đi, ông chủ! Về nhà thôi. Ông chủ ướt hết rồi, ông chủ ốm mát. Nào, ta về nhà thôi.”

Tôi đứng dậy, bả cả người. Thế rồi, hai mắt nhoè nhoẹt vì nước mưa đang rơi xối xả xuống mặt, tôi nhìn thấy một bóng dáng từ đằng xa đang phi nước đại về phía chúng tôi. Tim tôi nhảy dựng lên.

“Nhìn kìa, Peri ! Nhìn kìa !”

Một con nhân mã chẳng ? Chính là tôi, Guedali nhân mã, đang chạy đến gặp Guedali hai chân hay sao ?

Không phải. Đó là một người cưỡi ngựa. Một người đàn bà. Chính là Tita ! Nàng ghì cương cách chúng tôi vài thước, nhảy xuống, và chạy thẳng vào tay tôi. Nhiều phút đồng hồ liền, chúng tôi đứng đó, ôm nhau, giàn giụa nước mắt. Mình về nhà đi, tôi nói. Tôi đặt nàng lên lưng ngựa rồi nhảy lên ngồi đằng sau. Peri đứng như trời trồng, kinh ngạc nhìn hai chúng tôi.

“Nhảy lên đây , Peri !” Tôi vừa cười, vừa hét, trong khi mưa mỗi lúc một nặng hạt hơn. Không do dự một giây, và nhanh như một con khi, anh ta nhảy phóc lên lưng ngựa phía sau tôi, và chúng tôi cùng phóng về nhà.

Tôi bế Tita vào trong, đặt nàng lên giường. Nàng nhìn tôi, mỉm cười, trong khi tôi cởi bỏ quần áo nàng. Tôi nằm xuống cạnh nàng, hôn lên miệng nàng, vú nàng, bụng nàng, đùi nàng, hai bàn chân nàng. Tôi đã nhớ nhung tâm thân ấy biết bao nhiêu. Nói có bộ ngực Abraham làm chứng, tôi đã nhớ nhung nó biết bao !

Những ngày tốt đẹp nhất trong cuộc đời chúng tôi chẳng ? đúng thế. Hầu như là thế. Như những ngày chúng tôi cùng nhau phi nước đại qua thảo nguyên.

Chúng tôi đi bộ qua khắp vùng quê ấy, Tita với tôi, ngắm nhìn ruộng đậu tương, bấy giờ chúng đã sống dậy sau nhiều trận mưa. điều đáng ngạc nhiên là chính nàng lại là người nói nhiều hơn. Nàng kể cho tôi nghe về những ngày sau khi tôi ra đi, nàng đã giam mình trong phòng ra sao, không chịu gặp một ai thế nào, kể cả hai đứa con. Những bà vợ kia – Bela, Tania, Beatrice, Fernanda, đập cửa thỉnh thỉnh, nài xin nàng để họ vào. Nàng không trả lời, cũng không động đến thức ăn học để ngoài cửa phòng.

“Nhưng em phải thú nhận “ nàng nói trong khi nhìn sâu vào mắt tôi, “rằng em rơi vào tình trạng ấy không phải chỉ vì anh. Còn có những lí do khác nữa. Anh biết đấy, những thứ mà em đã thấy trong quá trình điều trị tâm thần.”

(Đúng vậy. Thế nàng có thực sự yêu con nhân mã ấy không ? Có. Tại sao không ? Chẳng đã có những người đàn bà, tôi tự nhủ, bỗng nhiên phải lòng một diễn viên truyền hình, hoặc một trang thiếu niên mà họ gặp ngoài phố đấy sao ?)

Lúc đầu, nàng chẳng mấy quan tâm đến sự vắng mặt của tôi. Thì Guedali đã bỏ chạy chứ gì ? Thì đã sau, mặc xác hấn. Tuy nhiên, dần dần, nàng bắt đầu nhận ra rằng nàng nhớ tôi. Nàng cũng trần trọc trần trở trên giường vào ban đêm, không ngủ được. Nàng cũng thì thầm gọi tên tôi. Và rồi một buổi tối, chuông điện thoại bỗng reo lên : đó là Mina, mách với nàng rằng tôi đã về ở nông trại xưa tại hạt Quatro Irmaos.

“Em lấy chuyến máy bay sớm nhất đi Porto Alegre,” nàng nói, “rồi sau đó

lấy xe buýt về Quatro Irmaos. Nhưng không có cái taxi nào chịu chở em về đây, vì có một cái cầu trên đường vừa bị đổ. Cách duy nhất là thuê một con ngựa. May mà em vẫn còn nhớ phi nước đại như thế nào.” Nàng kết thúc câu chuyện, cười phá lên.

Chúng tôi đi bộ rất nhiều, nói chuyện rất nhiều, và cười với nhau vì những cái không đâu. Cũng có những lúc chúng tôi im lặng, nhưng chẳng được bao lâu. Chẳng mấy chốc chúng tôi lại bắt đầu nói, hai đứa mở mồm cùng một lúc, thật nhiều chuyện muốn nói với nhau. Peri quan sát chúng tôi từ xa. Ai cũng có thể thấy rằng Tita đã làm anh ta lóa mắt. Người vợ đẹp thế mà ông có được, ông chủ à, anh ta thường nói với giọng ghen tị công khai và cả hơi tức tối nữa. Tôi còn tìm thấy cả những con búp bê bằng bẹ ngô bị đóng đinh gần quanh nhà : phép chài mà anh ta dùng để hại tôi. Anh chàng tá điền này đang cố hết sức chinh phục em đây, Tita vừa nói vừa cười.

Cuối tuần đó, hai đứa con chúng tôi cũng đến nơi, và cả cha mẹ tôi, hai chị và gia đình họ nữa. Tất cả chúng ta lại đoàn tụ, chính ở nơi mà chúng ta đã bắt đầu, cha tôi nói, giọng đầy xúc động. Chúng tôi kỉ niệm ngày đoàn tụ ấy bằng một bữa ăn nướng thịt ở ngoài trời, Peri trở tài nấu nướng. Hai thằng nhỏ sinh đôi phụ giúp anh. Chúng hầu như không rời anh lấy một phút, mê mết vì những câu chuyện mà anh chàng Indian kể cho chúng nghe.

Tôi có những cuộc đi bộ dài với cha tôi qua khắp khu nông trại. Những cái cây, những tảng đá khiến ông nhớ lại bao kỉ niệm xưa. Chỗ này đã có lần ta giết một con rắn ... Mina và Deborah vẫn thường chơi đùa ở kia. Ông rất phấn khởi vì những cây đậu tương : thời trước họ chưa trồng loại này, cha nghe nói trồng nó lãi lắm đấy. Rồi ông lại thở dài : A .. nếu Nam tước Hirsch thấy cái trại này của con, ông ta sẽ vui lắm đấy. Chúng tôi không đá động gì đến bản thân tôi, thậm chí ông còn không hỏi tôi có khỏe không nữa. Rõ ràng là ông sợ tôi lại bắt đầu nói đến móng ngựa và phi nước đại qua thảo nguyên.

Khi những trận mưa đã qua, trời lại nắng đẹp huy hoàng. Đó là những ngày hội : chúng tôi đi chơi và ăn ngoài trời, vào rừng, bày các trò vui và thi đấu, hoặc bơi lội dưới sông. Mẹ tôi như trẻ lại, vui vẻ hơn bao giờ hết. Bà chỉ than thở là không có mặt Bernardo. Có trời biết là anh đang lang thang ở đâu, ở xó xỉnh nào trên mảnh đất Brazil này. Biết đâu anh ấy lại đến thì sao nào, Mina nói.

Bernardo không đến, nhưng Paulo, Fernanda, Julio và Bela đến thăm chúng tôi. Paulo có tin vui. Anh đã vạch một kế hoạch để chúng tôi cùng đi vào lĩnh vực xuất khẩu, bây giờ đang rất có lãi. Chúng tôi sẽ lập một công ty có văn phòng ở Sao Paulo, Rio và Porto Alegre.

“Tớ đang tính, “ anh nói, vừa nhìn vào mặt tôi vừa lựa lời, “cậu có thể phụ trách chi nhánh ở Rio. Hoặc tốt hơn cả là ở Porto Alegre, gần gia đình cậu

hơn.”

Anh sợ, cũng như cha mẹ tôi, hai chị tôi, và có thể cả Tita và hai đứa con tôi, rằng tôi có thể lại bỏ chạy lần nữa. Nhưng tôi không lấy thế làm phật lòng.

“Ý tưởng hay đấy, Paulo. Rất hay. Tớ sẽ nghĩ xem chúng tớ sẽ ổn định ở đâu. Nhưng trước hết là cho phép tớ nói rằng tớ chấp nhận lời đề nghị cộng tác của cậu.”

”Tuyệt vời ! “ Anh khoan khoái kêu lên, và lập tức nói sang chuyện khác. Anh nói chuyện anh thấy khoan khoái ra sao khi được ở một nông trại như thế này. “Cậu tha hồ mà chạy nhé, Guedali !” Anh kêu lên, hơi có giọng ghen tị.

“Cậu có còn chạy nữa không ?”

“Tôi nào cũng như tôi nào. Bọn bảo vệ khu nhà đã quen với tớ rồi, họ nghĩ tớ hơi lẩn thẩn. Nói chuyện chạy, tớ đã đặt mua mấy đôi giày chạy rất đặc biệt ở Mỹ. Chúng có những cái lót chân hình cánh cung và đế giày thì rỗng, với những cái lỗ xo nhỏ xíu ở bên trong. Thiết kế rất hay, Guedali. Đi giày ấy thì có không muốn cũng vẫn cứ phải chạy.”

Anh mỉm cười như thể đang hoài niệm điều gì đó.

“Tớ nhớ cậu, Guedali. Chạy một mình khác lắm. Thực tình, tớ biết chạy cũng là việc lạ đời đấy. Nhẽ ra tớ phải chơi tennis, cái đó đang thịnh hành, ai cũng chơi tennis cả. Nhưng tớ thích chạy, Guedali ạ. Đó là một trong những thứ mà tớ tin tưởng được.”

Anh không vui lắm với tình hình chính trị, anh tỏ lộ thế, mặc dù những triển vọng của công ty mới.

“Chủ nghĩa xã hội sắp đến rồi, Guedali. Sớm muộn gì nó cũng tới, cậu cứ nhớ lời tớ nhé. Nhìn châu Phi mà xem. Không có ngày nào là không có nước chuyển theo chủ nghĩa xã hội. Châu Á cũng vậy. Ở đây thì mấy gã ấy nói chúng ta đang có một hệ thống tư bản chủ nghĩa ... vâng, nhưng được bao lâu ? Đã có nhiều chuyện lạm dụng lắm rồi. Một người bạn tớ có những hai cái du thuyền, một người khác thì tháng nào cũng đi Paris. Tình hình này không thể kéo dài được. Rồi sẽ có ngày một viên tướng hoặc một viên đại tá, thậm chí một tay thiếu tá thôi, bất cứ thứ gì, nhưng sẽ có một gã thầy quyền nổi khùng lên vì cái thứ tình hình này, và thế là a lê hấp, chủ nghĩa xã hội sẽ được công bố thiết lập. Thế là lúc ấy chúng mình sẽ chỉ có ngân ấy thước vuông nhà ở mỗi người, ngân ấy điều thuốc lá một ngày. Ô tô không còn là để cho tất cả mọi người nữa. Đừng có nói đến chuyện đi chơi nước ngoài nữa. Có nghĩa là gì ? Có nghĩa là chúng ta phải tập ân hưởng những thứ giản dị, Guedali ạ. Chạy chẳng hạn.”

Anh có một kế hoạch : một cuộc thi chạy đường dài khổng lồ.

“Chúng ta sẽ huy động mọi người đăng ký chạy, những bọn có thể tin được ấy, tương tự như bọn mình ấy. Có thể một trăm, hai trăm người chạy. Chúng

ta chạy ngang qua Brazil-thành từng chặng, tất nhiên rồi. Chúng ta chạy qua vùng Nam cực, qua châu Á, đến Jerusalem, và tiến vào thành phố qua ngã Sur Môn như những người chiến thắng. Chúng ta sẽ kết thúc cuộc chạy đường dài ấy tại chân bức tường Than Khóc.”

Mặt anh rạng rỡ.

“Và rồi, tùy tình hình lúc ấy, có khi chúng ta không quay về nữa, Chúng ta sẽ ở lại đó, trong Thành Cổ. Làm gì ư ? Bất cứ cái gì chúng ta muốn, làm vòng cổ bằng đồng đỏ, bán bưu thiếp. Bất kỳ việc gì có thể ra ít tiền vào ban ngày và ban đêm thì chúng ta lại chạy.”

Bela, người đã nghe thấy một phần của câu chuyện, không đồng tình.

“Chủ nghĩa tư bản đã vững mạnh ở đây rồi, Paulo. Chẳng nhẽ cậu tưởng bọn công ty đa quốc gia sẽ từ bỏ những món béo bở của chúng ở đây sao ? Đừng sợ, anh bạn ạ. Cậu có thể tiếp tục xuất khẩu ban ngày và chạy vào ban đêm mà không phải lo nghĩ gì. Tớ đã quen với ý nghĩ ấy rồi. Chúng ta có chủ nghĩa tư bản chứ gì ? Thế thì đã làm sao, tư bản thì tư bản chứ gì nữa. Đời ngắn lắm. Không nên phí đời bằng những cử chỉ kịch nghệ làm gì. Sự phản kháng của chúng ta phải có những hình thức chấp nhận được. Ta phải xây dựng nó trên cơ sở bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường. Ngoài kia người ta đang đổ thuốc độc vào thức ăn, đang giết chết những loài hoang dã, cậu có biết rằng loài thú mỏ vịt đã tuyệt chủng rồi không, Guedali ? Ấy thế mà chưa đâu nhé. Tớ đã thấy một bức ảnh chụp con duy nhất còn lại của loài thú ấy. Đó là một loài vật rất thú vị, có một cái mỏ vịt và hai núm vú. Đúng thế, hai núm vú hần hoi ! Nói cách khác, là một cái gì đó hoàn toàn độc đáo. Nào, cậu nói thử xem, Guedali, có phải chỉ vì khác biệt mà một loài vật không có quyền tồn tại hay không ? Con người có quyền gì mà đi tiêu diệt cá voi ? Và còn một cái nữa chúng ta phải nghĩ đến là phong trào nữ quyền. Lạy chúa tôi, Guedali, phụ nữ là một nửa nhân loại mà họ vẫn đang phải chịu đựng những khủng khiếp không thể có lời nào tả xiết được. Chuyện đó phải chấm dứt, Guedali ! Thật là man rợ ! Đây không phải đơn thuần là chuyện cạnh tranh với nam giới. Đốt hết nịt vú đi cũng chẳng được tích sự gì. Cái quan trọng ở đây là cực khoái, Guedali ạ. Chúng ta phải tranh đấu để đàn bà có được cực khoái khi giao phối. Và lũ đàn ông các cậu phải giúp một tay mới được, các cậu không thể tảng lờ vấn đề này. Cậu đã cư xử như bọn ngựa đực, cậu xuất thân từ cao bồi đồng quê, Guedali, cậu biết tớ đang nói gì. Bọn đàn ông các cậu cứ thế phi nước đại, giao phối thỏa thuê, rồi lại phi nước đại chạy mất. Không thể được đâu, Guedali, phải công nhận đi. Không thể được đâu !”

Cũng không hẳn là như vậy, Paulo mở miệng, nhưng đúng lúc ấy mẹ tôi vào : Các con, tán gẫu thế đủ rồi ! Vào bàn đi thôi, thức ăn nguội cả bây giờ. Cái gì thế ? Một đêm nọ Tita hỏi tôi, chỉ tay vào cái xác ướp bàn chân của

Lolah. Chẳng là gì hết, tôi đáp, định lẩn chuyện. Nàng chau mày: anh nói chẳng là gì hết nghĩa là sao ? Đây là một bàn chân thú vật, Guedali. Một thứ bùa may ấy mà, tôi nói, Peri cho anh đấy.

Nàng chưa tin.

“Anh giấu em chuyện gì đó, Guedali. Nào, nói đi, nó là cái gì vậy. Đã đến lúc chúng mình không được dối nhau nữa.”

Tôi chần chừ, nhưng cuối cùng nhượng bộ. Tôi kể chi tiết cho nàng nghe về cuộc tình của tôi với Lolah, không giấu một điều gì. Nàng lắng nghe, lúc đầu có vẻ như không tin, rồi về sau hình như tan nát cả cõi lòng. Khi tôi kể xong, nàng im lặng, đầu rũ xuống. Tôi nghĩ nàng ghen, và ý nghĩ ấy khiến tôi nổi cáu. Cô đã dụ một con nhân mã, tôi tưởng như mình đang nói, còn tôi thì một con nhân sư, có gì khác nhau nào ? Có gì khác nhau giữa một cái dái ngựa với một cái hăm sư tử ? Chúng đều là súc vật cả !

Nhưng nàng không ghen.

“Được rồi, Guedali,” nàng nói, ngược mắt lên nhìn tôi. “ Không sao đâu. Mình hãy quên mọi chuyện, hãy lấy một miếng bọt biển và lau hết sạch quá khứ ấy đi. Mình hãy sống vì tương lai, vì các con.”

Đêm đó, một đêm nóng nực, tôi ra ngoài đi dạo một mình ngoài cánh đồng. Trước cửa chuồng bò, Peri đang quì, hai tay giơ lên trời trong khi đang hát nguyện. Chào anh, tôi nói. Nhưng anh không đáp. Dạo này anh thường lảng tránh tôi.

Tôi đi tiếp xuống dưới sông. Tôi ngồi trên một tảng đá và suy nghĩ một hồi. Đúng vậy, bây giờ tôi ổn rồi. Tôi không còn cảm thấy ước vọng được phi nước đại nữa, không còn tự cật vấn mình nữa. Bằng cách này cách kia, tôi đã khỏi hẳn rồi. Tôi vùng dậy và chạy qua cánh đồng để về nhà, nhảy nhót và lăn lộn trên cỏ ướt. Tôi hạnh phúc.

Khi tôi vào phòng, Tita đã ngủ rồi. Tôi thận trọng vào gần nàng và nhấc tấm chăn lên. Đó là hai bàn chân nàng. Bàn chân người, không phải móng ngựa. Hai bàn chân nhỏ nhắn và mảnh dẻ. Cũng như hôm đoàn tụ, tôi lại nòng nân hôn lên hai bàn chân ấy. Đã đến lúc trở về thành phố rồi đây.

Chú thích

Lion Gate : Cổng Sư Tử, một cổng thành ở Jerusalem.

“Mặc khải” : nguyên văn : “mystics” - những người hòa đồng được với thần linh một cách bí hiểm và nhờ đó ngộ được chân lí. Kinh sách cổ thường dịch là mặc khải, chữ Hán có nghĩa là giác ngộ một cách bí hiểm.

Con nhân mã ở trong vườn

Dịch giả: Trịnh Lữ
SAO PAOLO:
MỘT QUÁN ĂN TUNISIA,
QUÁN LẠC VIÊN
21 THÁNG 9, 1973

Tất nhiên, giờ đây khi tôi không còn móng ngựa nữa thì không thể được nữa rồi, nhưng tôi vẫn thấy muốn đá và đập móng xuống sàn nhà cho đến lúc có một anh hầu bàn nào đó chạy ra. Cái quán này phục vụ ngày càng tồi. Chẳng thấy mặt anh hầu bàn nào cả. Trong khi đó thì ruồi nhặng bu quanh đầu tôi mỗi lúc một nhiều, cái lối vo ve của chúng là để cố tình thử thách lòng kiên nhẫn của tôi.

Ngồi đối diện với tôi, Tita vẫn đang chuyện trò với cô gái đeo kính đen. Tôi đã thuộc lòng câu chuyện nàng đang kể. Đại khái nó cũng giống hệt như câu chuyện mà nàng đã kể cho Bela. Điều làm tôi ngạc nhiên là Tita kể rất cẩn kẽ và tiết lộ cả những bí mật cho một người lạ hoàn toàn như cô gái này. Sao vậy? Vợ tôi say rồi chăng? Hay nàng đã tìm được một người chị em tâm giao mới? Thì cũng chẳng sao. Với tôi thì nàng có thể kể câu chuyện ấy kiểu gì cũng được. Anh chàng Guedali mà nàng đang nói đến kia chỉ là một giả tưởng đối với tôi, cũng như một con nhân mã với bất kỳ ai khác vậy. Thế nhưng câu chuyện mà Tita đang kể kia lại rất thật, ai nghe cũng phải tin. Không có con nhân mã nào trong các cảnh cưỡi ngựa mà nàng mô tả. Có một thằng bé đang được sinh ra trong hạt Quantro Irmaos, Rio Grande do Sul, nhưng không có con ngựa có cánh nào bay lượn trên ngôi nhà gỗ lúc nó chào đời. Có thể là trước lúc ấy, một cái gì đó đã chập chờn trên mái nhà, cái linh hồn nhỏ bé của đứa trẻ tương lai mà theo sách của Zohar (51) thì nó đã có mặt ngay khi cha mẹ thằng bé ấy còn đang ôm ấp nhau (dịu dàng hay dữ dằn, tuyệt vọng hay hy vọng, thờ ơ hay khao khát) để tạo nên sự khởi đầu cho cuộc sống mới đó. Guedali không biết rằng Tita có đọc sách Zohar, văn cao bí hiểm mà những tín đồ Cabalist Do Thái đã sẫm soi để tìm kiếm lời giải đáp cho những điều không thể biết được của vũ trụ. Nghĩa là: Tita nghĩ rằng Guedali không biết là nàng đọc Zohar; giữa họ vẫn có những bí mật với nhau. Nhưng Guedali biết. Hắn biết nhiều thứ. Trí thông sáng vốn có tận trong lõi tủy của những bộ móng ngựa của hắn vẫn còn đó, mặc dù hắn đã giải phẫu.

Tita kể về cuộc sinh nở khó khăn. Guedali bào thai nằm lộn ngược trong tử cung; đáng nhẽ đầu hắn phải ra trước, thì lại là chân. (Chân. Với Tita thì đó là một cặp chân người). Mụ đỡ kéo cái thai một cách tuyệt vọng. Dona Rosa rú lên, hai người chị khóc lóc, tất cả hoảng loạn. Sau khi đứa trẻ ra đời,

người mẹ bị một trận suy nhược tinh thần trầm trọng. Bà nằm bất động nhiều ngày liền không nói năng gì với bất kỳ ai và hầu như không ăn uống gì.

Ngay khi bà đã đỡ hơn, người cha quyết định làm lễ cắt bì cho đứa trẻ. Lại thêm một cảnh hỗn loạn nữa: thầy Mohel, một lão già nghiện rượu, lúc nào cũng nhìn thấy những ảo ảnh. Lúc đến nhà, ông ta không nhìn thấy một đứa trẻ bình thường, mà là một đứa bé có thân mình với bốn cái chân ngựa. Ông ta hoảng hốt định bỏ chạy. Leon Tartakovsky ngăn ông ta lại và họ tranh cãi. Cuối cùng khi nhìn thấy cái cần dái của đứa bé (một cái cần dái khổng lồ dưới con mắt của ông ta) thầy Mohel mới chịu tiến hành nghi lễ ấy. Rõ ràng ông ta bị cuốn hút vào một cơ hội được cắt bì cho một cái dương vật độc nhất vô nhị như vậy.

(Cô gái kia cười. Hai hàm răng khỏe mạnh hoàn hảo. Chắc chúng đã nghiền rất nhiều thịt bò, những cái răng ấy. Và hẳn đã ngoạm rất nhiều bờ vai con đực)

Guedali lớn lên tại một nông trại. Là một đứa trẻ ít nói, hẳn thích đi bộ, mặc dầu bị một dị tật bẩm sinh, hẳn có một bàn chân hơi giống như chân ngựa, và vì vậy phải đi giày loại đặc biệt theo chỉ định của bác sĩ. Đi bộ có hơi khó khăn, nhưng hẳn cưỡi ngựa tuyệt giỏi, thường phi nước đại như bay trên đồng cỏ. Leon không thích con trai đi chơi ra xa nhà, nhưng Guedali chỉ thấy thoải mái khi ở ngoài trời. Ở ngoài đó, hẳn có thể trò chuyện với một người bạn tưởng tượng, một thằng bé người Indian tên là Peri. Quả thực, ở một nơi hẻo lánh như thế, hẳn chẳng có người bạn nào khác.

Hắn thích cưỡi ngựa và chơi vĩ cầm. Nhiều lần hẳn vừa phi vừa kéo đàn, khiến cho cha mẹ hẳn rất thán phục. Họ hy vọng. Liệu con trai họ có phải là một nhạc công vĩ đại hay không? Một Mischa Elman, một Yehudi Menuhin, một Zimbalist? (52). Nhưng họ có biết đâu: một hôm, chẳng có lý do gì, Guedali quăng cây vĩ cầm xuống dòng nước bùn lầy của con sông gần nhà. Hẳn là thế đấy, không biết đâu mà lần. Cha mẹ và hai chị vẫn yêu thương hẳn lắm. Nhưng anh Bernardo của hẳn thì ghét hẳn rất vô cớ, và không để lỡ một cơ hội nào để hành hạ hẳn. Thế vẫn chưa đủ, Guedali còn có thêm một kẻ thù nữa là Pedro Pento, con trai nhà trại chủ láng giềng. Thằng bé có đầu óc bệnh hoạn này bắt Guedali phải bò bốn chân cho hẳn cưỡi lên lưng như cưỡi ngựa. Chuyện đó là giọt nước cuối cùng làm tràn bát nước của Dona Rosa. Đã từ lâu bà muốn rời bỏ cuộc sống nông trại. Chuyện này chứng tỏ chúng ta không thể nuôi dạy con cái giữa những quân súc sinh nhan nhản xung quanh như thế được, bà nói với chồng.

Họ dọn về Porto Alegre, sống tại một ngôi nhà trong khu Teresopolis.

Guedali vào tuổi vị thành niên, vẫn nhút nhát và hay cáu bẳn, đến nỗi lễ bar mitzvah của hẳn phải cử hành ở nhà, chỉ có người trong gia đình tham dự.

Hắn thông minh nhất nhà, nhưng không chịu đến trường học, khiến cha mẹ hắn tuyệt vọng không biết làm thế nào. Họ mong cho hắn có một tương lai tốt đẹp hơn là việc thu ngân ở cửa hàng rau quả của gia đình. Nhưng Guedali đọc rất nhiều sách, lấy nhiều phương trình hàm thụ, và học nhiều ngoại ngữ bằng phương pháp Berlitz. Hắn có một thú chơi đặc biệt: hắn thích quan sát bầu trời bằng kính viễn vọng.

“Cũng vì thế mà anh ấy có được mối tình đầu”, Tita nói. “Với một người hàng xóm mà anh ấy chỉ biết qua kính viễn vọng; thử tưởng tượng mà xem, anh ấy chưa bao giờ nói với cô ta một lời. Cùng lắm thì anh ấy chỉ có thể gửi cho cô ấy một lá thư tình qua trung gian con bồ câu đưa thư tên là Columbo. Chỉ hiếm một nỗi, đáng nhẽ phải chuyển lá thư đó thì Columbo lại lợi dụng cơ hội ấy để bỏ trốn mất tăm”.

Cô gái mỉm cười. Cô ta thật đáng yêu, cái cô gái này. Thực ra thì cô ta không trẻ đến thế, khó có thể đoán tuổi cô vì cặp kính đen kia. Có khi cô ta còn lớn tuổi hơn tôi; tôi chỉ biết rằng cô ta đang làm cho tôi cương cứng lên thật khổ sở. Tôi còn tưởng tượng ra nhiều cảnh: tôi đuổi theo cô trên những quả núi ở Tunisia, lừa cô vào một thung lũng không có lối ra. Tôi tiến đến gần cô, vừa đi vừa cười. Cô cũng vừa cười vừa cời cúc áo. Rồi cô nhảy chồm lên tôi như một con sư tử cái, điên cuồng vì thèm muốn, và chúng tôi làm tình trong thung lũng ấy ở Tunisia.

Một cảnh khác: hai chúng tôi té ngựa bên nhau trên thảo nguyên, cả hai đều khóa thân. Tôi nhảy ra khỏi con ngựa của mình, và phốc lên con ngựa của cô; hai chúng tôi ngã lẫn xuống nền cỏ mềm, cười ầm ĩ. Rồi sau đó, mọi chuyện lại diễn ra hết như trong thung lũng nọ tại Tunisia.

Cảnh thứ ba: ngay đây trong quán ăn này. Cô ta chợt nhớ đã quên cái gì rất quan trọng ở trong ô tô, có thể là thẻ tín dụng chẳng hạn. Cô nhờ tôi cùng đi với cô ra ngoài để lấy chúng. Tôi đồng ý. Trời đang mưa nhè nhẹ. Mình chạy đi, cô nói, và chúng tôi chạy, tôi hơi loạng choạng một chút vì hơi men. Nào, cô nói, cầm lấy tay tôi. Tôi quàng tay ôm lấy sườn cô và chúng tôi cùng chạy đến chỗ cái xe, một chiếc Galaxy đậu trên sườn đồi. Cô mở cửa xe và ngồi ngay sau tay lái. Tôi ngồi cạnh cô. Trong giây lát, chúng tôi cùng hỏn hển và nhìn nhau cười loáng thoáng. Đèn pha của những chiếc xe thỉnh thoảng chạy qua rọi lên mặt cô, cổ cô, một thoáng đôi vú cô dưới lần ngực áo để phanh hơn một nửa. Mưa nặng hạt hơn; bây giờ đã trút xuống ầm ầm lên nóc xe. Làm thế nào để ra khỏi đây bây giờ? Cô hỏi. Ra làm gì vội, tôi nói, mình sẽ chờ mưa tạnh đã. Khi cô cúi người sang để lấy mấy cái thẻ tín dụng trong hộp để gác tay ở đầu xe, ngực áo cô tuột hết ra và một bầu vú bật hẳn ra ngoài. Rồi cô nằm trong tay tôi. Chúng tôi hôn nhau cuồng nhiệt. Cô nằm xuống ghế xe và tôi nằm đè lên cô, cả hai cử động rất khó khăn vì chật chỗ quá. Tôi tốc váy cô lên, mặc kệ những lời phản kháng yếu ớt của cô

(điên quá, Guedali, điên quá rồi!) và rồi có một bất ngờ xảy ra khiến cho tình huống của chúng tôi càng thêm hứng thú. Tôi gạt phải cái cần số, và chiếc xe, không kéo phanh tay bảo hiểm, bắt đầu trôi xuống dốc. Nhưng tôi không thể dừng lại. Tôi sắp rồi, và cô rú lên, Guedali! Cái xe trôi! Và lúc ấy tôi cũng đã xong, liền vụng về duỗi một chân xuống đạp vào phanh. Tôi nhìn cô. Cô tái mặt, hai mắt tròn tròn. Em có đau ở đâu không? Tôi hỏi. Không, cô nói, chỉ sợ thôi. Rồi cô nói thêm: Tiếc quá, Guedali, em đang sắp thích. Không sao, tôi nói, mình làm lại nhé. Thế là chúng tôi làm lại. Và lần này thì cô ta sướng đến cực cảm. Chúng tôi ngồi lên và nhìn nhau. Rồi bắt đầu phá lên cười. Cười rú lên. Tôi đập tay vào bánh lái, làm phát ra một hồi còi âm ỉ khiến chúng tôi càng cười khỏe hơn. Rồi vẫn cứ khúc khích với nhau, chúng tôi quay lại quán.

Đau khổ vì say đắm không thành, Guedali bỏ nhà ra đi. Hắn lang thang trên những ngã đường nhỏ ít người qua lại trong vùng Rio Grande, thường xuyên đói khát. Hắn phải ăn trộm để có cái ăn. Cuối cùng hắn xin được việc làm trong một gánh xiếc. Vận dụng trí tưởng tượng phong phú của mình để sáng tạo một màn diễn khôi hài, hắn làm một bộ giả trang hình nhân mã bằng một tấm da ngựa. Hai chân trước là chân hắn, phần thân ngựa và hai chân sau nhồi rơm. Công chúng sướng phát cuồng mỗi khi con nhân mã Guedali xuất hiện trong vòng diễn.

Thế rồi đến mỗi tình thứ hai của hắn.

“Với một bà dạy sư tử!”, Tita nói, rồi vừa cười vừa nói thêm, “Ít nhất thì cũng không phải là một con sư tử cái!”

Bà dạy sư tử: một người đàn bà bí hiểm và có sức cuốn hút đầy ma thuật. Bà ta thích Guedali. Một đê, bà ta mò vào chỗ ngủ của hắn. Chàng trai chưa từng biết mùi đời nhào vào bà, muốn dùng sức mạnh chiếm cứ bà. Sợ hãi, bà dạy sư tử kêu âm lên. Một con ngựa. Một con ngựa thực sự! Guedali chạy trốn. Một lần nữa hắn lại lang bạt không nhà, cuối cùng đến tận vùng biên ải. Chính ở đó hắn gặp Tita, cô con gái nuôi của nhà điền chủ Zeca Fagundes và phu nhân Dona Cotinha.

“Cha tôi là một người rất khó tính”, Tita nói, bỗng nhiên nghiêm giọng đến mức u hoài. “Ông cai trị nông dân trong trại như một nhà độc tài. Và rất hám đàn bà, một con người thực sự đồi bại. Ngay cả tôi cũng phải ngờ rằng không phải lúc nào ông ta cũng coi tôi là một đứa con gái trong gia đình. Ông ta chết vì một cơn đau tim, tội nghiệp, đúng vào cái ngày mà Guedali đến trại chúng tôi”.

Ngày hôm đó: còn rất sớm Guedali đã đến khu trại. Hắn thấy một con ngựa đang gặm cỏ. Nhớ đến gia đình và nông trại xưa ở nhà, hắn thèm được cưỡi ngựa. Hắn nhảy lên lưng con ngựa, không yên cương. Con vật hơi dử dãn, nhưng cũng chấp nhận người cưỡi. Bị thúc bởi đôi gót chân nóng nảy của

Guedali, nó phóng nước đại trên cánh đồng.

Trong khi ấy, Tita cũng ra ngoài làm một cuộc phi ngựa. Hôm đó là sinh nhật nàng, và nàng muốn được cả ngày ở ngoài trời.

Nhà điền chủ nhìn thấy nhìn thấy nàng cưỡi con ngựa màu hạt dẻ qua màn sương nhẹ của buổi sáng mùa đông. Vẫn còn chưa tỉnh rượu (sau một đêm vui chơi nhậu nhẹt) ông ta không thấy đó là con gái nuôi của mình, mà là một con mái ngon lành, khỏe thân đến tận ung – một tiên nữ của đồng cỏ.

Nhanh như chớp, ông đóng yên một con ngựa và phóng đuổi theo nàng.

Guedali, đi từ phía đối diện, đã nhìn thấy cả hai đang từ xa tiến đến mỗi lúc một gần. Hắn vội vàng xuống ngựa và cả người lẫn ngựa lẫn vào trong một túp lều hoang, theo dõi hai người kia qua một kẽ hở trên vách lều. Khi thấy một cô gái không được bảo vệ đang bị một người đàn ông rượt đuổi, hắn không chần chừ gì hết. Hắn lên ngựa và phóng ào ra khỏi cửa. Nhìn thấy hắn, nhà điền chủ kêu thét lên một tiếng và ngã ngựa, chết ngay lập tức.

Guedali phóng đi cứu cô gái, vì con ngựa của cô đang phi hết tốc lực không thể ghìm lại được. Hắn không chế con vật, đỡ cô xuống ngựa và đưa cô vào túp lều. Cô gái đáng thương đang khủng hoảng tinh thần, run bần bật, mắt không còn thấy gì. Guedali cố trấn tĩnh cô. Tita bật lên nức nở không tìm lại được và đầy vẻ hàm ơn. Hắn để cho nàng khóc, thì thầm nhưng lời âu yếm, và lau nước mắt cho nàng. Hắn nhẹ nhàng hôn nàng. Nàng lưỡng lự, rồi hôn trả lại. Rồi hắn làm tình với nàng, lần này thì không vụng về nữa. Ngược lại, được dẫn dụ bởi một kho kiến thức bí hiểm mà chính hắn cũng phải ngạc nhiên, hắn là một nghệ sĩ với những cái vuốt ve của mình, và dần dần đánh thức niềm khát khao giống cái của nàng. Run rẩy vì khoái lạc, nàng lẩm bầm, em thích, em thích quá...

“Nhưng tôi không cảm thấy đó là tình yêu”, Tita nói với cô gái. “Không phải tình yêu theo đúng nghĩa của từ này, chị có hiểu không? Nó có vẻ giống một sự đam mê, một cái gì đấy có tính biểu tượng. Theo một nghĩa nào đó, Guedali đang thay thế người cha quá cố của tôi, chị thấy không? Mãi sau tôi mới nhận ra điều này qua những buổi phân tâm của mình”

Nàng dụi tắt điều thuốc lá.

“Thực sự là anh chàng vô tích sự ấy ở lại như thể để lợi dụng mọi cơ hội hoang tưởng ấy của tôi. Mà thậm chí anh ta không nói gì đến hôn nhân hết. Chị biết đấy, tôi không phải là người Do Thái, anh ta không muốn cha mẹ mình phải phiền lòng. Anh ta sợ họ lắm”

Dona Cotinha là một người mẹ thực sự của cả hai. Guedali và Tita không phải lo lắng gì. Họ chạy khắp đồng cỏ, chạy bộ hoặc cưỡi ngựa, và làm tình. Họ làm tình thường xuyên, bất kỳ lúc nào cơn thèm muốn ập đến. Một lần, họ thấy con ngựa đực của Guedali nhảy con ngựa cái của Tita. Cảnh ấy kích thích họ, và thế là họ cười váng lên, họ trút bỏ hết quần áo và nằm ngay ra

đó, trên đỉnh đồi, giữa thanh thiên bạch nhật.

Những ngày hạnh phúc đó đột ngột bị gián đoạn.

Guedali cho đến lúc ấy là một thanh niên khỏe mạnh, tự nhiên ngã bệnh.

Hắn bị những cơn đau đầu khủng khiếp kèm theo những cảm giác kỳ lạ. Hắn thấy dường như thân thể hắn đang to ra ghê gớm, da bàn chân hắn cứ dày lên mãi và cứng lại, như móng ngựa. Hắn có những hành vi khiến người khác phải lo ngại, cứ nửa đêm lại choàng dậy và chạy ù ra cánh đồng. Tita phải chạy theo giữ hắn lại; hắn không muốn về nhà. Hắn nghĩ hắn là một con nhân mã.

“Nhân mã!” Cô gái thốt lên đầy kinh ngạc. “Thôi đi nào!”. Có thể thấy cô ta đang muốn cười phá lên, nhưng rồi phải ghìm lại, không biết chuyện này có khôi hài như vẻ hơi đùa bỡn trong giọng kể của Tita hay không, hay lại là dấu hiệu của một cái gì nghiêm trọng đang sắp được tiết lộ. Gì thì gì, có vẻ như cô ta không thể tin có ai lại cứ choàng dậy nửa đêm để chạy ù ra ngoài cánh đồng vì tưởng rằng mình là một con nhân mã.

Thật thế ư? Cô không tin ư? Thế còn đôi chân này, suốt ngày chúng không ngừng nhấp nhô và suốt đêm không cho tôi ngủ lấy một phút nào thì sao? Tại sao những cái chân này không bao giờ yên như thế, hả cô gái? Năng lượng vô tận nào kích động chúng như thế? Cô gái ơi, có những đêm tôi chạy hết dặm này đến dặm khác. Không phải tôi muốn thế, nhưng chân tôi không chịu dừng lại. Tất nhiên tôi có thể ngoắc chúng lại với nhau, lấy chính cái này áp đảo cái kia. Chỉ hiềm là nếu làm vậy tôi có thể sẽ khiến chúng liền vào nhau mất. Cô có tưởng tượng được hai chân tôi bị liền vào nhau thành như một dải thịt thừa không? Cô có thể tưởng tượng cái đuôi kiêu mới ấy sẽ mọc vẩy và biến tôi thành một thứ thậm chí còn bất khả dĩ hơn cả một con nhân mã, tức là một con nhân ngư không?

Tita không biết nghĩ sao, nhưng Dona Cotinha ngờ rằng Guedali mắc một chứng bệnh nghiêm trọng. Bà cho mời nhiều bác sĩ; họ đều đồng ý với nhau rằng đó là một chứng rối loạn tâm thần nghiêm trọng, có thể do một khối u não gây ra, nhưng họ không thể biết chắc được. Dona Cotinha sốt ruột, đòi họ phải có một chuẩn đoán hoàn chỉnh, tiền nong không thành vấn đề. Họ liền giới thiệu bệnh nhân đến một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực này, một bác sĩ giải phẫu hành nghề ở Paris, nhưng lúc ấy ông ta vừa dọn sang Morocco. Không thể thuê một chuyên cơ, Dona Cotinha thuê một chiếc tàu thủy. Chuyến đi thật kinh khủng, Guedali nôn ọe suốt dọc đường, nhưng Tita và hắn cuối cùng cũng đến nơi. Ông bác sĩ khám cho hắn và quyết định phải mổ ngay.

“Và quả thật đó là một khối u não”, Tita nói “Khổng lồ! Ông bác sĩ nói chưa bao giờ thấy một khối u to đến thế ở đúng vị trí ấy và với một hình dáng lạ lùng như thế”.

Khối u. Hay thật. Khối u. Một cái khối u có chức năng khiến người ta phải tưởng tượng mình là một con nhân mã. Hãy tưởng tượng hấn đang bất động, trong tư thế sẵn sàng phi nước đại, đầu vươn ra phía trước, hai bàn tay nắm chặt, gân cốt căng thẳng. Hình ảnh ấy, mặc dù chỉ là tưởng tượng, tất nhiên sẽ phát ra một nguồn năng lượng khổng lồ xâm nhập qua hai đồng tử nở rộng, tràn theo mạch thần kinh thị giác vào trong não, và tụ lại ở đó như nước trong một cái đập. Khi nguồn năng lượng ấy cuối cùng tràn ngập cả con đập thì nó lập tức làm cho những tế bào vốn vẫn im lìm từ xưa tự nhiên hoạt động trở lại một cách phi thường, khiến cho chúng điên cuồng sinh sôi nảy nở theo kiểu những đám dân cư bị bóc lột và không có đặc quyền đặc lợi vậy. Chẳng mấy chốc ta sẽ có những cái mầm và chúng cứ thế mọc ra, phát triển thành những thứ giống như chân ngựa, bộ ngực người, hai cánh tay, cái đầu người, và thế là ta đã có nó rồi đấy. Một hình mẫu nhỏ xíu của một con nhân mã ngay trong não bộ. Tất nhiên nó sẽ ở tư thế lộn ngược, vì nó giống hệt với cái hình ảnh đã sản sinh ra nó theo cái kiểu ấy, theo con đường lộn ngược của thị giác (53). Chỉ có điều là nó có thật, rất thật, chí ít thì cũng đối với Tita, người thậm chí đã chụp cả X-quang để có tài liệu về hiện tượng này.

Guedali vẫn còn mê man trong phòng hậu phẫu thì một tai nạn xảy đến với Tita. Một cái xe thùng đâm thẳng vào bệnh viện và tông phải nàng, chỉ vì sự bất cẩn của tài xế. Bị hất văng đi một quãng xa, nàng bị gãy vỡ nhiều chỗ ở xương hông và hai chân. Ông bác sĩ Morocco phải cấp cứu mổ ngay cho nàng.

“Và thế là cả hai chúng tôi đều phải nằm bệnh viện. Nằm ngay cạnh nhau, tôi thì nửa người bó bột. Nếu không đau đớn thì cảnh ngộ của chúng tôi lúc ấy thật hài hước”.

Guedali bình phục nhanh, Tita thì chậm hơn. Mọi việc có vẻ ổn, nhưng chẳng mấy chốc họ lại bị một thử thách nữa: tin Dona Cotinha từ trần khiến họ đau buồn vô hạn.

Ngày ra viện đã đến. Trước mặt tất cả mọi người trong bệnh viện, họ nhảy một điệu luân vũ giã biệt. Họ quay về Brazil, không về điền trang nữa vì nó chẳng còn ý nghĩa gì với họ, mà về Sao Paulo. Với món tiền được thừa hưởng, họ mua một ngôi nhà và Guedali mở một hãng buôn. Lúc đầu mọi việc đều khó khăn. Guedali đôi khi vẫn có những cơn đau đầu và hoang tưởng; Tita thì đi lại vẫn khó khăn, và cũng như hấn, nàng phải đi giày điều trị ở cả hai chân. Vì những vấn đề ấy, Guedali không muốn có con. Tuy nhiên, hấn đồng ý chính thức hóa cuộc sống chung của họ bằng hôn nhân. Đám cưới được tổ chức ở Pôrto Alegre. Cả hai đều vui, duy có mẹ hấn chưa tin tưởng ở con dâu.

Khi Tita tuyên bố nàng có mang, Guedali lên một cơn khủng hoảng tinh thần. Rồi thì hẳn cũng trấn tĩnh lại được, nhưng yêu cầu phải nhờ mẹ đỡ già đã đỡ cho hẳn ra đời trước đây giúp cho việc sinh nở. Mẹ đỡ, lúc ấy, đã rất già, phải tìm mãi mới ra và phải đưa mẹ đến Sao Paolo bằng máy bay. Mọi việc suôn sẻ, Guedali trở thành cha của hai thằng con trai sinh đôi.

“Hắn đã không muốn làm cha”, Tita nói, giọng bồn chồn, “và thế là để trừng phạt, hẳn có hẳn hai thằng con sinh đôi”.

Họ bắt đầu có thêm bạn bè. Trước đó, họ bị coi là một cặp khác người. Họ không bao giờ ra bãi biển vì Tita rất hay thẹn, không muốn ai thấy mình mặc áo tắm, nhất là với những vết sẹo mổ trên người. Hơn nữa, vì phải đi giày điều trị chân, lúc nào nàng cũng phải mặc quần dài. Tuy vậy, bạn bè họ rồi cũng quen đi và để họ được hoàn toàn tự nhiên theo ý mình. Quần dài và ủng đang thành một, và Tita lại đâm ra được mọi người khâm phục vì vẻ thanh lịch của nàng.

Trong không khí thân ái ấy, ý tưởng thành lập một khu chung cư biệt thự đến với họ rất tự nhiên. Trong cuộc sống mới bắt đầu, hạnh phúc và yên bình. Chỉ có một vấn đề khi họ dọn nhà: Guedali gặp Pedro Bento, kẻ thù xưa của hẳn, bấy giờ lại là trưởng nhóm bảo vệ khu nhà. Guedali suýt nữa thì lâm vào tâm trạng khủng hoảng, nhưng hẳn nhớ đến lời của đức Jehova: ân oán là việc của ta. Hẳn muốn hòa giải với quá khứ và không có một Pedro Bento nào có thể ngăn được hẳn làm việc đó.

Cũng khoảng thời gian này, Guedali bắt đầu bị những cơn ghen tuông hành hạ. (Trong khi hẳn là kẻ mà ai cũng biết là đã tình tang với Fernanda!). Hẳn nghi ngờ mọi cuộc điện thoại của Tita, nghi ngờ mọi giây phút im lặng của nàng. Mãi sau này hẳn mới thấy là những cơn ghen tuông ấy hoàn toàn vô căn cứ và rất bệnh hoạn. Nhưng trong khi ấy thì cứ tuần này tháng nọ trôi qua. Một tình trạng đã khổ sở rồi lại còn bị câu chuyện Ricardo làm cho thêm nghiêm trọng nữa.

Tita kể câu chuyện về Ricardo. Với nàng, anh ta không phải là một con nhân mã, mà là một chàng trai trẻ đã bị giết chết tại khu biệt thự vào ngày 15 tháng 7 năm 1972. Nhân mã ư? Không, không phải nhân mã tí nào.

Hẳn ra đời, cái anh chàng Ricardo ấy, tại một ngôi nhà bên bãi biển vùng Santa Catarina, nơi mà cha mẹ hẳn, vốn là người ở Curitiba, đang nghỉ hè. Cũng hệt như Guedali, hẳn được thụ lễ cắt bì khi được tám ngày tuổi. Nhưng không như Guedali, hẳn được nuôi dạy trong cảnh xa hoa đủ mọi bề. Cha hẳn, một nhà công nghệ giàu có, không muốn con trai mình thiếu thốn một thứ gì. Cũng như Guedali, Ricardo tính tình nhút nhát và chỉ thích ở nhà, mê mải với đám đồ chơi và (sau này) với đồng sách vở. Chính những cuốn sách ấy (như mẹ hẳn đã lên án một cách phần nộ) đã làm quay cuồng đầu óc hẳn:

những tiểu thuyết của Michael Gold, Howard Fast, và Jorge Amado, chưa kể đến những tác phẩm của Marx và Engels. Hắn trở nên giận dữ, muốn cải tạo cả thế giới. Không ngồi yên được, hắn bắt đầu suốt ngày ở ngoài phố, phải, chính hắn, cái thằng trước đó lúc nào cũng ở nhà. Hắn lang thang khắp các quán bar ở Curitiba, đánh đu với một nhóm những tên cuồng tín trẻ tuổi như mình, và nguyện hiến cả đời mình cho cuộc cải cách xã hội bằng vũ lực. Hắn trở thành một tên khủng bố đô thị. Mặc dù không biết dùng đến cả một khẩu súng lục, hắn định cùng đồng bọn tấn công một ngân hàng ở Sao Paulo. Đó là vào năm 1967. Hắn bị bắt và tổng giam. Rồi vượt ngục và bí mật trốn sang Algeria. Hắn sống ở đó vài năm, làm bồi bàn để kiếm miếng ăn. Dần dần, lòng nhiệt thành cách mạng của hắn nhường chỗ cho một mối u hoài. Hắn nhớ Brazil, nhớ bạn bè, và nhất là nhớ cha mẹ mà hắn vẫn thư từ thông qua một người họ hàng ở Pháp. Hắn muốn về nhà. Nhưng làm cách nào? Về đến nơi là hắn sẽ lập tức bị bắt giam; các cơ quan an ninh quốc gia đều có ảnh và vân tay của hắn. Một tên chuyên làm giấy tờ giả mạo người Anh mà hắn bắt quen được tại một quán ăn gợi ý cho hắn một kế hoạch. Hắn phải đổi dạng nét mặt và vân tay bằng một cuộc giải phẫu thẩm mỹ. Nhưng ai có thể làm việc này? Ricardo hỏi, sẵn sàng nghe theo ý kiến đó mặc dầu thấy nó có phần quá đáng. Người Anh nọ liền cho hắn tên tuổi địa chỉ của một bác sĩ Morocco, một bác sĩ giải phẫu có thể làm bất kỳ việc gì miễn là được trả công xứng đáng bằng ngoại tệ mạnh.

Ricardo viết thư cho cha mẹ. Nhận được tiền, hắn liền sang Morocco. Hắn có ấn tượng tồi tệ đối với cái bệnh viện và ông bác sĩ kia, một nhân vật già nua mắt luôn luôn hấp háy và hai tay run rẩy. Ông bác sĩ không giấu nổi lòng tham của mình; ông ta tự hào đã từng mổ những ca kỳ lạ nhất.

Chàng trai trẻ ở lại bệnh viện nhiều ngày, vẫn chưa quyết định được. Sự thực là hắn sợ. Trước đây hắn đã từng sợ, ví dụ như lúc cướp nhà ngân hàng ấy; nhưng khi vào cuộc rồi thì hắn lại rất bình tĩnh và chuyên nghiệp, dùng súng lửa đám nhân viên ngân hàng vào trong nhà vệ sinh rồi khoá cửa lại. Nhưng bây giờ, cứ nghĩ đến bị đánh thuốc mê, rồi tỉnh dậy với bộ mặt đầy những vết cắt nhằm lẫn, là hắn lại phát hoảng. Ông bác sĩ Morocco có vẻ không thấy được tâm trạng tiến thoái lưỡng nan của hắn. Ông ta muốn tiến hành ca mổ càng sớm càng tốt, viện lý do an ninh. Nhưng Ricardo nghĩ ông ta chỉ cốt lấy tiền mà thôi. Bệnh viện không có một bệnh nhân nào khác, và ông bác sĩ thì rõ ràng là đang túng bấn vô cùng. Viện hết lý do này đến lý do khác, hắn trì hoãn ca mổ. Hắn không dám nhận là mình sợ. Hắn cố trấn an mình rằng hắn chỉ muốn thận trọng mà thôi. Hắn cần biết thêm về ông bác sĩ: liệu ông ta có phải là một kẻ thám báo hay không? Thế là, một buổi chiều lúc thấy chỉ có mình mình trong bệnh viện, Ricardo đột nhập văn phòng bác sĩ và lục lợi hồ sơ của ông ta. Hắn đọc thấy một cái tên Guedali, một người

Brazil ở Sao Paulo, và ghi lại địa chỉ người ấy: nó có thể có ích. Đêm đó ông bác sĩ tuyên bố sẽ tiến hành ca mổ vào ngày mai, không lùi thôi gì nữa. Cái trò này không còn buồn cười nữa rồi, ông ta nói, giọng bức tức, và Ricardo biết rằng ông ta đang nói nghiêm chỉnh. Đã đến lúc phải đi thôi, hắn nghĩ. Cũng ngay đêm đó, hắn gói ghém mấy thứ ít ỏi của mình và bỏ trốn. Một người Berger cho hắn cưỡi nhờ lạc đà vào thành phố. Hắn đi thẳng đến hải cảng, phát hiện một con tàu sắp đi Brazil, hắn hỏi lộ viên sĩ quan phụ trách thủy thủ đoàn để cho hắn lên tàu. Người này nhận tiền, nhưng bảo hắn phải nhảy ra khỏi tàu trước khi cập bến ở Santos. Và hắn đã làm thế. Hắn bơi vào bờ. Ban ngày ỉn nấu và đi bộ suốt đêm, hắn đến được ngoại ô Sao Paulo. Hắn trú trong một căn nhà bỏ hoang và gặp ở đó một gã kỳ dị, một tên hippie đã vào tuổi trung niên, cổ lủng lẳng đeo một chiếc đồng hồ to tướng. Họ nói chuyện. Ricardo cho gã kia xem địa chỉ khu biệt thự và hỏi đường đi đến đó. Khi thấy cái tên Guedali, gã này kêu lên: Ê, nó là em tao mà! Gã khẳng định rằng Ricardo cần phải tìm Guedali, em gã chắc chắn sẽ giúp hắn về được Curitiba và thoát khỏi nguy hiểm, cam đoan là vậy. Ricardo đến được khu biệt thự. Để cẩn thận, hắn quyết định tránh mặt bọn gác ngoài cổng. Hàng rào cao, nhưng không thành vấn đề gì với hắn; trong khi được huấn luyện để thành một kẻ khủng bố, hắn đã học được cách vượt những vật cản còn khó khăn hơn nhiều. Đêm đó, dùng một cây tre cắt từ một khóm ven đường, hắn nhảy sào qua hàng rào một cách dễ dàng. Giấu mình sau những bụi rậm và thân cây, hắn tìm ra ngôi nhà của Guedali nhờ có tấm biển đồng khắc tên chủ nhà. Hắn vào qua lối cửa sau. Nhưng đáng lẽ gặp Guedali thì hắn lại gặp Tita. Họ nhìn nhau. Tita không có vẻ gì sợ hãi hay ngạc nhiên, như thể nàng đã đang chờ đợi hắn ở đó. Nàng mỉm cười. Nàng cầm tay hắn và dẫn hắn vào chỗ cầu thang. Ở đó, họ rì rầm trò chuyện hàng giờ liền, kể cho nhau nghe về mình. Tita mãi mê lắng nghe chàng trai, nàng khâm phục lòng cam đảm của chàng, tấm lòng vị tha của chàng. Cải tạo xã hội là thứ mà nàng chưa bao giờ nghĩ tới. Guedali về nhà. Nàng lúng túng đến mức không nói được lên lời. “Em làm sao thế?” Guedali hỏi, giọng nghi ngờ. “Không sao cả”, nàng đáp, chỉ hơi nhúc nhích đầu một chút. Nàng biết Guedali dạo này trong lòng không yên, thậm chí còn sợ hắn bị mất thăng bằng tâm lý. Hắn đi ngủ, có vẻ không để ý thấy chuyện gì. Sáng hôm sau, khi Guedali đã đi khỏi nhà, nàng cho gia nhân về nghỉ và cảm thấy bình tĩnh hơn. Hai đứa con đang ở miền nam chơi với ông bà. Nàng làm mấy cái bánh kẹp và đem đến cho chàng trai trẻ. Họ lại trò chuyện không dứt. Cuối cùng chàng trai thổ lộ: chàng đã yêu nàng. Đột ngột nhưng không thể nhầm được, chàng tin chắc như vậy. Chàng đề nghị hai người cùng bỏ trốn. Họ sẽ sống tận sâu trong vùng nội địa, có thể ở miền nam Rio

Grande, chăn nuôi gia súc và trồng trọt, nhưng chỉ cốt đủ sống thôi, vì chàng không thích tích trữ của cải. Quan trọng nhất là họ sẽ làm tình không ngừng ở đó, giữa chốn thôn quê, trên thảm cỏ xanh, ngay cạnh con suối.

Bây giờ thì Tita là người lúng túng. Nàng không biết nói gì, nàng sợ làm chàng trai trẻ bị tổn thương, con người đã phải chịu nhiều gian truân đến thế. Nàng sợ phải cam kết. Và nhất là sợ những cảm xúc của chính mình. Nàng xin được có thêm thời gian để suy nghĩ. Ricardo khẩn khoản nàng trả lời, nhưng Tita lần tránh bằng những nụ cười. Tối rồi, Guedali sắp về.

Ricardo không muốn dính dáng gì đến Guedali. Chàng không còn muốn gặp Guedali nữa. Chàng chỉ nghe tiếng Guedali có một lần duy nhất vào cái ngày 15 tháng 7 năm 1972 ấy: “Đừng đợi, anh sẽ về muộn đấy” Ricardo liêu lĩnh ra khỏi hầm rượu, chàng muốn có câu trả lời của Tita. “Anh điên rồi”, nàng nói, “Về chỗ nấp của anh ngay đi!”. Nhưng chàng trai ném hết lòng thận trọng của mình cho gió và ôm choàng ngay lấy nàng, ngay giữa phòng khách.

Cửa mở. Đó là Guedali. “Anh đã về. Paulo...”

Guedali ngưng bật, hẳn không thể tin vào mắt mình. Em nghĩ không cần phải giấu giếm gì ở đâu cả, Tita nói. Có một giọng điệu thách thức trong câu nói ấy khiến cho Guedali càng thêm tức giận: như thể nàng hoàn toàn có lẽ phải vậy. “Người này là ai?”, Guedali hỏi, cố giữ bình tĩnh, “Và anh ta đang làm gì trong nhà tôi?”. “Chẳng là...”, Tita nói, bắt đầu thấy mất tự tin, “...anh ta đến...”.

Guedali ngắt lời nàng. “Không phải cô. Cô đừng có nói một lời nào hết. Anh ta phải là người giải thích chuyện này, không được dối trá điều gì hết.”

Ricardo kể câu chuyện của mình. Hắn đang run lẩy bẩy, rõ ràng đang sợ mất mặt. Hắn nói hắn chỉ muốn nhờ Guedali giúp đỡ để về được đến nhà với cha mẹ hắn.

Guedali không còn quan tâm gì đến những điều hắn nói. Anh đang nhìn Tita. Không còn nghi ngờ gì nữa, nàng đã mê mẩn phải lòng Ricardo rồi. Nàng chỉ nhìn hắn. Guedali biết phải làm cái gì đó ngay lập tức, nếu không thì...

Cửa bật mở và một nhóm người chạy ủa vào, hò hét: “Chúc mừng ngày kỷ niệm! Chúc mừng ngày kỷ niệm!”, Paulo và Fernanda, Julio và Bela, Armando và Beatrice, Tania và Joel. Bela mang một cái bánh gatô, Armando cầm hai chai rượu vang và Tania mang một bó hoa. Guedali bỗng nhớ ra: hôm nay là ngày kỷ niệm ngày khai trương khu biệt thự, một ngày mà họ luôn nhớ ăn mừng. Đó là lý do tại sao anh đã không tìm thấy Paulo ở nơi hẹn gặp.

Mọi người đứng sững vì kinh ngạc. Thành linh, Tania như phát điên: “Kẻ trộm đấy!”, chị rú lên – “Gọi bảo vệ ngay! Lạy chúa, gọi bảo vệ ngay!”

Kêu lên một tiếng kinh hoàng, Ricardo nhào mình qua ô cửa sổ rộng và chạy

biến đi trong tiếng kính vỡ loảng xoảng. “Gượng đã!”, Tita kêu lên. Beatrice cố gắng giữ nòng lại, nhưng Tita đẩy chị ra và chạy ra cửa. Tất cả mọi người chạy ủa ra theo chị. Paulo hét lên, “Nó là ai thế, Guedali, nó là ai thế?”.

“Cậu im đi!”, Guedali hét, và đúng lúc ấy họ nghe nghe thấy tiếng súng chò sủa và tiếng súng nổ thành từng tràng ngắn. Họ chạy về phía công viên và từ xa đã thấy những nhân viên bảo vệ đứng vây quanh đài phun nước, còn chàng trai trẻ tuổi thì nằm úp mặt trên vũng máu của mình.

Tita chạy trước hết, vừa chạy vừa la hét. Cố hết sức bình sinh, Guedali đuổi kịp nòng trước khi nòng tới được chỗ đài phun nước và túm chặt lấy cánh tay nòng. “Buông tôi ra, đồ súc vật!”, nòng rú lên, mặt biến dạng vì căm thù và đau khổ. Anh không buông mà giữ nòng thật chặt, kéo nòng về mình. Nòng chống cự, cào cào mặt anh và đâm thùm thụp vào ngực anh. Cuối cùng, yếu sức, nòng hầu như ngã xui, để mặc cho chồng dìu về nhà và đặt lên giường. Chuông reo cửa liên hồi. Guedali ra mở cửa. Đó là Pedro Bento, khẩu súng lục vẫn còn trong tay. Hắn tái xám vì sợ hãi và vã mồ hôi như tắm. “Có phải người nhà ông không, Guedali?”, hắn thì thào hỏi. “Bạn ông phải không?”. Guedali không trả lời, anh chỉ nhìn hắn chằm chằm. Pedro Bento nói tiếp:

“Tha thứ cho tôi, Guedali, nếu đó là người nhà hoặc bạn ông. Bọn tôi hốt hoảng và cứ thế nổ súng, khi tôi đến đó thì anh ta đã hấp hối rồi, tôi chỉ bắn một phát vào đầu để giải thoát cho anh ta khỏi đau đớn mà thôi”.

Ở trên gác, Tita nức nở, quần quai. “Mọi việc ổn cả rồi”, Guedali nói với Pedro Bento và đóng cửa lại.

Những ngày sau đó, Tita khóa mình trong phòng, không gặp một ai. Mỗi nòng mới cho Bela vào thăm. Nòng chỉ thối lộ với Bela câu chuyện về chàng khổng bố trẻ tuổi, người tình của nòng. Với mọi người, Bela và Guedali chỉ nói rằng đó là một tên trộm mà Tita bất ngờ chạm chán khi hắn đột nhập vào nhà.

Người ta làm các thủ tục cần thiết. Cảnh sát đến điều tra, rồi một bài báo ngắn xuất hiện dưới nhan đề: “Tên cướp trẻ thiệt mạng khi đột nhập khu chung cư biệt thự. Một biến cố quá thông thường không ai thêm đề ý. Chỉ vài ngày sau đó, ngay cả bọn trẻ con cũng quên phất sự kiện ấy, lại mãi mê vào những vụ bắn giết loạn xạ trên phim ảnh truyền hình.

Những lời dối trá. Tầng tầng lớp lớp những lời dối trá. Phải là một nhà khảo cổ học mới có thể sàng lọc được sự thật từ những tầng lớp tường tượng ấy, nếu quả thật có một sự thật nào đó.

Guedali bỏ đi. Hắn bỏ Tita và hai đứa trẻ, đi sang Morocco. Hắn tìm đến ông bác sỹ, cũng không có gì lạ, vì ông ta là người Guedali tin tưởng tuyệt đối. Lúc ấy hắn rối loạn tinh thần vô cùng. Hắn muốn được mổ lại, như lời hắn nói, để trở lại thành một con nhân mã. Ông bác sỹ ngờ rằng hành vi lạ lùng ấy có thể là do sự tái phát của chứng bệnh ung thư ngày trước, và ông quyết

định phải làm một loạt các xét nghiệm một lần nữa. Trong thời gian đó, Guedali đan díu với một cô hộ lý của bệnh viện, một cô gái Tunisia bí hiểm có cái tên là Lolah. Cô gái này tặng Guedali một cái bùa may, một cái xác ướp bàn chân của một con sư tử.

Ông bác sỹ, vốn vẫn thầm yêu cô hộ lý với một tình yêu lý tưởng không gọn đục tình, không muốn cho hai người gặp nhau nữa, liền khóa nhốt cô ta ở trong phòng. Chuyện đó suýt nữa thành một tấn thảm kịch. Cô hộ lý đột nhập phòng X-quang nơi Guedali đang phải chụp kiểm tra trong tình trạng đáng thuốc mê, và tấn công ông bác sỹ. Cuối cùng thì cô ta bị người trợ lý của ông bác sỹ bắt bị thương và đưa sang một bệnh viện khác. Cô ta hồi phục không hề hấn gì.

Còn Guedali, lúc thuốc mê tan hết thì hấn tỉnh dậy và khỏi bệnh: hấn không còn muốn giải phẫu nữa, hấn muốn về Brazil. Hấn vội về đến nỗi nếu ông bác sỹ không nhắc thì hấn đã quên cả cái bàn chân sư tử.

“Bàn chân sư tử!”, cô gái kêu lên. “Đó là thứ mà tôi thích thực sự đấy. Tôi vẫn mê những thứ đồ lấy may ghê lắm”.

“Cứ hỏi anh ấy”, Tita nói, “Nhờ đâu anh ấy lại cho chị thì sao”.

“Anh ấy chẳng cho đâu”, “Nào, anh có cho tôi cái bàn chân sư tử đó không, Guedali?”, cô gái hỏi tôi, nắm lấy cánh tay tôi. “Để tôi suy nghĩ cái đã”, tôi đáp nhoen miệng cười.

“Thế rồi thì là...”, Tita nói, “Guedali từ Morocco trở về. Vẫn còn ương bướng: hấn không muốn về nhà. Hấn mua một nông trại ở Quatro Irmaos, vốn ngày xưa là nông trại của cha hấn, và ở đó cày ruộng, có một người nông dân giúp việc. Ban đêm, hai người thường phù phép, đọc bùa chú. Guedali thích những thứ ấy chị biết không. Và người Indian kia thì có cả một kho tàng các bùa ngải và bùa may. Và mẹ chồng tôi mách với tôi là hấn ở đó, tôi liền quyết định đến ngay đấy. Chị biết không, chỉ đến lúc ấy, mà tôi phải nói với chị rằng chúng tôi đã lấy nhau bao nhiêu năm rồi đấy nhé, chỉ đến lúc ấy tôi mới thực sự nhận ra rằng mình yêu Guedali. Chúng tôi làm lành với nhau, và bây giờ thì cùng sống ở Pôrto Alegre, nơi anh ấy trông coi một chi nhánh công ty cùng thành lập với Paulo”.

Nàng nói đến ngôi nhà chúng tôi xây ở phía nam Pôrto Alegre. Một ngôi nhà đẹp theo phong cách Moore, một thứ rất khác lạ ở thành phố này. Nàng hằng hái mô tả khu vườn, nhỏ thôi nhưng rất lịch sự. “Vườn ấy mới đáng gọi là lạc Viên”, nàng kêu lên, ám chỉ cái tên của quán ăn. Nàng nói đến đài phun nước lóng lánh dưới ánh trăng, những bồn đầy những loài hoa quý hiếm, những ngọn gió làm rung động khóm lá của những cây thiên tuế, những lối đi trải sỏi.

Tất nhiên nàng không nhắc gì đến những dấu chân ngựa trên lớp đất đen ngoài luống hoa. Nàng có biết những dấu vết ấy nhưng lại cho rằng đó là

dấu chân của những con ngựa thỉnh thoảng vẫn lạc vào vườn nhà từ những vùng thôn dã xung quanh còn chưa bị đô thị hóa.

Những con ngựa ấy đến từ São Paulo. Việc sử dụng động cơ đốt trong để đi lại và cày cấy đã khiến cho chúng thành những con vật vô dụng và không ai muốn nuôi nữa. Bị nhốt trong những bãi quây chật hẹp, chúng bị kết án phải chết nhục nhã trong lò sát sinh. Bản năng sinh tồn đã cứu chúng thoát ra khỏi số phận ấy. Dẫn dắt bởi một cơ chế mơ hồ nào đó, chúng tìm đường đi về phía nam, về Rio Grande. Chúng đi ngang qua Pôrto Alegre (và chính ở đó, theo lý thuyết của Tita, chúng đã lạc vào vườn nhà tôi) và đến những vùng biên ải nơi đã có thời chúng phi nước đại, đã có thời chúng là những con tuấn mã của những người đàn ông và đàn bà nhanh nhẹn. Tuy nhiên, cũng chính tại vùng đất ấy, giờ đây chúng đã già và móm mém, chẳng còn ai muốn nuôi chúng nữa. Và thế là chúng tiếp tục cuộc hành trình miễn cưỡng. Vượt qua vùng bình nguyên Patagonia, kiệt sức và hấp hối, cuối cùng chúng đến được vùng đất băng giá vĩnh cửu. Dồn hết sức lực một lần cuối, chúng leo lên đỉnh một ngọn núi đơn độc và chết ở đó, bộ hàm ngựa trể ra trong một nụ cười bí hiểm.

“Hay đây, Tita. Nhưng có phải thực sự như vậy không? Có phải đó là những dấu chân ngựa thật không, những cái dấu ngoài vườn ấy? Nhỡ chúng là dấu chân của ai đó chạy qua vườn giữa đêm đen thì sao? Anh đang nói đến ai đó với thân hình người hăn hoi, thậm chí cả cẳng chân và bàn chân người, nhưng lại có lối đi đặc biệt khiến cho vết chân giống hệt như vết móng ngựa ấy. Anh đang nói đến một con nhân mã, hoặc những gì còn lại của nó. Anh đang nói về Guedali đây, Tita à”.

Nhưng Tita không còn nói về Guedali nữa. Nàng đang kể cho cô gái nghe về hai đứa con xuất sắc của mình. Một đứa là nhà thể thao vô địch có thể bơi như một con cá thực thụ, và đứa kia đứng đầu lớp và đang học vĩ cầm. Chúng tôi sống thoải mái lắm, nàng kết thúc. Chúng tôi không thiếu gì cả, mọi chuyện đều trở thành vui vẻ.

“Nghe như một kết thúc của một bộ phim truyền hình vậy”, cô gái nói. Và đúng thế, câu chuyện đã được đan xen khéo léo với một vở tuồng cải lương loại B. Với một mục tiêu duy nhất: thuyết phục tôi rằng tôi chưa bao giờ là một con nhân mã. Và họ đang đạt được mục tiêu ấy, ít nhất là một phần. Tôi vẫn tin mình là một con nhân mã, nhưng là một con nhân mã đang mỗi lúc bị teo đi, một con nhân mã mini, một con nhân mã micro. Thậm chí, con vật hư đồn này còn đang muốn chạy trốn tôi, muốn phi nước đại ở đâu đó làm sao tôi biết được. Có lẽ tốt hơn hết là thả cho nó đi, chấp nhận thực tại mà họ đang áp đặt lên tôi: rằng tôi là một con người, rằng những con vật thần thoại đã từng gây dấu ấn sâu đậm lên cuộc đời tôi ấy thực ra không tồn tại, chẳng có nhân mã, chẳng có nhân sư, chẳng có ngựa bay nào hết.

“Tôi thích vùng Rio Grando ghê lắm”, cô gái nói. “Mà thực là tôi có một chị gái sống ở đó. Chị ấy cũng có tâm hồn mạo hiểm lắm, giống như anh vậy, Guedali”. Chị ấy đến đó với tư cách nhà báo, để viết một bài báo về các trại gia súc ở vùng biên ải phía nam. Rồi thế nào mà chị ấy lại đi theo một gánh xiếc. Ai biết được, có khi chị ấy chính là bà dạy sư tử mà anh phải lòng chưa biết chừng”.

Cả hai bật cười khúc khích. Tôi cũng cười theo. “Sao lại không chứ?”.

“Mà thực ra”, cô gái nói, “Còn có một trùng hợp nữa. Đã có một thời gian tôi sống ở nhà một người bạn cũ, gần chỗ anh ở Teresopolis ấy. Liệu tôi có phải là cô gái mà anh đã thấy qua kính viễn vọng không hả Guedali?”.

Tôi lại cười, và cô gái nháy mắt với tôi. Tôi tin chắc là cô ta vừa nháy mắt với tôi, mặc dù cô ta vẫn đeo kính đen.

Có một hôm tôi gặp một người nghèo khổ ngoài đường. Ông ta xin bố thí, phô ra một cái chân cụt. Tôi đưa ít tiền, và rồi chắc bị mặc cảm tội lỗi thôi thúc, tôi hỏi: “Ông chỉ có một cái chân thôi ư?”, “Cái đó chẳng hề gì anh bạn ạ. Cái đó không ngăn cản anh làm việc. Anh đang thấy một người đã từng có cái móng ngựa đầy, biết không? Một người từng tranh đấu và thành công.

Hãy noi gương ta, anh bạn ạ, hãy chiến đấu cho cuộc chiến của mình. Hãy tin tôi đi, có móng ngựa còn tội tệ hơn nhiều so với việc thiếu một chân.

Đúng lúc ấy tôi bỗng nảy ra một nghi ngờ. Hai bàn chân trần mà tôi đang cọ nhẹ dưới gầm bàn, cũng bằng chân trần của mình, là của ai thế nhỉ? Có thể là của Tita, mà cũng có thể là của cô gái kia lắm. Cứ nhìn vẻ mặt của hai người thì không thể đoán ra được: họ đều đang mỉm cười với một vẻ thông đồng. Bằng vào cảm giác mềm mại của làn da này, tôi có thể đoán chúng là chân Tita. Nhưng ai mà biết được, nhờ cô gái kia cũng dùng kem dưỡng ẩm như nắng thì sao? Điều chắc chắn là bàn chân của chúng tôi đang tìm đến nhau, vuốt ve nhau, những bàn chân đầu nhục cảm, đúng vậy.

Cô gái nâng cốc rượu vang của mình, và đúng khoảnh khắc ấy tôi chợt nhận ra: một bàn chân của Tita, còn bàn chân kia của cô gái. Có thể mà không nghĩ ra! Sao tôi lại không nhận ra điều đó sớm hơn nhỉ? Có những người có bàn chân có hình dạng lạ lùng, thậm chí có cả móng nhân mã, nhưng bàn chân mà ngón cái nằm ở phía ngoài thì không ai trên đời này có. Bàn chân này là của người này, bàn chân kia là của người kia.

Điều phát hiện đó khiến tôi phá lên một trận cười. Mọi người kinh ngạc nhìn tôi, đều phá lên cười theo. Sự thực là ai cũng cười: hai đứa sinh đôi, Paulo, Fernanda, Julio, Bela, tất cả mọi người. Họ cười mà không hiểu vì sao, nhưng họ cười thật sung sướng, thành những chuỗi lãnh lút như tiếng chuông. Có người cúi gập cả người vì ngật ngã.

Vẫn còn đang cười, cô gái cúi sang tôi để lấy cái ví. Đúng lúc ấy, cổ áo phanh một nửa của cô thoáng để lộ một gò vú đầy đặn. Những chuỗi vòng

cổ của cô đeo lủng lẳng vô số bùa trang sức: một ngôi sao David (54), những người Indian nhỏ xíu. Thấp nữa xuống chỗ khe vù thì có một con nhân sư bằng đồng, một con ngựa bay với đôi cánh dang rộng, và một con nhân mã. Cô mở ví. Và ngay trước khi cô cất tiếng nói, trước khi cô nói rằng cô quên thẻ tín dụng ngoài xe, trước khi cô nhờ tôi đi với cô ra ngoài đó để lấy chúng, tôi đã đang đứng dậy, đã đang đứng dậy rồi. Ngay trước khi Tita, vừa mỉm cười vừa nháy mắt với tôi, kịp rủ tôi cùng quay về phòng khách sạn với nàng, tôi đã đang đứng dậy, đã đang đứng dậy rồi.

Như con ngựa có cánh sắp cất vó bay lên về phía những ngọn núi hoan lạc vĩnh hằng, về phía bộ ngực của Abraham. Như con ngựa với những bộ móng đang nhảy múa, sẵn sàng phi nước đại qua thảo nguyên. Như con nhân mã ở trong vườn, sẵn sàng nhảy qua tường rào để tìm kiếm tự do.

Chú thích

(51) Zohar: *Cuốn sách có từ thời trung cổ, diễn giải và bình luận về những nội dung của sách Pentateuch, là kinh điển của hệ thống lý thuyết thần học bí truyền Cabala (ND)*

(52) *Tên những nghệ sĩ vĩ cầm người Do Thái, nổi tiếng khắp thế giới vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 (ND)*

(53): *Mọi hình ảnh lọt vào võng mạc qua thủy tinh thể của mắt đều lộn ngược theo quy luật quang học (ND)*

(54) *Ngôi sao David: ngôi sao sáu cánh, tạo bởi hai tam giác đều lồng ngược chiều nhau, là biểu tượng của người Do Thái. Theo kinh Cựu ước, thượng đế đã chọn David làm vua của người Do Thái. David là người đã dùng một thứ vũ khí giống như súng cao su để hạ được người khổng lồ Goliath. Tích này vẫn còn được nhắc đến trong văn chương phương Tây như tích châu châu đá voi của ta (ND).*

-----THE END-----

Nguồn: PhongAnh

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 27/11/2006 1:31:44 CH